

BÁO CÁO
Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020
của cấp thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

- Căn cứ Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; Công văn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 5318/BKHĐT-TH hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 về dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2017;

- Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại Hội nghị ngày 16/11/2016 và Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 của HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của thành phố Hà Nội;

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của cấp Thành phố như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phố Hà Nội thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 5 năm 2011-2015 trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức lớn hơn dự báo: lạm phát tăng; lãi suất tín dụng ở mức cao làm hạn chế đầu tư và sản xuất kinh doanh; kinh tế tăng trưởng chậm lại,... đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển KT-XH, thu ngân sách, hạn chế nguồn vốn đầu tư từ ngân sách của Thành phố. Địa giới mở rộng, phát triển giữa các khu vực chưa đồng đều, các vùng sâu, xa trung tâm điều kiện hạ tầng kỹ thuật và xã hội còn nhiều khó khăn, nhu cầu đầu tư rất lớn.

- Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH đến năm 2020, định hướng đến 2030; Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến 2030, tầm nhìn đến 2050; Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020; Nghị quyết 06/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội 5 năm 2011-2015 và thực tiễn phát triển Thủ đô, Thành phố đã xây dựng kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn ngân sách năm 2011, 2012 và Kế hoạch đầu tư ngân sách 3 năm 2013-2015, xác định danh mục các công trình trọng điểm để triển khai thực hiện.

- Trong giai đoạn 2011-2015, tổng số vốn chi cho đầu tư phát triển của Thành phố là 133.273 tỷ đồng, gồm: Vốn phân cấp cho các quận, huyện, thị xã là 28.293 tỷ đồng và Vốn đầu tư phát triển do Thành phố trực tiếp quản lý là 104.980 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn chi cho 956 dự án đầu tư công là 82.819 tỷ đồng, bao gồm:

+ Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 2.137,04 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp (cả cấp thành phố và quận, huyện): 46.731,21 tỷ đồng.

+ Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 57.433 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn ODA: 10.696,19 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: Giai đoạn 2011-2015, thành phố Hà Nội được tiếp nhận và sử dụng 3.428,9 tỷ đồng để đầu tư cho các dự án thuộc các lĩnh vực: thủy lợi, y tế, kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên, ký túc xá sinh viên.

+ Nguồn vốn xổ số kiến thiết xây dựng Thủ đô: Giai đoạn 2011-2015 là 897 tỷ đồng chủ yếu đầu tư cho các dự án thuộc lĩnh vực Y tế và Giáo dục.

+ Huy động trái phiếu xây dựng Thủ đô: Giai đoạn 2013-2015, Thành phố huy động 11.400 tỷ đồng từ phát hành trái phiếu xây dựng Thủ đô để bổ sung vốn cho các công trình trọng điểm.

+ Vốn tín dụng đầu tư phát triển: 550 tỷ đồng.

- Tính đến cuối kỳ giai đoạn 2011-2015 có 778 dự án hoàn thành, bao gồm: 230 dự án về nâng cao năng lực hạ tầng giao thông, chống ùn tắc giao thông, xử lý ô nhiễm môi trường, xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng, tạo không gian phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao giá trị đất đai và thu hút vốn đầu tư xã hội; 177 dự án về ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ, thủy lợi, phát triển nông nghiệp nông thôn; 224 dự án xây dựng trường học đạt chuẩn, xây dựng trường đào tạo nghề, xây dựng bệnh viện, các công trình văn hóa thể thao; 52 dự án về hỗ trợ cơ quan ngành dọc và 95 dự án về cải tạo, nâng cấp đảm bảo an toàn đô thị.

- Trong những năm qua, Thành phố đã thực hiện huy động và phân bổ vốn đầu tư XDCB của Hà Nội đảm bảo thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, tuân thủ các nguyên tắc định hướng của HĐND Thành phố, phù hợp với mục tiêu và định hướng về Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 và Kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015 đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 06/2011/NQ-HĐND ngày 15/7/2011 với trọng tâm đầu tư: Tăng cường đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông và hạ tầng kỹ thuật khung làm cơ sở để đẩy nhanh tiến trình xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại, đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô và cho sự phát triển chung của vùng và cả nước.

- Hàng năm, trước khi triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư, Thường trực HĐND Thành phố và UBND Thành phố đều tiến hành rà soát kết quả thực hiện các dự án đầu tư XDCB trong năm, căn cứ mục tiêu phát triển, nhu cầu thực tiễn và hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương để thống nhất nguyên tắc bố trí vốn cho các dự án xây dựng cơ bản đảm bảo tập trung ưu tiên cho các công trình trọng điểm, các công trình dân sinh bức xúc, giãn tiến độ các công trình chưa thực sự cần thiết cấp bách, hạn chế đầu tư công trình mới khi chưa hoàn thành các công trình chuyển tiếp, chỉ đạo thực hiện thống nhất trên toàn Thành phố và đảm bảo công khai minh bạch, hiệu quả.

- Công tác phân bổ vốn được thực hiện theo hướng tập trung cho các công trình trọng điểm (hàng năm Thành phố ưu tiên cân đối bố trí khoảng 50% vốn XDCB tập trung cho các công trình trọng điểm), ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các công trình chuyển tiếp, hạn chế bố trí vốn cho các dự án mới (năm 2013, ngân sách Thành phố bố trí cho 164 dự án khởi công mới, nhưng năm 2014 chỉ bố trí 09 dự án mới, và năm 2015 có 32 dự án khởi công mới).

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thành phố đã tiến hành rà soát mục tiêu, mức độ ưu tiên, tính cấp thiết các dự án đầu tư, thực hiện đình hoãn, giãn tiến độ triển khai nhiều dự án chưa thực sự cấp thiết, bức xúc.

Thực hiện Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội là địa phương đầu tiên trên cả nước xây dựng và trình HĐND Thành phố phê duyệt Kế hoạch trung hạn vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2013-2015, để định hướng việc phân bổ, quản lý các dự án đầu tư XDCB đảm bảo nguyên tắc tập trung ưu tiên, tránh dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời tăng cường tính minh bạch, tạo sự chủ động cho các đơn vị thực hiện. Kế hoạch đầu tư hàng năm tuân thủ đúng theo kế hoạch trung hạn. Kiên quyết không bố trí vốn cho các dự án mới không nằm trong kế hoạch trung hạn. Tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong lĩnh vực đầu tư XDCB. Tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành thực hiện kế hoạch giám sát đánh giá đầu tư, xử lý những dự án kéo dài, chậm thanh, quyết toán.

(Chi tiết báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015 tại Phụ lục báo cáo kèm theo)

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH, XÁC ĐỊNH NHU CẦU, NGUỒN VỐN, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

1. Căn cứ lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020:

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Quyết định 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011;
- Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011;
- Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 của Thành phố; các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực, các tổng công ty nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
- Văn bản số 1500/TTg-KTN ngày 22/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng trụ sở Công an cấp thành phố, cấp quận, cấp phường thuộc Công an thành phố Hà Nội; Văn bản số 5168/VPCP-KTTH ngày 24/6/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc hai ngành Tòa án, Viện kiểm sát thành phố Hà Nội và các quận, huyện, thị xã.
- Văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 5318/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 về việc hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 về dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2017;
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2015-2020 và các chương trình công tác của Thành ủy.
- Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 của HĐND Thành phố về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội;
- Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 02/12/2015 của HĐND Thành phố về tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C và nội dung ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố;
- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Thành phố về

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội;

- Chỉ thị của Chủ tịch UBND Thành phố: số 16/CT-UBND ngày 29/9/2014 về lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và số 10/CT-UBND ngày 04/5/2016 về việc hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

- Quy hoạch xây dựng và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của các quận, huyện, thị xã;

2. Tình hình triển khai xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố

- UBND Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 29/8/2014 về việc xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và số 10/CT-UBND ngày 04/5/2016 về việc hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

- UBND Thành phố đã tổ chức Hội nghị Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 để hướng dẫn, quán triệt tới lãnh đạo các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã, các tổng công ty, công ty, các chủ đầu tư của Thành phố.

- UBND Thành phố đã xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định (Kế hoạch vòng 1 số 44/BC-UBND ngày 27/02/2015, Kế hoạch vòng 2 số 42/TTr-UBND ngày 16/7/2015).

- Tại kỳ họp tháng 12/2015, UBND Thành phố trình và được HĐND Thành phố thống nhất ban hành 2 Nghị quyết: số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố và số 09/2015/NQ-HĐND ngày 02/12/2015 về tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C và nội dung ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

3. Tổng nhu cầu vốn đầu tư công 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố

Tổng nhu cầu vốn đầu tư công theo đề nghị của các cấp, các ngành trong 5 năm 2016-2020 là **249.315 tỷ đồng**, bao gồm các nhu cầu sau:

- Bố trí thu hồi các khoản ứng trước ngân sách trung ương đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí nguồn để thu hồi: **428 tỷ đồng**;

- Vốn thanh quyết toán công trình hoàn thành: **1.000 tỷ đồng**

- Vốn cho 1.017 dự án XD CB tập trung của Thành phố: **229.524 tỷ đồng**;

- Vốn cho Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình mục tiêu của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020: **8.685 tỷ đồng**;

- Vốn hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND của HĐND Thành phố, tổng cộng: **9.678 tỷ đồng**.

Trong đó nhu cầu đầu tư cấp thiết là 151.783 tỷ đồng (gồm vốn ngân sách 87.821 tỷ đồng và vốn nước ngoài (ODA) là 63.962 tỷ đồng), cụ thể như sau:

(1) Bố trí thu hồi các khoản ứng trước vốn ngân sách trung ương đến hết Kế hoạch năm 2015 chưa bố trí nguồn để thu hồi: 428 tỷ đồng.

(2) Nguồn vốn thanh quyết toán dự án hoàn thành: 1.000 tỷ đồng.

(3) Đầu tư để hoàn thành 178 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015: cần 88.623 tỷ đồng, trong đó bao gồm vốn ngân sách trong nước: 29.358 tỷ đồng và vốn nước ngoài (ODA): 59.265 tỷ đồng; cụ thể:

- Đầu tư để hoàn thành 165 dự án cần 21.433 tỷ đồng vốn ngân sách trong nước.

- Đầu tư để hoàn thành 13 dự án cần 59.265 tỷ đồng vốn nước ngoài (ODA) và 7.925 tỷ đồng vốn ngân sách trong nước để đối ứng vốn nước ngoài (ODA) theo quy định;

(4) Đầu tư để hoàn thành 102 dự án mới khởi công trong năm 2016 trong giai đoạn 2017-2020 cần 16.517 tỷ đồng, trong đó bao gồm vốn ngân sách trong nước: 11.820 tỷ đồng và vốn nước ngoài (ODA): 4.697 tỷ đồng; cụ thể:

- Đầu tư để hoàn thành 98 dự án cần 11.668 tỷ đồng vốn ngân sách trong nước.

- Đầu tư để hoàn thành 04 dự án cần 4.697 tỷ đồng vốn nước ngoài (ODA) và 152 tỷ đồng vốn ngân sách trong nước để đối ứng vốn nước ngoài (ODA) theo quy định.

(5) Đầu tư theo Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình mục tiêu Thành phố cần 8.685 tỷ đồng;

(6) Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện và hỗ trợ đặc thù cho một số huyện theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND cần 8.006 tỷ đồng (trong đó hỗ trợ có mục tiêu là 7.400 tỷ đồng và hỗ trợ đặc thù xây dựng hạ tầng tại các xã bị thu hồi nhiều đất xây dựng công trình trọng điểm của trung ương và Thành phố, các xã bị ảnh hưởng bởi khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố cần 606 tỷ đồng).

(7) Hỗ trợ cấp huyện xây dựng trường học đạt chuẩn năm 2016 cần 812 tỷ đồng (đã thực hiện năm 2016).

(8) Hỗ trợ các quận, huyện, thị xã xây dựng trường học, trạm y tế từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô: 859,5 tỷ đồng (đã bố trí năm 2016 là 195 tỷ đồng).

(9) Đầu tư 191 dự án mới (chưa xác định nguồn vốn ODA do chưa ký kết hiệp định) cấp thiết cần khởi công trong giai đoạn 2017-2020 cần 26.252 tỷ đồng vốn ngân sách trong nước.

4. Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công của cấp Thành phố trong giai đoạn 2016-2020

2.1. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển của Thành phố trong giai đoạn 2016-2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Nguồn vốn	Tổng cộng (tỷ lệ điều tiết ngân sách 35%)	Phân chia cấp Thành phố	Phân chia cấp Huyện
A. Tổng cộng:	170.679	126.701	43.978
1. Nguồn vốn XDCB tập trung trong cân đối	80.823	60.618	20.205
2. Nguồn thu tiền sử dụng đất	74.482	50.709	23.773
3. Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách trung ương (vốn hỗ trợ mục tiêu và vốn nước ngoài (ODA), vốn trái phiếu Chính phủ)	8.535	8.535	
4. Các nguồn vốn khác (vốn Xổ số kiến thiết, vốn vay tín dụng)	1.705	1.705	
5. Nguồn vốn bổ sung năm 2016 từ tăng thu ngân sách năm 2015 và tiết kiệm chi thường xuyên năm 2016	5.134	5.134	

Trong tổng nguồn thu tiền sử dụng đất cấp Thành phố là 50.709 tỷ đồng dành cho đầu tư phát triển, sau khi đã bố trí 35.600 tỷ đồng cho những khoản chi bắt buộc cho đầu tư phát triển nhưng không phải thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, gồm:

(1) Chi đầu tư cho các dự án ứng vốn qua Quỹ Phát triển đất Thành phố: 4.200 tỷ đồng;

(2) Bố trí nguồn vốn qua Quỹ Phát triển đất để ứng cho công tác GPMB các dự án XDCB tập trung của Thành phố ngay từ khi được chấp thuận chủ trương đầu tư và nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/9/2016 của Thành ủy và Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 12/10/2016 của UBND Thành phố)/và bố trí nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ tự lo tái định cư bằng tiền đối với các trường hợp được bố trí tái định cư theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 (nếu phát sinh ngoài chi phí tổng mức đầu tư của dự án): 3.800 tỷ đồng.

(3) Chi đầu tư cho các dự án ứng vốn qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố 1.803 tỷ đồng;

(4) Ghi thu ghi chi vốn đầu tư cho các dự án BT 16.500 tỷ đồng;

(5) Bổ sung vốn cho các quỹ (giải quyết việc làm; khuyến nông; hỗ trợ nông dân; chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp): 1.000 tỷ đồng.

(6) Đầu tư trở lại từ tiền thu sử dụng đất (cho các xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và cho 2 quận mới thành lập: Nam Từ Liêm, Bắc Từ

Liên) năm 2016 đã thực hiện là 570 tỷ đồng, phần đầu giá năm 2016, cấp lại vào năm 2017 là 200 tỷ đồng và cấp lại tiền bán nhà cho Cục Tài chính Bộ Quốc phòng trong 5 năm dự kiến là 100 tỷ đồng.

(7) Chi trả nợ gốc và lãi (huy động trái phiếu xây dựng Thủ đô, vốn vay ưu đãi, vốn vay ODA) năm 2016 (*từ năm 2017 chỉ bố trí chi trả lãi theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015*), kinh phí 5 năm 2016-2020 là 6.927 tỷ đồng.

(8) Hỗ trợ địa phương bạn 500 tỷ đồng.

Do đó, nguồn thu tiền sử dụng đất cấp Thành phố còn lại cho đầu tư công là 15.109 tỷ đồng (50.709-35.600).

Tổng nguồn vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong 5 năm 2016-2020 là 1.209,8 tỷ đồng, trong đó bố trí kinh phí 190,8 tỷ đồng hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện không theo quy định của Luật Đầu tư công nên sẽ không tính vào vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

Như vậy, tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư công là 90.910 tỷ đồng ($126.701 - 35.600 - 190,8 = 90.910$ tỷ đồng).

4.2. So sánh nhu cầu vốn và khả năng đáp ứng ở ngân sách cấp Thành phố trong Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020

Nội dung	Nguồn vốn (tỷ lệ điều tiết ngân sách 35%)
1. Tổng nguồn vốn đầu tư công cấp Thành phố 5 năm 2016-2020 ¹	90.910
2. Nhu cầu cần thiết	249.315
3. Khả năng đáp ứng	36,4%
4. Nhu cầu còn thiếu	158.405

Như vậy, phương án tỷ lệ điều tiết ngân sách 35% thì nguồn vốn đầu tư công mới đáp ứng được 36,4% nhu cầu vốn đầu tư công cấp Thành phố trong 5 năm 2016-2020. Do vậy, cần phải xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 theo mục tiêu, định hướng, nguyên tắc và thứ tự ưu tiên hàng dọc nhằm tối ưu hóa hiệu quả vốn đầu tư trong điều kiện khả năng đáp ứng nguồn vốn thiếu hụt lớn so với nhu cầu.

5. Mục tiêu, định hướng, nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

5.1. Mục tiêu, định hướng

¹ Tổng nguồn vốn đầu tư công cấp Thành phố nêu trên bao gồm vốn ODA theo thông báo dự kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong 5 năm 2016-2020 là 6.858,688 tỷ đồng; chưa bao gồm phần vốn ODA đã ký kết theo hiệp định (tổng cộng trong 5 năm là 63.692 tỷ đồng) nhưng chưa được cơ quan trung ương thông báo là 56.833 tỷ đồng.

Nguồn vốn đầu tư công 5 năm 2016-2020 của Thành phố phải trực tiếp góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh đã được Trung ương chỉ đạo, đã được xác định tại Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô đến 2020, tầm nhìn 2030; các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; Chương trình hành động của Thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015-2020; 8 Chương trình công tác của Thành ủy Hà Nội, các Kế hoạch của UBND Thành phố thực hiện chương trình công tác của Thành ủy; các Nghị quyết của HĐND Thành phố quyết nghị Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của Thành phố và các vấn đề liên quan đến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; các Chương trình mục tiêu quốc gia và của Thành phố đã được phê duyệt; các dự án, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã được Thành phố xác định; các dự án đầu tư theo thông báo chỉ đạo của Thành ủy; chỉ đạo của UBND Thành phố, cụ thể như sau:

(1) Các dự án, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã được Thành phố xác định.

(2) Các dự án phục vụ mục tiêu phát triển đồng bộ, hiện đại hóa từng bước kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn; kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển tạo diện mạo đô thị hiện đại văn minh, trong đó ưu tiên đầu tư công trình giao thông để giảm thiểu ùn tắc giao thông, đặc biệt tại các đầu mối và trong khu vực nội đô, ưu tiên đầu tư hệ thống cấp nước, thoát nước, chống úng ngập trong khu vực đô thị; xử lý kỹ thuật chống ô nhiễm môi trường và xử lý rác thải góp phần trực tiếp giải quyết vấn đề dân sinh bức xúc và đạt các chỉ tiêu về môi trường đô thị.

(3) Các dự án phục vụ mục tiêu thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tăng cường thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, dịch vụ: ưu tiên đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại, du lịch, qua đó góp phần tạo tiền đề để thúc đẩy và đạt được các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các chỉ tiêu có liên quan khác (như tạo việc làm; thu nhập bình quân đầu người...) của Thành phố giai đoạn 2016-2020.

(4) Các dự án phục vụ mục tiêu phát triển nông nghiệp và nông thôn mới theo chỉ tiêu Thành phố đã xác định, tăng cường năng lực hệ thống thủy lợi, cải tạo, nâng cấp hệ thống đê điều đảm bảo phòng chống thiên tai, lũ lụt; ưu tiên đầu tư các công trình, dự án phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, an toàn hồ đập...

(5) Các dự án phục vụ trực tiếp mục tiêu đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội: xây dựng mới, hoặc đầu tư nâng công suất bệnh viện nhằm trực tiếp giải quyết tình trạng quá tải tại các bệnh viện và góp phần đạt chỉ tiêu 26,5 giường bệnh/vạn dân; xây dựng trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; xây dựng trường học giải quyết vấn đề thiếu trường, thiếu lớp học (đặc biệt tại các khu vực đô thị), đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo chỉ tiêu Thành phố giao hàng năm; đầu tư nâng

cấp các trường đào tạo nghề đạt chuẩn nghề cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế để góp phần đạt chỉ tiêu lao động đang làm việc đã qua đào tạo.

(6) Các dự án phục vụ mục tiêu đổi mới, sáng tạo phát triển khoa học công nghệ thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế tri thức; phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử; hỗ trợ đầu tư các dự án hiện đại hóa hệ thống truyền thông, báo đài;

(7) Các dự án phục vụ mục tiêu đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, hệ thống tư pháp, nội chính.

5.2. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công

a) Nguyên tắc bố trí vốn

- Tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương về đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của Thành phố.

- Nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án quan trọng quốc gia trên địa bàn, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và của các quận, huyện, thị xã.

- Cho dự án nhóm C thực hiện từ 1-2 năm/quy định 3 năm, dự án nhóm B thực hiện 2-3 năm/quy định 5-8 năm, dự án nhóm A phần đầu thực hiện trong 5 năm.

b) Thứ tự ưu tiên bố trí vốn

(1) Hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước, các khoản vốn vay ngân sách địa phương.

(2) Đối ứng cho dự án sử dụng vốn nước ngoài (ODA) và bố trí vốn thanh toán cho công tác chuẩn bị đầu tư các dự án XDCB tập trung của Thành phố và các dự án dự kiến thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP).

(3) Cho các dự án, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã được Thành phố xác định.

(4) Cho các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

(5) Cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020.

(6) Cho các dự án được bố trí vốn khởi công mới năm 2016 chuyển tiếp sang thực hiện trong giai đoạn 2017-2020.

(7) Cho các dự án cấp thiết khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020.

II. PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 CỦA CẤP THÀNH PHỐ

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 được lập trên cơ sở căn cứ: các quy định của Luật Đầu tư công, hướng dẫn của Trung ương và định hướng đầu tư, nguyên tắc và thứ tự ưu tiên bố trí vốn, nguồn vốn, sắp xếp thứ tự ưu tiên theo hàng dọc, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu pháp lệnh của Thành phố; Bố trí vốn tập trung, đáp ứng nhu cầu vốn triển khai theo tiến độ, thời gian thực hiện thi công xây dựng ngắn nhất có thể (dự án nhóm C thực hiện từ 1-2 năm/quy định 3 năm, dự án nhóm B thực hiện 2-3 năm/quy định 5-8 năm); Tiết giảm kinh phí dự phòng của từng dự án do thời gian thực hiện được rút ngắn.

Theo đó, các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 được tập trung bố trí vốn để cơ bản hoàn thành dự án trong năm 2016, 2017 (trừ dự án quy mô lớn sử dụng vốn ODA); Dự án mới khởi công năm 2016 được tập trung bố trí vốn để cơ bản hoàn thành trong năm 2017 (dự án nhóm C), năm 2018 (dự án nhóm B); Phần vốn còn lại tập trung bố trí theo thứ tự ưu tiên đã quy định để triển khai dự án mới chủ yếu khởi công từ năm 2018 để hoàn thành trong giai đoạn 2018-2020.

Với tỷ lệ điều tiết ngân sách là 35%, tổng cộng nguồn vốn đầu tư công cấp Thành phố là **90.910 tỷ đồng**. Sau khi đã ưu tiên bố trí thu hồi khoản ứng trước vốn ngân sách trung ương: 428 tỷ đồng, vốn thanh quyết toán công trình hoàn thành: 1.000 tỷ đồng, tổng cộng **1.428 tỷ đồng và khoản dự phòng bắt buộc 10% là 9.091 tỷ đồng** theo quy định của Luật Đầu tư công (**tổng cộng là 10.519 tỷ đồng**). **Nguồn vốn đầu tư công 5 năm 2016-2020 còn lại là 80.391 tỷ đồng** (năm 2016 đã bố trí 16.009 tỷ đồng, **dự kiến 4 năm 2017-2020 là 64.382 tỷ đồng**) (*Chi tiết tại biểu Phụ lục số 01*), được phân bổ như sau:

1. Phương án phân bổ cụ thể kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố như sau:

1.1. Chi hỗ trợ ngân sách cấp huyện theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 của HĐND Thành phố

Ngân sách Thành phố cần cân đối bố trí kinh phí trong 5 năm 2016-2020 là 9.678 tỷ đồng (chiếm 12%), (năm 2016 đã bố trí 2.807 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 6.871 tỷ đồng), gồm:

+ Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã để thực hiện các dự án có ý nghĩa về phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương là 7.400 tỷ đồng (*chiếm 9,2%*) (giảm 1.400 tỷ đồng so với Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND của HĐND Thành phố do tỷ lệ điều tiết ngân sách của Thành phố giảm từ 42% còn 35%). *Chi tiết tại biểu Phụ lục số 02*

+ Ngân sách Thành phố hỗ trợ đặc thù để xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các địa phương phục vụ giải phóng mặt bằng và bị ảnh hưởng bởi các dự án xây

dựng bãi rác thải tập trung, nghĩa trang tập trung, các dự án trọng điểm của quốc gia và Thành phố, kế hoạch năm 2016, 2017 bố trí hoàn thành các dự án là 606 tỷ đồng (*chiếm 0,7%*). *Chi tiết tại biểu Phụ lục số 03*

+ Bố trí 812,26 tỷ đồng (*chiếm 1%*) hỗ trợ bổ sung ngân sách cấp huyện xây dựng trường học đạt chuẩn (đã thực hiện năm 2016).

+ Hỗ trợ các quận, huyện, thị xã xây dựng trường học đạt chuẩn, trạm y tế đạt chuẩn từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô: 859,5 tỷ đồng (*chiếm 1,1%*), năm 2016 đã bố trí 195 tỷ đồng. *Chi tiết tại biểu Phụ lục số 04*

1.2. Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố

Ngân sách Thành phố cần cân đối bố trí kinh phí trong 5 năm 2016-2020 là 6.436 tỷ đồng (chiếm 8%) (năm 2016 đã bố trí 1.613 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 4.823 tỷ đồng), bao gồm:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới có lồng ghép Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi Thủ đô Hà Nội theo Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016: 5.430 tỷ đồng (*chiếm 6,8%*).

+ Chương trình mục tiêu của Thành phố về Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội: 6 tỷ đồng đã bố trí năm 2016 (từ năm 2017 chương trình được thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp).

+ Chương trình mục tiêu của Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông: 1.000 tỷ đồng (*chiếm 1,2%*).

Chi tiết tại biểu Phụ lục số 05

1.3. Chi thực hiện các dự án XDCB tập trung của Thành phố

Ngân sách Thành phố cần cân đối bố trí trong 5 năm 2016-2020 là 64.277 tỷ đồng (chiếm 80%) (vốn trong nước: 58.104 tỷ đồng, vốn ODA: 6.172,82 tỷ đồng), trong đó đã phân bổ năm 2016 là 11.589 tỷ đồng (vốn trong nước: 9.984,27 tỷ đồng, vốn ODA: 1.604,35 tỷ đồng) và dự kiến phân bổ cho các dự án 4 năm 2017-2020 là 52.688 tỷ đồng, riêng vốn dự kiến bố trí cho 24 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố đã được xác định là 24.646 tỷ đồng:

+ Bố trí vốn thực hiện **178 dự án chuyển tiếp** từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 32.873 tỷ đồng (*chiếm 40,9%*), năm 2016 đã bố trí 8.440 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là: **24.433 tỷ đồng**.

+ Bố trí vốn thực hiện **102 dự án** đã được ghi vốn để khởi công mới năm 2016 nhưng không thể hoàn thành trong năm 2016 và phải chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí là **9.027 tỷ đồng (chiếm 11,3%)** (năm 2016 đã bố trí 3.118 tỷ đồng, bố trí vốn thực hiện 4 năm 2017-2020 là **5.909 tỷ đồng**).

+ **Bố trí vốn dự kiến thực hiện các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 21.747 tỷ đồng (chiếm 27%)** (tổng cộng trong 5 năm 2016-2020 là **21.777 tỷ đồng**, năm 2016 đã bố trí 30,65 tỷ đồng cho công tác chuẩn bị đầu tư),

trong đó dự kiến có 08 dự án xác định là công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố.

+ **Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XD CB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...)** dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016-2020 và để chuẩn bị thủ tục đầu tư cho các dự án dự kiến đề xuất trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025: dự kiến kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cân đối bố trí **600 tỷ đồng**. Đối với các dự án thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư (để lập, thẩm định, quyết định chủ trương, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư) thực hiện cơ chế thanh toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư trong tổng nguồn vốn giao hàng năm cho công tác này theo dự toán được duyệt và không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án.

Chi tiết tại biểu Phụ lục số 06, số 07

Như vậy, nguồn vốn đầu tư công và các dự án cấp Thành phố được cân đối, phân bổ cho các khối/lĩnh vực như sau:

a) Khối Hạ tầng đô thị: dự kiến kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cân đối bố trí **21.961 tỷ đồng (chiếm 27,3%)**, trong đó năm 2016 đã bố trí 3.742 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **18.219 tỷ đồng**, riêng vốn dự kiến bố trí cho 7 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố là 5.300 tỷ đồng; bao gồm:

- Bố trí vốn thực hiện 48 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 6.839 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 1.872 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 4.967 tỷ đồng.

- Bố trí vốn thực hiện 35 đã được ghi vốn để khởi công mới năm 2016 nhưng không thể hoàn thành trong năm 2016 và phải chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí là 5.775 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 1.863 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 3.913 tỷ đồng.

- Bố trí vốn dự kiến thực hiện một số dự án khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 9.340 tỷ đồng (tổng cộng trong 5 năm 2016-2020 là 9.347 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 7 tỷ đồng cho công tác chuẩn bị đầu tư), trong đó dự kiến có 02 dự án xác định là công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố (dự án Vành đai 1: đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục (đề xuất đầu tư dự án từ nguồn đầu giá đất tập trung có quy mô lớn, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi thường xuyên; trường hợp khó khăn không thể cân đối từ các nguồn vốn trên, Thành phố sẽ xem xét huy động Trái phiếu xây dựng Thủ đô) và dự án Mở rộng khu XLCT Sóc Sơn theo quy hoạch 609/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) và 3 nhóm dự án về các dự án cấp nước sạch cho các vùng nông thôn khó khăn, các dự án xử lý ô nhiễm nguồn nước tại các ao hồ trên địa bàn thành phố Hà Nội và các dự án quan trắc không khí và xử lý ô nhiễm môi trường với tổng mức đầu tư tổng cộng khoảng 700 tỷ đồng.

b) Các dự án sử dụng vốn ODA: dự kiến kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cân đối bố trí **13.577 tỷ đồng (chiếm 16,9%)**, trong đó vốn trong nước là 7.404 tỷ đồng, vốn nước ngoài ODA là 6.173 tỷ đồng (nhu cầu vốn ODA đã ký

kết theo hiệp định để thực hiện trong 5 năm 2016-2020 là 63.692 tỷ đồng) để thực hiện 20 dự án, trong đó năm 2016 đã bố trí 2.493 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **11.084 tỷ đồng**, riêng vốn dự kiến bố trí cho 6 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố là 11.380 tỷ đồng; bao gồm:

- Bố trí vốn thực hiện 13 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 13.496 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 2.466 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 11.030 tỷ đồng.

- Bố trí vốn thực hiện 4 dự án đã được ghi vốn để khởi công mới năm 2016 nhưng không thể hoàn thành trong năm 2016 và phải chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí là 33,75 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 27,1 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 6,65 tỷ đồng.

- Bố trí vốn 47 tỷ đồng cho 03 dự án được xác định là công trình trọng điểm của Thành phố trong giai đoạn 2016-2020 thực hiện hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư để đảm bảo đủ điều kiện kêu gọi vốn đầu tư.

c) Khối Văn hóa xã hội: dự kiến kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cân đối bố trí **7.587 tỷ đồng (chiếm 9,4%)**, trong đó năm 2016 đã bố trí 1.537 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **6.050 tỷ đồng**, riêng vốn dự kiến bố trí cho 8 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố là 2.420 tỷ đồng; bao gồm:

- Bố trí vốn thực hiện 51 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 2.613 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 1.159 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 1.454 tỷ đồng.

- Bố trí vốn thực hiện 26 đã được ghi vốn để khởi công mới năm 2016 nhưng không thể hoàn thành trong năm 2016 và phải chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí là 1.636 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 374 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 1.262 tỷ đồng.

- Bố trí vốn dự kiến thực hiện các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 3.334 tỷ đồng (tổng cộng trong 5 năm 2016-2020 là 3.338 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 3,95 tỷ đồng cho công tác chuẩn bị đầu tư), trong đó dự kiến có 03 dự án xác định là công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố (dự án Xây dựng Trung tâm phức hợp thuộc Bệnh viện Tim Hà Nội - Cơ sở tại Tây Hồ; dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu vực Thành Cổ Loa thuộc quy hoạch tổng thể bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu Di tích thành Cổ Loa; dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa lịch sử Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long)..

d) Lĩnh vực Công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ: dự kiến kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cân đối bố trí **1.522 tỷ đồng (chiếm 1,9%)**, trong đó năm 2016 đã bố trí 254 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **1.268 tỷ đồng**, bao gồm:

- Bố trí vốn thực hiện 5 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 355 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 140 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 215 tỷ đồng.

- Bố trí vốn thực hiện 3 đã được ghi vốn để khởi công mới năm 2016 nhưng không thể hoàn thành trong năm 2016 và phải chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí là 121 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 113 tỷ đồng, dự kiến năm 2017 bố trí tiếp 8 tỷ đồng còn lại để hoàn thành dự án.

- Bố trí vốn dự kiến thực hiện một số dự án khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 1.045 tỷ đồng (tổng cộng trong 5 năm 2016-2020 là 1.046 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 1 tỷ đồng cho công tác chuẩn bị đầu tư).

e) Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: dự kiến kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cân đối bố trí **11.642 tỷ đồng (chiếm 14,5%)**, trong đó năm 2016 đã bố trí 2.272 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **9.370 tỷ đồng**, riêng vốn dự kiến bố trí cho 2 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố là 5.050 tỷ đồng; bao gồm:

- Bố trí vốn thực hiện 39 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 7.775 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 1.905 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 5.870 tỷ đồng.

- Bố trí vốn thực hiện 26 đã được ghi vốn để khởi công mới năm 2016 nhưng không thể hoàn thành trong năm 2016 và phải chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí là 1.000 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 352 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 648 tỷ đồng.

- Bố trí vốn dự kiến thực hiện các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 2.852 tỷ đồng (tổng cộng trong 5 năm 2016-2020 là 2.867 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 15,2 tỷ đồng cho công tác chuẩn bị đầu tư).

f) Lĩnh vực Khoa học công nghệ - công nghệ thông tin - truyền thông: dự kiến kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cân đối bố trí **916 tỷ đồng (chiếm 1,1%)**, trong đó năm 2016 đã bố trí 313 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **603 tỷ đồng**, riêng vốn dự kiến bố trí cho 1 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố là 495 tỷ đồng; bao gồm:

- Bố trí vốn thực hiện 6 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 824 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 311 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 513 tỷ đồng.

- Bố trí vốn năm 2016 là 1,5 tỷ đồng cho 1 dự án (kế hoạch đầu năm bố trí 40 tỷ đồng, sau đó điều chỉnh giảm chỉ còn 1,5 tỷ đồng, hiện tại dự án tạm dừng để nghiên cứu chuyển đổi hình thức đầu tư).

- Bố trí vốn dự kiến thực hiện một số dự án khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 90 tỷ đồng.

g) Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng - Tư pháp - Nội chính: dự kiến kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cân đối bố trí **6.472 tỷ đồng (chiếm 8,1%)**, trong đó năm 2016 đã bố trí 978 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **5.494 tỷ đồng**, bao gồm:

- Bố trí vốn thực hiện 16 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 970 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 587 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là 383 tỷ đồng.

- Bố trí vốn thực hiện 7 đã được ghi vốn để khởi công mới năm 2016 nhưng không thể hoàn thành trong năm 2016 và phải chuyển tiếp thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 với kinh phí là 460 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 388 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017 bố trí 72 tỷ đồng để hoàn thành dự án.

- Bố trí vốn dự kiến thực hiện các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 là 5.039 tỷ đồng (tổng cộng trong 5 năm 2016-2020 là 5.042 tỷ đồng, năm 2016 đã bố trí 3,5 tỷ đồng cho công tác chuẩn bị đầu tư).

2. Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Thành phố Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 đã tập trung thực hiện:

2.1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố và Chương trình số 06-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy và Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 29/8/2016 của UBND Thành phố về phát triển đồng bộ, hiện đại hóa từng bước phát triển kết cấu hạ tầng

Ngân sách Thành phố cân đối bố trí trong 5 năm 2016-2020 là **45.033 tỷ đồng (chiếm 56%)** để thực hiện 58 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 39 dự án đã khởi công năm 2016 và các dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 (năm 2016 đã bố trí 8.129 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **36.904 tỷ đồng**), riêng vốn bố trí cho 13 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố là 16.681 tỷ đồng; bao gồm:

- Thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực hạ tầng giao thông, chống ùn tắc giao thông, cân đối bố trí 19.732 tỷ đồng (**chiếm 24,6%**) thực hiện 18 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 10 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 và bố trí 1.000 tỷ đồng (**chiếm 1,2%**) thực hiện chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông;

- Thực hiện mục tiêu chống úng ngập, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, cân đối bố trí 8.270 tỷ đồng (**chiếm 10,3%**) đầu tư 13 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 05 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 trong đó có 3 nhóm dự án về các dự án cấp nước sạch cho các vùng nông thôn khó khăn, các dự án xử lý ô nhiễm nguồn nước tại các ao hồ trên địa bàn thành phố Hà Nội và các dự án quan trắc không khí và xử lý ô nhiễm môi trường với tổng mức đầu tư tổng cộng khoảng 700 tỷ đồng và bố trí 606 tỷ đồng (**chiếm 0,7%**) xây dựng hạ tầng tại các xã bị thu hồi đất xây dựng công trình trọng điểm của trung ương và Thành phố trên địa bàn và xây dựng bãi rác thải tập trung của Thành phố;

- Thực hiện mục tiêu xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng, tạo không gian phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao giá trị đất đai và thu hút vốn đầu tư xã hội, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 8.025 tỷ đồng (**chiếm 10%**) thực hiện 27 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 24 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020;

- Hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã để đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng có ý nghĩa lớn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là 7.400 tỷ đồng (chiếm 9%).

2.2. Thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy và Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 08/10/2016 của UBND Thành phố về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và lồng ghép Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi Thủ đô Hà Nội theo Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016

Ngân sách Thành phố cân đối bố trí **5.430 tỷ đồng (chiếm 6,8%)** (năm 2016 đã bố trí 1.460 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **3.970 tỷ đồng**), bao gồm:

- Bố trí 4.430 tỷ đồng (chiếm 5,5%) để hỗ trợ các xã, các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và kiên cố hóa giao thông, thủy lợi nội đồng (ngoài ra có nguồn vốn cấp huyện, cấp xã và nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư theo chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới).

- Ngân sách Thành phố cân đối hỗ trợ đầu tư 1.000 tỷ đồng (chiếm 1,3%) để xây dựng hạ tầng tại các xã, thôn, vùng đồng bào dân tộc miền núi theo Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 thực hiện chính sách dân tộc miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 và chỉ đạo của Ban Ban Thường vụ Thành ủy tại Văn bản số 296-CV/TU ngày 05/7/2016.

2.3. Thực hiện các nhóm chỉ tiêu về kinh tế theo quy định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ 16, Chương trình số 03-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy và Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 20/9/2016 của UBND Thành phố thực hiện Chương trình số 03-CTr/TU, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của UBND Thành phố

Ngân sách Thành phố cân đối bố trí **11.365 tỷ đồng (chiếm 14%)** để thực hiện 34 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 22 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 (năm 2016 đã bố trí 2.082 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **9.283 tỷ đồng**), riêng vốn bố trí cho 2 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố là 5.050 tỷ đồng; cụ thể:

- Góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp: ngân sách Thành phố cân đối 1.066 tỷ đồng (chiếm 1,3%) để thực hiện 05 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 02 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 về xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào các khu, cụm công nghiệp.

- Góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng giá trị ngành thương mại dịch vụ: ngân sách Thành phố cân đối 456 tỷ đồng (chiếm 0,6%) để thực hiện 01 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020.

- Góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp, ngân sách Thành phố cân đối bố trí 9.844 tỷ đồng (chiếm 12,2%) để thực hiện 29 dự án

chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 19 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 về nông nghiệp bao gồm: vùng sản xuất rau an toàn, nuôi trồng thủy sản, các dự án về thủy lợi, kênh mương (riêng 2 dự án: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì và Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) bố trí tổng cộng 5.050 tỷ đồng).

2.4. Thực hiện các nhóm chỉ tiêu về văn hóa xã hội theo quy định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ 16, Chương trình số 04-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy và Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 31/8/2016 của UBND Thành phố về thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của UBND Thành phố

Ngân sách Thành phố cân đối bố trí **10.291 tỷ đồng (chiếm 12,8%)** thực hiện 60 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 27 dự án đã khởi công năm 2016 và các dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 (năm 2016 đã bố trí 2.915 tỷ đồng, dự kiến 4 năm là 2017-2020 là **7.376 tỷ đồng**), riêng vốn bố trí cho 9 công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố là 2.915 tỷ đồng; gồm:

- Đầu tư xây dựng trường công lập đạt chuẩn theo chỉ tiêu 5 năm: cấp Thành phố cân đối 3.431 tỷ đồng (*chiếm 4,2%*) để thực hiện xây dựng trường THPT trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại các khu đô thị, khu nhà ở công nhân, bao gồm: 11 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 08 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020; các cấp học khác do cấp huyện đảm nhiệm, ngân sách Thành phố hỗ trợ và phân cấp đầu tư, bao gồm ngân sách Thành phố hỗ trợ các quận, huyện, thị xã 812 tỷ đồng năm 2016 và sử dụng vốn xổ số kiến thiết Thủ đô xây dựng trường học đạt chuẩn.

- Đầu tư xây dựng bệnh viện công lập để đến năm 2020 cùng với công tác xã hội hóa, đạt chỉ tiêu về số giường bệnh, ngân sách Thành phố cân đối 3.480 tỷ đồng (*chiếm 4,3%*) để thực hiện 14 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 14 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020.

- Đầu tư để thực hiện chỉ tiêu về lao động đang làm việc qua đào tạo: ngân sách Thành phố cân đối 617 tỷ đồng (*chiếm 0,8%*) để thực hiện 06 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020.

- Ngân sách Thành phố cân đối bố trí 1.942 tỷ đồng (*chiếm 2,4%*) để thực hiện 23 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 04 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 dự án về an sinh xã hội, phát triển văn hóa, thể thao và 922 tỷ đồng để thực hiện 06 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 01 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 về phát triển khoa học công nghệ, công

nghệ thông tin truyền thông.

2.5. Thực hiện Chương trình số 05-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy, Kế hoạch của UBND Thành phố thực hiện Chương trình số 05-CTr/TU về quốc phòng an ninh, Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND Thành phố về xây dựng khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo, cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị và Văn bản số 1500/TTg-KTN ngày 22/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, số 5168/VPCP-KTTH ngày 24/6/2016 của Văn phòng Chính phủ

Ngân sách Thành phố cân đối bố trí **6.472 tỷ đồng (chiếm 8%)** để thực hiện 16 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 07 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 (năm 2016 đã bố trí 978 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **5.494 tỷ đồng**), cụ thể:

- Ngân sách Thành phố cân đối bố trí 5.319 tỷ đồng (*chiếm 6,6%*) thực hiện 49 dự án: Đầu tư xây dựng công trình phòng thủ, doanh trại ứng trực chiến đấu thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô; Xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở trụ sở điều hành, ứng trực chiến đấu và thiết bị xử lý môi trường tại trại tạm giam, tạm giữ thuộc lực lượng Công an Thành phố; Đầu tư trang thiết bị PCCC, cứu hộ, cứu nạn, Xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở điều hành, ứng trực chiến đấu cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy Thành phố; Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc và trang thiết bị chuyên ngành thuộc Tòa án, Viện kiểm sát Thành phố.

- Ngân sách Thành phố cân đối bố trí 1.153 tỷ đồng (*chiếm 1,4%*) để thực hiện 02 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 về xây dựng, nâng cấp một số công trình trụ sở cơ quan quan trọng cấp bách phải đầu tư.

4.6. Thực hiện yêu cầu đảm bảo an toàn đề điều và hồ đập trên địa bàn Thành phố

Ngân sách Thành phố cân đối bố trí trong 5 năm 2016-2020 là **1.798 tỷ đồng (chiếm 2,4%)** để thực hiện 10 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015, 07 dự án đã khởi công năm 2016 và một số dự án sẽ khởi công mới trong 4 năm 2017-2020 (năm 2016 đã bố trí 444 tỷ đồng, dự kiến 4 năm 2017-2020 là **1.354 tỷ đồng**).

Chi tiết tại biểu Phụ lục số 08

III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ TỔNG THỂ CỦA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN CỦA THÀNH PHỐ

Với cách đổi mới phương án bố trí vốn theo nguyên tắc hàng dọc và rất tập trung thực hiện nên sẽ tránh được tình trạng trượt giá, tăng tổng mức đầu tư, đảm bảo hiệu quả đầu tư, sớm đưa công trình vào sử dụng, tạo ra sản phẩm, công trình cụ thể nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đảng Thành phố lần thứ XVI, các Chương trình của Thành ủy, Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của Thành phố; giải quyết được những vấn đề bức xúc dân sinh và các nhiệm vụ cấp thiết khác. Các dự án

trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 sẽ cơ bản hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020, trước mắt 274/280 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 và khởi công mới năm 2016 chuyển tiếp thực hiện sang giai đoạn 2017-2020 sẽ được hoàn thành trong các năm 2016, 2017, 2018; các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020 sẽ được hoàn thành trong các năm 2019, 2020.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

UBND Thành phố xin báo cáo và kiến nghị với HĐND Thành phố xem xét một số nội dung:

1. Về phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố

- Xem xét thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố; chấp thuận nguyên tắc về nguồn vốn dự kiến cân đối cho các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020. UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo rà soát danh mục các dự án nêu trên và hoàn thiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư trong 6 tháng đầu năm 2017 đối với các dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; báo cáo HĐND Thành phố xem xét thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố về danh mục và kế hoạch vốn các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020.

- Chấp thuận nguyên tắc trong giai đoạn 5 năm 2016-2020 cho phép huy động vốn cho ngân sách Thành phố thông qua phát hành trái phiếu xây dựng Thủ đô cho một số dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông lớn của Thành phố. Mức vốn, thời điểm huy động, UBND Thành phố sẽ báo cáo HĐND Thành phố theo quy định.

2. Về nguồn vốn đầu tư công 5 năm 2016-2020

2.1. Về giao kế hoạch và giải ngân vốn ODA

Giải ngân vốn ODA trước mắt cho phép theo số vốn thông báo từ Trung ương là 6.172 tỷ đồng (bao gồm cả dự phòng là 6.858 tỷ đồng). Để đáp ứng nhu cầu vốn, đảm bảo tiến độ cho các dự án sử dụng vốn ODA, kính đề nghị HĐND Thành phố xem xét cho phép giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ODA theo hiệp định đã ký kết và nhu cầu vốn của các dự án là 63.962 tỷ đồng (*Chi tiết tại biểu phụ lục số 09*) và sẽ được giải ngân khi có thông báo giao kế hoạch vốn cụ thể từng năm, từng thời kỳ hoặc có văn bản chỉ đạo từ Trung ương.

2.2 Về cơ chế vốn thực hiện một số dự án lớn của Thành phố

- Với dự án vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục có tổng mức đầu tư bao gồm dự phòng khoảng 7.900 tỷ đồng, trường hợp không thực hiện được phương án thu hút đầu tư theo hình thức BT, kính đề nghị HĐND Thành phố xem xét cho phép đầu tư theo hình thức đầu tư công thông qua việc phát hành trái phiếu xây dựng Thủ đô trong các năm 2017-2020 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác hoặc bằng cơ chế đặc thù khác.

- Với dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN đoạn Nam Thăng Long - Nội Bài (tổng mức đầu tư khoảng 25.000-30.000 tỷ đồng), UBND Thành phố đề nghị HĐND Thành phố cho phép huy động trái phiếu xây dựng Thủ đô trong các năm 2017-2020 và báo cáo Trung ương cho phép thành phố Hà Nội được giữ lại 100% nguồn thu từ bán cổ phần của Thành phố trong các doanh nghiệp để có nguồn lực đầu tư thực hiện dự án này.

- Bố trí vốn để hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư cho một số tuyến đường sắt đô thị còn lại để đảm bảo đủ điều kiện kêu gọi vốn đầu tư.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU UBND THÀNH PHỐ SẼ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 CỦA CẤP THÀNH PHỐ SAU KHI ĐƯỢC HĐND THÀNH PHỐ THÔNG QUA

1. Tập trung huy động nguồn lực cho đầu tư:

Tập trung các giải pháp huy động nguồn lực để đáp ứng nhu cầu đầu tư cho các chương trình, dự án đầu tư công trong những năm tới, cụ thể như sau:

- Sẽ rà soát tính toán lại cơ cấu, nhiệm vụ giữa chi đầu tư và chi thường xuyên đảm bảo tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 không thấp hơn 50% tổng chi của Thành phố theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội đã được Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố thông qua tại Hội nghị ngày 27/6/2016 và được HĐND Thành phố thông qua, quyết nghị tại kỳ họp thứ 2 khóa XV và cần có biện pháp chủ động tăng thu cho chi đầu tư phát triển đặc biệt các nguồn thu Thành phố được hưởng 100% như tiền thu từ đất và bán tài sản công.

- Tập trung thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, khai thác tiềm năng, huy động nguồn lực phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tạo nguồn thu cho ngân sách. Cải cách thủ tục hành chính trong thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ các khoản nghĩa vụ thuế của người dân và doanh nghiệp.

- Quyết liệt triển khai các dự án đã có hiệp định, đảm bảo giải ngân vốn ODA phù hợp với tiến độ cam kết. Tiếp tục phối hợp với các Bộ kêu gọi tài trợ chính thức của nước ngoài cho các dự án lớn có yêu cầu kỹ thuật cao. Nâng cao hơn nữa vai trò làm chủ của Việt Nam trong việc đàm phán tiếp nhận các khoản tài trợ ODA để các điều kiện ràng buộc riêng của từng nhà tài trợ hài hoà với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Rà soát, xác định quỹ đất, triển khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết quỹ đất đối ứng để ưu tiên dành cho thực hiện các dự án theo hình thức hợp đồng BT, các dự án BOT, BTO, PPP trên địa bàn Thành phố.

- Rà soát phương án xác định quỹ đất, đẩy mạnh phương án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, nâng cao hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển của Thành phố. Cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá và hướng dẫn UBND các quận, huyện, thị xã trong việc lập hồ sơ trình UBND Thành phố thu hồi đất giao đất để đấu giá quyền sử dụng đất. Thành phố xác định một số quỹ đất tập trung để đấu thầu, đấu giá quyền sử dụng

đất tạo quỹ đầu tư các công trình trọng điểm: tập trung làm rõ quy hoạch, xác định ranh giới để tổ chức đấu thầu, đấu giá và giao các đơn vị triển khai thực hiện.

- Để đảm bảo cân đối vốn cho đầu tư 5 năm, trong trường hợp hụt thu từ tiền thu sử dụng đất thì xem xét tăng phát hành trái phiếu xây dựng công trình hoặc huy động nguồn vốn nhân rồi của Kho bạc Nhà nước. Trường hợp không cân đối được nguồn lực như trên, sẽ tiến hành phân bổ vốn cho các dự án theo thứ tự ưu tiên.

2. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành GPMB

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/9/2016 của Thành ủy Hà Nội về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016-2020 và các năm tiếp theo.

- UBND Thành phố sẽ thường xuyên tiến hành giao ban, kiểm điểm tiến độ GPMB, yêu cầu Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố; các Bí thư, Chủ tịch quận huyện chỉ đạo quyết liệt, có cam kết và chịu trách nhiệm về tiến độ GPMB.

- Đẩy mạnh công tác phát triển quỹ nhà tái định cư và giải quyết chính sách tái định cư theo hướng đặt hàng để doanh nghiệp đầu tư và khuyến khích người được tái định cư bằng tiền theo quy định mới.

- Ban Chỉ đạo GPMB Thành phố thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ GPMB, chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xác định cụ thể, chi tiết từng trường hợp vướng mắc và có phương án xử lý kịp thời; Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục để các hộ dân trong diện GPMB hiểu, đồng thuận và chấp hành chủ trương GPMB của nhà nước; Thực hiện công tác GPMB công khai, minh bạch, đúng luật, đảm bảo công bằng, chính xác.

3. Tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020

- Lựa chọn, phân loại, sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án trọng điểm, dự án cấp bách, bức xúc dân sinh cần đẩy nhanh tiến độ để tập trung chỉ đạo. Xây dựng tiến độ cụ thể chi tiết từng loại công việc để kiểm soát tiến độ thực hiện các hạng mục và công trình.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các dự án trọng điểm, các dự án có tính cấp bách để đảm bảo tiến độ.

- Nâng cao trách nhiệm và quyết liệt trong chỉ đạo điều hành GPMB từ cấp Thành phố đến cấp quận, huyện, thị xã. Tập trung quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án trọng điểm, tích cực tháo gỡ khó khăn, giải quyết kịp thời các vướng mắc về cơ chế chính sách trong GPMB.

4. Nâng cao trách nhiệm, tính chủ động quyết liệt của các Chủ đầu tư:

- Chủ động xây dựng, điều chỉnh tiến độ chi tiết từng hạng mục, gói thầu của công trình để chủ động chỉ đạo triển khai.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phố Hà Nội thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 5 năm 2011-2015 trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức lớn hơn dự báo: lạm phát tăng; lãi suất tín dụng ở mức cao làm hạn chế đầu tư và sản xuất kinh doanh; kinh tế tăng trưởng chậm lại,... đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển KT-XH, thu ngân sách, hạn chế nguồn vốn đầu tư từ ngân sách của Thành phố. Địa giới mở rộng, phát triển giữa các khu vực chưa đồng đều, các vùng sâu, xa trung tâm điều kiện hạ tầng kỹ thuật và xã hội còn nhiều khó khăn, nhu cầu đầu tư rất lớn.

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH đến năm 2020, định hướng đến 2030; Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến 2030, tầm nhìn đến 2050; Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020; Nghị quyết 06/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội 5 năm 2011-2015 và thực tiễn phát triển Thủ đô, Thành phố đã xây dựng kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn ngân sách năm 2011, 2012 và Kế hoạch đầu tư ngân sách 3 năm 2013-2015, xác định danh mục các công trình trọng điểm để triển khai thực hiện.

Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 như sau:

I. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011-2015

a) Vốn đầu tư theo khu vực kinh tế

Trong giai đoạn 2011-2015, Thành phố Hà Nội đã thực hiện tốt nhiệm vụ huy động vốn đầu tư xã hội. Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn Thành phố ước đạt 1.400 nghìn tỷ đồng, đạt kế hoạch và gấp gần 2 lần giai đoạn 2006-2010. Mức tăng vốn đầu tư ở khu vực ngoài nhà nước là cao nhất. Năm 2014 đạt 208.688 tỷ đồng, tăng 2,25 lần so với năm 2010; Tiếp theo là vốn đầu tư ở khu vực nhà nước đạt 80.418 tỷ đồng năm 2014, tăng 1,53 lần so với năm 2010. Tỷ trọng vốn ngoài nhà nước trong tổng đầu tư xã hội ngày càng tăng lên. Năm 2010, vốn đầu tư ở khu vực này chỉ chiếm 44,5% tổng số vốn đầu tư của Thành phố Hà Nội, đến năm 2012 là 60,5% và năm 2014 lên đến 66,6%. Điều này cho thấy vốn tư nhân ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đầu tư phát triển ở Hà Nội. Trong tổng vốn đầu tư của khu vực này, vốn đầu tư của các doanh nghiệp chiếm tỷ trọng rất cao và tăng nhanh. Năm 2010, vốn đầu tư của doanh nghiệp ngoài nhà nước chỉ gần 76 nghìn tỷ đồng (chiếm 44,5% tổng số); năm 2013 đã tăng lên hơn 157 nghìn tỷ đồng (chiếm 56,2%).

Ngược lại, ở khu vực Nhà nước, tỷ trọng vốn đầu tư trong tổng số vốn đầu tư toàn Thành phố lại có xu hướng giảm dần. Năm 2010, tỷ trọng vốn đầu tư của

khu vực nhà nước chiếm 30,8% trong tổng số, năm 2012 còn 28,6% và đến năm 2014 chỉ còn 25,7%. Điều này đã thể hiện rõ cơ cấu đầu tư đang đi theo xu hướng tích cực, theo đúng mục tiêu định hướng của đề án tái cơ cấu đầu tư.

Trong 5 năm qua, Thành phố đã có nhiều cố gắng trong việc tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển nhằm thực hiện nhiều dự án và chương trình lớn, ưu tiên cho các công trình hạ tầng đô thị, kịp thời bổ sung vốn cho các công trình trọng điểm. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2010 chiếm 11,2% tổng vốn đầu tư toàn thành phố, năm 2012 chiếm 14,3%, năm 2014 chiếm 12,1%. Đây là nguồn vốn quan trọng trong quá trình hiện đại hoá cơ sở hạ tầng đô thị, tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Vốn đầu tư theo ngành kinh tế

Chia theo các ngành kinh tế lớn, vốn đầu tư tập trung nhiều ở các ngành dịch vụ, tiếp theo đó là công nghiệp và xây dựng, thấp nhất là vốn đầu tư ở ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Tuy nhiên, vốn đầu tư của các ngành công nghiệp xây dựng có xu hướng giảm trong khi ngành thương mại, dịch vụ và nông lâm nghiệp thủy sản lại có xu hướng tăng lên khá nhanh. Tỷ trọng vốn đầu tư cho ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã tăng từ 0,8% (năm 2010) lên 4,6% (năm 2014). Đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn ngày càng được coi trọng, Hà Nội là địa phương dẫn đầu cả nước trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Dự kiến đến cuối năm 2015, Hà Nội có 166/386 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 43% tổng số xã) đạt tỷ lệ cao nhất cả nước.

Vốn đầu tư ở ngành công nghiệp - xây dựng, năm 2010 chiếm 38,8%, năm 2014 giảm xuống 26,6%. Đối với ngành công nghiệp chế biến, khai khoáng, xây dựng vốn đầu tư giảm xuống đã thể hiện rõ nét ảnh hưởng của suy giảm kinh tế và đóng băng thị trường bất động sản trong những năm qua.

Năm 2010, vốn đầu tư ở các ngành dịch vụ chiếm 60,3% tổng vốn đầu tư toàn Thành phố, năm 2014 tăng lên 68,8%. Khác với ngành công nghiệp - xây dựng, đối với ngành thương mại, dịch vụ vốn đầu tư tăng lên cho thấy ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, vốn đầu tư chuyển dịch nhiều sang lĩnh vực dịch vụ - thương mại và lĩnh vực này cũng phục hồi nhanh hơn.

2. Tình hình huy động và thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức BT, BOT, PPP

a) Các dự án đầu tư theo hình thức BT: Trong giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố đã đồng ý về chủ trương, cho phép nghiên cứu triển khai 59 dự án BT. Kết quả triển khai cụ thể như sau:

+ 07 dự án đã hoàn thành: Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở, Trạm xử lý nước thải hồ Tây, Tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên và 04 dự án đã hoàn thành năm 2010: Bảo tàng Hà Nội, Cung trí thức, Đường trục phía Bắc Hà Đông, Đường Lê Văn Lương kéo dài, tổng mức đầu tư của các dự án khoảng 11.728 tỷ đồng.

+ 06 dự án đã ký hợp đồng, đang triển khai: Tuyến đường từ Lê Đức Thọ đến khu đô thị mới Xuân Phương; Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây cũ; Đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc - Nam tỉnh Hà Tây cũ; Đường Đỗ Xá - Quan

Son, Đường nối từ Thành cổ Sơn Tây đến Đền Và, Dự án xây dựng nút giao thông trung tâm Long Biên. Tổng mức đầu tư của các dự án khoảng 11.728 tỷ đồng.

+ 46 dự án còn lại (trong đó 10 dự án thuộc Danh mục các công trình trọng điểm giai đoạn 2011 - 2015): 24 dự án đã phê duyệt đề xuất (trong đó: 24 dự án đã lựa chọn nhà đầu tư, 09 dự án đầu tư đã phê duyệt, 02 dự án đã được cấp chứng nhận đầu tư; 03 dự án đang đàm phán hợp đồng ký tắt, 02 Dự án đã ký hợp đồng và khởi công công trình), các dự án còn lại đã được chấp thuận chủ trương. Tiếp tục triển khai 09 dự án đã lựa chọn nhà đầu tư, có tính khả thi theo hình thức hợp đồng BT, gồm: (1) Tuyến đường 2,5 đoạn Đàm Hồng đến quốc lộ 1A, (2) Tuyến đường quanh khu tưởng niệm Chu Văn An, (3) Tuyến đường từ đê Ngọc Thụy đến khu đô thị mới Thượng Thanh, (4) Xây dựng khu công viên và hồ điều hòa tại ô đất CV1 thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy, (5) Xây dựng khu công viên, hồ điều hòa tại phía Bắc và phần mở rộng phía nam nghĩa trang Mai Dịch, (6) Cải tạo, nâng cấp đường 70 đoạn Hà Đông - Văn Điển, (7) Xây dựng đường trên cao vành đai 2 đoạn Vĩnh Tuy - Ngã Tư Sở và (8) Khu Liên cơ quan hành chính Thành phố, (9) Xây dựng các tuyến đường giao thông đầu nối các khu đô thị, dân cư quận Hà Đông. Tổng mức đầu tư dự kiến của các dự án khoảng 20.676 tỷ đồng.

b) Các dự án đầu tư theo hình thức BOT: Thành phố đang giao các đơn vị liên quan nghiên cứu đề xuất 02 dự án theo hình thức hợp đồng BOT: Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại Phú Đô; Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt 2000 tấn/ngày đêm tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Sơn.

c) Các dự án PPP: Được sự đồng ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lựa chọn 01 dự án tiềm năng thực hiện theo hình thức PPP, Thành phố Hà Nội đang chỉ đạo các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án Nhà máy xử lý chất thải công nghệ cao tại xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các dự án đầu tư theo hình thức PPP. Dự án có quy mô công suất khoảng 4.000 tấn/ngđ đến năm 2020, 5.500 tấn/ngđ đến năm 2030; diện tích xây dựng khoảng 17 ha; tổng mức đầu tư khoảng 8.348 tỷ đồng.

3. Tình hình, kết quả thực hiện các dự án xã hội hóa

a) Lĩnh vực Văn hóa xã hội:

- Giai đoạn 2011-2015, Thành phố đã tích cực chỉ đạo thực hiện chủ trương khuyến khích xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Đến nay, trên địa bàn Thành phố có 161 dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội được chấp thuận địa điểm/chấp thuận nghiên cứu lập và thực hiện dự án với số vốn đăng ký khoảng 31.955 tỷ đồng, diện tích đất khoảng 337,9 ha. Hiện đã có 16 dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng (bằng 10% trên tổng số dự án) với số vốn khoảng hơn 2.228,6 tỷ đồng, diện tích chiếm đất 20,2ha; 25 dự án đang triển khai xây dựng; 120 dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Riêng lĩnh vực y tế, có 13/14 bệnh viện công lập, 6 trung tâm y tế xây dựng và thực hiện 48 đề án liên doanh, liên kết góp vốn để mua sắm trang thiết bị

hoặc cho đối tác đầu tư lắp đặt trang thiết bị phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh với tổng số vốn thu hút được 236,61 tỷ đồng, trong đó: huy động từ các đối tác là 219,93 tỷ đồng (chiếm 93%), huy động của cán bộ, viên chức 15,04 tỷ đồng (chiếm 6,3%) và nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của bệnh viện 1,631 tỷ đồng (chiếm 0,7%); 08 bệnh viện đã sắp xếp và dành 768 giường bệnh tự nguyện để khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu.

- Một số cơ sở xã hội hóa đã đưa vào khai thác, sử dụng được đầu tư cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, hoạt động hiệu quả, xây dựng được thương hiệu uy tín như trường PTTH Marie Curie; trường mầm non tư thục Ban Mai, trường tiểu học Đoàn Thị Điểm, bệnh viện Hồng Ngọc, bệnh viện Trảng An..., góp phần giảm tải cho hệ thống công lập trên địa bàn Thành phố, phần nào đáp ứng nhu cầu của nhân dân về dịch vụ chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục, y tế, thể thao, văn hóa. Công tác xã hội hóa trong các cơ sở công lập (bệnh viện, trường học...) được đẩy mạnh đã góp phần tăng cường cơ sở vật chất, trang bị máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ sở công lập, giúp các cơ sở công lập có thêm điều kiện để tái đầu tư cơ sở vật chất.

b) Lĩnh vực Đô thị:

- Thành phố đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 55 dự án xây dựng bãi đỗ xe trên địa bàn Thành phố với tổng diện tích khoảng 24,9; trong đó đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 24 dự án, đã có Quyết định giao đất cho 14 dự án. Đến hết năm 2012 đã hoàn thành và đưa vào khai thác 08 dự án gồm: Bãi đỗ xe Gia Thụy, quận Long Biên; Bãi đỗ xe Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng; Bãi đỗ xe phường Láng Thượng, quận Đống Đa; Bãi đỗ xe trên đường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy; Bãi đỗ xe đường Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy; Bãi đỗ xe Gia Thụy, quận Long Biên, Bãi đỗ xe phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Bãi đỗ xe tại xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì.

Năm 2013, hoàn thành 03 dự án: Bãi đỗ xe Đàm Trấu, quận Hai Bà Trưng (diện tích: 4.481,7m²), Bãi đỗ xe và khu dịch vụ tại ô đất 11.5HH đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân (diện tích: 4.350m²), Nhà để xe cao tầng tại 315 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân (diện tích: 5.348,8m²). Trong năm 2014, đã hoàn hành đầu tư thí điểm lắp dựng giàn thép đỗ xe cao tầng tại khu vực phố Trần Nhật Duật (diện tích: 2.324m², số chỗ đỗ xe: 91) và tại khu vực phố Nguyễn Công Hoan (diện tích: 1.800m², số chỗ đỗ xe: 221) với tổng mức đầu tư khoảng 122 tỷ đồng từ nguồn ngân sách và ứng vốn Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố.

- Thành phố đã đồng ý chủ trương cho phép xã hội hóa công tác xử lý chất thải và giao cho các chủ đầu tư triển khai thực hiện. Đến nay đã đưa vào vận hành 2 dự án xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ đốt tại Khu XLCT Xuân Sơn, Sơn Tây của HTX Thành Công (250 tấn/ ngày) và Công ty CP môi trường Thăng Long (với 2 dây chuyền xử lý có tổng công suất khoảng 700 tấn/ ngày).

4. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và kết quả đầu tư phát triển toàn xã hội

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song nhờ huy động vốn đầu tư tốt, xây dựng cơ cấu đầu tư phù hợp nên kinh tế Thủ đô vẫn duy trì tăng trưởng khá. Hà Nội vẫn

giữ vị trí đầu tàu, động lực phát triển kinh tế khu vực phía Bắc và ngày càng giữ vị trí quan trọng đối với kinh tế cả nước.

Năm năm qua, kinh tế Thủ đô tiếp tục có bước phát triển vững chắc. Tổng sản phẩm trên địa bàn có mức tăng trưởng khá, bình quân 5 năm 2011-2015 dự kiến tăng 9,23%, gấp 1,58 lần mức tăng bình quân chung của cả nước. Quy mô GRDP năm 2015 theo giá hiện hành đạt khoảng 27,6 tỷ USD, bình quân đầu người khoảng 3.600 USD, gấp 1,8 lần so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá hàng tiêu dùng giảm nhanh từ 17,1% năm 2011 xuống còn khoảng 6,3% vào năm 2015.

Ngành dịch vụ tiếp tục có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng bình quân chung, giá trị gia tăng bình quân 5 năm dự kiến tăng 9,97%; kim ngạch xuất khẩu tăng 8,1%; kim ngạch nhập khẩu tăng 3,7%. Các ngành dịch vụ chất lượng cao và trình độ cao có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng chung của cả ngành. Du lịch được đẩy mạnh phát triển, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung.

Ngành công nghiệp - xây dựng lấy lại đà tăng trưởng và tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, giá trị gia tăng bình quân 5 năm tăng 9%. Bước đầu hình thành một số khu công nghệ cao hoạt động hiệu quả; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng cao hơn mức tăng chung, công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin ngày càng phát triển mạnh; các khu, cụm công nghiệp đóng góp quan trọng vào phát triển công nghiệp của Thành phố, công nghiệp hỗ trợ được đẩy mạnh. Các làng nghề, phố nghề truyền thống từng bước được củng cố, tích cực xây dựng thương hiệu sản phẩm, nhiều sản phẩm làng nghề được người tiêu dùng trong và ngoài nước ưa chuộng.

Sản xuất nông nghiệp được tập trung chỉ đạo và đạt kết quả tiến bộ, giá trị gia tăng bình quân tăng 2,4%/năm, cao hơn so chỉ tiêu đặt ra, giá trị sản xuất đạt 231 triệu đồng/ha đất canh tác, tăng 1,24 lần so với năm 2010. Nông nghiệp được phát triển theo hướng sinh thái, từng bước ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt và chăn nuôi, tăng tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp và thủy sản. Hình thành và mở rộng một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung có giá trị kinh tế cao; xuất hiện nhiều cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa, hoa, cây ăn quả chất lượng cao, giá trị sản xuất lớn.

Thành phố đã tập trung huy động mọi nguồn lực, ưu tiên đầu tư phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; cải tạo, hạ ngầm hệ thống cáp điện và thông tin liên lạc. Chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải: các tuyến cao tốc, quốc lộ hướng tâm; các tuyến đường, các tuyến trục chính đô thị và các tuyến giao thông quan trọng như: đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Ninh Bình, Hà Nội - Hòa Lạc - Hòa Bình; trục giao thông cửa ngõ Nội Bài - Nhật Tân - Trung tâm Thành phố; tuyến vành đai 3 và tuyến trên cao từ Pháp Vân - Mai Dịch, các đoạn vành đai 2: Ngã Tư Vọng - Ngã Tư Sở, đường 5 kéo dài, Nhật Tân - Cầu Giấy; cầu

Vĩnh Tuy, cầu Nhật Tân; một số tuyến đường nội đô như Ngô Gia Tự, Kim Mã - Trần Phú, Nguyễn Văn Huyền kéo dài v.v...). Hoàn thành 07 cầu vượt giảm ùn tắc giao thông trong khu vực nội đô, xây dựng lại một số cầu yếu. Triển khai thi công các tuyến đường sắt đô thị Hà Đông - Cát Linh, Nhổn - ga Hà Nội; nghiên cứu đề xuất triển khai tuyến Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo. Triển khai tích cực các dự án cải tạo hồ nước, công viên lớn như công viên hồ Yên Sở, v.v...; Thực hiện các công trình hạ tầng điện, cấp, thoát nước, đầu tư trang thiết bị, cơ sở PCCC; Hoàn thành dự án thoát nước giai đoạn 2, một số nhà máy xử lý nước thải góp phần cải thiện môi trường; Đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng về văn hóa, y tế, giáo dục.

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị. Phát triển mạng ống truyền dẫn và phân phối nước sạch, đáp ứng cơ bản về lượng nước cho khu vực đô thị, tăng cường mở rộng ở khu vực nông thôn; Từng bước cải thiện cấp nước trong mùa hè. Thực hiện tốt kế hoạch thoát nước mùa mưa, xử lý một số điểm úng ngập cục bộ, nâng công suất của hệ thống thoát nước. Tăng cường công tác duy tu, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, nâng cao chất lượng quản lý, khai thác. Xây dựng và nâng cấp các hồ; duy trì có hiệu quả hệ thống công viên, từng bước chỉnh trang cây xanh đô thị. Vận hành hệ thống chiếu sáng tiết kiệm, tăng cường chiếu sáng các công trình kiến trúc, văn hóa; tiếp tục lắp đặt chiếu sáng cho các khu dân cư.

Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các khu đô thị mới, khu nhà ở gắn với việc điều chỉnh phân bố dân cư, giảm dần mật độ dân cư nội thành. Diện tích bình quân đầu người toàn Thành phố đạt 22,7 m²/người, trong đó khu vực đô thị đạt 26,4 m²/người. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho các đối tượng có thu nhập thấp, chính sách; xây dựng các khu nhà ở cho sinh viên. Tiếp tục thực hiện cải tạo chung cư cũ, cải thiện nhà ở cho người dân. Tiếp tục triển khai di dời các cơ sở kinh doanh gây ô nhiễm và các cơ quan, đơn vị, bệnh viện, trường đại học, cao đẳng, v.v... ra ngoài khu vực trung tâm Thành phố.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được chú trọng đầu tư xây dựng, hoàn thiện. Hệ thống đê điều, thủy lợi, giao thông nông thôn... được ưu tiên đầu tư củng cố, nâng cấp. Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trụ sở xã được cứng hóa đạt 100%; đường trục thôn, liên thôn được cứng hóa đạt 95%; Tỷ lệ thôn, xóm, cụm dân cư có nhà văn hóa đạt 80,5%, các xã đều có hệ thống loa truyền thanh. Không còn phòng học tạm, dột nát và tình trạng phải học ba ca. 100% số xã có trạm y tế, có bác sỹ và đạt chuẩn quốc gia về y tế. Môi trường nông thôn được quan tâm bảo vệ, tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải ở ngoại thành đạt 90%, 100% dân số nông thôn được sử dụng nước đảm bảo vệ sinh. Kinh tế nông thôn có bước phát triển, đời sống nông dân được cải thiện. Nhiều sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao đã xây dựng được thương hiệu uy tín; bước đầu hình thành một số chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; nhiều hợp tác xã nông nghiệp được củng cố đã nâng cao hiệu quả hoạt động. Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân Thủ đô được cải thiện, từng bước được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tiếp tục tăng lên, dự kiến đạt 33 triệu đồng/người/năm, gấp

2 lần so với năm 2011. Tỷ lệ các hộ có nhà kiên cố và khang trang ngày càng tăng. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 11,2% năm 2011 xuống còn khoảng 2% năm 2015. Tỷ lệ số hộ gia đình có vô tuyến truyền hình, điện thoại cố định và kết nối internet ngày càng tăng cao; số thôn, làng đạt tiêu chuẩn làng văn hóa chiếm 55%.

5. Các khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

a) Tồn tại, hạn chế

- Suy thoái kinh tế chung trên thế giới và cả nước đã ảnh hưởng lớn đến việc huy động vốn đầu tư xã hội của Thủ đô. Thành phố đã tập trung tháo gỡ khó khăn, cải thiện môi trường đầu tư để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều doanh nghiệp đóng cửa, sản xuất kinh doanh đình trệ, thị trường bất động sản trầm lắng, tồn kho lớn đặc biệt là tồn kho bất động sản. Thị trường bất động sản đóng băng trong những năm 2002 - 2013 đã tác động tiêu cực đến lĩnh vực xây dựng, đầu tư kinh doanh bất động sản.

- Hệ thống luật thay đổi nhiều, cơ chế, chính sách về đầu tư, doanh nghiệp, liên tục ảnh hưởng lớn đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Công tác GPMB gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc, khiếu kiện nhiều do cơ chế, quy định thay đổi dẫn đến chậm tiến độ các dự án đầu tư làm tăng tổng mức đầu tư, chi phí.

- Tỷ trọng vốn ngân sách dành cho đầu tư ngày càng giảm, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu đầu tư nên đầu tư công chưa thực sự phát huy vai trò định hướng, thu hút được nguồn vốn đầu tư ngoài NSNN. Quy mô đầu tư công cho công nghiệp còn thấp, cơ cấu đầu tư còn chưa cân đối giữa các vùng; hệ thống hạ tầng kỹ thuật - xã hội ở các vùng xa trung tâm còn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Khả năng đáp ứng nguồn vốn hạn chế nên có nhiều dự án phải giãn, hoãn tiến độ hoặc kéo dài thời gian thực hiện.

- Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước có mức tăng khá. Nhưng hiệu quả hoạt động của nhiều doanh nghiệp nhà nước chưa cao, nhiều doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, còn thua lỗ.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung chủ yếu vào một số ngành dịch vụ, đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến chỉ mới chiếm 23,3% tổng vốn đăng ký và khoảng 24,3% vốn thực hiện. Vốn đầu tư nước ngoài vào ngành nông nghiệp chiếm một tỷ lệ không đáng kể. Tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký còn thấp, chỉ chiếm 67,3%.

b) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Ngoài nguyên nhân khách quan do kinh tế suy thoái, nguồn vốn đầu tư hạn chế, trong khi nhu cầu đầu tư là rất lớn, cơ chế chính sách pháp luật còn chưa theo kịp với vận động thực tiễn thì nguyên nhân chủ quan:

- Thành phố đã nỗ lực tháo gỡ khó khăn, cải thiện môi trường đầu tư nhưng một số thủ tục hành chính còn phức tạp, quy định chồng chéo ảnh hưởng đến môi trường đầu tư.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp quản lý (từ Thành phố đến quận, huyện, xã, phường) ở một số nơi còn chưa quyết liệt, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong triển khai các công việc liên quan đến hoạt động đầu tư chưa chặt chẽ. Một số cấp, ngành chưa thực sự chủ động quan tâm hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, còn tình trạng né tránh khó khăn.

- Năng lực triển khai dự án của các nhà đầu tư/chủ đầu tư còn nhiều hạn chế. Công tác chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị thực hiện còn chưa đảm bảo chất lượng dẫn đến việc vướng mắc trong giai đoạn thực hiện đầu tư, dự án thi công kéo dài, gây lãng phí nguồn lực. Chất lượng tư vấn, năng lực nhà thầu ở một số công trình còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Tình hình phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011 - 2015

a) Tổng vốn đầu tư:

Trong giai đoạn 2011 - 2015, tổng số vốn chi cho đầu tư công của Thành phố là 136.760,52 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- *Nguồn vốn đầu tư công do Thành phố trực tiếp quản lý: 108.467,40 tỷ đồng, bao gồm:*

+ Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 2.137,04 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp (cả cấp thành phố và quận, huyện): 50.168,39 tỷ đồng.

+ Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 57.433 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn ODA: 10.696,19 tỷ đồng (năm 2011-2014 tính theo số giải ngân thực tế, năm 2015 tính theo số dự toán giao đầu năm).

+ Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: Giai đoạn 2011 - 2015, thành phố Hà Nội được tiếp nhận và sử dụng 3.428,9 tỷ đồng để đầu tư cho các dự án thuộc các lĩnh vực: thủy lợi, y tế, kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên, ký túc xá sinh viên.

+ Nguồn vốn xổ số kiến thiết xây dựng Thủ đô: giai đoạn 2011-2015 là 897 tỷ đồng chủ yếu đầu tư cho các dự án thuộc lĩnh vực Y tế và Giáo dục.

+ Huy động trái phiếu xây dựng Thủ đô: 11.400 tỷ đồng tập trung đầu tư cho các công trình trọng điểm của Thành phố (năm 2013 phát hành 4.400 tỷ đồng, năm 2014 phát hành 3.000 tỷ đồng và năm 2015 phát hành 4.000 tỷ đồng).

+ Vốn tín dụng đầu tư phát triển khác: 600 tỷ đồng.

- Vốn phân cấp cho các quận, huyện, thị xã là 28.293,12 tỷ đồng.

b) Đánh giá việc phân bổ vốn theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011 - 2015 do Thủ tướng Chính phủ và HĐND Thành phố quyết nghị

- Trong những năm qua, Thành phố đã thực hiện huy động và phân bổ vốn đầu tư XDCB của Hà Nội đảm bảo thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, tuân thủ các nguyên tắc định hướng của HĐND Thành phố, phù hợp với mục tiêu và định hướng về Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 và Chiến lược phát triển Kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015 đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 06/2011/NQ-HĐND ngày 15/7/2011 với trọng tâm đầu tư: tăng cường đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông và hạ tầng kỹ thuật khung làm cơ sở để đẩy nhanh tiến trình xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại, đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô và cho sự phát triển chung của vùng và cả nước.

- Hàng năm, trước khi triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư, Thường trực HĐND Thành phố và UBND đều tiến hành rà soát kết quả thực hiện các dự án đầu tư XDCB trong năm, căn cứ mục tiêu phát triển, nhu cầu thực tiễn và hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương thống nhất nguyên tắc bố trí vốn cho các dự án xây dựng cơ bản đảm bảo tập trung ưu tiên cho các công trình trọng điểm, các công trình dân sinh bức xúc, giãn tiến độ các công trình chưa thực sự cần thiết cấp bách, hạn chế công trình mới khi chưa hoàn thành các công trình chuyển tiếp, chỉ đạo thực hiện thống nhất trên toàn thành phố và đảm bảo công khai minh bạch.

- Công tác phân bổ vốn được thực hiện theo hướng tập trung cho các công trình trọng điểm (hàng năm thành phố đều dành ít nhất 50% kinh phí XDCB tập trung cho các công trình trọng điểm), ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các công trình chuyển tiếp, hạn chế bố trí vốn cho các dự án mới theo đúng tinh thần của Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong việc khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, tập trung xử lý nợ XDCB (năm 2013, ngân sách Thành phố bố trí cho 164 dự án khởi công mới, nhưng năm 2014 chỉ bố trí 09 dự án mới, và năm 2015 có 32 dự án khởi công mới).

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thành phố đã tiến hành rà soát mục tiêu, mức độ ưu tiên, tính cấp thiết các dự án đầu tư, thực hiện đình hoãn, giãn tiến độ triển khai nhiều dự án chưa thực sự cấp thiết, bức xúc. Năm 2011, Thành phố đã phê duyệt danh mục các dự án dừng triển khai, đình, hoãn, giãn tiến độ, cắt giảm kế hoạch vốn năm 2011 của 68 dự án sử dụng vốn ngân sách thành phố, kinh phí cắt giảm là 437,66 tỷ đồng. Năm 2012, đã quyết định đình, hoãn, giãn tiến độ dự án không được bố trí kế hoạch vốn 3 năm 2012 - 2015, cho phép dừng thủ tục đang triển khai trong các giai đoạn đầu tư XDCB, đồng thời cho phép lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư XDCB và tất toán tài khoản đối với 132 dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố với tổng mức đầu tư được phê duyệt

là 31.320 tỷ đồng và 07 dự án được ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các quận, huyện, thị xã với tổng mức đầu tư là 234 tỷ đồng. Năm 2013, đến hết tháng sáu vẫn còn 09 dự án chưa triển khai nên Thành phố quyết định cắt giảm, thu hồi vốn bổ sung dự phòng ngân sách với số vốn là 160,14 tỷ đồng theo đúng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 24/05/2013 về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách nhà nước.

Thực hiện Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội là địa phương đầu tiên trên cả nước xây dựng và trình HĐND Thành phố phê duyệt Kế hoạch trung hạn vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2013-2015, để định hướng việc phân bổ, quản lý các dự án đầu tư XDCB đảm bảo nguyên tắc tập trung ưu tiên, tránh dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời tăng cường tính minh bạch, chủ động cho các đơn vị thực hiện. Kế hoạch đầu tư hàng năm tuân thủ đúng theo kế hoạch trung hạn. Kiên quyết không bố trí vốn cho các dự án mới không nằm trong kế hoạch trung hạn. Tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thoát, tham nhũng trong lĩnh vực đầu tư XDCB. Tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành thực hiện kế hoạch giám sát đánh giá đầu tư, xử lý những dự án kéo dài, chậm thanh, quyết toán.

c) Kết quả phân bổ vốn kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011 - 2015

Với nguồn vốn đầu tư công 136.760,52 tỷ đồng, Thành phố đã tiến hành phân bổ cho các nhiệm vụ chi, các dự án thuộc các lĩnh vực như sau:

c.1) Phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ:

(i) Các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu là 2.137,04 tỷ đồng:

- + Dự án lĩnh vực hạ tầng đô thị: 434,82 tỷ đồng;
- + Dự án đề điều, thủy lợi: 1.427,351 tỷ đồng;
- + Dự án xây dựng Trường bắn Đồng Đoi: 104,629 tỷ đồng;
- + Thực hiện CTMT quốc gia: 2 tỷ đồng vốn trong nước và 168,24 tỷ đồng vốn ODA.

(ii) Vốn cho Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Phát triển đất để ứng vốn cho các dự án nhà tái định cư, hạ tầng kỹ thuật tái định cư, dự án hạ tầng đấu giá quyền sử dụng đất, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch; ghi thu ghi chi các dự án BT; chi trả nợ và các khoản chi khác là 29.771,473 tỷ đồng.

(iii) Vốn cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố là 41.547,79 tỷ đồng.

(iv) Dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố: 7.850,51 tỷ đồng (chiếm 22,34%);

(v) Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho quận, huyện, thị xã là 6.488,7 tỷ đồng (chiếm 19%).

(vi) Vốn trái phiếu xây dựng Thủ đô bố trí thực hiện các công trình trọng điểm của Thành phố: 11.400 tỷ đồng.

(vii) Vốn trái phiếu Chính phủ: 3.428,901 tỷ đồng bố trí cho các dự án thuộc lĩnh vực đề điều, thủy lợi, y tế, giáo dục.

(viii) Vốn ODA: 10.696,191 tỷ đồng.

(ix) Vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô cho các dự án y tế, giáo dục: 897 tỷ đồng;

(x) Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tập trung cho các dự án kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn: 600 tỷ đồng.

(xi) Vốn phân cấp cho các quận, huyện, thị xã: 28.293,121 tỷ đồng.

c.2) Phân bổ cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố:

Vốn cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố (bao gồm các nguồn vốn tập trung, vốn trái phiếu CP, vốn trái phiếu xây dựng Thủ đô, vốn ODA...) tổng cộng 64.356,712 tỷ đồng (gồm 467,41 tỷ đồng bố trí cho 674 dự án chuẩn bị đầu tư/chuẩn bị thực hiện và 41.080,38 tỷ đồng cho 1.628 dự án giai đoạn thực hiện), gồm:

+ Dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng đô thị: 18.358,386 tỷ đồng (chiếm 28,5%);

+ Dự án sử dụng vốn ODA: 21.481,688 tỷ đồng (gồm 10.785,5 tỷ đồng vốn trong nước đối ứng và 10.696,191 tỷ đồng vốn ODA), chiếm 17,8%;

+ Dự án thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội: 8.740,302 tỷ đồng (chiếm 13,6%);

+ Dự án xây dựng hạ tầng đầu nối khu công nghiệp, thương mại: 570,635 tỷ đồng;

+ Dự án nông nghiệp, thủy lợi, đề điều: 10.570,225 tỷ đồng (chiếm 16,4%);

+ Dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, báo đài: 2.142,51 tỷ đồng (chiếm 3,3%);

+ Hỗ trợ thực hiện dự án thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng, phòng cháy chữa cháy, tư pháp, nội chính: 2.492,966 tỷ đồng (chiếm 3,9%).

2. Tình hình triển khai và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011 - 2015 cho các ngành/lĩnh vực:

a) Lĩnh vực Hạ tầng đô thị

Giai đoạn 2011-2015, tổng số dự án thuộc lĩnh vực Hạ tầng đô thị được giao: 292 dự án; tổng kế hoạch vốn được giao: 18.358,386 tỷ đồng (bao gồm vốn cân đối NSNN là 12.775,257 tỷ đồng cho các dự án XDCB tập trung và 1.040 tỷ đồng cho các dự án chương trình mục tiêu Thành phố về giảm thiểu ùn tắc giao thông và 5.148,31 tỷ đồng vốn huy động trái phiếu xây dựng Thủ đô), trong đó: lĩnh vực xây dựng công trình giao thông: 195 dự án với kế hoạch vốn 15.170,524 tỷ đồng; lĩnh vực cấp thoát nước: 37 dự án với kế hoạch vốn 2.084,653 tỷ đồng; lĩnh vực Môi trường, công viên, chiếu sáng: 23 dự án, kinh phí 520,45 tỷ đồng; các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khác: 27 dự án với kế hoạch vốn đã bố trí 758,694 tỷ đồng. Giá trị giải ngân cơ bản đáp ứng yêu cầu, tiến độ thực hiện của dự án, trung bình khoảng 98,6% kế hoạch giao từng năm, cụ thể:

Năm 2011: 225 dự án (gồm 65 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 160 dự án giai đoạn thực hiện), vốn bố trí 3.329 tỷ đồng.

Năm 2012: 198 dự án (gồm 58 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 140 dự án giai đoạn thực hiện), vốn bố trí 4.104 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2013-2015: Căn cứ Quyết định số 5726/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND Thành phố phê duyệt Kế hoạch đầu tư từ ngân sách thành phố Hà Nội 3 năm 2013-2015; tổng vốn đầu tư cho các dự án là 22.322 tỷ đồng; tuy nhiên đến nay, khả năng cân đối bố trí đạt khoảng 10,925,5 tỷ đồng (Bao gồm cả vốn huy động trái phiếu xây dựng Thủ đô giai đoạn 2013-2015), đạt 55% so với dự toán kế hoạch trung hạn; cụ thể:

Năm 2013: 178 dự án (gồm 37 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 141 dự án giai đoạn thực hiện), vốn bố trí 3.669,8 tỷ đồng;

Năm 2014: 157 dự án (gồm 39 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 118 dự án giai đoạn thực hiện), vốn bố trí 2.797,2 tỷ đồng;

Năm 2015: 101 dự án (gồm 36 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 65 dự án giai đoạn thực hiện), vốn bố trí 4.458,5 tỷ đồng.

Trong đó: + Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2011-2015: 26 dự án; tổng kế hoạch vốn được giao: 1.040 tỷ đồng:

Năm 2011: 20 dự án, vốn bố trí 150 tỷ đồng.

Năm 2012: 21 dự án, vốn bố trí 240 tỷ đồng.

Năm 2013: 23 dự án, vốn bố trí 480 tỷ đồng;

Năm 2014: 17 dự án, vốn bố trí 120 tỷ đồng

Năm 2015: 4 dự án, vốn bố trí 50 tỷ đồng.

+ Có 06 dự án trọng điểm lĩnh vực Hạ tầng đô thị sử dụng 5.148,31 tỷ đồng vốn Trái phiếu xây dựng Thủ đô giai đoạn 2011-2015, đáp ứng được theo tiến độ triển khai của dự án.

b) Các dự án sử dụng vốn ODA:

Trong các năm từ 2011 đến 2015 thành phố Hà Nội đang triển khai 31 dự án ODA với tổng mức đầu tư (đến thời điểm báo cáo) là 110.685 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là: 81.903 tỷ đồng và vốn đối ứng là: 28.777 tỷ đồng.

Trong các năm từ 2011 đến 2015 các dự án ODA đã giải ngân là: 21.481,69 tỷ đồng (trong đó vốn trong nước là 10.785,5 tỷ đồng, vốn ODA là: 10.696,19 tỷ đồng), riêng vốn ODA tính theo số giải ngân thực tế hàng năm và KH 2015 là dự kiến giải ngân vốn ODA, không phụ thuộc kế hoạch vốn giao. Cụ thể giải ngân vốn từng năm như sau:

- Năm 2011 là: 2.034,6 tỷ đồng (trong đó vốn trong nước là 1.055,9 tỷ đồng, vốn ODA là: 1.028,711 tỷ đồng);

- Năm 2012 là: 2.169,934 tỷ đồng (trong đó vốn trong nước là: 792,542 tỷ đồng, vốn ODA là: 1.377,392 tỷ đồng);

- Năm 2013 là 3.159,03 tỷ đồng (trong đó vốn trong nước là 1.461,392 tỷ đồng, vốn ODA là 1.697,638 tỷ đồng);

- Năm 2014 là 5.228,2 tỷ đồng (trong đó vốn trong nước là 3.228,205 tỷ đồng, vốn ODA là 1.999,995 tỷ đồng).

- Kế hoạch vốn năm 2015 được đáp ứng theo tiến độ thực hiện và yêu cầu của Hiệp định thì tổng nhu cầu là 7.544,639 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 5.596,501 tỷ đồng; Vốn trong nước là 1.948,138 tỷ đồng.

c) Lĩnh vực Văn hóa xã hội

(i) Lĩnh vực văn hóa thể thao và du lịch

Lĩnh vực Văn hóa Thể thao Du lịch đầu tư trong giai đoạn 2011-2015 được giao kế hoạch vốn 1.691,402 tỷ đồng (nguồn XDCB: 1.435,952 tỷ đồng thực hiện 31 dự án; nguồn CTMT quốc gia Văn hóa: 255,45 tỷ đồng thực hiện tu bổ 68 di tích). Trung bình hàng năm giải ngân trên 97% kế hoạch.

- Năm 2011: 306,69 tỷ đồng: 25 dự án giai đoạn thực hiện với kinh phí bố trí 283,5 tỷ đồng, 09 dự án giai đoạn CBĐT, kinh phí 23,19 tỷ đồng.

- Năm 2012: 135,57 tỷ đồng: 08 dự án giai đoạn thực hiện với kinh phí bố trí 131,1 tỷ đồng, 06 dự án giai đoạn CBĐT 4,47 tỷ đồng.

- Năm 2013: 450,183 tỷ đồng: 12 dự án giai đoạn thực hiện với kinh phí bố trí 443,633 tỷ đồng (2 công trình trọng điểm), CBĐT 6,55 tỷ đồng cho 6 dự án.

- Năm 2014: 180,909 tỷ đồng: THDA 173,709 tỷ đồng cho 7 dự án (2 công trình trọng điểm), CBĐT 7,200 tỷ đồng cho 04 dự án.

- Năm 2015: 362,6 tỷ đồng: THDA 356,4 tỷ đồng cho 12 dự án; CBĐT 6,1 triệu đồng cho 06 dự án.

(ii) Lĩnh vực y tế

Tổng vốn đầu tư XDCB nguồn ngân sách tập trung cho y tế giai đoạn 2011 - 2015 là 3.677,6 tỷ đồng. Trung bình hàng năm giải ngân trên 96% kế hoạch.

- Năm 2011, lĩnh vực y tế được bố trí 770,9 tỷ đồng cho 31 dự án

- Năm 2012 lĩnh vực y tế được bố trí 552,9 tỷ đồng cho 23 dự án

- Năm 2013 lĩnh vực y tế được bố trí 808,1 tỷ đồng cho 33 dự án

- Năm 2014 lĩnh vực y tế được bố trí 607,5 tỷ đồng cho 19 dự án

- Năm 2015 lĩnh vực y tế được bố trí 938,2 tỷ đồng cho 25 dự án.

Về tình hình huy động từ các nguồn vốn khác để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2011-2015:

- Nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ: 54,698 tỷ đồng, bao gồm 02 dự án: DA xây dựng Bệnh viện ung bướu (hiện đang quyết toán) và DA Xây dựng Bệnh viện Lao Phổi (đã quyết toán năm 2013).

- Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: 13 dự án với tổng kinh phí 63,091 tỷ đồng.

(iii) *Lĩnh vực lao động thương binh và xã hội*: Giai đoạn 2011-2015 lĩnh vực Lao động Thương binh và Xã hội triển khai 20 dự án, với tổng số vốn bố trí là 737,878 tỷ đồng. Giải ngân đạt kế hoạch.

(iv) *Lĩnh vực giáo dục và đào tạo*: Giai đoạn 2011-2015 lĩnh vực giáo dục - đào tạo được bố trí kinh phí đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung của Thành phố khoảng 2.117 tỷ đồng cho 64 dự án. Giải ngân đạt kế hoạch.

d) Lĩnh vực Công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ

- Năm 2011 được bố trí kế hoạch vốn 99,65 tỷ đồng, giải ngân: 97,05 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch.

- Năm 2012: được bố trí kế hoạch vốn 89,7 tỷ đồng, giải ngân: 88,5 tỷ đồng, đạt 98% kế hoạch.

- Năm 2013: được bố trí kế hoạch vốn 90,284 tỷ đồng, giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Năm 2014 được bố trí kế hoạch vốn 120 tỷ đồng, giải ngân đạt 98% kế hoạch.

- Năm 2015: được bố trí kế hoạch vốn 100 tỷ đồng, dự kiến sẽ giải ngân 100% kế hoạch vốn giao.

Tổng giai đoạn 2011-2015 khối CN-TM-DV được bố trí vốn 499,634 tỷ đồng, phân bổ cho 14 dự án, giải ngân 495.834 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch.

e) Khối Nông nghiệp và phát triển nông thôn

(i) Nguồn ngân sách Thành phố:

- Các dự án Thành phố trực tiếp quản lý, trong giai đoạn 2011-2015, dự án ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được giao: 266 dự án; tổng kế hoạch vốn được giao: 10.570,2 tỷ đồng (lĩnh vực nông nghiệp: 50 dự án; kế hoạch 429,052 tỷ đồng; dự án đề điều: 84 dự án với kinh phí 1.192,517 tỷ đồng; dự án thủy lợi có 129 dự án với kế hoạch giao 2.302,139 tỷ đồng; lĩnh vực tài nguyên môi trường có 03 dự án được giao kế hoạch 200,5 tỷ đồng; dự án trọng điểm của Thành phố gồm 04 dự án, kế hoạch giao 169,792 tỷ đồng). Các dự án lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đạt tỷ lệ giải ngân cao, trung bình đạt 97%.

- Năm 2011 giao kế hoạch vốn 738,878 tỷ đồng thực hiện 171 dự án, gồm 70 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 101 dự án giai đoạn thực hiện.

- Năm 2012 giao kế hoạch vốn 1.041,624 tỷ đồng thực hiện 139 dự án, gồm 51 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 88 dự án giai đoạn thực hiện.

- Năm 2013 giao kế hoạch vốn 1.082,956 tỷ đồng thực hiện 133 dự án, gồm 17 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 116 dự án giai đoạn thực hiện.

- Năm 2014 giao kế hoạch vốn 513,07 tỷ đồng thực hiện 70 dự án, gồm 03 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 67 dự án giai đoạn thực hiện.

- Năm 2015 giao kế hoạch vốn 917,472 tỷ đồng thực hiện 95 dự án, gồm 29 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 66 dự án giai đoạn thực hiện.

- Các dự án thuộc 02 Chương trình mục tiêu với tổng kế hoạch vốn được giao 2.970,549 tỷ đồng giai đoạn 2011 - 2015 (Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 116,8 tỷ đồng; CTMT quốc gia Xây dựng nông thôn mới 2.853,749 tỷ đồng):

(ii) Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu:

Giai đoạn 2011-2015, có 19 dự án được giao kế hoạch vốn từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu với tổng vốn được giao: 1.437,351 tỷ đồng giao cho lĩnh vực đề điều: 15 dự án, kế hoạch vốn 683,851 tỷ đồng; dự án thủy lợi: 02 dự án, kế hoạch vốn 300 tỷ đồng; dự án trọng điểm: 01 dự án, kế hoạch vốn 353,5 tỷ đồng; tỷ lệ giải ngân đạt trên 98% kế hoạch giao.

(iii) Nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ: Giai đoạn 2011-2015, có 12 dự án được giao vốn trái phiếu Chính phủ với tổng kế hoạch vốn được giao 1.616,116 tỷ đồng giao cho lĩnh vực dự án đề điều: 07 dự án, kế hoạch giao 32,495 tỷ đồng; dự án thủy lợi: 04 dự án, kế hoạch vốn 364,985 tỷ đồng; dự án trọng điểm: 01 lượt dự án, kế hoạch vốn 1.218,636 tỷ đồng. Các dự án được giao vốn TPCP luôn thực hiện tốt, giải ngân hết kế hoạch vốn giao.

(iv) Vốn Trái phiếu xây dựng Thủ đô: Giai đoạn 2013-2015, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được giao kế hoạch vốn 132,7 tỷ đồng cho 02 dự án trọng điểm (Sông Tích và Yên Nghĩa). Giải ngân hết kế hoạch vốn giao.

(v) Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: Trong 2 năm 2013-2014, có 05 dự án ngành Nông nghiệp và PTNT được sử dụng thêm nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để triển khai (gồm các dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới Trung Hà thay thế nhiệm vụ hồ suối Hai, huyện Ba Vì; Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Hòa Lạc, huyện Mỹ Đức; Di chuyển nâng cấp trạm bơm Đan Hoài, huyện Đan Phượng; Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Sần phần kênh và công trình trên kênh; Nâng cấp tuyến kênh tiêu T1-2 và đoạn kênh T1, huyện Đan Phượng) với tổng mức vốn vay là 133,366 tỷ đồng.

f) Lĩnh vực Khoa học công nghệ - Công nghệ thông tin

Trong giai đoạn 5 năm 2011 - 2015, lĩnh vực khoa học công nghệ - công nghệ thông tin được bố trí 2.142,5 tỷ đồng để thực hiện Xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ như: xây dựng mới, nâng cấp các cơ sở khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; đầu tư nâng cấp, bổ sung trang thiết bị chuyên dùng cho các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các trạm trại thực nghiệm; xây dựng và cải tạo các công trình công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu và xây dựng cổng thông tin điện tử của Thành phố.

- Năm 2011 giao kế hoạch vốn 315,3 tỷ đồng thực hiện 16 dự án, gồm 06 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 10 dự án giai đoạn thực hiện.

- Năm 2012 giao kế hoạch vốn 469,65 tỷ đồng thực hiện 15 dự án, gồm 03 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 12 dự án giai đoạn thực hiện.

- Năm 2013 giao kế hoạch vốn 507,4 tỷ đồng thực hiện 09 dự án, gồm 01 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 08 dự án giai đoạn thực hiện.

- Năm 2014 giao kế hoạch vốn 446,27 tỷ đồng thực hiện 10 dự án, gồm 05 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 05 dự án giai đoạn thực hiện.

- Năm 2015 giao kế hoạch vốn 403,9 tỷ đồng thực hiện 13 dự án, gồm 04 dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 09 dự án giai đoạn thực hiện.

g) Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng - Tư pháp - Nội chính

Trong giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố luôn quan tâm hỗ trợ đầu tư để thực hiện một số dự án lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tư pháp, nội chính phục vụ cho việc đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội giúp giữ vững trật tự an ninh chính trị Thủ đô. Trong 5 năm 2011 - 2015, ngân sách Thành phố hỗ trợ 2.492,966 tỷ đồng để thực hiện dự án lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tư pháp, nội chính, trong đó bố trí khoảng 623,4 tỷ đồng để đầu tư 21 dự án xây dựng một số trụ sở làm việc Công an phường thuộc quận Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Long Biên, Ba Đình, thị xã Sơn Tây và trụ sở Công an quận Hai Bà Trưng, Long Biên và tại các huyện: Thanh Trì, Thường Tín, Phú Xuyên, Thạch Thất, Chương Mỹ, Gia Lâm; Đầu tư xây dựng trụ sở 14 cụm công an phụ trách xã trên địa bàn các huyện phía Tây của Thành phố; Trụ sở Công an Thành phố Hà Nội tại quận Hà Đông với tổng mức đầu tư 358 tỷ đồng; Đầu tư 546,6 tỷ đồng để thực hiện Dự án xây dựng Sở chỉ huy quốc phòng thành phố Hà Nội, doanh trại, Ban chỉ huy quân sự một số huyện, đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - an ninh thành phố Hà Nội, các công trình quốc phòng; Đầu tư 468,67 tỷ đồng vốn NSNN và 832 tỷ đồng vốn trái phiếu xây dựng Thủ đô để đầu tư 2 dự án mua sắm trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và hỗ trợ đầu tư xây dựng 3 công trình trụ sở của Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Hà Nội.

3. Các kết quả đạt được, năng lực tăng thêm ngành, lĩnh vực đầu tư từ nguồn NSNN

a) Phát triển hạ tầng đô thị

- Lĩnh vực giao thông đô thị

+ Hoàn thành các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, trục hướng tâm: Quốc lộ 32 (đoạn Diễn - Nhôn); đường Nhật Tân - Nội Bài; đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên; đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai; Quốc lộ 1A cũ (đoạn Cầu Chui - Cầu Đuống); Quốc lộ 5 kéo dài

+ Hoàn thành các tuyến đường vành đai: Vành đai 1, đoạn Ô chợ Dừa - Hoàng Cầu; Vành đai 2, đoạn Nhật Tân - Xuân La; Vành đai 2,5, đoạn từ Đền Lừ - Kim Đồng, Nguyễn Phong Sắc kép dài; Vành đai 3 : Hoàn thành giai đoạn 2 (đường trên cao) đoạn Mai Dịch - Pháp Vân (Bộ Giao thông vận tải). Vành đai 3,5: Hoàn thành đường Lê Trọng Tấn (Hà Đông) kéo dài đến đại lộ Thăng Long, đoạn Phúc La - Kiến Hưng. Tiếp tục triển khai và dự kiến hoàn thành trong năm 2015 các tuyến vành đai: Vành đai I, đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái; Vành đai 2, đoạn Xuân La - Cầu Giấy; đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng (cơ bản hoàn thành đoạn Ngã Tư Vọng - Tôn Thất Tùng).

- + Hoàn thành 05 tuyến đường chính kết nối trong nội đô²
- + Hoàn thành 15 cầu bắc qua sông thuộc địa bàn Thành phố.
- + Hoàn thành đưa vào sử dụng 07 cầu vượt kết cấu thép lắp ghép, 09 cầu vượt đi bộ để giải quyết một số điểm ùn tắc giao thông. Cơ bản hoàn thành xây dựng hầm cơ giới giao Nguyễn Trãi - Khuất Duy Tiến; cầu vượt nút giao cầu Báy và dự kiến hoàn thành các công trình này trong năm 2015.
- + *Phát triển hệ thống đường giao thông ngoại thành và xây dựng nông thôn mới*, hoàn thành xây dựng, cải tạo một số tuyến trục chính khu trung tâm hành chính huyện, các tuyến đường liên huyện và một số tuyến trục chính của huyện có khả năng kết nối cao với hệ thống đường tỉnh lộ, hệ thống đường chính của Thành phố và các tuyến đường kết nối các khu đô thị mới với mạng lưới đường hiện có.
- + Công tác quản lý, duy trì và khai thác kết cấu hạ tầng giao thông vận tải: Tổ chức quản lý, duy tu 1.838 km đường, 405 cầu các loại, 22 cầu đi bộ, 07 cầu vượt nhẹ kết cấu thép; 07 hầm cơ giới đường bộ, 06 cầu lớn; 33 hầm đi bộ bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn.
- + Phát triển phương tiện giao thông vận tải công cộng: Đã hoàn thành và đưa vào khai thác 09 bãi đỗ xe³. Đưa bến xe Yên Nghĩa vào hoạt động thay cho Bến xe Hà Đông. Đưa vào vận hành Nhà để xe cao tầng tại 315 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân. Thí điểm lắp dựng giàn thép đỗ xe cao tầng tại khu vực phố Trần Nhật Duật và tại khu vực phố Nguyễn Công Hoan.
- *Lĩnh vực bảo vệ môi trường*: Hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật 2 Khu xử lý chất thải (XLCT) tập trung của Thành phố tại huyện Sóc Sơn và thị xã Sơn Tây. Triển khai xây dựng ô chôn lấp rác thải theo công nghệ chôn lấp bán hiếu khí Fukuoka - Nhật Bản tại Khu XLCT Xuân Sơn quy mô 3,3ha, dự kiến hoàn thành trong năm 2015.
- *Lĩnh vực cấp thoát nước*
- + Về cấp nước sạch: Các dự án cấp nước sạch tập trung đã và đang được triển khai đồng bộ theo quy hoạch, hoàn thành xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho các khu vực: Khu vực còn lại của quận Hoàng Mai, các khu vực còn lại các huyện Gia Lâm, Thanh Trì, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm... Triển khai xây dựng cải tạo, mở rộng phạm vi cấp nước sạch cho khu vực các Huyện. Trong 5 năm 2011-2015, chỉ tiêu tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch tăng năm sau cao hơn năm trước: Tổng lượng nước sạch cấp vào mạng lưới cấp nước Thành phố đạt 880.000-900.000m³/ngđ, dân số sử dụng nước sạch đô thị đạt 100% đối với 10 quận; với 2 quận mới Bắc Từ Liêm và Nam Từ Liêm đạt 95%; với các huyện ngoại thành đạt 43,25%.

² Văn Cao - Hồ Tây, Cát Linh - La Thành, La Thành - Thái Hà - Láng, Yên Hòa - Bảo tàng Dân tộc học (Nguyễn Văn Huyền kéo dài); đường Tôn Thất Tùng kéo dài (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lê Trọng Tấn)

³ Bãi đỗ xe Gia Thụy, quận Long Biên; Bãi đỗ xe Lạc Trung, Bãi đỗ xe Đầm Trấu, quận Hai Bà Trưng; Bãi đỗ xe phường Láng Thượng, quận Đống Đa; Bãi đỗ xe trên đường Nghĩa Đô, Bãi đỗ xe đường Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy; Bãi đỗ xe phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai; Bãi đỗ xe tại xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì; Bãi đỗ xe và khu dịch vụ tại ô đất 11.5HH đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân

+ Về thoát nước: Cơ bản đã triển khai cải tạo, công hoá được các điểm ứng ngập cục bộ tại các quận, huyện trên địa bàn Thành phố. Đưa Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở với công suất 200.000m³/ngày vào hoạt động; Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - dự án 2 (ODA Nhật Bản); Dự án xây dựng Trạm xử lý nước thải Hồ Bảy Mẫu và Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung quy mô lớn nhằm cải thiện môi trường Hà Nội tại Yên Xá, Thanh Trì, Hà Nội.

b) Phát triển văn hóa xã hội

- Lĩnh vực văn hóa thể thao và du lịch

+ Trong giai đoạn 2011 - 2015 có 25 dự án được đầu tư, 07 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng. Nhìn chung các dự án đều được thực hiện theo đúng tiến độ. 5 công trình xây dựng phục vụ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long đã đưa vào khai thác sử dụng: Thư viện Hà Nội, trung tâm Văn hóa Kim Đồng, rạp Đại Nam, rạp Công nhân, Trung tâm đào tạo VĐV cấp cao Hà Nội. Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho du lịch hoàn thành vào năm 2015: Đường nối khu du lịch thắng cảnh Hương Sơn đến khu du lịch Tam chúc Khả phong - Hà Nam, đường chợ Sa chợ Tó trong khu di tích Cổ Loa, cảng du lịch Bát Tràng.

Triển khai các dự án thành phần thuộc khu Hoàng Thành Thăng Long Hà Nội, gồm: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực khảo cổ học; Bảo tồn, tôn tạo tường hành cung phía Tây; bảo tồn nhà cục tác chiến và từng bước cải tạo, hoàn trả không gian Điện Kính Thiên; chỉnh trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao thuộc khu di tích Hoàng Thành Thăng Long (giai đoạn 1).

+ Thực hiện Chương trình MTQG về Văn hóa, giai đoạn 2013 - 2015 thực hiện hỗ trợ tu bổ, tôn tạo 68 di tích cấp quốc gia đã xuống cấp nghiêm trọng; 03 dự án thuộc Đề án bảo tồn Làng cổ Đường Lâm (dự án tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ và Lăng Ngô Quyền; tu bổ di tích Đình Cam Thịnh; tu bổ, tôn tạo 12 Điểm cổ và 10 Giếng cổ) với nguồn vốn đã bố trí 255.450 triệu đồng.

- Lĩnh vực y tế:

+ Có 16 Bệnh viện đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, năng lực mới tăng thêm 510 giường, trong đó: 02 dự án xây mới: bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm, huyện Mê Linh, 05 dự án nâng cấp có bổ sung năng lực giường bệnh: bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ, Thanh Oai, Chương Mỹ, Vân Đình, Đan Phượng, 09 dự án cải tạo nâng cấp trên số giường hiện có, không bổ sung thêm năng lực giường bệnh: Đức Giang, Lao phổi, Thạch Thất, Ba Vì, Mỹ Đức, Ung Bướu, Đống Đa, Phú Xuyên, Quốc Oai. Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng được quản lý, sử dụng đúng mục tiêu đầu tư, đảm bảo hiệu quả đầu tư, trong đó, năm 2015 có 06 bệnh viện hoàn thành xây dựng là: Đức Giang, Đống Đa, Thanh Oai, Mê Linh, Phú Xuyên, Quốc Oai.

+ Thành phố đã triển khai đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp để duy trì và nâng tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế (đến hết năm 2014, đã có 574/584 xã/phường/thị trấn đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế,

đạt 98,3%; dự kiến cuối năm 2015 sẽ có 582/584 xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt 99,7%).

+ Mặc dù nguồn lực hạn chế nhưng Thành phố đã tập trung đầu tư có hiệu quả cho hệ thống y tế cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thành chỉ tiêu kinh tế - xã hội thuộc kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011-2015 lĩnh vực y tế. Kết quả đạt được: tỷ lệ giường bệnh/vạn dân (*có tính tỷ lệ 20% giường bệnh Trung ương phục vụ dân Hà Nội*) đến cuối năm 2015 đạt 21,1 (*vượt chỉ tiêu kế hoạch là 20 giường bệnh/vạn dân*), tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế đến cuối năm 2015 đạt 100%.

- *Lĩnh vực lao động thương binh xã hội và đoàn thể*: Đã hoàn thành 16 dự án đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả đầu tư: Bổ sung 198 giường điều dưỡng cho Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công Hà Nội để thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội; 02 trường nghề hoàn thành có khả năng phục vụ 7.900 học sinh; lĩnh vực bảo trợ xã hội có 03 công trình hoàn thành năng lực tiếp nhận tăng thêm 168 đối tượng; lĩnh vực nhà tang lễ có thêm 10.214 m² sử dụng với 04 công trình; lĩnh vực nghĩa trang có 02 dự án cải tạo quy mô 42 ha; lĩnh vực bảo trợ có quy mô tiếp nhận tăng 398 đối tượng với 04 công trình; lĩnh vực phòng chống tệ nạn năng lực tiếp nhận tăng 1.500 đối tượng với 02 công trình hoàn thành, trong đó có 01 công trình cung cấp nước sạch; lĩnh vực công trình trụ sở cơ quan tăng 13.000 m² sàn với 01 công trình hoàn thành.

- *Lĩnh vực giáo dục và đào tạo*: xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp được hơn 1.250 phòng học phổ thông trung học, trung cấp, cao đẳng từ nguồn XDCB tập trung ngân sách Thành phố nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ trường học trên địa bàn Thành phố.

+ Các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được cải thiện rõ rệt theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ, hiện đại. Cơ bản xóa phòng học tạm, phòng học nhờ, cấp 4 xuống cấp, làm cho diện mạo các trường ngày càng thay đổi, rút ngắn khoảng cách về cơ sở vật chất giữa các trường trong toàn Thành phố. Nhiều công trình Xây dựng cơ bản và một số công trình trọng điểm được tập trung đầu tư xây dựng mới, như Dự án THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam kinh phí 429 tỷ đồng; dự án xây dựng Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ gần 300 tỷ đồng; Dự án xây dựng Trường Trung cấp đa ngành Sóc Sơn tại huyện Sóc Sơn là 178 tỷ đồng. Dự án xây dựng Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục với kinh phí 126 tỷ đồng... được triển khai theo hướng hiện đại, chuẩn hóa.

+ Phát triển hệ thống trường công lập đạt chuẩn quốc gia được coi là một trong những điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục. Trong 5 năm qua, Thành phố đã tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho các trường cận chuẩn để nâng cao tỷ lệ trường chuẩn quốc gia nên số trường đạt chuẩn quốc gia đã tăng lên đáng kể, đạt chỉ tiêu kế hoạch Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố và HĐND Thành phố đề ra. Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia được công nhận giai đoạn 2011-2015 dự kiến là 500 trường, tăng trung bình 100 trường/năm. Dự kiến đến cuối năm 2015, tỷ lệ trường chuẩn quốc gia là 45,3% (1.115/2.455 trường); trong

đó tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia là 52,4% (1.086/2.070 trường). Riêng khối PTTH năm 2010 có 17 trường THPT công lập đạt chuẩn, hết năm 2014 đạt 38 trường, đạt 36%, dự kiến đến cuối năm 2015 có 47 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 52,4%.

c) Phát triển nông nghiệp và nông thôn

Giai đoạn 2011-2015, đã có 133 dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (lĩnh vực nông nghiệp có 18 dự án, 57 dự án đê điều, 58 dự án thủy lợi), cơ sở hạ tầng phục vụ SXNN, năng lực hệ thống công trình thủy lợi, đê điều được tăng lên, cụ thể:

- *Nông nghiệp*: Xây dựng hạ tầng vùng sản xuất rau tập trung 662,5 ha, hạ tầng thủy sản 90 ha, vùng sản xuất hoa tập trung 93,5 ha, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phòng chống cháy rừng: 4.600 ha, xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho 2.600 hộ.

- *Đê điều*: Hoàn thành 65,1 km kè chống sạt lở bờ sông; cải tạo, nâng cấp và kiên cố hoá mặt đê, cơ đê được 114,2 km đảm bảo an toàn đê điều.

- *Thủy lợi*: Hoàn thành 20 trạm bơm, nâng cấp và hoàn thành 04 hồ chứa, 29 tuyến/hệ thống kênh; nâng diện tích đảm bảo tưới thêm 11.193 ha, đảm bảo tiêu chủ động 20.123 ha; cải tạo, nâng cấp kiên cố hóa 162,5km kênh tưới, tiêu các loại.

- *Các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương* đạt tỷ lệ giải ngân rất cao, trung bình đạt 98%. Đã hoàn thành 13 công trình kè; năm 2014 khởi công dự án Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh tiêu T1, huyện Đan Phượng; dự kiến cuối năm 2015 công trình trọng điểm Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú hoàn thành công trình đầu mối và 12,2 km kênh dẫn, đảm bảo thông dòng, đưa nước sông Đà vào sông Tích.

- *Các dự án sử dụng vốn TPCP* đạt tỷ lệ giải ngân xấp xỉ 100%. Đã hoàn thành 13 công trình kè, hồ chứa nước Đồng Xô và Xuân Khanh, công trình nâng cấp đê Hữu Hồng (Sen Chiểu); góp phần đẩy nhanh tiến độ dự án Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú; năm 2015 khởi công dự án Nâng cấp trực chính Hệ thống thủy lợi sông Nhuệ (từ đường vành đai 4 đến hết hệ thống sông Nhuệ).

d) Phát triển công nghiệp - thương mại - dịch vụ

Trong giai đoạn 2011-2015, lĩnh vực Công nghiệp-Thương mại-Dịch vụ có 16 dự án, trong đó có 11 dự án hoàn thành. Việc các dự án lĩnh vực CN-TM-DV hoàn thành đã khớp nối các khu công nghiệp với các trục giao thông, phát huy hiệu quả đầu tư, giải quyết khâu then chốt về hạ tầng đối với các Khu công nghiệp Quang Minh I, Quang Minh II, Sóc Sơn, Nam Hà Nội và Sài Đồng A. Tạo điều kiện căn bản để các doanh nghiệp xây dựng và hoạt động, đầu tư trong khu công nghiệp, giải quyết tăng trưởng GDP, công ăn việc làm cho lao động địa phương. Góp phần quan trọng thúc đẩy sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

Giải quyết tồn tại về công tác đầu tư xây dựng đối với các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động chưa được đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung nhằm khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường tại các cụm công nghiệp đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng cuộc sống của người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, cộng đồng dân cư.

Bên cạnh đó, trụ sở làm việc của các Đội quản lý thị trường đi vào hoạt động, ổn định nơi làm việc cho cơ quan quản lý thị trường, góp phần kiểm soát tốt hơn tình hình buôn bán hàng lậu, hàng giả, hàng nhái qua biên giới...

e) Phát triển khoa học công nghệ, thông tin và truyền thông

- Thực hiện mục tiêu phát triển khoa học công nghệ tại Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm của Thành phố Hà Nội, giai đoạn 2011-2015 Thành phố triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KHCN của Hà Nội, tập trung vào các cơ sở phục vụ cho chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ. Hoàn thành Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ được xây dựng tại Khu công nghệ cao Hoà Lạc năm 2015 với quy mô 2,1 ha; Dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường năm 2015. Ngoài ra Thành phố đang tập trung đầu tư cho dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên ở Tây Hồ và Trung tâm Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm tại Đông Anh nhằm mục tiêu phát triển thị trường và tăng cường việc chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ. Các dự án này sẽ hoàn thành và phát huy hiệu quả trong giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội tại kỳ họp thứ 5, khóa XIV, Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND Thành phố về Chương trình mục tiêu “Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015”, giai đoạn 2011-2015 Thành phố đã tập trung đầu tư các thành phần cơ bản của Chính quyền điện tử Thủ đô từ nhiều nguồn lực; đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình. Hạ tầng thông tin của Thành phố được xây dựng và hoàn thiện; các ứng dụng dùng chung như phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ cho công chức và viên chức ... đã được triển khai; Tỷ lệ cuộc họp giao ban trực tuyến giữa Thành phố với các sở, ngành, quận, huyện đạt 80%; trên 20 hệ thống thông tin và CSDL, trong đó có những CSDL quan trọng như CSDL dân cư đã được hoàn thành. Nguồn vốn ĐTPT tập trung cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và các hệ thống thông tin, CSDL của một số lĩnh vực quan trọng như: Dự án Trung tâm đào tạo CNTT và TT (giai đoạn I) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đạt kết quả tốt; tiếp tục đầu tư Trung tâm đào tạo CNTT và TT (giai đoạn II) để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực CNTT cho Chính quyền điện tử Thành phố; Dự án Hệ thống họp trực tuyến phục vụ công tác quản lý, điều hành của Thành phố Hà Nội giai đoạn 3 đảm bảo hạ tầng để thực hiện giao ban trực

tuyển từ Thành phố đến các phường, xã; nâng cấp hạ tầng CNTT và xây dựng các CSDL dân cư, tài chính, giáo dục đào tạo...

- Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Đề án số hoá truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020, UBND Thành phố đã tập trung đầu tư cho các dự án về cơ sở hạ tầng truyền dẫn, phát sóng kỹ thuật số. Dự án Xây dựng, lắp đặt cột anten và trung tâm truyền dẫn phát sóng Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội tại Mễ Trì đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với cột anten cao 250m và 01 trung tâm truyền dẫn phát sóng 05 tầng với kỹ thuật hiện đại. Đây là dự án có khả năng phát sóng song song cả 2 dạng ANALOG và kỹ thuật số, mở rộng vùng và chất lượng phát sóng, đảm bảo điều kiện kỹ thuật cho việc số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất theo đúng lộ trình của Chính phủ. Dự án Chuyển đổi công nghệ số hóa sản xuất – phát sóng truyền hình Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội giai đoạn 2013-2015 đang được đầu tư nhằm hoàn thiện chuyển đổi dây chuyền sản xuất theo công nghệ số HDTV tại kênh 1 và thiết bị công nghệ số tại các khâu tiền kỳ, hậu kỳ phát sóng tại kênh 2. Giai đoạn 2011-2015 đã đầu tư chuyển đổi dây chuyền sản xuất theo công nghệ số HDTV tại kênh 1.

f) Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng - Tư pháp - Nội chính:

- Lĩnh vực PCCC, Thành phố đã hỗ trợ cải tạo 3 công trình trụ sở của Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố và 2 quận, cải thiện đáng kể điều kiện làm việc và nâng cao đáng kể sức chiến đấu của các chiến sỹ PCCC, đặc biệt là tại sở chỉ huy và 2 quận Long Biên và Cầu Giấy. Đầu tư trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy cho 10 phòng, đảm bảo an toàn cho các chiến sỹ trong công tác chữa cháy, đồng thời mở rộng phạm vi ứng cứu cháy, nổ, nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn Thủ đô.

- Lĩnh vực an ninh - quốc phòng, Thành phố đã hoàn thành 1 công trình phòng thủ và tiếp tục thực hiện đầu tư 01 công trình, từng bước hoàn thiện hệ thống phòng thủ của Thành phố. Đã hoàn thành Sở chỉ huy A2 và Hội trường Bộ tư lệnh Thủ đô; hỗ trợ đầu tư 03 doanh trại tiểu đoàn chiến đấu, 03 trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện, 01 kho xăng dầu. Các dự án này, một mặt cải thiện đáng kể điều kiện làm việc và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu cho cán bộ, chiến sỹ Thủ đô, mặt khác tăng cường khả năng ứng cứu trong các tình huống khẩn cấp: cứu hộ, cứu nạn,... Ngoài ra, đã hỗ trợ hoàn thành xây dựng nhiều hạng mục Trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh, qua đó cải thiện môi trường học tập và huấn luyện cho các cán bộ, chiến sỹ và các đối tượng học viên của nhà trường.

- Lĩnh vực Tư pháp: 01 dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng (Dự án đầu tư xây dựng trụ sở Phòng công chứng số 10 tại huyện Ba Vì) và 01 dự án dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2016 (Dự án xây dựng công trình trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh).

g) Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các quận, huyện, thị xã

Giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố đã thực hiện hỗ trợ có mục tiêu là 7.499,5 tỷ đồng cho các quận, huyện, thị xã để thực hiện các dự án dân sinh bức xúc. Tổng số dự án hoàn thành trong 5 năm là 260 dự án, trong đó:

- *Công trình giao thông*: Hoàn thành 143 dự án với 372,9 km đường giao thông nông thôn góp phần từng bước hoàn thiện quy hoạch kinh tế xã hội và các quy hoạch khác, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- *Công trình trường học*: Hoàn thành 50 dự án trường học với 170 phòng học và các hạng mục phụ trợ khác góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy và học tập và nâng cao tỷ lệ trường chuẩn nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn nhằm đạt mục tiêu chung của địa phương và Thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

- *Công trình kiên cố hoá kênh mương*: Hoàn thành 4 dự án với 14,3 km kênh tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- *Công trình trụ sở xã*: 13 trụ sở xã được hoàn thành phục vụ cải cách hành chính theo kế hoạch 148/KH-UBND ngày 8/10/2010 của UBND Thành phố và Quyết định 1441/QĐ-TTg ngày 6/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Công trình y tế*: Hoàn thành 2 trạm y tế xã phục vụ công tác khám chữa bệnh kịp thời cho nhân dân địa phương.

- *Công trình văn hoá*: Hoàn thành 6 Trung tâm văn hoá thể thao cấp huyện và 1 nhà văn hoá thôn đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá cộng đồng; tu bổ 15 dự án di tích và nhiều dự án khác.

- *Công trình vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn*: Hoàn thành 2 dự án xây dựng điểm tập kết rác thải trên địa bàn các xã của 2 huyện và 01 dự án cấp nước sạch nông thôn.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Giai đoạn 2011-2015, Thành phố Hà Nội được tiếp nhận và sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ tổng cộng là 2.909.420 triệu đồng; được phân bổ cho 4 lĩnh vực:

- + Lĩnh vực thủy lợi: 12 dự án, kế hoạch vốn là 1.282.000 triệu đồng;
- + Lĩnh vực y tế: 02 dự án, kế hoạch vốn là 55.000 triệu đồng;
- + Lĩnh vực kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên: 36 dự án, kế hoạch vốn là 68.580 triệu đồng.

- + Lĩnh vực ký túc xá sinh viên: 10 dự án, kế hoạch vốn là 1.503.840 triệu đồng.

UBND thành phố Hà Nội đã phân bổ kế hoạch vốn hàng năm đúng danh mục và mức vốn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Kết quả cụ thể như sau:

- + Lĩnh vực thủy lợi đã có 10 dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng. Đã cơ bản hoàn thành phần hồ chân chống sạt lở 06 công trình kè với tổng chiều dài 11,7 km và 01 công trình nâng cấp đê Hữu Hồng (Sen Chiểu) với chiều dài 3,35 km đảm bảo an toàn đê điều, tính mạng tài sản của nhân dân; Hoàn thành cải tạo, sửa chữa 02 hồ chứa nước Đồng Xô và Xuân Khanh, đảm bảo cung cấp nước tưới cho 461

ha đất nông nghiệp; Cơ bản hoàn thành 01 trạm bơm góp phần cung cấp nước tưới cho 5.356 ha; thực hiện triển dự án Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú dự án trọng điểm của Thành phố; năm 2015 khởi công dự án Nâng cấp trực chính Hệ thống thủy lợi sông Nhuệ (từ đường vành đai 4 đến hết hệ thống sông Nhuệ) dự án thực hiện theo Quy hoạch sông Nhuệ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 937/QĐ-TTg ngày 01/7/2009.

+ Lĩnh vực y tế đã hoàn thành 02 dự án, giải ngân 100% kế hoạch vốn đã giao.

+ Lĩnh vực kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên đã hoàn thành 36 dự án, bàn giao đưa vào sử dụng, giải ngân 100% kế hoạch vốn là 68.580 triệu đồng.

+ Lĩnh vực ký túc xá sinh viên: Hiện tại có 06 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng với 242.990 m² sàn xây dựng, đáp ứng cho 23.338 học sinh, sinh viên; trong đó: 04 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2013 với khoảng 30.892 m² sàn xây dựng, đáp ứng cho 4.600 học sinh, sinh viên: Dự án Ký túc xá tại trường Đại học Thủy lợi, Dự án ký túc xá tại trường Đại học Việt Hung (Cao đẳng Việt Hung); Dự án ký túc xá Đại học Ngoại thương và Dự án ký túc xá trường Đại học Nông nghiệp. Hiện tại 04 Dự án này số lượng sinh viên vào ở đã lấp đầy theo quy mô thiết kế. 02 dự án hoàn thành xong phần thô trong năm 2014 với 212.098 m² sàn xây dựng, đáp ứng cho 18.438 học sinh: Dự án nhà ở cho học sinh, sinh viên Pháp Vân - Tứ Hiệp và Dự án Mỹ Đình II . 04 dự án đang triển khai đáp ứng chỗ ở 9.180 sinh viên (Dự án ký túc xá trường Đại học Lâm nghiệp, Dự án ký túc xá trường Đại học Điện lực, Dự án ký túc xá trường Đại học Sư phạm và Dự án Ký túc xá Học viện hành chính Hồ Chí Minh).

+ Đối với các dự án nhà ở học sinh, sinh viên, ngoài 04 dự án đã đưa vào khai thác sử dụng, 06 dự án còn lại đang phải tạm dừng thiếu vốn khoảng 1.531,94 tỷ đồng trong đó 2 khu ký túc xá tập trung cần 1.340,5 tỷ đồng (chỉ tính vốn giá trị khối lượng xây lắp mà chưa tính vốn đầu tư thiết bị đồ rời như bàn ghế, giường, tủ...) 04 khu ký túc xá các trường khoảng 191.39 tỷ đồng. Các dự án ký túc xá này trước đây được đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ nay không được tiếp tục bố trí bổ sung đều chưa hoàn thành dự án do thiếu vốn. Cần bổ sung 67 tỷ để hoàn thành thanh, quyết toán cho Dự án nhà ở cho học sinh, sinh viên Mỹ Đình II và 602 tỷ từ nguồn vốn trung ương để đầu tư trang thiết bị nội thất công trình cho Dự án nhà ở cho học sinh, sinh viên Pháp Vân - Tứ Hiệp.

IV. ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI, VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG, VỐN VAY KHÁC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Vốn trái phiếu Thủ đô

- Giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố lên kế hoạch phát hành 9.400 tỷ đồng (năm 2013 đã phát hành 4.400 tỷ đồng, năm đã 2014 phát hành 3.000 tỷ đồng và năm 2015 đã phát hành 2.000 tỷ đồng) để bổ sung vốn đầu tư cho các công trình

công trình trọng điểm, các dự án ODA trong danh mục trọng điểm đã được HĐND Thành phố phê duyệt tại Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 và số 16/NQ-HĐND ngày 05/12/2014. Tính đến hết tháng 9/2015, Thành phố đã hoàn thành 10 dự án: gồm 05 dự án cầu vượt tại nút giao Nam Hồng trên tuyến đường Mai Dịch - Nội Bài, nút giao đường Nguyễn Chí Thanh và đường Láng, nút giao Lê Văn Lương - đường Láng, nút giao Láng Hạ - Thái Hà, nút giao Chùa Bộc - Thái Hà; hoàn thành Đường vành đai 1 (ô Chợ Dừa - Hoàng Cầu) và Đường vào phía đông Khu tưởng niệm Chu Văn An, huyện Thanh Trì; đã cơ bản hoàn thành, thông xe Đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long), Dự án Xây dựng trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ; XD hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực khảo cổ học 18 Hoàng Diệu.

Trong năm 2015, Thành phố đang tập trung, ưu tiên bố trí vốn thực hiện để hoàn 12 dự án: Đường vành đai I (đoạn Ô Đống Mác - Nguyễn Khoái); Đường vành đai 2, đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng; Phát triển giao thông đô thị Hà Nội; Xây dựng nút giao thông trung tâm quận Long Biên (đầu tư theo hình thức hợp đồng BT); Nút giao thông đường đô thị Bắc Thăng Long - Văn Trì với tuyến đường sắt Bắc Hồng - Văn Điển; Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II; Mở rộng khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn (giai đoạn 2); Xây dựng và cải tạo Bệnh viện đa khoa Đức Giang; Dự án Đầu tư trang thiết bị PCCC, cứu nạn cứu hộ cho 10 phòng hiện có; 03 dự án quy hoạch: Quy hoạch chi tiết 1/500 khu Hoàng Thành Thăng Long - Thành cổ Hà Nội; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực khảo cổ học 18 Hoàng Diệu; Dự án Quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở lực lượng PCCC TP Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và bố trí đủ vốn đối ứng cho 03 dự án sử dụng vốn ODA.

2. Tình hình phân bổ và thực hiện vốn ODA

- Giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố Hà Nội đang triển khai 27 dự án ODA (không tính các dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư). Tổng mức đầu tư của các dự án là 90.471 tỷ đồng, trong đó 67.014 tỷ đồng vốn ODA và 23.457 tỷ đồng vốn đối ứng trong nước.

- Thành phố đã thực hiện phân bổ 16.639 tỷ đồng vốn cho các dự án ODA, trong đó có 10.635 tỷ đồng vốn ODA và 6.004 tỷ đồng vốn đối ứng từ ngân sách Thành phố. Đến hết năm 2014, đã thực hiện giải ngân 11 dự án hoàn thành là 5.775 tỷ đồng trong đó vốn ODA là 2.952 tỷ đồng và vốn trong nước là 2.853 tỷ đồng. Lũy kế giải ngân của 16 dự án chuyển tiếp là 13.820 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 7.938 tỷ đồng và vốn trong nước là 5.882 tỷ đồng.

3. Vốn Xổ số kiến thiết xây dựng Thủ đô

Giai đoạn 2011 - 2015, thành phố Hà Nội đã tập trung hỗ trợ đầu tư nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô cho các công trình xây dựng thuộc các lĩnh vực: Giáo dục, y tế theo cơ chế quản lý qua dự toán ngân sách hàng năm. Tổng cộng nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô đầu tư giai đoạn 2011-2015 là 897 tỷ đồng (trong đó: năm 2011: 155 tỷ đồng; năm 2012: 170 tỷ đồng; năm 2013: 185 tỷ đồng; năm

2014: 180 tỷ đồng; năm 2015: 207 tỷ đồng) đầu tư cho 101 dự án (trong đó: 33 dự án trạm y tế, trung tâm y tế; 68 dự án trường học).

Tính đến hết năm 2014, có 64 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả vốn đầu tư, một số đã được gắn biển công trình được đầu tư bằng nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô. Dự kiến giai đoạn 2011-2015 có 82 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả vốn đầu tư bằng nguồn Xổ số kiến thiết Thủ đô. Cụ thể: đối với lĩnh vực trường học: có 544 phòng học được tăng thêm (xây dựng mới), 28 trường học được công nhận trường chuẩn quốc gia về giáo dục, góp phần đáp ứng nhu cầu dạy và học tập của con em Thủ đô; Đối với lĩnh vực y tế: có 33 công trình trạm y tế, trung tâm y tế được cải tạo và xây dựng mới và đạt chuẩn quốc gia về y tế cơ sở, góp phần phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân của Thủ đô. Việc đầu tư các công trình trường học, y tế cơ sở bằng nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô trên địa bàn Hà Nội đã đem lại hiệu quả cao, đảm bảo đúng các quy định về sử dụng nguồn vốn xổ số kiến thiết.

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC

Năm 2013, 2014, 2015, Thành phố Hà Nội được Bộ Tài chính phân bổ 400 tỷ đồng từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi để thực hiện các Chương trình kiên cố hóa kênh mương, đầu tư các dự án đường giao thông nông thôn, trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn theo Nghị quyết của Chính phủ, cụ thể :

Năm 2013: Tại Quyết định số 1058/QĐ-BTC và 2068/QĐ-BTC, Bộ Tài chính phân bổ cho Hà Nội vay 250 tỷ đồng để thực hiện 03 dự án xây dựng trạm bơm cải tạo nâng cấp hệ thống tưới, nâng cấp trạm bơm, nâng cấp tuyến kênh tiêu và 01 dự án đường giao thông tỉnh lộ và hỗ trợ cho các huyện xây dựng 13 dự án xây dựng đường giao thông nông thôn và 01 dự án xây dựng kiên cố hóa kênh mương.

Năm 2014 : Tại Quyết định số 950/QĐ-BTC ngày 08/5/2014, Bộ Tài chính phân bổ cho Hà Nội vay 100 tỷ đồng để thực hiện 03 dự án xây dựng trạm bơm cải tạo nâng cấp hệ thống tưới, di chuyển nâng cấp trạm bơm và 02 dự án đường giao thông tỉnh lộ và hỗ trợ cho các huyện xây dựng 5 dự án xây dựng đường giao thông nông thôn và 01 dự án xây dựng kiên cố hóa kênh mương.

Năm 2015 : Tại Quyết định số 615/QĐ-BTC ngày 06/4/2015, Bộ Tài chính phân bổ cho Hà Nội vay 50 tỷ đồng để thực hiện 02 dự án xây dựng trạm bơm cải tạo nâng cấp hệ thống tưới tiêu của Thành phố và hỗ trợ cho các huyện xây dựng 5 dự án xây dựng đường giao thông nông thôn.

Các dự án sử dụng vốn vay tín dụng ưu đãi, cùng với vốn ngân sách địa phương, dự kiến đến cuối năm 2015 sẽ có 02 dự án xây dựng trạm bơm, 01 dự án kiên cố hóa kênh mương và 13 dự án đường giao thông nông thôn được hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, đem lại hiệu quả tưới cho 500 ha, tiêu 2.740 ha, 3,5 km kênh mương và khoảng 23,5 km đường giao thông nông thôn.

VI. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Trong giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố đã triển khai 18 chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố. Các chương trình cơ bản hoàn thành và hoàn thành vượt mức mục tiêu đề ra. Tổng vốn đầu tư cho 18 chương trình mục tiêu là 17.119.595 triệu đồng gồm vốn ngân sách trung ương là 706.170 triệu đồng, vốn ngân sách Thành phố là 16.413.425 triệu đồng. Ngoài ra Thành phố đã huy động 7.100.000 triệu đồng từ nguồn tín dụng, nguồn thu để lại cho đầu tư phục vụ cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Cụ thể như sau:

1. Chương trình MTQG việc làm và dạy nghề: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 31/8/2012; UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013-2015 tại văn bản số 159/KH-UBND ngày 29/11/2012. Tổng vốn đầu tư 416.756 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 94.205 triệu đồng, vốn địa phương là 322.551 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt, cụ thể:

- Số lao động được giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2015: khoảng 700.750 người, trung bình 140.150 người/năm.
- Đổi mới và phát triển dạy nghề: đến năm 2015 đang triển khai 04 nghề.
- Kết quả đào tạo nghề lao động nông thôn 2011-2015: 127.763 người.
- Kết quả tạo việc làm từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2015: 142.300 người, trung bình: 28.460 người/năm.

* *Các chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch:* Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài không thực hiện được; Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Nguyên nhân:

- Chỉ tiêu Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: Do thị trường xuất khẩu lao động có thu nhập cao như Hàn Quốc dừng lại từ năm 2012, các thị trường khác như Đài Loan, Mailaxia, Trung Đông,... không hấp dẫn nên người lao động thuộc đối tượng ưu đãi hầu như không tham gia, thị trường Nhật bản tuy thu nhập cao nhưng tiêu chuẩn tuyển chọn cao, tiền đặt cọc quá lớn nên rất khó khăn cho các đối tượng ưu đãi.

- Chỉ tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề do số lượng đối tượng học ít, phân tán rải rác trên địa bàn nhiều huyện, do vậy để tổ chức đủ lớp học khó khăn, đồng thời chưa có định mức chi cụ thể theo nghề.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 08/10/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013-2015 tại văn bản số 156/KH-UBND ngày 29/11/2012. Tổng vốn đầu tư 815.999 triệu đồng từ nguồn ngân sách địa phương.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt, cụ thể:

- Số hộ giảm nghèo: 129.092 hộ (trung bình 25.818 hộ/năm). Đến cuối năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo còn 0,96% theo chuẩn của Hà Nội (nếu theo chuẩn quốc gia thì còn 0,27%).

- Thực hiện Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 30/11/2012 của UBND Thành phố, mục tiêu đến năm 2015 phấn đấu:

+ Giảm hộ nghèo bình quân 1,5-1,8% năm, đến năm 2015 số hộ nghèo giảm còn dưới 8%;

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt từ 50% trở lên;

+ Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ Trung học phổ thông và tương đương đạt trên 85%;

+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế là 100%;

+ Giảm tỷ lệ sinh bình quân từ 0,01% đến 0,02% năm;

Trong 3 năm (2013-2015) tạo việc làm mới cho 2.948 lượt người. Bình quân hàng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,2-1,5%; năm 2013 tỷ lệ hộ nghèo bình quân của các xã vùng dân tộc giảm còn 10,69%, tuy nhiên vẫn còn 2 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao như xã Ba Vì (huyện Ba Vì) 35,7%; xã An Phú (huyện Mỹ Đức) 19,52%; năm 2014 các xã vùng dân tộc miền núi phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,5-2 %, bình quân toàn vùng còn khoảng 8,75%.

3. Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số 3212/QĐ-UBND ngày 21/5/2013. Tổng vốn đầu tư 285.209 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 215.790 triệu đồng, vốn địa phương là 69.419 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt.

Thực hiện xong chuẩn bị đầu tư cho 06 dự án đầu tư thí điểm cấp nước sạch liên xã tại các huyện Thường Tín, Thanh Oai, Mê Linh, Phú Xuyên, Ứng Hòa và Mỹ Đức. Đã hỗ trợ xây dựng bể lọc xử lý nước sinh hoạt cho các hộ gia đình. Triển khai các dự án cấp nước sạch bằng nguồn vốn vay Ngân hàng thế giới theo các chỉ tiêu Bộ NN&PTNT giao cho thành phố Hà Nội. Để tận dụng mọi nguồn lực thực hiện và hoàn thành các mục tiêu của Chương trình, Thành phố có chủ trương xã hội hóa, khuyến khích đầu tư của nhiều thành phần kinh tế. Đến nay đã có 06 Trạm cấp nước đã được các doanh nghiệp đưa vào hoạt động; 08 Trạm cấp nước đang được các doanh nghiệp tiếp nhận, triển khai đầu tư.

Đến hết năm 2015, khu vực nông thôn ngoại thành Hà Nội phấn đấu đạt:

- 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- 38% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ y tế.

- 80% số hộ gia đình có nhà tiêu HVS.

- 100% số trường học, trụ sở UBND, trạm y tế xã có nước và nhà tiêu HVS.

- 75% số hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi HVS.

* *Các chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch:* Chỉ tiêu người dân nông thôn được sử dụng nước sạch (38%/60%), chỉ tiêu số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh (80%/100%), chỉ tiêu số hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh (75%/80%).

Nguyên nhân:

- Nhiều nơi, nguồn nước ngầm, nước mặt (nguyên liệu để sản xuất nước sạch) bị ô nhiễm nặng, chưa kịp thời khắc phục xử lý.

- Nguồn vốn ngân sách đầu tư cho NSNT còn hạn hẹp

- Người dân nông thôn và chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm đầu tư cho nước sạch tại địa phương mình, gia đình mình, còn tư tưởng trông chờ vào ngân sách Thành phố.

4. Chương trình MTQG y tế: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 04/9/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013-2015 tại văn bản số 151/KH-UBND ngày 22/11/2012. Tổng vốn đầu tư 165.804 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 88.554 triệu đồng, vốn địa phương là 77.250 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt.

Các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế cơ bản đảm bảo đạt và vượt kế hoạch: các chỉ tiêu về phòng chống bệnh lao, sốt xuất huyết, phòng bệnh phổi tắc nghẽn và mãn tính, chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em... Trong giai đoạn không để xảy ra dịch lớn, khi xảy ra dịch đều đã chủ động dập dịch kịp thời (như dịch sởi đầu năm 2014).

5. Chương trình MTQG dân số và kế hoạch hóa gia đình: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1199/QĐ-TTg ngày 31/8/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số 163/KH-UBND ngày 30/11/2012. Tổng vốn đầu tư 157.849 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 99.731 triệu đồng, vốn địa phương là 58.118 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt.

Tính trung bình giai đoạn 2011-2015, các chỉ tiêu về dân số và Kế hoạch hóa gia đình đều đạt và vượt kế hoạch được giao. Một số chỉ tiêu vượt kế hoạch như: chỉ tiêu Giảm tỷ suất sinh bình quân hàng năm đạt trung bình 0,3%/năm (chỉ tiêu giao: 0,2%/năm), chỉ tiêu về Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 đến hết năm 2014 đạt 1,22% (chỉ tiêu giao 0,3%/năm), hiện kết quả 6 tháng đầu năm đạt 0,3%; chỉ tiêu về tỷ lệ trẻ sơ sinh được khám sàng lọc đến hết năm 2014 đạt 47,6% (chỉ tiêu giao 45%).

Đối với chỉ tiêu về sàng lọc trước sinh và sơ sinh vượt kế hoạch được giao do trong những năm gần đây thành phố Hà Nội rất chú trọng đầu tư cho công tác

này (phê duyệt đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh, thành lập Trung tâm chẩn đoán trước sinh và sơ sinh - bệnh viện phụ sản Hà Nội,...).

6. Chương trình MTQG vệ sinh an toàn thực phẩm: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1228/QĐ-TTg ngày 07/9/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số 152/KH-UBND ngày 22/11/2012. Tổng vốn đầu tư 100.123 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 15.065 triệu đồng, vốn địa phương là 85.058 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt. Các chỉ tiêu đề ra đều đạt kế hoạch, trong giai đoạn 2011-2015, trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ ngộ độc tập thể với quy mô lớn.

7. Chương trình MTQG phòng chống HIV/AIDS: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 31/8/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số 148/KH-UBND ngày 20/11/2012. Tổng vốn đầu tư 45.056 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 23.306 triệu đồng, vốn địa phương là 21.750 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt. Thành phố đã thực hiện hoàn thành và vượt so với các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được giao; đặc biệt là các chỉ tiêu: Tỷ lệ cán bộ làm công tác phòng chống HIV/AIDS ở các ban ngành, đoàn thể của địa phương được đào tạo về truyền thông phòng, chống HIV/AIDS; Tỷ lệ người nhiễm HIV mắc Lao được điều trị đồng thời Lao và ARV; Tỷ lệ phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV;...

8. Chương trình MTQG về văn hóa: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 05/9/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số 50/KH-UBND ngày 20/3/2013. Tổng vốn đầu tư 570.125 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 22.770 triệu đồng, vốn địa phương là 547.355 triệu đồng.

Kết quả đạt được giai đoạn 2011-2015: Về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt. Chương trình đã cơ bản góp phần nâng cao được nhận thức của nhân dân trong việc gìn giữ và phát huy di sản văn hóa và truyền thống văn hóa dân tộc.

Về mục tiêu tu bổ di tích, hoàn thành các dự án tu bổ, tôn tạo di tích: chùa Trăm Gian - huyện Chương Mỹ, chùa Láng - quận Đống Đa; triển khai thực hiện tu bổ các dự án thuộc Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 20/3/2014 của UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Văn hóa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013-2015 và Đề án “Đầu tư tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị di tích Làng cổ xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây” giai đoạn 2014-2020 tại Quyết định số 4142/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của UBND Thành phố.

Về công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể, hoàn thành nội dung thực hiện của Đề án kiểm kê di sản phi vật thể, trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể.

Đối với mục tiêu hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đào tạo lại cán bộ, diễn viên cho các loại hình nghệ thuật truyền thống, do số tiền còn hạn chế nên việc đầu tư mới mang tính bổ sung không đồng bộ, vì vậy chưa phát huy hết hiệu quả (hiện đang thực hiện hỗ trợ nhạc cụ cho một số CLB ca trù trên địa bàn Thành phố).

9. Chương trình MTQG giáo dục và đào tạo: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 05/9/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013-2015 tại văn bản số 162/KH-UBND ngày 30/11/2012. Tổng vốn đầu tư 494.741 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 57.105 triệu đồng, vốn địa phương là 437.636 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt.

- Năm 2014, thành phố Hà Nội đã được công nhận phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi; 80% trẻ khuyết tật được giáo dục hòa nhập; phần đầu để được công nhận đã hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 trong năm 2014. Đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, thực hiện phân luồng học sinh sau THCS. Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ phổ cập bậc THPT và tương đương đạt 89%. Không có người mù chữ trong độ tuổi 15 đến 35. Thực hiện biên soạn và trang bị lần đầu bộ giáo trình giảng dạy nếp sống văn minh - thanh lịch trong các trường tiểu học - THCS - THPT của Thành phố (kỷ niệm 1000 năm Thăng Long). 100% giáo viên được bồi dưỡng để thực hiện giảng dạy theo chương trình sách giáo khoa mới của Bộ.

- Triển khai thực hiện Dự án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân”: đã đào tạo và cấp chứng chỉ theo chuẩn cho giáo viên dạy môn ngoại ngữ cho khoảng 5.230 giáo viên (riêng 2015 đào tạo 1.700 giáo viên), dự kiến 2015 hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên để đảm bảo tiêu chuẩn triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đầu tư thiết bị cho 480 phòng học ngoại ngữ.

- Tập trung hỗ trợ trang thiết bị phục vụ học tập của học sinh vùng miền núi: Mua sắm trang thiết bị và hỗ trợ học phẩm, hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường học miền núi, vùng khó khăn. Tăng cường cơ sở vật chất trường học, hỗ trợ xây dựng các phòng học và trang thiết bị dạy học. Dự kiến đến cuối năm 2015, tỷ lệ trường chuẩn quốc gia là 45,3% (1.115/2.455 trường); trong đó, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia là 52,4% (1.086/2.070 trường). Đầu tư ngân sách xây dựng trường mầm non, tiểu học cho 14 xã đồng bào vùng dân tộc miền núi; năm 2015 dự kiến hoàn thành đầu tư đạt chuẩn quốc gia trường THPT dân tộc nội trú Ba Vì.

10. Chương trình MTQG phòng chống ma túy: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1203/QĐ-TTg ngày 15/11/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013-2015 tại văn bản số 144/KH-UBND ngày 15/11/2012. Tổng vốn đầu tư 201.869 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 77.644 triệu đồng, vốn địa phương là 124.225 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt.

- Số xã phường không tệ nạn ma túy: 13 (Chỉ tiêu đánh giá cuối kỳ).
- Điều tra, khám phá án ma túy (xử lý hình sự): 14.822 vụ.
- Số xã phường không tệ nạn ma túy ngày càng giảm.

11. Chương trình MTQG phòng chống tội phạm: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1217/QĐ-TTg ngày 06/9/2012; UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013-2015 tại văn bản số 145/KH-UBND ngày 16/11/2012. Tổng vốn đầu tư 17.050 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 5.450 triệu đồng, vốn địa phương là 11.600 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt. Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án trên 75%, trong đó các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 95%.

12. Chương trình MTQG sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1427/QĐ-TTg ngày 02/10/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số 145/KH-UBND ngày 16/11/2012. Tổng vốn đầu tư 38.893 triệu đồng, trong đó vốn trung ương là 6.550 triệu đồng, vốn địa phương là 32.343 triệu đồng.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Về cơ bản đã hoàn thành kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt.

Đã tổ chức tuyên truyền thông qua phương tiện thông tin đại chúng về tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng. Tổ chức tập huấn giới thiệu các giải pháp, công nghệ tiết kiệm năng lượng tiên tiến, phổ biến mô hình quản lý năng lượng điển hình cho đại biểu của khoảng 2.500 doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố; Tổ chức 7/7 lớp tập huấn cho 400 cán bộ kỹ thuật, tuyên truyền viên trong ngành điện lực về nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật, tiết kiệm điện trong hệ thống phân phối điện lực; Phối hợp với Tổng Cục năng lượng tổ chức 04 lớp đào tạo, cấp chứng chỉ cán bộ quản lý năng lượng cho 145 học viên của các doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm.

Hỗ trợ kiểm toán năng lượng, đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng hiệu quả cho 126 cơ sở công nghiệp, 42 toà nhà Xây dựng mô hình trình diễn sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng và mô hình quản lý năng lượng cho 09 doanh nghiệp, 6 mô hình tòa nhà.

Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong ngành giao thông vận tải. Xây dựng thí điểm định mức kinh tế kỹ thuật tiêu thụ năng lượng trong quá trình vận hành phương tiện giao thông vận tải cho 03 tuyến xe buýt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, sử dụng năng lượng tái tạo thay thế nhiên liệu truyền thống trong giao thông vận tải.

13. Chương trình MTQG ứng phó với biến đổi khí hậu: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 30/8/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số

5400/QĐ-UBND ngày 21/11/2012. Tổng vốn đầu tư 5.615 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành kế hoạch UBND Thành phố phê duyệt. Triển khai xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hà Nội, thực hiện điều tra, khảo sát chi tiết, thu thập thông tin về hiện trạng và tác động biến đổi khí hậu đến tài nguyên môi trường và phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội, dự báo mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ứng với các kịch bản khác nhau, xác định các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thực hiện nhiệm vụ: “Tuyên truyền nâng cao nhận thức, tác động và các biện pháp ứng phó với Biến đổi khí hậu cho các cán bộ thuộc các ngành, lĩnh vực, địa phương và cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố Hà Nội”. Triển khai thực hiện nhiệm vụ “Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Thành phố Hà Nội”, theo khung hướng dẫn cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

14. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số 2333/QĐ-UBND ngày 25/5/2010. Tổng vốn đầu tư 12.143.440 triệu đồng từ ngân sách địa phương, chưa tính phần huy động 7.100.000 triệu đồng từ nguồn tín dụng, nguồn thu để lại cho đầu tư.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành theo đúng kế hoạch UBND Thành phố phê duyệt. Năm 2015, ước có thêm 70 xã đạt chuẩn Nông thôn mới. Như vậy, lũy kế đến hết năm 2015 sẽ có 179 xã đạt chuẩn Nông thôn mới (chiếm 46,4% tổng số xã, vượt kế hoạch đề ra là 40%); 01 huyện Nông thôn mới (Đan Phượng), ngoài ra có 03 huyện đã đủ điều kiện, đang chuẩn bị trình công nhận huyện Nông thôn mới là: Đông Anh (18/23 xã đạt Nông thôn mới), Hoài Đức (15/19 xã đạt Nông thôn mới), Thanh trì (13/15 xã đạt Nông thôn mới).

15. Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 05/9/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số 121/KH-UBND ngày 13/9/2012. Tổng vốn đầu tư 60.195 triệu đồng từ nguồn vốn địa phương.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành theo đúng kế hoạch UBND Thành phố phê duyệt.

- Đã tổ chức 13 khóa đào tạo nhằm “Tăng cường năng lực cán bộ TT&TT cơ sở”.

- Nội dung “Tăng cường cơ sở vật chất hệ thống TT&TT cơ sở”: 06 huyện (16 xã)/ 06 huyện (16 xã) đã triển khai các dự án đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác thông tin và truyền thông cổ động, hệ thống phát thanh, phát hình, máy tính và đường truyền internet đến các điểm bưu điện văn hóa xã, nhà văn hóa xã, hỗ trợ thiết bị thu tín hiệu, thiết bị nghe - xem và các thiết bị phụ trợ,

trang bị phương tiện tác nghiệp cho cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở; nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất hệ thống phát thanh, phát hình,...

- Nội dung “Tăng cường nội dung TT&TT cơ sở”: đã xây dựng, phát sóng chương trình phát thanh - truyền hình: Đài PTTH HN tiếp tục phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và UBND 6 huyện để thực hiện và phát sóng các chương trình trong chuyên mục Kinh tế Ngoại thành, Nông thôn Thủ đô hội nhập và phát triển; đưa tin vào các bản tin thời sự; đưa tin tức, phóng sự, phỏng vấn vào chương trình phát thanh Nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Công tác đưa báo về cơ sở đang được thực hiện theo kế hoạch của UBND Thành phố. Đến nay 16 xã và 157 thôn của 6 huyện tham gia chương trình đều nhận được báo để phục vụ nhân dân; tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh giúp đông đảo cán bộ, nhân dân được biết thông tin.

16. Chương trình MTQG khắc phục và cải thiện ô nhiễm môi trường: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 02/9/2012. UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn Thành phố tại văn bản số 565/QĐ-UBND ngày 24/01/2013. Tổng vốn đầu tư 7.770 triệu đồng từ nguồn vốn địa phương.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành theo đúng kế hoạch UBND Thành phố giao.

Tiến hành điều tra, khảo sát và đánh giá hiện trạng môi trường tại 12 làng nghề giết mổ gia súc, gia cầm, cơ kim khí, lọc sừng, chế biến thực phẩm, mây tre đan, đồ gỗ mỹ nghệ.

Khảo sát, xác định được trên địa bàn Thành phố có 45 vị trí ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật trên địa bàn Thành phố. Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường tại 05 khu vực tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật bị ô nhiễm nghiêm trọng. Tiến hành phân tích, đánh giá chất lượng môi trường tại 01 điểm ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật khu Bốt Điện, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng. Xây dựng dự án cải thiện và phục hồi môi trường tại điểm tồn lưu hóa chất BVTV khu Lò Gạch, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ. Tập trung triển khai thực hiện dứt điểm 2 dự án xử lý ô nhiễm làng nghề tại xã Thanh Thùy và dự án cải thiện và phục hồi môi trường tại điểm tồn lưu hóa chất BVTV khu Lò Gạch, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ.

17. Chương trình mục tiêu thành phố Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 28/8/2012. Tổng vốn đầu tư 462.507 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành và có một số chỉ tiêu hoàn thành vượt mức so với kế hoạch.

- Về hạ tầng kỹ thuật CNTT: Các thành phần cơ bản của Chính quyền điện tử Thủ đô đã được hình thành, bao gồm:

+ Trung tâm Dữ liệu Nhà nước của Thành phố được xây dựng theo chuẩn TIA-3 đã đưa vào hoạt động từ năm 2012. Đến nay đã di trú trên 160 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn của 60 đơn vị.

+ Mạng WAN (mạng diện rộng) của Thành phố đã kết nối tới 100% sở, ngành, quận, huyện, thị xã, 144 xã/phường (dự kiến hết năm 2015 sẽ là 264 xã/phường), 05 đơn vị hiệp quản. Mạng nội bộ LAN, kết nối Internet, các trang thiết bị tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính và trang thiết bị cơ bản đã được đầu tư tại các đơn vị để phục vụ giải quyết công việc của cán bộ, công chức tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố.

+ Hệ thống an toàn thông tin được bước đầu triển khai đáp ứng được yêu cầu cấp bách đảm bảo an toàn các hệ thống tin trong cơ quan nhà nước. Sở Thông tin và Truyền thông đã thành lập Bộ phận chuyên trách đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình vận hành hệ thống CNTT của Thành phố.

- Về ứng dụng CNTT:

+ Các ứng dụng dùng chung của Thành phố đã được triển khai đưa vào vận hành, khai thác, sử dụng: Thiết lập hệ thống thư điện tử cung cấp cho 30.000 công chức, viên chức; Triển khai phần mềm quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, phần mềm Một cửa điện tử liên thông được triển khai thống nhất 100% Sở Ban Ngành, UBND các Quận, Huyện, Thị xã và Xã, Phường, Thị trấn. Thành phố đã triển khai đẩy mạnh việc chuyển nhận văn bản điện tử, giao ban trực tuyến trong công tác chỉ đạo điều hành.

+ Thành phố đã đầu tư xây dựng trên 20 hệ thống thông tin và CSDL chuyên ngành như: Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Giấy phép đăng ký kinh doanh cấp Huyện, Quản lý Hộ tịch, Quản lý thanh toán vốn đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Mạng thông tin Thành uỷ-HDND-UBND, Bảo hiểm xã hội, Quy hoạch xây dựng, Công thương, Bưu chính viễn thông, Quản lý đầu tư ứng dụng CNTT, Quản lý cán bộ công chức viên chức,... trong đó có những CSDL quan trọng như CSDL dân cư đã được hoàn thành trong năm 2014.

+ Các ứng dụng phục vụ công dân, doanh nghiệp rất được chú trọng: Cổng Giao tiếp điện tử Thành phố đã cung cấp 100% thông tin chỉ đạo điều hành của UBND Thành phố và cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công dân, doanh nghiệp; 100% các đơn vị có Website/cổng thông tin điện tử, cung cấp 100 % dịch vụ công mức 2 và gần 300 dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4, trong đó có những dịch vụ công đạt tỷ lệ giao dịch trực tuyến trên 70-80%. Thành phố đã triển khai ứng dụng CNTT đánh giá sự hài lòng của công dân, tổ chức về cung cấp dịch vụ hành chính của các cơ quan nhà nước, năm 2014 thí điểm tại 4 đơn vị.

+ Một số lĩnh vực quan trọng trong đời sống của người dân Thành phố cũng từng bước được ứng dụng CNTT: như hệ thống cấp giấy phép lái xe, camera kiểm soát giao thông, hệ thống thẻ vé điện tử, cấp hộ chiếu phổ thông, phần mềm y tế cho các bệnh viện, ứng dụng CNTT trong giáo dục và đã đạt được kết quả ban đầu.

18. Chương trình mục tiêu thành phố: giảm thiểu ùn tắc giao thông giai đoạn 2011-2015. UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 24/8/2012. Tổng vốn đầu tư 1.130.594 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015: Hoàn thành và hoàn thành vượt mức so với kế hoạch.

- Nhiều công trình cầu vượt đã được đầu tư, hoàn thành, đã giải quyết được dứt điểm tình trạng ùn tắc giao thông tại các nút giao thông mà trước đây từng là điểm nóng về tình trạng ùn tắc giao thông như nút Láng Hạ - Thái Hà; Lê Văn Lương – đường Láng; Nguyễn Chí Thanh - đường Láng; nút giao Nguyễn Chí Thanh – Kim Mã (nút Daewoo), nút giao Đại Cồ Việt - Trần Khát Chân...

- Công tác tuyên truyền được tiến hành đồng bộ, thường xuyên, đa dạng với nhiều hình thức phong phú đã tạo sự chuyển biến tích cực về ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trong việc giữ gìn trật tự an toàn giao thông. Ý thức tham gia giao thông của người dân cũng đã có chuyển biến tích cực; số lượng người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tăng lên.

- Công tác giải tỏa hành lang an toàn giao thông, giải tỏa việc lấn chiếm lòng đường, vỉa hè; công tác xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông được duy trì thường xuyên, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông trên các tuyến đường đặc biệt là các tuyến đường hướng tâm.

- Triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như tổ chức cải tạo một số nút, tuyến đường; di chuyển các điểm đỗ, dừng xe buýt chưa hợp lý; xén dải phân cách để mở rộng làn đường lưu thông phương tiện để tổ chức lại giao thông; lắp đặt, điều chỉnh chu kỳ đèn tín hiệu giao thông; xây dựng cầu cho người đi bộ; lắp đặt một số đèn benley qua sông góp phần giảm thiểu ùn tắc giao thông tại các nút, tuyến đường giao thông có lưu lượng giao thông lớn và thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông đặc biệt trong giờ cao điểm.

- Trước khi thực hiện CTMT (7/2012), trên địa bàn Thành phố có 89 điểm, tuyến đường ùn tắc và có nguy cơ ùn tắc giao thông. Dự kiến đến hết năm 2015, giảm được 59 điểm, tuyến đường. Tuy nhiên lại phát sinh 21 điểm, tuyến đường ùn tắc và có nguy cơ ùn tắc mới trên địa bàn Thành phố. Như vậy, các điểm thường xuyên xảy ra ùn tắc trên toàn địa bàn Thành phố tính đến thời điểm hết năm 2015 là 51 điểm, tuyến đường. Tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn hàng năm đều giảm cả 3 chỉ tiêu về số vụ, số người chết, số người bị thương so với các năm trước./.

- Phối hợp chặt chẽ với UBND các quận huyện để có phương án về tiến độ chi tiết triển khai GPMB, đẩy nhanh tiến độ giải ngân để đảm bảo tiến độ các dự án trọng điểm;

- Chủ động liên hệ, bám sát các sở ngành, UBND Thành phố để giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo khó khăn vướng mắc đến cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết.

5. Tăng cường cải cách hành chính, rà soát, kiện toàn các Ban quản lý dự án để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

- Tăng cường chỉ đạo đôn đốc các sở, ban, ngành và các Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch tiến độ chi tiết thực hiện các công trình; thường xuyên, định kỳ đôn đốc, kiểm tra và giải quyết các vướng mắc trong triển khai thực hiện của các chủ đầu tư đảm bảo chất lượng, tiến độ được phê duyệt.

- Lãnh đạo các Sở ngành trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về giải quyết kịp thời khó khăn vướng mắc cho các dự án. Đối với các thủ tục hành chính vướng tại các cơ quan trung ương, đề nghị các sở, ban, ngành và Chủ đầu tư kịp thời báo cáo lãnh đạo Thành phố vào cuộc, đôn đốc để sớm được giải quyết.

- Tập trung ưu tiên, giải quyết nhanh nhất thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ trên cơ sở đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tăng cường trách nhiệm của Lãnh đạo các sở ngành, quận, huyện, thị xã, cán bộ công chức trong giải quyết thủ tục hành chính qua thủ tục một cửa, liên thông.

- Rà soát các ban quản lý dự án để bổ sung tăng cường cán bộ có năng lực điều hành, triển khai dự án; Kiện toàn, sắp xếp lại ban quản lý dự án theo quy định của Luật Xây dựng. Nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ ban quản lý dự án hiện có hoặc thành lập ban quản lý dự án mới để quản lý các dự án đầu tư theo hình thức PPP của Thành phố.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư:

- Thực hiện báo cáo giám sát đánh giá đầu tư theo quy định;

- Thực hiện giao ban kiểm điểm tiến độ định kỳ để giải quyết khó khăn vướng mắc đối với các nhóm dự án.

7. Tăng cường phối hợp chặt chẽ và tranh thủ sự giúp đỡ của Chính phủ và các Bộ ngành trung ương

- Để đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô giai đoạn 2017-2020 và các năm tiếp theo, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 06/01/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020, trong đó xác định: *“Huy động tối đa mọi nguồn lực tạo bước đột phá về tăng cường đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông và hạ tầng kỹ thuật khung làm cơ sở để đẩy nhanh tiến trình xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại”*, UBND thành phố Hà Nội đề xuất, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ một số nội dung sau:

+ Cho phép thành phố Hà Nội được giữ lại 100% nguồn thu từ bán cổ phần của Thành phố trong các doanh nghiệp để có nguồn lực cho đầu tư phát triển.

+ Giải ngân vốn ODA: để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án ODA, đề nghị cơ quan trung ương không áp mức trần vốn ODA mà cho phép thực hiện giải ngân theo tiến độ thực hiện và tiến độ cấp vốn theo cam kết của nhà tài trợ nước ngoài theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 76 Luật Đầu tư công.

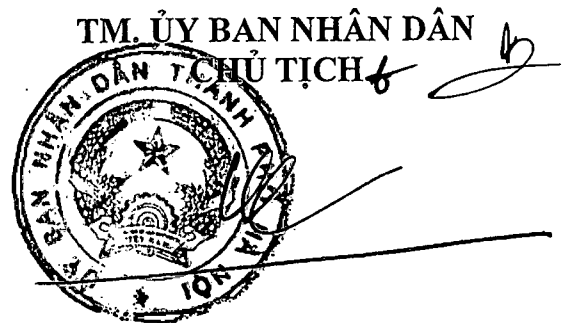
+ Tăng mức đầu tư các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương để thực hiện một số công trình, dự án quan trọng có quy mô đầu tư lớn thuộc lĩnh vực môi trường, giao thông, thủy lợi mang ý nghĩa thúc đẩy phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ do thành phố Hà Nội quản lý vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Thủ đô.

- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành Trung ương, các chủ đầu tư để thực hiện các dự án của Trung ương trên địa bàn; các tổ chức, nhà tài trợ vốn ODA để bố trí nguồn vốn ODA cho Thành phố, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong đầu tư và xây dựng, hỗ trợ về thủ tục đầu tư, cơ chế chính sách để thực hiện tốt Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả thực hiện Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của cấp Thành phố, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét và thông qua./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KTNS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KT, ĐT, KGVX, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT Công.



Nguyễn Đức Chung

TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011-2015	NHU CẦU KH 5 NĂM 2016-2020		DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020																Ghi chú
			Số dự án	Tổng Nhu cầu	TỔNG CỘNG		NGUỒN VỐN THỰC HIỆN							DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HÀNG NĂM							
					Kinh phí	Số dự án	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn XSKT	Vốn tín dụng ĐTP	Vốn vay khác (TPXDĐT)	Tổng cộng	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14	15	16	17	18	19	20	18
	TỔNG CỘNG (A+B)	82.818.750	1.017	249.315.155	90.909.557	280	80.860.685	1.019.000	6.858.688	466.184	955.000	750.000		90.909.557	16.158.937	74.750.620	17.276.253	18.501.500	19.321.867	19.651.000	Dự kiến vốn ODA theo thông báo của Bộ KHĐT tại VB số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 về dự kiến phân bổ KH trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 và năm 2017
	Nhu cầu cấp thiết cần bố trí vốn trong giai đoạn 2016-2020		471	151.783.082																	
	Nhu cầu lĩnh hoạt đáp ứng theo nguồn vốn thực tế (bổ sung nếu có)		546	97.532.073																	
A	BỐ TRÍ THU HỒI ỨNG TRƯỚC, VỐN THANH QUYẾT TOÀN VÀ DỰ PHÒNG	2.886.891		1.427.986	10.518.986		9.113.651	548.966	685.869		95.500	75.000		10.518.986	150.000	10.368.986	1.875.000	2.352.000	2.663.000	3.478.986	
1	Bố trí thu hồi các khoản ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2015 chưa bố trí nguồn để thu hồi			427.986	427.986			427.986						427.986		427.986	25.000	132.000	133.000	137.986	Chi tiết thu hồi vốn NSTW ứng trước tại Phụ lục số 7
2	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành	2.886.891		1.000.000	1.000.000		1.000.000							1.000.000	150.000	850.000	150.000	220.000	230.000	250.000	Số giai đoạn 2011-2015 bao gồm chi trả
3	Dự phòng (10%)				9.091.000		8.113.651	120.980	685.869		95.500	75.000		9.091.000		9.091.000	1.700.000	2.000.000	2.300.000	3.091.000	
B	VỐN PHÂN BỐ HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CẤP HUYỆN, THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, DỰ ÁN ĐẦU TƯ XDCB	79.931.859	1.017	247.887.169	80.390.571	280	71.747.034	470.034	6.172.819	466.184	859.500	675.000		80.390.571	16.008.937	64.381.634	15.401.253	16.149.500	16.658.867	16.172.014	
I	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN	7.355.707		9.677.764	9.677.764		8.818.264				859.500			9.677.764	2.807.264	6.870.500	1.966.500	1.635.000	1.634.500	1.634.500	
1	Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các quận, huyện, thị xã	5.324.500		7.400.000	7.400.000		7.400.000							7.400.000	1.494.000	5.906.000	1.476.500	1.476.500	1.476.500	1.476.500	Phụ lục số 2
2	Ngân sách Thành phố hỗ trợ đặc thù cho một số huyện, thị xã	1.164.207		606.000	606.000		606.000							606.000	306.000	300.000	300.000				Phụ lục số 3
3	Hỗ trợ các quận, huyện, thị xã xây dựng trường học, trạm y tế từ nguồn vốn ngân sách và vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô	867.000		859.500	859.500						859.500			859.500	195.000	664.500	190.000	158.500	158.000	158.000	Phụ lục số 4
4	Ngân sách Thành phố hỗ trợ một số quận, huyện, thị xã xây dựng trường học đạt chuẩn			812.264	812.264		812.264							812.264	812.264						
II	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	7.850.510		8.685.000	6.436.000		6.436.000							6.436.000	1.613.050	4.822.950	1.409.750	1.199.100	1.177.200	1.036.900	Phụ lục số 5
II.1	CTMT quốc gia	6.257.409		7.679.000	5.430.000		5.430.000							5.430.000	1.460.000	3.970.000	1.216.800	979.100	957.200	816.900	
1	Xây dựng nông thôn mới	3.905.449		7.679.000	5.430.000		5.430.000							5.430.000	1.460.000	3.970.000	1.216.800	979.100	957.200	816.900	
2	Các CTMT quốc gia khác trong giai đoạn 2011-2015	2.351.960																			
II.2	CTMT Thành phố	1.593.101		1.006.000	1.006.000		1.006.000							1.006.000	153.050	852.950	192.950	220.000	220.000	220.000	
1	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước TPHN	462.507		6.000	6.000		6.000							6.000	6.000						Chương trình sử dụng vốn sự nghiệp; Chi trả vốn ĐTP 6 tỷ đồng năm 2016
2	Giảm thiểu ùn tắc giao thông	1.130.594		1.000.000	1.000.000		1.000.000							1.000.000	147.050	852.950	192.950	220.000	220.000	220.000	
III	VỐN XDCB TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ	64.725.642	1.017	229.524.405	64.276.807	280	56.492.770	470.034	6.172.819	466.184		675.000		64.276.807	11.588.623	52.688.184	12.025.003	13.315.400	13.847.167	13.500.614	Phụ lục số 6

STT	Nội dung	THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011-2015	NHU CẦU KH 5 NĂM 2016-2020		DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020																Ghi chú
			Số dự án	Tổng Nhu cầu	TỔNG CỘNG		NGUỒN VỐN THỰC HIỆN							DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HÀNG NĂM							
					Kinh phí	Số dự án	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn XSKT	Vốn tín dụng DTPT	Vốn vay khác (TPXDTĐ)	Tổng cộng	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		178	88.622.749	32.872.521	178	25.219.484	470.034	6.141.819	466.184		575.000		32.872.521	8.439.873	24.432.648	9.323.803	6.404.935	4.128.000	4.575.910	Nhu cầu vốn ODA dự kiến: 59.265 tỷ đồng
	Dự án khởi công năm 2016		102	16.516.824	9.026.850	102	8.895.850		31.000			100.000		9.026.850	3.118.100	5.908.750	2.551.200	2.242.050	1.115.500		Nhu cầu vốn ODA dự kiến: 4.697 tỷ đồng
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp thiết triển khai		191	26.252.758	21.777.436		21.777.436							21.777.436	30.650	21.746.786		4.518.415	8.453.667	8.774.704	
	Trong đó: Công trình trọng điểm				24.645.874	24	18.971.759	321.851	4.676.174	101.090		575.000		24.645.874	3.108.290	21.537.584	6.051.239	5.886.935	4.943.500	4.655.910	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 sắp xếp theo khả năng nguồn vốn		546	97.532.073																	
	Bổ trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XD CB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...)			600.000	600.000		600.000							600.000		600.000	150.000	150.000	150.000	150.000	
1	Khối Hạ tầng đô thị	18.358.386	284	81.547.422	21.960.956	83	21.960.956							21.960.956	3.741.716	18.219.240	4.254.769	4.585.200	4.766.364	4.612.907	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		48	7.389.187	6.838.585	48	6.838.585							6.838.585	1.871.816	4.966.769	2.675.769	1.641.000	200.000	450.000	
	Dự án khởi công năm 2016		35	6.577.562	5.775.400	35	5.775.400							5.775.400	1.862.900	3.912.500	1.579.000	1.608.000	725.500		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cần thiết triển khai		51	10.981.745	9.346.971		9.346.971							9.346.971	7.000	9.339.971		1.336.200	3.840.864	4.162.907	
	Trong đó: Công trình trọng điểm				5.300.000	7	5.300.000							5.300.000	1.271.500	4.028.500	1.163.000	1.490.000	825.500	550.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 sắp xếp theo khả năng nguồn vốn		150	56.598.927																	
2	Khối ODA	21.481.688	20	72.108.734	13.576.909	17	7.404.090		6.172.819					13.576.909	2.493.090	11.083.819	3.666.272	3.302.547	1.893.000	2.222.000	Theo hiệp định ký kết, vốn ODA dự kiến: 63.962 tỷ đồng Phụ lục số 9
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		13	67.189.318	13.496.159	13	7.354.340		6.141.819					13.496.159	2.465.990	11.030.169	3.662.772	3.252.397	1.893.000	2.222.000	Nhu cầu vốn ODA dự kiến: 59.265 tỷ đồng
	Dự án khởi công năm 2016		4	4.848.539	33.750	4	2.750		31.000					33.750	27.100	6.650	3.500	3.150			Nhu cầu vốn ODA dự kiến: 4.697 tỷ đồng
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp thiết triển khai		3	70.877	47.000		47.000							47.000		47.000		47.000			
	Trong đó: Công trình trọng điểm				11.380.874	6	6.704.700		4.676.174					11.380.874	917.700	10.463.174	3.391.777	2.956.397	1.893.000	2.222.000	
3	Khối Văn xã	8.740.302	282	25.989.000	7.587.350	77	7.587.350							7.587.350	1.537.150	6.050.200	1.406.000	1.532.700	1.714.000	1.397.500	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		51	2.986.015	2.613.300	51	2.613.300							2.613.300	1.159.300	1.454.000	964.000	305.000	185.000		
	Dự án khởi công năm 2016		26	2.712.942	1.635.900	26	1.635.900							1.635.900	373.900	1.262.000	442.000	430.000	390.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp thiết triển khai		51	4.137.505	3.338.150		3.338.150							3.338.150	3.950	3.334.200		797.700	1.139.000	1.397.500	
	Trong đó: Công trình trọng điểm				2.420.000	8	2.420.000							2.420.000	233.000	2.187.000	605.000	667.000	675.000	240.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 sắp xếp theo khả năng nguồn vốn		154	16.152.538																	
4	Khối Công nghiệp	570.635	26	2.516.000	1.521.500	8	1.521.500							1.521.500	253.700	1.267.800	183.300	429.000	371.500	284.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		5	449.996	355.000	5	355.000							355.000	139.700	215.300	175.300	40.000			
	Dự án khởi công năm 2016		3	129.750	121.000	3	121.000							121.000	113.000	8.000	8.000				
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp thiết triển khai		16	1.266.263	1.045.500		1.045.500							1.045.500	1.000	1.044.500		389.000	371.500	284.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 sắp xếp theo khả năng nguồn vốn		2	669.991																	

STT	Nội dung	THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011-2015	NHU CẦU KH 5 NĂM 2016-2020		DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020															Ghi chú	
			Số dự án	Tổng Nhu cầu	TỔNG CỘNG		NGUỒN VỐN THỰC HIỆN							DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HÀNG NĂM							
					Kinh phí	Số dự án	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn XSKT	Vốn tín dụng DTPT	Vốn vay khác (TPXDTĐ)	Tổng cộng	Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020
5	Khởi Nông nghiệp	10.570.225	253	29.282.030	11.642.432	65	10.031.214	470.034		466.184		675.000		11.642.432	2.272.567	9.369.865	1.640.700	1.761.655	2.954.303	3.013.207	Chỉ tiết vốn NSTW hỗ trợ tại Phụ lục số 7
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		39	8.682.285	7.775.077	39	6.263.859	470.034		466.184		575.000		7.775.077	1.905.167	5.869.910	1.173.000	943.000	1.850.000	1.903.910	
	Dự án khởi công năm 2016		26	1.143.699	999.800	26	899.800					100.000		999.800	352.200	647.600	467.700	179.900			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp thiết triển khai		37	3.538.718	2.867.555		2.867.555							2.867.555	15.200	2.852.355		638.755	1.104.303	1.109.297	
	Trong đó: Công trình trọng điểm				5.050.000	2	4.052.059	321.851		101.090		575.000		5.050.000	556.090	4.493.910	600.000	700.000	1.550.000	1.643.910	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 sắp xếp theo khả năng nguồn vốn		151	15.917.327																	
6	Khởi KHCN-CNTT- Bảo dài...	2.142.510	40	6.049.579	915.500	7	915.500							915.500	312.500	603.000	439.462	118.538	45.000		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		6	891.335	824.000	6	824.000							824.000	311.000	513.000	439.462	73.538			
	Dự án khởi công năm 2016		1	453.832	1.500	1	1.500							1.500	1.500						
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp thiết triển khai		1	100.000	90.000		90.000							90.000		90.000		45.000	45.000		
	Trong đó: Công trình trọng điểm				495.000	1	495.000							495.000	130.000	365.000	291.462	73.538			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 sắp xếp theo khả năng nguồn vốn		32	4.604.412																	
7	Khởi An ninh- QP-PCCC-Tư pháp-Nội chính...	2.861.896	112	11.431.640	6.472.160	23	6.472.160							6.472.160	977.900	5.494.260	284.500	1.435.760	1.953.000	1.821.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		16	1.034.612	970.400	16	970.400							970.400	586.900	383.500	233.500	150.000			
	Dự án khởi công năm 2016		7	650.500	459.500	7	459.500							459.500	387.500	72.000	51.000	21.000			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 cấp thiết triển khai		32	6.157.651	5.042.260		5.042.260							5.042.260	3.500	5.038.760		1.264.760	1.953.000	1.821.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020 sắp xếp theo khả năng nguồn vốn		57	3.588.877																	

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020
NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	HUYỆN/THỊ XÃ	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ 5 NĂM 2016-2020					
		TỔNG SỐ	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020
1	2	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	7.400.000	1.494.000	1.476.500	1.476.500	1.476.500	1.476.500
1	HUYỆN BA VÌ	500.000	83.000	104.250	104.250	104.250	104.250
2	HUYỆN CHƯƠNG MỸ	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250
3	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	340.000	83.000	64.250	64.250	64.250	64.250
4	HUYỆN ĐÔNG ANH	340.000	83.000	64.250	64.250	64.250	64.250
5	HUYỆN GIA LÂM	340.000	83.000	64.250	64.250	64.250	64.250
6	HUYỆN HOÀI ĐỨC	340.000	83.000	64.250	64.250	64.250	64.250
7	HUYỆN MÊ LINH	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250
8	HUYỆN PHÚ XUYÊN	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250
9	HUYỆN MỸ ĐỨC	500.000	83.000	104.250	104.250	104.250	104.250
10	HUYỆN PHÚC THỌ	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250
11	HUYỆN QUỐC OAI	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250
12	HUYỆN SÓC SƠN	500.000	83.000	104.250	104.250	104.250	104.250
13	HUYỆN THẠCH THẤT	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250
14	HUYỆN THANH OAI	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250
15	HUYỆN THANH TRÌ	340.000	83.000	64.250	64.250	64.250	64.250
16	HUYỆN THƯỜNG TÍN	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250
17	HUYỆN ỨNG HÒA	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250
18	THỊ XÃ SƠN TÂY	420.000	83.000	84.250	84.250	84.250	84.250

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI
HỖ TRỢ ĐẶC THÙ CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG BỊ THU HỒI ĐẤT PHỤC VỤ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG
CỦA TRUNG ƯƠNG, THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí đã giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Nguồn vốn khác bổ sung năm 2016	Thành phố hỗ trợ		Công trình hoàn thành		Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	6	73					1.669.572	541.801	320.200	306.000	300.000	37	42		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	6	21					983.587	537.801	60.000	181.500	78.500	17	10		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		52					685.985	4.000	260.200	124.500	221.500	20	32		
	HUYỆN BA VÌ		16					394.313	175.465	44.000	69.500	75.500	7	9		Phục vụ GPMB Khu XLCT Xuân Sơn, Nghĩa trang Minh Phú
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		8					248.181	172.065	7.000	41.000	12.000	5	3		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		8					146.132	3.400	37.000	28.500	63.500	2	6		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		8					248.181	172.065	7.000	41.000	12.000	5	3		
1.2	Nghĩa trang Yên Kỳ		8					248.181	172.065	7.000	41.000	12.000	5	3		
1	Trường tiểu học Phú Sơn		1	Phú Sơn	2011-2016	Xây mới	1416/QĐ-UBND 29/10/2010	24.173	19.500		2.500		1		UBND huyện Ba Vì	
2	Trường tiểu học Thái Hòa		1	Thái Hòa	2014-2017	Xây mới	1407/QĐ-UBND 29/10/2010 136/QĐ-UBND 20/2/2014	37.961	24.800		7.000	4.000		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Xây dựng mở rộng trường THCS xã Vật Lại		1	Vật Lại	2011-2016		1409/QĐ-UBND 29/10/2010 1074/QĐ-UBND 19/10/2011	29.160	22.000	5.000			1		UBND huyện Ba Vì	
4	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Vật Lại		1	Vật Lại	2013-2016	12.230m ²	1410/QĐ-UBND 29/10/2010; 946/QĐ-UBND 30/9/2011	30.457	26.294		3.000		1		UBND huyện Ba Vì	
5	Nâng cấp đường giao thông nội đồng tuyến Thuận An B		1	Thái Hòa	2014-2016	BT, L=1,705km	360/QĐ-UBND 12/5/2011; 1267/QĐ-UBND 03/11/2011	14.900	10.350		3.500		1		UBND huyện Ba Vì	
6	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh huyện Ba Vì		1	Tân Lĩnh	2013-2016	Xây mới	1189/QĐ-UBND ngày 23/10/2012	48.500	30.000		10.000	4.000		1	UBND huyện Ba Vì	
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới tiêu Châu Sơn, Tân Hồng		1	Thái Hòa	2013-2016	Nâng cấp, cải tạo	2432/QĐ-UBND 27/3/2013; 430/QĐ-UBND 05/5/2015	48.048	26.854		15.000	4.000		1	UBND huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì đề xuất tại Tờ trình số 1825/TTr-UBND ngày 02/11/2016
8	Nâng cấp đường giao thông nội đồng tuyến Thuận An A		1	Thái Hòa	2014-2016		1267/QĐ-UBND 03/11/2011; 2099/QĐ-UBND 24/12/2015	14.982	12.267	2.000			1		UBND huyện Ba Vì	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế số vốn đã bố trí đã giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Nguồn vốn khác bổ sung năm 2016	Thành phố hỗ trợ		Công trình hoàn thành		Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		8					146.132	3.400	37.000	28.500	63.500	2	6		
II.1	Khu xử lý chất thải Xuân Sơn		3					59.331		28.000		25.000		3		
1	Đường giao thông thôn Tam Mỹ		1	Tân Lĩnh	2016-2020	5 km	182/QĐ-UBND 22/3/2012; 268/QĐ-UBND 13/4/2012	29.468		14.000		13.000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước đường từ tỉnh lộ 414 đi Yên Thành		1	Tân Lĩnh	2016-2020	2,145 km	1070/QĐ-UBND 19/10/2011	14.932		7.000		6.000		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, sửa chữa nền đường và hệ thống thoát nước đường giao thông trục xã Tân Lĩnh		1	Tân Lĩnh	2016-2020	3,08 km	730/QĐ-UBND 16/8/2011	14.931		7.000		6.000		1	UBND huyện Ba Vì	
II.2	Nghĩa trang Yên Kỳ		5					86.801	3.400	9.000	28.500	38.500	2	3		
1	Nhà làm việc kết hợp hội trường xã Cẩm Lĩnh		1	Cẩm Lĩnh	2013-2016	DT 512m2	1257/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	7.469	150		6.500		1		UBND huyện Ba Vì	
2	Trường tiểu học Phú Sơn, khu Phú Mỹ.		1	Phú Sơn	2015-2017		884/QĐ-UBND 14/9/2011	11.499	200	5.000	5.000		1		UBND huyện Ba Vì	
3	Phòng làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thái Hòa.		1	Thái Hòa	2015-2017		1095/QĐ-UBND 03/10/2014	14.950	250	4.000	6.000	3.500		1	UBND huyện Ba Vì	
4	Nâng cấp đường giao thông thôn Yên Kỳ		1	Phú Sơn	2015-2018	L=3,5km, cấp VI	1156/QĐ-UBND 27/10/2011 785/QĐ-UBND 27/5/2016	29.866	300		11.000	16.000		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông liên xã kết hợp cải tạo hồ trung tâm xã Vật Lại		1	Vật Lại	2015-2017		194/QĐ-UBND 11/3/2014	23.017	2.500			19.000		1	UBND huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì đề xuất tại Tờ trình số 1825/TT-UBND ngày 02/11/2016
	HUYỆN CHƯƠNG MỸ		<u>1</u>					<u>16.200</u>	<u>9.198</u>	<u>7.000</u>			<u>1</u>			Phục vụ GPMB Khu XLCT Núi Thoaung
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		1					16.200	9.198	7.000			1			
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016															
1	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		1					16.200	9.198	7.000			1			
1	Đường giao thông liên xã Hòa Chính - Thượng Vực		1	Xã Hòa Chính - Thượng Vực	2011-2015	1120m	2815/QĐ-UBND 30/10/2009	16.200	9.198	7.000			1		UBND huyện Chương Mỹ	
	HUYỆN MÊ LINH		<u>3</u>					<u>35.237</u>	<u>600</u>		<u>27.000</u>		<u>3</u>			Phục vụ GPMB Nghĩa trang Thanh Tước
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015															
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		3					35.237	600		27.000		3			
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		3					35.237	600		27.000		3			
1	Cải tạo, nâng cấp Đường GTNT và hệ thống thoát nước xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh		1	Thanh Lâm	2015-2016		2855/QĐ-UBND ngày 23/5/2014	10.826	200		7.500		1		UBND xã Thanh Lâm	2016 hoàn thành, NSTP hỗ trợ 80%TMĐT, phần vốn còn lại địa phương bố trí
2	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ đường 23B vào khu nghĩa trang Thanh Tước, huyện Mê Linh		1	Thanh Lâm	2015-2016	L=371m, cấp IV	6058/QĐ-UBND ngày 18/10/2013	12.939	300		12.000		1		UBND huyện Mê Linh	2016 hoàn thành, NSTP hỗ trợ 100%TMĐT
3	Xây dựng nhà văn hóa các thôn: Phú Hữu, Mỹ Lộc và Khu dân cư đường 23B, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh		1	Thanh Lâm	2015-2016		9172/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	11.472	100		7.500		1		UBND xã Thanh Lâm	2016 hoàn thành, NSTP hỗ trợ 75%TMĐT

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí đã giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Nguồn vốn khác bổ sung năm 2016	Thành phố hỗ trợ		Công trình hoàn thành		Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	HUYỆN QUỐC OAI		10					141.480	2.500	20.000	58.500	47.000	1	2		Phục vụ GPMB Khu CNC Hòa Lạc
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		4					55.381	2.500	7.000	23.500	16.000	1	3		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		6					86.099		13.000	35.000	31.000		6		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		4					55.381	2.500	7.000	23.500	16.000	1	3		
1	Đường giao thông thôn 6 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		22/QĐ-UBND 14/02/2014	14.968			10.000	4.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường giao thông thôn 5 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		702/QĐ-UBND 12/3/2015	14.467			8.000	5.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Đường giao thông thôn 3 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		1540/QĐ-UBND 18/6/2015	14.056			5.500	7.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Đường giao thông thôn 1 thôn 2 thôn 3 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		2418/QĐ-UBND 18/10/2012	11.890	2.500	7.000			1		UBND huyện Quốc Oai	
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		6					86.099		13.000	35.000	31.000		6		
*	<i>Lĩnh vực giao thông</i>															
1	Đường giao thông liên thôn 5, thôn 7 xã Phú Cát.		1	Phú Cát	2015-2017		3671/QĐ-UBND 03/9/2014	14.897		4.000	6.000	3.500		1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường giao thông liên thôn 2, thôn 4 xã Phú Cát.		1	Phú Cát	2015-2017		3672/QĐ-UBND 03/9/2014	13.776		4.000	6.000	3.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Đường giao thông thôn 3, thôn 4 xã Phú Cát.		1	Phú Cát	2015-2017		3674/QĐ-UBND 03/9/2014	14.680		5.000	5.000	3.500		1	UBND huyện Quốc Oai	
*	<i>Lĩnh vực trường học</i>															
1	Trường Mầm non Phú Cát (Điểm trường khu A, khu C)		1	Phú Cát	2015-2017		2702/QĐ-UBND ngày 9/9/2014	14.975			6.000	7.500		1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Trường Tiểu học Phú Cát		1	Phú Cát	2015-2017		2713/QĐ-UBND ngày 10/9/2014	13.000			6.000	6.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Trường THCS Phú Cát		1	Phú Cát	2015-2017		3294/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	14.771			6.000	7.500		1	UBND huyện Quốc Oai	
	HUYỆN SÓC SƠN	3	27					613.857	189.654	197.400	50.000	93.500	17	13		Phục vụ GPMB Khu XLCT Sóc Sơn, Nghĩa trang Minh Phú
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	3	4					338.904	189.654	39.000	50.000	14.500	6	1		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		23					274.953		158.400		79.000	11	12		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	3	4					338.904	189.654	39.000	50.000	14.500	6	1		
I.1	Khu xử lý chất thải Sóc Sơn	3	4					338.904	189.654	39.000	50.000	14.500	6	1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Hồng Kỳ - Bắc Sơn và tuyến nhánh chợ Châu - Đò Tân	1		Xã Hồng Kỳ, Bắc Sơn	2013-2017	L=14,487Km; B=9m; công trình cấp IV đồng bằng	6557/QĐ-UBND 30/10/2013	160.000	121.400			14.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp đường núi Đá Bạc - Lương Đình - Tiên Chu - Hợp Lực - đến Cầu Trĩen, Đò Tân		1	xã Bắc Sơn	2015-2016	Cải tạo	5392/QĐ-UBND 07/10/2013	14.999	6.000		7.000		1		UBND huyện Sóc Sơn	Năm 2016 hoàn thành
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trường mầm non đi Đông Hạ, đi Xuân Thịnh, đi trung đoàn 165		1	xã Bắc Sơn	2014-2016	Cải tạo	8571/QĐ-UBND 27/10/2011	10.532	4.000		5.000		1		UBND huyện Sóc Sơn	Năm 2016 hoàn thành
4	Cải tạo, nâng cấp đường Tân Phúc - Đò Tân - Bình An, xã Hồng Kỳ		1	Xã Hồng Kỳ, Bắc Sơn	2014-2016	Cải tạo	8987/QĐ-UBND 04/10/2012	26.500	9.500		15.000		1		UBND huyện Sóc Sơn	Năm 2016 hoàn thành

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế số vốn đã bố trí đã giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Nguồn vốn khác bổ sung năm 2016	Thành phố hỗ trợ		Công trình hoàn thành		Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Xây dựng Trường THCS Nam Sơn	1		Xã Nam Sơn	2015-2017	20 lớp, các hạng mục phụ trợ, HTKT	3987/QĐ-UBND 10/9/2012	57.872	21.324	17.000	8.000		1		UBND huyện Sóc Sơn	Năm 2016 hoàn thành
6	Xây dựng Trường MN Hồng Kỳ phân hiệu 2	1		Xã Hồng Kỳ	2015-2017	10 lớp, hạng mục phụ trợ theo tiêu chuẩn	6440/QĐ-UBND; 25/10/2013 5744/QĐ-UBND 28/10/2015	34.642	15.430	9.000	8.000		1		UBND huyện Sóc Sơn	Năm 2016 hoàn thành
7	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2015-2017	Cải tạo nhà học 2 tầng, xây mới nhà hiệu bộ, chức năng và 04 phòng, các phụ trợ, HTHT, thiết bị	8509/QĐ-UBND ngày 28/10/2011; 2401/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	34.359	12.000	13.000	7.000		1		UBND huyện Sóc Sơn	Năm 2016 hoàn thành
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		23					274.953		158.400		79.000	11	12		
II.1	Khu xử lý chất thải Sóc Sơn		23					274.953		158.400		79.000	11	12		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Phú Lâu-Lai Sơn, xã Hồng Kỳ		1	Xã Hồng Kỳ	2016	7,36km	8572/QĐ-UBND 27/10/2011	5.595		5.000			1		UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Hồng Kỳ - Lai Sơn - Đa Hội đi Vạn Phái, Thái Nguyên		1	xã Bắc Sơn	2016-2017	L=15km; đường GTNT loại A; Bm=4m; Bn=5,5m	8734/QĐ-UBND 31/12/2014	36.251		15.000		15.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ núi Đô Lương - Lương Đình - Nam Lý - Lai Sơn và tuyến nhánh hồ Chiêu Đàng đến phố Châu		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	L=8,3km; đường GTNT loại A; Bm=4m; Bn=5,5m	8735/QĐ-UBND 31/12/2014	26.164		15.000		7.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cụm trường mầm non Đô Tân, xã Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	12 lớp học, nhà hiệu bộ, hạng mục phụ trợ, HTKT, thiết bị	8942/QĐ-UBND 3/10/2012	26.220		10.000		12.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cụm trường mầm non Đô Lương-Đa Hội, Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	5 lớp học, nhà thể chất, hiệu bộ, hạng mục phụ trợ, HTKT, thiết bị	5617/QĐ-UBND 26/10/2016	24.159		10.000		11.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Hồng Kỳ		1	xã Hồng Kỳ	2016-2017	XD 3 phòng, chức năng, nhà giáo dục thể chất, nhà để xe, hệ thống HTKT + thiết bị, cải tạo khối nhà học cũ	6166/QĐ-UBND 24/10/2013	14.982		4.000		9.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Xây dựng Trường mầm non Nam Sơn khu Thanh Hà		1	xã Nam Sơn	2016-2017	Xây khối nhà 02 tầng 6 phòng học, hạng mục phụ trợ đồng bộ, PCCC, thiết bị	5586/QĐ-UBND 25/10/2016	14.068		4.000		8.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
8	Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước rác hai bên tuyến đường nối từ tỉnh lộ 35 đi công phía Nam Bãi rác Nam Sơn		1	xã Nam Sơn	2016-2017	L=3,6km	5630/QĐ-UBND 26/10/2016	11.519		5.000		3.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 03/11/2016 của UBND huyện Sóc Sơn đề xuất hỗ trợ 3,5 tỷ đồng để hoàn thành công trình năm 2016

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí đã giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Nguồn vốn khác bổ sung năm 2016	Thành phố hỗ trợ		Công trình hoàn thành		Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường liên thôn xã Hồng Kỳ		1	Xã Hồng Kỳ	2016-2017	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	5028/QĐ-UBND 16/9/2016	10.550		8.000		1.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính thôn Xuân Bàng, thôn Đông Hạ (giai đoạn 1) - xã Nam Sơn		1	xã Nam Sơn	2016-2017	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	5585/QĐ-UBND 25/10/2016	9.732		8.000		1.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
11	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính thôn Liên Xuân - xã Nam Sơn		1	xã Nam Sơn	2016-2017	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	5573/QĐ-UBND 24/10/2016	14.353		8.000		4.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	
12	Kiên cố hóa hệ thống kênh trạm bơm xóm Đình, trạm bơm Lai Sơn xã Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	L=3.355m	10037/QĐ-UBND 24/10/2012	5.706		5.200			1		UBND huyện Sóc Sơn	
13	Kiên cố hóa hệ thống kênh thôn Tiên Chu - Nam Lý - Lương Đình, xã Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	L=7,36km	7255/QĐ-UBND 30/10/2015	12.158		10.000			1		UBND huyện Sóc Sơn	
14	Kiên cố hóa hệ thống kênh hồ Cầu Bãi, xã Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	L=5,46km	7255/QĐ-UBND 30/10/2015	9.883		8.000			1		UBND huyện Sóc Sơn	
15	Kiên cố hóa hệ thống kênh thôn Đồ Lương - Phúc Xuân, xã Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2016-2017	L=5.306,25m	10040/QĐ-UBND 24/10/2012	9.466		8.600			1		UBND huyện Sóc Sơn	
16	Nâng cấp trạm bơm Kim Sơn và hệ thống mương đầu mối xã Hồng Kỳ		1	xã Hồng Kỳ	2016-2017	L=2km, cải tạo trạm bơm	8604/QĐ-UBND 28/10/2011	3.666		3.300			1		UBND huyện Sóc Sơn	
17	Nâng cấp trạm bơm Gò Sỏi và hệ thống mương đầu mối xã Hồng Kỳ		1	xã Hồng Kỳ	2016-2017	L=1,5km, cải tạo trạm bơm	8600/QĐ-UBND 28/10/2011	3.210		3.000			1		UBND huyện Sóc Sơn	
18	Xây dựng trạm bơm Bắc Hiền và mương đầu mối - Xã Hồng Kỳ		1	xã Hồng Kỳ	2016-2017	L=1km, cải tạo trạm bơm	8601/QĐ-UBND 28/10/2011	4.112		3.700			1		UBND huyện Sóc Sơn	
19	Xây dựng trạm bơm Cà phê và mương đầu mối - xã Hồng Kỳ		1	xã Hồng Kỳ	2016-2017	L=1km, cải tạo trạm bơm	8605/QĐ-UBND 28/10/2011	3.461		3.100			1		UBND huyện Sóc Sơn	
20	Kiên cố hóa kênh Đồng Hòa nối dài kênh cấp II Đình Thông, xã Hồng Kỳ		1	Xã Hồng Kỳ	2016-2017	công trình cấp IV, L=1Km	8606/QĐ-UBND 28/10/2011	1.785		1.600			1		UBND huyện Sóc Sơn	
21	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Hoa Sơn		1	Xã Nam Sơn	2016-2017	L=8Km	5678/QĐ-UBND 27/10/2016	11.496		7.000		3.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
22	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Non Chùa, cửa rừng xóm 15, xã Nam Sơn		1	Xã Nam Sơn	2016-2017	L=7Km	5689/QĐ-UBND 28/10/2016	10.297		7.000		2.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
23	Xây dựng trạm bơm và hệ thống kênh dẫn hồ Tân Bình, hồ Non Hơ, xã Nam Sơn		1	Xã Nam Sơn	2016-2017	L=1km, cải tạo trạm bơm	4185/QĐ-UBND 15/8/2015	6.120		5.900			1		UBND huyện Sóc Sơn	
	HUYỆN THẠCH THẮT	1	8					222.053	88.384	21.800	60.000	34.000	4	5		Phục vụ GPMB Khu CNC Hòa Lạc, Nhà máy XLCT Lại Thượng
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1	1					141.762	88.384		26.000	15.000	1	1		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		7					80.291		21.800	34.000	19.000	3	4		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1	1					141.762	88.384		26.000	15.000	1	1		
1	Trường MN trung tâm xã Hữu Bằng		1	xã Hữu Bằng	2014-2016	20 phòng học	7295/QĐ-UBND 25/10/2011	45.632	36.100		6.000		1		UBND huyện Thạch Thất	
2	Đường tỉnh 419 đi Tân Xã	1		H. Thạch Thất	2016-2017	5,3km	1429/QĐ-UBND 28/5/2008, 5129/QĐ-UBND 09/10/2015	96.130	52.284		20.000	15.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		7					80.291		21.800	34.000	19.000	3	4		
*	Lĩnh vực trường học															
1	Trường trung học cơ sở BPC giai đoạn 2		1	Xã Thạch Hòa	2016-2017	Đạt chuẩn QG	1663/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	13.914		3.000	5.000	5.000		1	UBND huyện Thạch Thất	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế số vốn đã bố trí đã giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Nguồn vốn khác bổ sung năm 2016	Thành phố hỗ trợ		Công trình hoàn thành		Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Tiểu học khu dân dụng BPC giai đoạn 2		1	Xã Thạch Hòa	2016-2017	Đạt chuẩn QG	1664/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	14.187		3.000	5.000	5.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
3	Trường MN Khoang Mè xã Hạ Bằng		1	Xã Hạ Bằng	2016-2017		6747/QĐ-UBND ngày 24/10/2012	10.697			7.000	3.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
4	Trường Tiểu học xã Tân Xã		1	Xã Tân Xã	2016-2017		1510/QĐ-UBND ngày 28/3/2016	7.300		3.500	3.500		1		UBND huyện Thạch Thất	
5	Trường THCS xã Bình Yên		1	Xã Bình Yên	2016-2017		4205/QĐ-UBND ngày 07/7/2016	9.202		5.000	3.500		1		UBND huyện Thạch Thất	
* Lĩnh vực Văn hóa																
1	Nhà văn hóa, bưu điện, thể thao khu dân dụng BPC		1	Xã Thạch Hòa	2016-2017	1550m2	1665/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	14.991		3.000	5.000	6.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
* Lĩnh vực thủy lợi																
1	Cứng hóa kênh mương thủy lợi nội đồng xã Đồng Trục		1	Xã Đồng Trục	2016-2017	5,0km	1678/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	10.000		4.300	5.000		1		UBND huyện Thạch Thất	
HUYỆN ỨNG HÒA		1						49.946	40.500		5.000		1			
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1						49.946	40.500		5.000		1			
DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1						49.946	40.500		5.000		1			
1	Bãi rác thải hợp vệ sinh phía Nam huyện Ứng Hòa	1		Ứng Hòa	2013-2016	Xây mới 3000m2	488/QĐ-UBND ngày 20/10/2011	49.946	40.500		5.000		1		UBND huyện Ứng Hòa	
THI XÃ SƠN TÂY			8					135.491	14.500	30.000	30.000	50.000	2	6		Phục vụ GPMB Khu XLCT Xuân Sơn
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3					72.218	14.500		30.000	21.000	1	2		
DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016			5					63.273		30.000		29.000	1	4		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3					72.218	14.500		30.000	21.000	1	2		
1	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn xã Xuân Sơn		1	Xã Xuân Sơn	2014-2016	Cải tạo	1029/QĐ-UBND 29/10/2012; 1972/QĐ-UBND 31/12/2014	28.621	11.500		14.000		1		UBND Thị xã Sơn Tây	
2	Chợ Mía Đường Lâm		1	Đường Lâm	2015-2017	Xây mới	626/QĐ-UBND 06/6/2012	13.731	1.000		6.000	6.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
3	Cải tạo, nâng cấp đường 413 đi Kỳ Sơn, xã Xuân Sơn		1	Xã Xuân Sơn	2015-2017	Cải tạo, sửa chữa	1486/QĐ-UBND 04/12/2014	29.866	2.000		10.000	15.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016			5					63.273		30.000		29.000	1	4		
1	Đường giao thông liên xã Xuân Sơn - Tân Lĩnh (6 nhánh)		1	Xuân Sơn	2017-2020	L= 2.739,22 m, gồm 6 nhánh GTNT cấp A, Bm=3,5m	185a/QĐ-UBND ngày 24/3/2016	15.000		7.000		7.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
2	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn, thôn An Sơn, Nhân Lý, Kỳ Sơn, xã Xuân Sơn		1	Xuân Sơn	2017-2020	3,5km GTNT cấp A, tuyến chính có Bm=5m, tuyến nhánh Bm=3-3,5m	1689a/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	14.930		7.000		7.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế số vốn đã bố trí đã giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Nguồn vốn khác bổ sung năm 2016	Thành phố hỗ trợ		Công trình hoàn thành		Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Đường từ 413 đi đường 414 (xóm Gia Vũ)		1	Xuân Sơn	2016	L=1,2km, GTNT cấp A, Bm=4m	1700/QĐ-UBND ngày 20/10/2011	4.379		4.000			1		UBND Thị xã Sơn Tây	
4	Cải tạo, nạo vét đập cầu lõi và đập ghém xã Xuân Sơn (Nạo vét 02 hồ đập với tổng diện tích 2,069ha. Cải tạo mặt đường quanh đầm, kè đá xây, cống thoát nước)		1	Xuân Sơn	2017-2020	diện tích 2,069ha	100a/QĐ-UBND ngày 23/3/2016	14.974		6.000		8.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
5	Xây dựng ô chôn lấp bùn thoát nước tại khu XLCT Xuân Sơn, Sơn Tây		1	Xuân Sơn	2016-2017	Xây dựng 4 ô chôn lấp bùn	1282/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	13.990		6.000		7.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
	QUẬN NAM TỪ LIÊM	1						60.995	21.000		6.000		1			
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1						60.995	21.000		6.000		1			
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016															
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1						60.995	21.000		6.000		1			
1	Xây dựng trường mầm non Phương Canh, phường Phương Canh	1		Nam Từ Liêm	2015-2016	Nhà 3 tầng 14 phòng	2054/QĐ-UBND 18/9/2014 3228/QĐ-UBND 06/8/2015	60.995	21.000		6.000		1		UBND quận Nam Từ Liêm	Phần còn lại ngân sách Quận bố trí

BIỂU DANH MỤC KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT THỦ ĐỘ GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2016-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Số dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/CTĐT được duyệt		Lấy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	2016	2017	2018	2019	2020				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG	45					897.044	261.374	955.000	195.000	190.000	190.000	190.000	190.000	14	21		
A	DỰ PHÒNG								95.500			31.500	32.000	32.000				
B	PHÂN BỐ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC, TRẠM Y TẾ	45					897.044	261.374	859.500	195.000	190.000	158.500	158.000	158.000	14	21		
	Dự án chuyển tiếp	43					857.643	261.374	372.500	195.000	177.500				14	21		
	Dự án mới dự kiến khởi công 2017-2020	2					39.401		12.500		12.500							
B1	THỊ XÃ SƠN TÂY	2					43.187	30.900	6.500	6.500					2			
I	Dự án chuyển tiếp	2					43.187	30.900	6.500	6.500					2			
1	Trường THCS Đường Lâm thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	2012-2014	Nhà lớp học 3 tầng, nhà tập đa năng và các công trình phụ trợ	985/QĐ-UBND ngày 29/10/2010; 752/QĐ-UBND ngày 31/8/2012	29.958	23.400	3.000	3.000					1		UBND thị xã Sơn Tây	
2	Trường Tiểu học Phú Thịnh	1	Sơn Tây	2012-2015	Nhà lớp học 3 tầng, nhà tập đa năng	1723/QĐ-UBND ngày 22/9/2010; số 1096/QĐ-UBND ngày 16/9/2014	13.229	7.500	3.500	3.500					1		UBND thị xã Sơn Tây	
B2	HUYỆN BA VÌ	1					14.993		13.500	4.000	9.500					1		
I	Dự án chuyển tiếp	1					14.993		13.500	4.000	9.500					1		
1	Trường mầm non Tông Bạt - khu Đồi Dạ	1	Ba Vì	2016-2017		462/QĐ-UBND ngày 07/6/2011; 1265/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	14.993		13.500	4.000	9.500					1	UBND huyện Ba Vì	
B3	HUYỆN CHƯƠNG MỸ	4					98.232	15.800	39.000	18.500	20.500				1			
I	Dự án chuyển tiếp	3					72.725	15.800	31.000	18.500	12.500				1			
1	Trường mầm non trung tâm xã Trung Hòa	1	Chương Mỹ	2015-2016	10 phòng học, các hạng mục phụ trợ	6170/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	14.997	5.500	5.500	5.500					1		UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trường THCS Phụng Châu, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2015-2017		1325/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	29.520	10.300	11.500	6.000	5.500						UBND huyện Chương Mỹ	
3	Trường mầm non trung tâm xã Lam Điền	1	Chương Mỹ	2016-2018		5015/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	28.208		14.000	7.000	7.000						UBND huyện Chương Mỹ	

STT	Số dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/CTĐT được duyệt		Lũy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	2016	2017	2018	2019	2020				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
B9	HUYỆN MỸ ĐỨC	6					134.091	49.500	49.000	27.500	21.500				2	2		
1	Dự án chuyển tiếp	6					134.091	49.500	49.000	27.500	21.500				2	2		
1	Trường THCS xã Tuy Lai	1	Mỹ Đức	2012-2015	19 phòng học, các phòng bộ môn	1539/QĐ-UBND ngày 03/8/2011; số 2275/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	14.991	12.000	2.000	2.000					1		UBND huyện Mỹ Đức	
2	Trường mầm non xã Xuy Xá	1	Mỹ Đức	2013-2015	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng học và các công trình phụ trợ	2397/QĐ-UBND ngày 21/10/2012	14.996	11.500	2.000	2.000					1		UBND huyện Mỹ Đức	
3	Trường THCS Hợp Thanh	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà lớp học bộ môn, hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	2129/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	14.995	5.300	8.000	4.000	4.000					1	UBND huyện Mỹ Đức	
4	Trường tiểu học Hương Sơn A	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà lớp học 3 tầng, nhà hiệu bộ	156/QĐ-UBND ngày 23/01/2013	29.907	10.500	15.000	6.500	8.500					1	UBND huyện Mỹ Đức	
5	Trường tiểu học xã Phù Lưu Tế	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ	1899/QĐ-UBND ngày 18/9/2014	29.213	10.200	10.500	5.500	5.000						UBND huyện Mỹ Đức	
6	Trường mầm non TT xã Hồng Sơn khu trung tâm	1	Mỹ Đức	2016-2018		1311/QĐ-UBND ngày 11/7/2014	29.989		11.500	7.500	4.000						UBND huyện Mỹ Đức	
B10	HUYỆN PHÚ XUYỀN	4					68.050	19.000	31.000	17.500	13.500				1	2		
1	Dự án chuyển tiếp	4					68.050	19.000	31.000	17.500	13.500				1	2		
1	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực Tri Thủy	1	Phú Xuyên	2013-2015	Xây mới PKĐK 3 tầng	3455/QĐ-SYT-KH ngày 30/10/2010	14.945	9.000	3.000	3.000					1		UBND huyện Phú Xuyên	
2	Trường mầm non Văn Hoàng	1	Phú Xuyên	2015-2017	Xây dựng mới nhà 3 tầng: lớp học, phòng bộ môn, khu hành chính và các hạng mục phụ trợ	5033/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	14.329	5.000	7.500	4.000	3.500					1	UBND huyện Phú Xuyên	
3	Trường THCS thị trấn Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2015-2017	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	4807/QĐ-UBND ngày 03/10/2014	14.776	5.000	8.000	4.000	4.000					1	UBND huyện Phú Xuyên	
4	Trường mầm non trung tâm Minh Tân	1	Phú Xuyên	2016-2018		716/QĐ-UBND ngày 04/3/2015	24.000		12.500	6.500	6.000						UBND huyện Phú Xuyên	

STT	Số dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/CTĐT được duyệt		Lũy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	2016	2017	2018	2019	2020				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
B11	HUYỆN PHÚC THỌ	3					48.910	15.800	22.000	11.000	11.000					2		
1	Dự án chuyển tiếp	3					48.910	15.800	22.000	11.000	11.000					2		
1	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Ngọc Tảo	1	Phúc Thọ	2016-2018	Xây mới PKĐK 3 tầng	3457/QĐ-SYT ngày 30/10/2010	14.753	9.000	4.000	2.000	2.000					1	UBND huyện Phúc Thọ	
2	Trường tiểu học xã Liên hiệp huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2015-2017	Nhà lớp học 3 tầng, nhà hiệu bộ, nhà tập đa năng và các hạng mục phụ trợ	4044a/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	19.657	6.800	10.000	5.000	5.000					1	UBND huyện Phúc Thọ	
3	Cải tạo nâng cấp trường mầm non xã Ngọc Tảo	1	Phúc Thọ	2016-2018	Nhà lớp học, hiệu bộ	5608/QĐ-UB ngày 31/12/2013	14.500		8.000	4.000	4.000						UBND huyện Phúc Thọ	
B12	HUYỆN QUỐC OAI	3					48.086	9.300	33.500	12.000	21.500					3		
1	Dự án chuyển tiếp	3					48.086	9.300	33.500	12.000	21.500					3		
1	Trường mầm non trung tâm xã Sài Sơn	1	Quốc Oai	2015-2017	Nhà lớp học 2 tầng, phòng chức năng, nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ	2994/QĐ-UBND ngày 11/10/2010; 4545a/QĐ-UBND ngày 12/12/2014	13.787	4.000	9.000	3.000	6.000					1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Trường THCS Đồng Quang	1	Quốc Oai	2016-2018	2 tầng, 8 phòng	2575/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	14.816		12.000	5.000	7.000					1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Trường Tiểu học xã Thạch Thán	1	Quốc Oai	2015-2017	3 tầng 18 phòng	3541/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 4790/QĐ-UBND ngày 22/12/2014	19.483	5.300	12.500	4.000	8.500					1	UBND huyện Quốc Oai	
B13	HUYỆN SÓC SƠN	2					46.708	10.424	19.000	10.000	9.000				1	1		
1	Dự án chuyển tiếp	2					46.708	10.424	19.000	10.000	9.000				1	1		
1	Trường mầm non Tân Minh khu B	1	Sóc Sơn	2014-2016	Xây mới khối nhà 2 tầng 6 phòng học, 01 phòng đa năng	4772/QĐ-UBND ngày 3/9/2013	26.708	10.424	5.000	5.000					1		UBND huyện Sóc Sơn	Huyện đã chi 6,4 tỷ đồng để thực hiện công tác GPMB
2	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Trưng Giã (khu B)	1	Sóc Sơn	2016-2018	Xây mới khối nhà học và nhà hiệu bộ 2 tầng, cải tạo nhà học 2 tầng cũ, xây dựng đồng bộ hạng mục phụ trợ, HTKT, mua sắm thiết bị	6263/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	20.000		14.000	5.000	9.000					1	UBND huyện Sóc Sơn	Huyện đã bố trí 3,6 tỷ đồng thực hiện dự án
B14	HUYỆN THẠCH THẮT	1					29.930		19.000	8.000	11.000					1		

STT	Số dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/CTĐT được duyệt		Lấy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	2016	2017	2018	2019	2020				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Dự án chuyển tiếp	1					29.930		19.000	8.000	11.000					1		
1	Nhà trẻ 19/5 thị trấn Liên Quan	1	Thạch Thất	2016-2018	Phòng chức năng, công trình phụ trợ	5850/QĐ-UBND ngày 21/8/2014	29.930		19.000	8.000	11.000					1	UBND huyện Thạch Thất	Ngân sách huyện đã ứng 7,5 tỷ phục vụ GPMB và xây lắp
B15	HUYỆN THANH OAI	3					44.557	10.300	27.000	14.000	13.000					3		
1	Dự án chuyển tiếp	3					44.557	10.300	27.000	14.000	13.000					3		
1	Trường THCS xã Phương Trung	1	Thanh Oai	2015-2017	Nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà lớp học bộ môn 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	2867/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	14.620	5.000	7.500	4.000	3.500					1	UBND huyện Thanh Oai	
2	Trường THCS xã Liên Châu	1	Thanh Oai	Từ năm 2013	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà lớp học bộ môn 3 tầng	1223b/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	14.961	5.300	7.500	4.000	3.500					1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Trường MN thôn Dân Viên xã Cao Viên	1	Thanh Oai	2016-2018	nhà lớp học 2T, nhà lớp học chức năng, các hạng mục phụ trợ	1419/QĐ-UBND ngày 24/10/2011; 2163/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	14.976		12.000	6.000	6.000					1	UBND huyện Thanh Oai	
B16	HUYỆN THANH TRÌ	2					41.695	24.000	10.500	7.000	3.500				1	1		
1	Dự án chuyển tiếp	2					41.695	24.000	10.500	7.000	3.500				1	1		
1	Xây dựng trung tâm y tế huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2013-2015		306/QĐ-KH&ĐT ngày 29/10/2012	29.963	20.000	4.000	4.000					1		UBND huyện Thanh Trì	
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Vạn Phúc, huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2015-2017	Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng kết hợp các phòng chức năng	6082/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	11.732	4.000	6.500	3.000	3.500					1	UBND huyện Thanh Trì	
B17	HUYỆN THƯỜNG TÍN	4					71.973	24.000	20.000	12.000	8.000				2	1		
1	Dự án chuyển tiếp	3					58.079	24.000	15.500	12.000	3.500				2	1		
1	Trường mầm non trung tâm xã Nhị Khê	1	Thường Tín	2013-2015	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng học và các công trình phụ trợ	1436/QĐ-UBND ngày 07/5/2013	24.887	17.000	3.000	3.000					1		UBND huyện Thường Tín	
2	Trường THCS xã Tự Nhiên	1	Thường Tín	2015-2017	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học, nhà bộ môn, đa năng	2889/QĐ-UBND ngày 22/10/2010; 669/QĐ-UBND ngày 20/4/2015	23.705	7.000	5.000	5.000					1		UBND huyện Thường Tín	NSTP hỗ trợ 70%, NS huyện bố trí phần còn lại

STT	Số dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/CTBT được duyệt		Lấy kế TT từ KC đến hết năm 2015	Dự kiến kế hoạch 2016-2020						CTHT 2016	CTHT 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	2016	2017	2018	2019	2020				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Trường THCS Quất Động	1	Thường Tín	2016-2018		3660/QĐ-UBND ngày 12/5/2014	9.487		7.500	4.000	3.500					1	UBND huyện Thường Tín	
II	Dự án mới dự kiến khởi công 2017-2020	1					13.894		4.500	4.500								
1	Trường tiểu học xã Văn Tự	1	Thường Tín	2017-2018	Xây mới	6000/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	13.894		4.500		4.500						UBND huyện Thường Tín	
B18	HUYỆN ỨNG HÒA	4					88.891	27.800	34.500	19.500	15.000				1	2		
I	Dự án chuyển tiếp	4					88.891	27.800	34.500	19.500	15.000				1	2		
1	Phòng khám đa khoa khu vực Lưu Hoàng	1	Ứng Hòa	2013-2014	Xây mới PKĐK 3 tầng	3456/QĐ-SYT ngày 30/10/2010	14.900	9.000	2.000	2.000					1		UBND huyện Ứng Hòa	
2	Trường THCS xã Đội Bình	1	Ứng Hòa	2015-2017	Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn 3 tầng	810/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	14.970	5.300	8.000	4.000	4.000					1	UBND huyện Ứng Hòa	
3	Trường mầm non trung tâm xã Đại Cường	1	Ứng Hòa	2015-2017	Nhà lớp học 2 tầng, 12 phòng	600/QĐ-UBND ngày 26/10/2013	29.921	13.500	12.500	6.500	6.000					1	UBND huyện Ứng Hòa	NS huyện bố trí 3 tỷ đồng
4	Trường THCS xã Hòa Nam	1	Ứng Hòa	2016-2018		149/QĐ-UBND ngày 28/3/2014	29.100		12.000	7.000	5.000						UBND huyện Ứng Hòa	

BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT		Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ		3	71			7.773.624	420.507	6.436.000	1.613.050	4.822.950	1.409.750	1.199.100	1.177.200	1.036.900		
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			69			5.684.304	222.650	5.430.000	1.460.000	3.970.000	1.216.800	979.100	957.200	816.900		
I	CTMTQG Giảm nghèo bền vững																Chương trình sử dụng vốn sự nghiệp
II	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới			69			5.684.304	222.650	5.430.000	1.460.000	3.970.000	1.216.800	979.100	957.200	816.900		
1	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (05 tỷ đồng/xã)						730.000		730.000	270.000	460.000	110.000	110.000	110.000	130.000		
-	Sơn Tây						15.000		15.000	5.000	10.000	5.000			5.000		
-	Ba Vì						85.000		85.000	15.000	70.000	5.000	10.000	25.000	30.000		
-	Chương Mỹ						65.000		65.000	30.000	35.000	5.000	10.000	10.000	10.000		
-	Đan Phượng																
-	Đông Anh						10.000		10.000	10.000							
-	Gia Lâm						25.000		25.000	10.000	15.000	15.000					
-	Hoài Đức						10.000		10.000	10.000							
-	Mê Linh						35.000		35.000	25.000	10.000	10.000					
-	Mỹ Đức						65.000		65.000	20.000	45.000	10.000	10.000	10.000	15.000		
-	Phủ Xuyên						70.000		70.000	30.000	40.000	10.000	10.000	10.000	10.000		
-	Phúc Thọ						25.000		25.000	15.000	10.000	5.000	5.000				
-	Quốc Oai						50.000		50.000	30.000	20.000	10.000	10.000				
-	Sóc Sơn						45.000		45.000	15.000	30.000	5.000	5.000	10.000	10.000		
-	Thạch Thất						45.000		45.000	10.000	35.000	10.000	25.000				
-	Thanh Oai						45.000		45.000	10.000	35.000	5.000	5.000	10.000	15.000		
-	Thanh Trì																
-	Thường Tín						60.000		60.000	25.000	35.000	5.000	10.000	10.000	10.000		
-	Ứng Hòa						80.000		80.000	10.000	70.000	10.000	10.000	25.000	25.000		
2	Hỗ trợ kiên cố hóa thủy lợi nội đồng, giao thông thôn xóm theo Quyết định 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/7/2012						3.455.453		3.400.000	670.000	2.730.000	696.800	709.100	687.200	636.900		Nghị quyết 17/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 cho phép tiếp tục thực hiện
-	Sơn Tây						79.080		79.000	27.800	51.200	25.000	26.200				
-	Ba Vì						111.562		110.000	59.800	50.200	10.000	10.000	15.000	15.200		

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT		Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
-	Chương Mỹ						633.916		625.000	60.800	564.200	100.000	140.000	160.000	164.200		
-	Đan Phượng						43.826		43.000	11.000	32.000	32.000					
-	Đông Anh						47.790		47.000	9.100	37.900	37.900					
-	Gia Lâm						131.502		130.000	23.400	106.600	50.000	56.600				
-	Hoài Đức						163.586		160.000	44.000	116.000	56.000	60.000				
-	Mê Linh						105.633		105.000	48.700	56.300	30.000	26.300				
-	Mỹ Đức						136.386		135.000	54.400	80.600	15.000	15.000	25.000	25.600		
-	Phủ Xuyên						316.878		310.000	47.400	262.600	40.000	40.000	90.000	92.600		
-	Phúc Thọ						198.638		195.000	34.800	160.200	50.000	50.000	60.200			
-	Quốc Oai						462.061		458.000	29.000	429.000	70.000	100.000	130.000	129.000		
-	Sóc Sơn						420.487		415.000	39.600	375.400	70.000	80.000	110.000	115.400		
-	Thạch Thất						114.187		110.000	30.000	80.000	30.000	50.000				
-	Thanh Oai						170.897		165.000	45.900	119.100	20.000	20.000	40.000	39.100		
-	Thanh Trì						57.810		57.000	21.100	35.900	35.900					
-	Thường Tín						51.629		51.000	26.800	24.200	5.000	5.000	7.000	7.200		
-	Ứng Hòa						209.585		205.000	56.400	148.600	20.000	30.000	50.000	48.600		
3	Hỗ trợ các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới (30 tỉ đồng/ huyện)								300.000	120.000	180.000	60.000	60.000	60.000			
-	Sơn Tây						79.080		30.000		30.000			30.000			
-	Đan Phượng						43.826		30.000	30.000							
-	Đông Anh						47.790		30.000	30.000							
-	Gia Lâm						131.502		30.000		30.000	30.000					
-	Hoài Đức						163.586		30.000	30.000							
-	Mê Linh						105.633		30.000		30.000		30.000				
-	Phúc Thọ						198.638		30.000		30.000	30.000					
-	Quốc Oai						462.061		30.000		30.000		30.000				
-	Sóc Sơn						420.487		30.000		30.000			30.000			

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lấy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT		Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
-	Thanh Trì						57.810		30.000	30.000							
-	Thường Tín						51.629										
4	Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020			69			1.498.851	222.650	1.000.000	400.000	600.000	350.000	100.000	100.000	50.000		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			69			1.283.860	222.650	856.500	400.000	456.500	350.000	100.000	6.500			
	Dự án khởi công năm 2016																
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020						214.991		143.500		143.500			93.500	50.000		
4.1	Lĩnh vực y tế			1			8.600		7.000	4.000	3.000	3.000					
4.1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			1			8.600		7.000	4.000	3.000	3.000					
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Đông Xuân			1	Đông Xuân - Quốc Oai	2393/QĐ-UBND; 15/10/2012	8.600		7.000	4.000	3.000	3.000				UBND huyện Quốc Oai	
4.2	Lĩnh vực thủy lợi			9			163.172	35.000	103.200	53.200	50.000	22.000		28.000			
4.2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			9			134.064	35.000	75.200	53.200	22.000	22.000					
1	Cải tạo, nâng cấp vai, mương xã Yên Bái			1	Yên Bái - Ba Vì	2019/QĐ-UBND; 31/12/2013	8.738		7.000	5.000	2.000	2.000				UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, nâng cấp vai, mương xã Ba Trại			1	Ba Trại - Ba Vì	2020/QĐ-UBND; 31/12/2013	12.084		11.000	8.000	3.000	3.000				UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh, vai đập xã Minh Quang			1	Minh Quang - Ba Vì	2021/QĐ-UBND; 31/12/2013	13.638		10.000	6.000	4.000	4.000				UBND huyện Ba Vì	
4	Xây dựng kênh tưới từ hồ Lụa đi Đồng Bướm, xã Yên Bình			1	Yên Bình - Thạch Thất	6568/QĐ-UBND; 30/10/2013	8.163		6.000	5.000	1.000	1.000				UBND huyện Thạch Thất	
5	Bai mương dẫn nước thôn Luồng, Đầm Bối, Đồng Tới, Đồng Hội, xã Yên Trung			1	Trung - Thạch Thất	6494/QĐ-UBND; 15/10/2012	11.365	5.000	200	200						UBND huyện Thạch Thất	ĐA hoàn thành, kết thúc ĐA do vướng GPMB
6	Cải tạo hồ vai làng và hệ thống mương tưới xã Phú Mãn			1	Phú Mãn - Quốc Oai	3754/QĐ-UBND; 30/10/2013	14.865	5.000	8.000	8.000						UBND huyện Quốc Oai	
7	Xây dựng Trạm bơm tưới xã Đông Xuân			1	Đông Xuân - Quốc Oai	3755/QĐ-UBND; 30/10/2013	11.327	7.000	3.000	3.000						UBND huyện Quốc Oai	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT		Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
8	Xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi nội đồng xã Đông Xuân			1	Đông Xuân - Quốc Oai	3752/QĐ-UBND; 30/10/2013	14.046		12.000	8.000	4.000	4.000				UBND huyện Quốc Oai	
9	Kè chống sạt lở đê bao vùng 700			1	An Phú - Mỹ Đức	1623/QĐ-UBND 18/8/2011; 1355/QĐ-UBND 21/7/2014	39.838	18.000	18.000	10.000	8.000	8.000				UBND huyện Mỹ Đức	
4.2.2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020						29.108		28.000		28.000			28.000			
4.3	Lĩnh vực giao thông			40			971.338	54.150	716.800	224.800	492.000	270.000	100.000	72.000	50.000		
4.3.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			40			785.455	54.150	601.300	224.800	376.500	270.000	100.000	6.500			
1	Đường giao thông thôn Hợp Nhất, xã Ba Vì			1	Ba Vì - Ba Vì	1606/QĐ-UBND; 08/11/2013	6.791		5.000	4.000	1.000	1.000				UBND huyện Ba Vì	
2	Đường giao thông thôn Hợp Sơn, xã Ba Vì			1	Ba Vì - Ba Vì	1607/QĐ-UBND; 08/11/2013	14.999		11.000	5.000	6.000	6.000				UBND huyện Ba Vì	
3	Đường giao thông thôn Yên Sơn, xã Ba Vì			1	Ba Vì - Ba Vì	1608/QĐ-UBND; 08/11/2013	18.285		16.000	10.000	6.000	6.000				UBND huyện Ba Vì	
4	Đường Minh Quang-Ba Trại			1	Minh Quang - Ba Trại	379/QĐ-UBND 24/4/2013	44.244	2.000	37.000	10.000	27.000	11.000	16.000			UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Văn Hòa - Yên Bái			1	Văn Hòa, Yên Bái	600/QĐ-UBND; 19/6/2014	48.926	600	39.000	10.000	29.000	15.000	14.000			UBND huyện Ba Vì	
6	Đường trục giao thông thôn Bận, xã Văn Hoà			1	Văn Hòa - Ba Vì	1617/QĐ-UBND; 08/11/2013	22.596		20.000	6.000	14.000	14.000				UBND huyện Ba Vì	
7	Đường trục giao thông thôn Muồng Phú Vàng, xã Văn Hoà			1	Văn Hòa - Ba Vì	1618/QĐ-UBND; 08/11/2013	29.459		25.000	6.000	19.000	10.000	9.000			UBND huyện Ba Vì	
8	Đường trục giao thông xã Yên Bái			1	Yên Bái - Ba Vì	1411/QĐ-UBND; 24/10/2013	19.173	1.000	16.000	2.000	14.000	14.000				UBND huyện Ba Vì	
9	Đường Hương Canh đi xóm Bóp, xã Khánh Thượng			1	Khánh Thượng - Ba Vì	1111/QĐ-UBND; 24/10/2011	14.091		12.000	8.000	4.000	4.000				UBND huyện Ba Vì	
10	Đường trục thôn Phú Yên, xã Yên Bái			1	Yên Bái - Ba Vì	2031/QĐ-UBND; 31/12/2013	41.716		35.000	4.000	31.000	15.000	16.000			UBND huyện Ba Vì	
11	Đường trục các thôn: 5, 6, 7, 8, xã Ba Trại			1	Ba Trại - Ba Vì	2025/QĐ-UBND; 31/12/2013	44.900		39.000	6.000	33.000	18.000	15.000			UBND huyện Ba Vì	
12	Đường giao thông Ba Trại - Cẩm Lĩnh			1	Ba Trại - Ba Vì	136/QĐ-UBND; 20/02/2014	40.391		34.000	6.000	28.000	15.000	13.000			UBND huyện Ba Vì	
13	Đường giao thông liên thôn Minh Hồng - Đầm Sắn - Vồng - Gốc Vải, xã Minh Quang			1	Minh Quang - Ba Vì	1200/QĐ -UBND 27/10/2011	29.988	18.300	8.000		8.000	8.000				UBND huyện Ba Vì	
14	Đường trục các thôn: 1, 2, 9, xã Ba Trại			1	Ba Trại - Ba Vì	2024/QĐ-UBND; 31/12/2013	14.997	750	8.000		8.000	8.000				UBND huyện Ba Vì	Cắt giảm quy mô
15	Đường trục giao thông chính xã Yên Trung			1	Trung - Thạch Thất	6968/QĐ-UBND; 31/10/2013	7.020		5.500	5.500						UBND huyện Thạch Thất	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bỏ trí giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT		Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
16	Cải tạo trục đường giao thông thôn Đình đi UBND xã Yên Bình			1	Yên Bình - Thạch Thất	6939/QĐ-UBND; 31/10/2013	6.780		6.000	6.000						UBND huyện Thạch Thất	
17	Đường liên thôn Quê Vải đi Cổ Đụng			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	6940/QĐ-UBND; 31/10/2013	5.154		4.500	3.000	1.500	1.500				UBND huyện Thạch Thất	
18	Đường trục thôn Trại Mới 2			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	6955/QĐ-UBND; 31/10/2013	5.942		4.300	4.300						UBND huyện Thạch Thất	
19	Đường GTNT từ Cổ Đụng 1 đến Cổ Đụng 2			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	6944/QĐ-UBND; 31/10/2013	6.992		5.000	3.000	2.000	2.000				UBND huyện Thạch Thất	
20	Đường GTNT từ Trại Mới đến Nhòn, xã Tiến Xuân			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	6943/QĐ-UBND; 31/10/2013	7.687		6.000	5.000	1.000	1.000				UBND huyện Thạch Thất	
21	Cải tạo trục đường GTNT từ Gò Chối đến Đồng Cao, xã Tiến Xuân			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	6957/QĐ-UBND; 31/10/2013	6.677		5.000	4.000	1.000	1.000				UBND huyện Thạch Thất	
22	Cải tạo trục đường GTNT từ Gò Chè đi Bình Sơn, xã Tiến Xuân			1	Tiến Xuân - Thạch Thất	6956/QĐ-UBND; 31/10/2013	10.608		8.000	5.000	3.000	3.000				UBND huyện Thạch Thất	
23	Đường giao thông thôn Cửa Khâu, Đồng Châm, xã Đồng Xuân			1	Đồng Xuân - Quốc Oai	2184/QĐ-UBND; 19/9/2012	14.829	11.000	2.000	2.000						UBND huyện Quốc Oai	
24	Đường giao thông xã Phú Mãn nối đường Hồ Chí Minh			1	Xã Phú Mãn - Quốc Oai	3689/QĐ-UBND; 21/10/2013	36.801	15.000	18.000	10.000	8.000	8.000				UBND huyện Quốc Oai	
25	Đường trục xã Phú Mãn			1	Phú Mãn - Quốc Oai	3742/QĐ-UBND; 29/10/2013	14.504		12.000	6.000	6.000	6.000				UBND huyện Quốc Oai	
26	Đường giao thông thôn Đồng Âm, xã Phú Mãn			1	Phú Mãn - Quốc Oai	3746/QĐ-UBND; 29/10/2013	13.996		11.000	5.000	6.000	6.000				UBND huyện Quốc Oai	
27	Đường giao thông liên thôn xã Đồng Xuân			1	Đồng Xuân - Quốc Oai	8437/QĐ-UBND; 28/10/2011; 8614/QĐ-UBND; 16/10/2012	9.980		8.000	5.000	3.000	3.000				UBND huyện Quốc Oai	
28	Đường giao thông thôn Đá Thâm, xã Đồng Xuân			1	Đồng Xuân - Quốc Oai	3710/QĐ-UBND; 24/10/2013	13.934		11.000	5.000	6.000	6.000				UBND huyện Quốc Oai	
29	Đường giao thông thôn Đồng Âm, xã Đồng Xuân			1	Đồng Xuân - Quốc Oai	3754/QĐ-UBND; 30/10/2013	14.865		13.000	7.000	6.000	6.000				UBND huyện Quốc Oai	
30	Đường giao thông thôn Đồng Bèn, xã Đồng Xuân			1	Đồng Xuân - Quốc Oai	3758/QĐ-UBND; 31/10/2013	14.891		13.500	5.000	8.500	8.500				UBND huyện Quốc Oai	
31	Đường giao thông thôn Cỏ Rùa, xã Phú Mãn			1	Phú Mãn - Quốc Oai	1845/QĐ-UBND; 29/10/2013	14.301		12.000	7.000	5.000	5.000				UBND huyện Quốc Oai	
32	Đường giao thôn Đồng Võ, xã Phú Mãn			1	Phú Mãn - Quốc Oai	3761/QĐ-UBND; 31/10/2013	9.000		8.000	4.000	4.000	4.000				UBND huyện Quốc Oai	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT		Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
33	Đường giao thông thôn Đồng Ké, xã Trần Phú			1	Trần Phú - Chương Mỹ	2557/QĐ-UBND; 15/10/2012	11.332	2.300	8.000	8.000						UBND huyện Chương Mỹ	
34	Đường giao thông thôn Đồng Ké xã Trần Phú			1	Trần Phú - Chương Mỹ	6296/QĐ-UBND; 25/7/2014	8.093	1.200	6.500		6.500			6.500		UBND huyện Chương Mỹ	
35	Đường giao thông nông thôn xã Trần Phú			1	Trần Phú - Chương Mỹ	6299/QĐ-UBND; 25/7/2014	7.129	1.000	6.000		6.000	6.000				UBND huyện Chương Mỹ	
36	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã An Phú			1	An Phú - Mỹ Đức	2134/QĐ-UBND; 24/10/2013	14.707		12.000	6.000	6.000	6.000				UBND huyện Mỹ Đức	
37	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã An Phú kết hợp kê mương thoát lũ			1	An Phú - Mỹ Đức	1139/QĐ-UBND 24/6/2014	39.860		33.000	15.000	18.000	18.000				UBND huyện Mỹ Đức	
38	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã An Phú đoạn từ cầu Ái Nang đi cầu Bãi Giữa			1	An Phú - Mỹ Đức	1140/QĐ-UBND 24/6/2014	35.175		30.000	15.000	15.000	15.000				UBND huyện Mỹ Đức	
39	Đường giao thông từ xã An Phú đi thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức (GĐ 1 từ cầu Bãi Giữa đến đường trục thôn Thọ)			1	An Phú - Mỹ Đức	2147/QĐ-UBND 10/10/2014	49.981		40.000	12.000	28.000	11.000	17.000			UBND huyện Mỹ Đức	Cắt giảm quy mô
40	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã An Phú (thôn Đồng Văn)			1	An Phú - Mỹ Đức	1781/QĐ-UBND; 17/9/2015	14.661	1.000	8.000		8.000	8.000				UBND huyện Mỹ Đức	Cắt giảm quy mô
4.3.2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2017-2020						185.883		115.500		115.500			65.500	50.000		
4.4	Lĩnh vực giáo dục			19			355.741	133.500	173.000	118.000	55.000	55.000					
4.4.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			19			355.741	133.500	173.000	118.000	55.000	55.000					
1	Trường THCS Ba Vi (điểm thôn Yên Sơn)			1	Ba Vi - Ba Vi	1337/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1407/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1428/QĐ-UBND; 02/11/2014	17.303	7.000	8.000	8.000						UBND huyện Ba Vi	
2	Trường THCS Ba Vi (điểm thôn Hợp Nhất)			1	Ba Vi - Ba Vi	1337/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1406/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1427/QĐ-UBND; 02/11/2014	22.848	8.000	11.000	11.000						UBND huyện Ba Vi	
3	Trường mầm non Minh Quang B			1	Minh Quang - Ba Vi	1348/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1448/QĐ-UBND; 02/11/2014	14.632	6.000	6.000	6.000						UBND huyện Ba Vi	
4	Trường mầm non Minh Quang A			1	Minh Quang - Ba Vi	1407/QĐ-UBND; 08/11/2013; 1458/QĐ-UBND; 02/11/2014	13.468	5.000	6.000	6.000						UBND huyện Ba Vi	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT		Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
5	Trường tiểu học Minh Quang B			1	Minh Quang - Ba Vi	1349/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1409/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1491/QĐ-UBND; 03/11/2014	20.451	8.000	10.000	10.000						UBND huyện Ba Vi	
6	Trường THCS Minh Quang			1	Minh Quang - Ba Vi	1351/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1444/QĐ-UBND; 03/11/2014	10.829	5.000	4.000	4.000						UBND huyện Ba Vi	
7	Trường mầm non Ba Trại			1	Ba Trại - Ba Vi	1358/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1405/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1431/QĐ-UBND; 03/11/2014	22.017	8.000	12.000	6.000	6.000	6.000				UBND huyện Ba Vi	
8	Trường tiểu học Ba Trại			1	Ba Trại - Ba Vi	206/QĐ-UBND; 28/3/2012; 1432/QĐ-UBND; 03/11/2014	12.782	5.000	5.000	5.000						UBND huyện Ba Vi	
9	Trường mầm non Tân Lĩnh B			1	Tân Lĩnh - Ba Vi	1611/QĐ-UBND; 08/11/2013	16.438	6.000	8.000	8.000						UBND huyện Ba Vi	
10	Trường mầm non Tân Lĩnh A			1	Tân Lĩnh - Ba Vi	1374/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1404/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1426/QĐ-UBND; 03/11/2014	23.534	8.500	11.000	6.000	5.000	5.000				UBND huyện Ba Vi	
11	Trường tiểu học Bò và Đồng Cỏ			1	Tân Lĩnh - Ba Vi	809/QĐ-UBND; 20/08/2012; 03/11/2014; 1395/QĐ-UBND; 23/12/2013; 1410/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1495/QĐ-UBND; 03/11/2014	22.545	8.000	12.000	2.000	10.000	10.000				UBND huyện Ba Vi	
12	Trường mầm non Việt Hoà – Văn Hoà			1	Văn Hoà - Ba Vi	1075/QĐ-UBND; 08/11/2013; 1475/QĐ-UBND; 03/11/2014	13.011	6.000	4.000	4.000						UBND huyện Ba Vi	
13	Trường mầm non Văn Hoà			1	Văn Hoà - Ba Vi	1373/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1293/QĐ-UBND; 24/10/2014; 1478/QĐ-UBND; 03/11/2014	29.877	10.000	16.000	7.000	9.000	9.000				UBND huyện Ba Vi	
14	Trường tiểu học Văn Hoà			1	Văn Hoà - Ba Vi	1356/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1408/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1477/QĐ-UBND; 03/11/2014	22.551	8.000	12.000	6.000	6.000	6.000				UBND huyện Ba Vi	
15	Trường mầm non Yên Bái A (khu trung tâm Đồng Hưu)			1	Yên Bái - Ba Vi	1028/QĐ-UBND; 08/11/2013; 1402/QĐ-UBND; 03/11/2014	25.106	9.000	14.000	7.000	7.000	7.000				UBND huyện Ba Vi	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT		Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
16	Trường tiểu học Yên Bái B (khu Phú Yên)			1	Yên Bái - Ba Vì	1343/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1483/QĐ-UBND; 02/11/2014	14.475	6.000	6.000	6.000						UBND huyện Ba Vì	
17	Trường tiểu học Yên Bái B (khu Việt Yên)			1	Yên Bái - Ba Vì	1347/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1484/QĐ-UBND; 02/11/2014	10.709	5.000	4.000	4.000						UBND huyện Ba Vì	
18	Trường THCS Yên Bái A			1	Yên Bái - Ba Vì	1347/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1411/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1492/QĐ-UBND; 02/11/2014	21.945	7.500	12.000	6.000	6.000	6.000				UBND huyện Ba Vì	
19	Trường THCS Yên Bái B			1	Yên Bái - Ba Vì	1347/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1412/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1493/QĐ-UBND; 02/11/2014	21.220	7.500	12.000	6.000	6.000	6.000				UBND huyện Ba Vì	
B	<u>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ</u>		3	2			2.089.320	197.857	1.006.000	153.050	852.950	192.950	220.000	220.000	220.000		
I	CTMT ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội			1			48.000	18.000	6.000	6.000							Chương trình sử dụng vốn sự nghiệp. KH2016 đã bố trí 06 tỷ đồng vốn đầu tư XDCB
1	Xây dựng hệ thống mạng máy tính diện rộng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội			1	Hà Nội	4086/QĐ-BQP 27/10/2012; 3305/QĐ-BQP 03/09/2013	48.000	18.000	6.000	6.000							Dự án hoàn thành năm 2016; TP hỗ trợ 24 tỷ đồng
II	CTMT nhằm giảm thiểu ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020		3	1			2.041.320	179.857	1.000.000	147.050	852.950	192.950	220.000	220.000	220.000		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		1				231.569	178.000	25.000	25.000							
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm điều khiển đèn tín hiệu giao thông và thiết bị ngoại vi (giai đoạn I), thành phố Hà Nội		1		Hà Nội	4713/QĐ-UBND 11/10/2011	231.569	178.000	25.000	25.000							

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT		Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Giai đoạn 2017-2020	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016		2	1			506.151	1.857	345.000	122.050	222.950	192.950	30.000				
1	Xây dựng tuyến đường Lê Trọng Tấn, đoạn từ đường Tôn Thất Tùng kéo dài đến sông Lừ		1		Thanh Xuân	5571/QĐ-UBND 28/10/2014	224.625	1.857	110.000	110.000						Sở GTVT	DA không sử dụng hết dự phòng Dự án đã hoàn thành. Đang thực hiện bàn giao, quyết toán.
2	Nút giao Phạm Ngọc Thạch - Chùa Bộc		1		Đống Đa	1172/QĐ - UBND 26/02/2014	230.431		195.000	50	194.950	164.950	30.000			Sở GTVT	Công trình trọng điểm 2016-2020; Gộp vào 02 dự án cải tạo dưới đất
3	Xây dựng cầu Mọc			1	Thanh Xuân	2067/QĐ-SGTVT 17/10/2013 và 1142/QĐ-SGTVT 21/8/2014	51.095		40.000	12.000	28.000	28.000				Sở GTVT	Dự phòng, chi khác giảm 5 tỷ đồng.
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						1.303.600		630.000		630.000		190.000	220.000	220.000		

BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bỏ trước giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020					Chủ đầu tư	Ghi chú				
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTV hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng ĐTPT	Tổng số	Trong đó:								
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
	TỔNG SỐ	280					125.091.137	30.400.514	37.734.281	64.276.807	14.886.957	11.588.623	12.025.003	13.315.400	13.847.167	13.500.614	64.276.807	56.492.770	470.034	6.172.819	466.184	675.000	274	150	81	30	2	6		Nhu cầu vốn ODA dự kiến: 63.962 tỷ đồng		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	178					134.530.215	22.806.105	37.449.756	32.872.521	7.936.100	8.439.873	9.323.803	6.404.935	4.128.000	4.575.910	32.872.521	25.219.484	470.034	6.141.819	466.184	575.000	175	106	45	17	1	6				
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	102					24.485.247	3.025.176	135.684	9.026.850	2.655.844	3.118.100	2.551.200	2.242.050	1.115.500		9.026.850	8.895.850		31.000		100.000	99	44	36	13	6					
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						36.075.675	4.569.263	48.841	21.777.436	4.295.013	30.650		4.518.415	8.453.667	8.774.704	21.777.436	21.777.436														
IV	BỔ TRÍ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ									600.000			150.000	150.000	150.000	150.000	600.000	600.000														
	KHOẢNG LẠNG ĐÓNG THỊ	83					42.181.833	16.943.020	8.741.811	21.260.256	9.836.370	2.741.716	4.254.769	4.585.200	4.766.364	4.612.907	21.960.956	21.960.956					83	41	21	16	4	1				
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	48					18.282.156	10.460.967	8.640.893	6.838.585	3.756.321	1.871.816	2.675.769	1.641.000	200.000	450.000	6.838.585	6.838.585						48	26	11	10		1			
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	35					13.417.932	2.622.463	83.417	5.775.400	2.290.609	1.862.900	1.579.000	1.608.000	725.500		5.775.400	5.775.400						35	15	10	6	4				
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						10.481.745	3.859.590	17.501	9.346.971	3.789.440	7.000		1.336.200	3.840.864	4.162.907	9.346.971	9.346.971														
A	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	67					36.715.809	14.039.887	6.850.326	18.171.006	8.421.809	3.389.966	3.839.769	3.642.000	3.806.364	3.492.907	18.171.006	18.171.006						67	30	20	13	3	1			
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	40					14.874.215	8.618.278	6.788.881	5.601.635	3.430.100	1.604.866	2.260.769	1.086.000	200.000	450.000	5.601.635	5.601.635						40	22	10	7		1			
*	Các đường Vành đai																															
I	Xây dựng đường vành đai I (đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái)	1	Hai Bà Trưng	2013-2016	548,06mx50m	8259/QĐ-UBND 20/12/2005; 1905/QĐ-UBND 07/5/2012; 4846/QĐ-UBND 18/9/2014; 2965/QĐ-UBND 09/6/2016	1.166.678	1.020.137	1.086.448	50.000	30.000	50.000					50.000	50.000						1	1						Ban QLDA Hà Nội	Công trình trong năm 2011-2015; Dự án điều chỉnh TMDT 1.166.678 m.d. Số KHHĐT đã có BCTD và UBND TP ngày 28/5/2016; UBND chỉ đạo tập trung bổ tư vốn hoàn thành 2016
2	Xây dựng đường VD2, đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng	1	Đống Đa	2011-2017	2,3kmx50m	4454/QĐ-UBND 23/9/2011	2.560.353	2.022.598	1.062.887	1.427.000	1.120.000	277.000	850.000	300.000			1.427.000	1.427.000						1						BQL các dự án trọng điểm PTĐT Hà Nội	Công trình trong năm 2011-2015; UBND chỉ đạo tập trung GPMB trong năm 2016	
3	Xây dựng nút giao thông đường đô thị Bắc Thăng Long - Văn Trì với tuyến đường sắt Bắc Hà Nội - Văn Trì	1	Đống Anh	2014-2016	692,1mx26m	511/QĐ-UBND 22/01/2013	861.701		364.621	40.000		40.000					40.000	40.000						1	1						BQL các dự án trọng điểm PTĐT Hà Nội	Công trình trong năm 2011-2015; TDT công trình là 562.015 triệu đồng (trong đó XL: 449.600 triệu đồng); Không sử dụng DPP 30 tỷ đồng; UBND chỉ đạo tập trung bổ tư vốn hoàn thành 2016, năm 2017 quyết toán công trình
*	Các đường hướng tâm; trục chính đô thị																															
I	Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6, đoạn km 19+920 đến km 22+220, qua địa phận thị trấn Chóc Sơn, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2012-2017	Bn=56m, L=2,3 Km	5757/QĐ-UBND 12/12/2011	700.982	338.482	195.134	460.666	280.000	150.666	150.000	160.000			460.666	460.666						1							UBND huyện Chương Mỹ	Thông báo số 213-TB/TU ngày 14/6/2016 của Thành ủy Dự kiến TMDT điều chỉnh thành 700,9 tỷ đồng do tăng chỉ phí GPMB; Số kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 1295/ĐC-KHĐT ngày 20/10/2016 Phân đầu hoàn thành công trình năm 2017; năm 2018 bổ tư vốn dư thừa, quyết toán
2	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Trì - Ngọc Hồi (Km185 - 189), huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2011-2018	3.814mx19m	3553/QĐ-UBND 19/7/2010	887.755	507.873	118.267	645.000	450.000	105.000	300.000	240.000			645.000	645.000						1							Sở GTVT	Thông báo số 363-TB/TU ngày 25/8/2016 của Thành ủy
*	Các cầu yếu																															
1	Xây dựng cầu Zet	1	Chương Mỹ	2012-2016	107,3mx10m	1196/QĐ-GTVT 26/10/2011	64.684	2.347	30.239	8.000	500	8.000					8.000	8.000						1	1						Sở GTVT	Dự án được duyệt dự phòng lớn, dự toán giám đo giá nguyên vật liệu giám. Chủ đầu tư đề nghị KHV tại Văn bản số 3532/SGTVT-KH&ĐT ngày 12/11/2015
2	Xây dựng Cầu Hòa Viên	1	Ứng Hòa, Chương Mỹ	2009-2016	Cầu BTCT L=189,3m; B=8m	09/QĐ-UBND 04/01/2006; 1839/QĐ-SGTVT 28/8/2013;	54.290	8.080	37.479	1.500	500	1.500					1.500	1.500						1	1						Sở GTVT	Dự án được duyệt dự phòng lớn, dự toán giám đo giá nguyên vật liệu giám. Chủ đầu tư đề nghị KHV tại Văn bản số 3532/SGTVT-KH&ĐT ngày 12/11/2015

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tầng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020							Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020					Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Chí chủ		
						Số. ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:							
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
3	Xây dựng Cầu Ba Thà Km24+010 ĐT 429 (ĐT 73 cũ)	1	Ứng Hòa, Mỹ Đức	2010-2016	99 x12m (03 nhịp 33m)	1781/QĐ-GTVT 28/10/2009, 1131/QĐ-GTVT 15/8/2014	54.259	14.301	42.197	5.000	1.200	5.000					5.000	5.000					1	1						Sở GTVT	Dự án được duyệt dự phòng km, dự toán giám đo giá nguyên vật liệu giám Chủ đầu tư đã nghị KHV tại Văn bản số 3522/SGTVT-KH&ĐT ngày 12/11/2015
4	Dường đô thị; tỉnh lộ.																														
1	Xây dựng cầu 361 (qua sông Tô Lịch)	1	Cầu Giấy, Đống Đa	2015-2016	40mx30m	4480/QĐ-UBND 26/10/2012	87.508	13.906	6.790	30.000	13.000	30.000					30.000	30.000					1	1						Sở GTVT	Công trình hoàn thành năm 2016
2	Xây dựng đường Trần Phú - Kim Mã	1	Ba Đình	2012-2016	450,81mx22m	4672/QĐ-UBND 07/10/2011 2075/QĐ-UBND 17/4/2014	426.230	392.640	300.708	11.000	11.000	11.000					11.000	11.000					1	1						Sở GTVT	Thực tế GPMB giám, Công trình đã cơ bản hoàn thành. Chủ đầu tư đã nghị KHV tại Văn bản số 3522/SGTVT-KH&ĐT ngày 12/11/2015
3	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	1	Tây Hà, Đa Đình	2007-2018	230mx50m	417/QĐ-UBND 29/01/2007 801/QĐ-UBND 10/02/2010	682.000	574.712	476.146	164.700	86.000	9.700	95.000	60.000			164.700	164.700					1			1				Sở GTVT	Công trình còn vướng 81 hộ dân tập thể B& tư lệnh công binh, UBND quận Tây hồ thực hiện GPMB (Thông báo số 131/TB-UBND ngày 19/5/2016) Phân đầu hoàn thành công trình năm 2017; Năm 2018 bố trí vốn thanh toán khối lượng đã thực hiện
4	Xây dựng đường Cát Linh - La Thành - Yên Lãng (đoạn La Thành - Thái Hà - Lãng)	1	Đống Đa	2002-2016	1890m	7601/QĐ-UB 11/12/2001 1596/QĐ-UBND 28/10/2008 1188/QĐ-UBND 16/02/2012	441.834	254.717	392.422	24.468	3.000	4.000	20.468				24.468	24.468					1	1						Sở GTVT	Công trình cơ bản hoàn thành.
5	Xây dựng tuyến đường ngã 124 Âu Cơ, quận Tây Hồ	1	Tây Hồ	2012-2016	710m	1120/QĐ-UBND 5/4/2011; 836/QĐ-UBND 24/3/2015	197.366	168.177	97.756	55.000	45.000	55.000					55.000	55.000					1	1						UBND quận Tây Hồ	NSTP hỗ trợ một phần (95 tỷ đồng, đã bố trí), phần còn lại do ngân sách quận thực hiện.
6	Xây dựng tuyến phố Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ phố Tô Hiến Thành đến phố Đại Cồ Việt)	1	Hai Bà Trưng	2013-2017	592,28mx17m	5628/QĐ-UBND 01/12/2011; 3842/QĐ-UBND 11/08/2015	197.385	150.436	1.494	180.700	145.000	95.700	85.000				180.700	180.700					1		1					Sở Xây dựng	
7	Xây dựng Cầu Ngọc Hồi	1	Thanh Trì	2012-2016	12mx46m	1114/QĐ-GTVT 09/8/2010; 1754/QĐ-SGTVT 18/12/2014	111.365	50.952	71.088	21.500	15.000	21.500					21.500	21.500					1	1						Sở GTVT	
8	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào Khu công nghiệp H&PRO	1	Gia Lâm	2007-2017	6217mx(7-23-45)m	1312/QĐ-UBND 10/4/2007	207.636	98.153	141.229	140.000	20.000	31.000	109.000				140.000	140.000					1		1					Sở GTVT	Sở GTVT đang trình đề TMDT thành 300,189 tỷ đồng; tiếp tục chủ công tư NSTP ông (Văn bản số 5359/UBND-XD&ĐT ngày 04/8/2015; thanh toán từ nguồn vốn BOT của Sở GTVT)
9	Xây dựng Đường Dốc Hối - Đại học Nông Nghiệp I	1	Gia Lâm	2009-2016	3.070 mx(17-30m)	4599/QĐ-UBND 16/10/2012	383.000	273.821	326.614	45.000		15.000	30.000				45.000	45.000					1		1					UBND huyện Gia Lâm	Chủ đầu tư đang trình điều chỉnh TMDT (183 tỷ đồng).
10	Xây dựng tuyến đường từ Khu trung tâm hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông (Giải đoạn I: GPMB và xây dựng nền đường)	1	Mê Linh	2013-2016	1.563mx48m	5098/QĐ-UBND 31/10/2011	105.820	70.657	88.550	17.000	14.000	17.000					17.000	17.000					1	1						UBND huyện Mê Linh	
11	Xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 23B - Giải đoạn I (Hà Nội - nghĩa trang Thanh Tú)	1	Đông Anh, Mê Linh	2009-2016	12,48km; 1,73kmx 50m (GD:1,18m);ML:1,075kmx12m	1500/QĐ-UBND 01/4/2009; 5997/QĐ-UBND 27/12/2011	296.737	150.035	173.066	14.300	1.000	4.300	10.000				14.300	14.300					1	1						Sở GTVT	Công trình đã cơ bản hoàn thành đoạn Đông Anh và quyết toán (chủ đầu tư dự kiến không mở rộng vỉa hè đoạn qua huyện Mê Linh, GPMB giảm 95 tỷ đồng).
12	Mở rộng, nâng cấp đường 35 Sóc Sơn, giai đoạn I	1	Sóc Sơn	2009-2016	7924mx12m (ĐI:4469,12m; ĐII:3455,17m)	1346/QĐ-UBND 11/4/2008; 4780/QĐ-UBND 22/9/2015; 5979/QĐ-UBND 28/10/2016	207.700	113.286	153.756	18.000	5.000	18.000					18.000	18.000					1	1						Sở GTVT	
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Tùng Thiện, Km 3+700,2 đến Km 4+700,2 Quốc lộ 21A, Thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	2012-2016	2 Km x35m	5252/QĐ-UBND 22/10/2010	247.000	126.398	156.080	60.000	10.000	45.000	15.000				60.000	60.000					1	1						UBND thị xã Sơn Tây	Thay đổi phương án, không hạ ngầm các đường dây; tổng dự toán giảm 33 tỷ đồng. Công trình đã cơ bản hoàn thành Năm 2017 bố trí vốn thanh toán khối lượng đã thực hiện
14	Xây dựng đường tỉnh 421B (ĐT 81 cũ) đoạn Thạch Thất đến Xuân Mai (Km 5+196 - Km 17)	1	Quốc Oai	2009-2016	12 Km, 12m	2651/QĐ-UBND 22/7/2008; 4676/QĐ-UBND 7/8/2013	267.199	85.576	193.369	32.000	10.000	32.000					32.000	32.000					1	1						UBND huyện Quốc Oai	Kinh phí GPMB và dự phòng giám sát với DA duyệt
15	Xây dựng các tuyến đường tiếp giáp các dự án liên quan khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông	1	Hà Đông	2012-2016	1.316mx10,5	5105/QĐ-UBND 19/10/2010	119.307	40.719	34.800	50.800	20.000	50.800					50.800	50.800					1	1						UBND quận Hà Đông	Cơ bản thi công xong tuyến số 1,2; tiếp tục hoàn thành tuyến 3, xong toàn bộ công trình năm 2016
16	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 (Km7+730 đến Km11+552), huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2013-2016	3,82km; 12m	5079/QĐ-UBND 31/10/2011; 5358/QĐ-UBND 27/8/2016	150.943	51.462	116.198	8.000		8.000					8.000	8.000					1	1						UBND huyện Thạch Thất	Kinh phí GPMB giám sát với DA duyệt; công trình cơ bản hoàn thành
17	Xây dựng đường nối Pháp Vân tới khu đầu tư Tư Hiệp, Ngõ Hiệp	1	Thanh Trì	2011-2017	1756,34mx 27m	5317/QĐ-UBND 27/10/2010	176.724	46.528	82.182	20.000	20.000	20.000					20.000	20.000					1		1					UBND huyện Thanh Trì	Phần vốn còn lại sử dụng nguồn thu từ đất phân của Thành phố để lại cho Huyện để đầu tư hoàn thành dự án
18	Xây dựng đường Lai Yên - An Khánh (đoạn Cầu Khum - Cầu Đá Sỏi)	1	Hoài Đức	2015-2016	966mx40m	6671/QĐ-UBND 12-12-2014	77.000	22.000	22.000	25.000		25.000					25.000	25.000					1	1						UBND huyện Hoài Đức	NSTP hỗ trợ 25 tỷ đồng; phần còn ngân sách Huyện đã bố trí, Công trình cơ bản hoàn thành

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt				Lấy kế số vốn đã bỏ trước giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Chú chú
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB	Tổng số vốn		Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
19	Xây dựng công trình đường trục phát triển thị xã Sơn Tây, từ trung tâm Km13+740,6 đến Km14+704	1	Sơn Tây	2013-2017	963,6mx40m	1481/QĐ-UBND 24/02/2006; 171/QĐ-UBND 09/01/2012	122.693	56.624	73.901	44.200	20.000	2.200	42.000				44.200	44.200					1		1				Sở GTVT	Dự án vương GPMB, năm 2016 tập trung bỏ trí vốn để GPMB Năm 2017 tập trung bỏ trí vốn để thi công xây lắp
20	Xây dựng đường gom cầu Gié - Phú Yên - Văn Từ (nhiệm vụ Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2013-2016	5,67kmx12m	5064/QĐ-UBND 31/10/2011	261.820	95.225	44.628	40.000	15.000	40.000					40.000	40.000					1	1					Sở GTVT	Năm 2016 bỏ trí vốn để triển khai dự án đến điểm dừng kỹ thuật
21	Cải tạo, nâng cấp đường 35 huyện Mê Linh từ Đại Thịnh đến Quang Minh (Giai đoạn I: Giải phóng mặt bằng và xây dựng đường giao thông)	1	Mê Linh	2009-2017	6,128kmx(24-36)m	184/QĐ-CT 22/01/2007 6070/QĐ-UBND 27/12/2011	296.436	158.102	146.921	119.000	50.000	57.000	62.000				119.000	119.000					1		1				UBND huyện Mê Linh	Kiểm nghị của Huyện ủy Mê Linh tại buổi làm việc với Bí thư Thành ủy Kinh phí GPMB giảm
22	Xây dựng đường trục chính Bắc - Nam, đô thị Quốc Oai	1	Quốc Oai	2008-2018	14 Km, C3	1926/QĐ-UBND 23/10/2007; 5446/QĐ-UBND 21/10/2010; 7153/QĐ-UBND 23/12/2015	544.100	176.818	242.617	213.301	98.000	50.000	77.301	86.000			213.301	213.301					1			1			UBND huyện Quốc Oai	
23	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh đường thoát nước Thụy Khuê (đoạn từ dốc La Phò đến Cổng Đỏ)	1	Tây Hồ	2011-2018	Cổng hóa mương BTCT 2x3x3m; B = 9,5-11,5m; L=1.788m	574/QĐ-UBND 03/02/2009; 7079/QĐ-UBND 23/12/2015	421.764	199.995	22.023	349.000	170.000	99.000	120.000	130.000			349.000	349.000					1			1			UBND quận Tây Hồ	GPMB phức tạp, đã tồn tại nhiều năm
24	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Văn Bão đến núi Núi Trúc), GP 2	1	Ba Đình	2004-2017	656,75m x3m	1096/QĐ-UBND 02/3/2006;	301.002	237.145	45.359	220.000	80.000	10.000	100.000	110.000			220.000	220.000					1			1			Sở GTVT	Dự án vương GPMB phức tạp, đã tồn tại nhiều năm. Trường hợp tiền GPMB được dự định sẽ ứng vốn năm 2017 để hoàn thành dự án trong thời gian ngắn nhất. Dự án đang được hiện thực theo điều chỉnh TMDT từ 157,4 tỷ lên 301 tỷ đồng. Hiện nay Sở GTVT đang trình UBND TP phê duyệt điều chỉnh dự án
25	Cổng hoá và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây	1	Ba Đình	2009-2020	1040,16mx(25-30,5)m	2447/QĐ-UBND 26/6/2008; 5101/QĐ-UBND 7/11/2012	740.450	616.483	9.947	693.000	520.000	43.000		200.000	450.000		693.000	693.000					1				1		Sở GTVT	Dự án vương GPMB phức tạp, đã tồn tại nhiều năm (Đến cuối năm 2016, nếu tiền GPMB thì sẽ để xuất đúng dự án) Dự án đang được hiện thực theo điều chỉnh TMDT từ 649,9 tỷ lên 740,5 tỷ đồng do tăng chi phí GPMB. Hiện nay Sở KHĐT đã có Báo cáo số 1301/BC-KH&ĐT ngày 21/10/2016 trình UBND TP phê duyệt điều chỉnh dự án
26	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411C (đoạn Đồng Bàng - Yên Kỳ - Tổng Đại)	1	Ba Vì	2012-2017	17,7ha; 5.925,1m	5345/QĐ-UBND 29/10/2010	208.363	93.759	107.224	97.000	85.000	20.000	77.000				97.000	97.000					1		1				UBND huyện Ba Vì	
27	Xây dựng tuyến đường nối đường 70 chạy dọc đường Hoà Bình	1	Thanh Trì	2010-2020	4931mx21,25m	4193/QĐ-UBND 18/8/2009; 3226/QĐ-UBND 19/6/2014	248.833	55.846	55.846	10.000	15.000	10.000					10.000	10.000					1		1				UBND huyện Thanh Trì	Kinh phí GPMB giảm, dự toán giảm so với quyết kế được duyệt. Phần vốn còn lại sử dụng nguồn thu từ địa phương của Thành phố để tài cho Huyện để đầu tư hoàn thành dự án (năm 2016 đã bỏ trí 10 tỷ đồng)
28	Đường tránh QL 32 đoạn qua thị trấn Tây Đằng	1	Ba Vì	2011-2017	2055,71mx23m	5195/QĐ-UBND 21/10/2010	151.706	77.075	42.325	98.000	7.000	30.000	68.000				98.000	98.000					1		1				UBND huyện Ba Vì	
29	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ Đồng Anh	1	Đồng Anh	2015-2016	512,12mx34,5m 425,09mx25m	7469/QĐ-UBND 09/12/2013	91.403	13.965	17.960	48.500	30.000	48.500					48.500	48.500					1	1					UBND huyện Đồng Anh	Công trình hoàn thành năm 2016. Giám sát theo thực tế phương án GPMB giảm (VB số 190/BC-UBND ngày 19/10/2016)
30	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vĩ (tỉnh lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3 Km), thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	2012-2016	2,5 Km x35m	5253/QĐ-UBND 22/10/2010	330.559	239.248	76.752	25.000	20.000	25.000					25.000	25.000					1	1					UBND thị xã Sơn Tây	Giãn tiến do (điểm dừng kỹ thuật), triển khai sau 2020
31	Xây dựng 1/2 cầu Dền Lũ và tuyến đường 2,3 đoạn phía bắc khu công nghiệp Vĩnh Tuy	1	Hoàng Mai	2016-2017	1/2 cầu: 30,2mx18m; Đường 2,3: 462,38mx40m	4889/QĐ-UBND 29/10/2012	101.630		17.850	80.000	15.000	30.000	50.000				80.000	80.000					1		1				UBND quận Hoàng Mai	Nâng cấp tuyến đường để hướng cấp, dân cư di chuyển được.
32	Đường nối với đường Hoàng Quốc Việt Kéo dài, đoạn qua địa phận xã Tân Lập	1	Dan Phượng	2008-2016	3.462,4m	705/QĐ-UBND 27/4/2007 450/QĐ-UBND 25/01/2011	320.000		114.007	10.000	5.000	10.000					10.000	10.000					1	1					UBND huyện Đan Phượng	Năm 2016 đã bỏ trí kinh phí để thực hiện dự án đến điểm dừng kỹ thuật. Đề nghị Huyện rà soát đồng bộ với các Khu đô thị hai bên đường để đề xuất kế hoạch triển khai đồng bộ, kiến nghị cơ chế nguồn vốn, đảm bảo việc tiếp tục triển khai thực hiện tiếp dự án (nếu có) đạt hiệu quả.
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	27					13.114.900	2.617.019	43.944	5.581.400	2.285.169	1.778.900	1.579.000	1.568.000	655.500		5.581.400	5.581.400					27	8	10	6	3			
*	Các đường Vành đai																													
1	Đường vành đai 3,5: đoạn từ Đại Lộ Thăng Long đến Quốc lộ 32		Hoài Đức	2016-2018																										Danh mục công trình trong điểm 2016-2020. Số KH&ĐT đã có theo báo cáo số 1008/BC-KH&ĐT ngày 23/8/2016 báo cáo UBND huyện Hoài Đức làm chủ đầu tư thực hiện đồng bộ tuyến đường từ Quốc lộ 32 đến Đại Lộ Thăng Long. Nguồn vốn từ nguồn thu từ đầu tư phát triển địa bàn Huyện (Nguồn sách Thành phố đã bỏ trí năm
-	Các đoạn Km1+700 - Km2+050; Km2+550 - Km3+340		Hoài Đức		71,14 kmx60m	5795/QĐ-UBND 30/10/2015	379.572	89.755		90.000	65.000	90.000					90.000	90.000											UBND huyện Hoài Đức	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HIT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020							Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:							
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
-	Các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500				3,76 kmx60m		1.453,142	322,576																						2016 là 90 tỷ đồng để thực hiện GPMB). Thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư tổng thể đoạn tuyến. Dự án dự kiến hoàn thành năm 2018	
2	Xây dựng đường Vành đai 2 đoạn Vĩnh Tuy - Chợ Mơ - Ngã Tư Vọng		Hai Bà Trưng, Thanh Xuân		3kmx53,5m	586/QĐ-UBND 14/12/2012	4.967,193		9.845	2.500	15.000	2.500					2.500	2.500											Sở GTVT	Dự án đầu tư theo hình thức BT, NSTP chỉ bố trí vốn thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.	
*	Công trình cấp bách, chống ùn tắc giao thông, thực hiện ngay trong giai đoạn 2016-2017																														
1	Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	1	Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	2016-2018	5,5km, B=56-60m	103/QĐ-BGTVT 14/01/2010; 3099/QĐ-UBND 15/6/2016	3.113.000	1.800.000		2.754.000	1.800.000	950.000	773.000	705.000	326.000		2.754.000	2.754.000					1						1	Sở GTVT	Công trình trong điểm 2016-2020. Vốn dự phòng của dự án là 359 tỷ đồng.
2	Cầu vượt 8 Đông Mác - Nguyễn Khánh (giao giữa đường Vành đai 1 với đường Lỗ Đức, đường Kim Ngưu)	1	Hai Bà Trưng	2016-2017	12x232m	133/HĐND-KTNS 12/4/2016; 2606/QĐ-UBND 25/5/2016	168.100			160.000		80.000	80.000				160.000	160.000					1			1				Sở GTVT	Công trình trong điểm 2016-2020
3	Cầu vượt tại nút giao An Dương-đường Thanh Niên	1	Tây Hồ, Ba Đình	2016-2018	9,0x271m	184/HĐND-KTNS 16/5/2016 359/HĐND-KTNS 12/9/2016	429.670			400.000		500		300.000	99.500		400.000	400.000									1			Sở GTVT	Công trình trong điểm 2016-2020. Năm 2019 bố trí vốn thanh toán thời lượng đã thực hiện
4	Nút giao Cổ Linh (Giao giữa đường Cổ Linh và đường dẫn đầu cầu phía Bắc cầu Vĩnh Tuy)	1	Long Biên	2016-2017	12mx216m	135/HĐND-KTNS 12/4/2016; 4064/QĐ-UBND 26/7/2016	161.500			150.000		80.000	70.000				150.000	150.000					1			1				Sở GTVT	Công trình trong điểm 2016-2020
*	Các cầu yếu																														
1	Xây dựng cầu Đồng Trâm Km2+200 tỉnh lộ 414C, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2016	16,1mx12m	1292/QĐ-SGTVT 24/10/2012	7.626	600	250	4.750	600	4.750					4.750	4.750					1	1						Sở GTVT	
2	Xây dựng cầu Chi Phú, Km21+322 tỉnh lộ 413, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2016	14,1mx12m	1409/QĐ-SGTVT 13/10/2012	5.221	661	273	2.850	661	2.850					2.850	2.850					1	1						Sở GTVT	
3	Xây dựng cầu Đầm Mỏ	1	Chương Mỹ	2016-2017	99mx8,5m (03 nhịp 33m)	1194/QĐ-GTVT 26/10/2011	68.437	9.519	1.608	40.000	9.519	10.000	30.000				40.000	40.000					1			1				Sở GTVT	Năm 2012 chủ đầu tư đã phê duyệt dự toán 41,6 tỷ đồng. Đang phê duyệt điều chỉnh (dự kiến 32,5 tỷ đồng + GPMB 8 tỷ đồng).
4	Xây dựng cầu Bàu tại Km13+550 trên đường tỉnh 429 (ĐT 73 cũ), huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2016-2017	03 nhịp 24m x 12m	974/QĐ-SGTVT 22/8/2012	39.734	862	1.150	28.400	3.000	18.400	10.000				28.400	28.400					1			1				Sở GTVT	GPMB giảm 6 tỷ đồng theo phương án GPMB chủ đề
5	Xây dựng cầu Quảng Tài tại Km6+585 trên đường tỉnh 428 (đường 75 cũ), huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2016-2017	01 nhịp 33mx12m	767/QĐ-SGTVT 16/7/2012	38.000	9.000	1.150	35.000	9.000	23.000	12.000				35.000	35.000					1			1				Sở GTVT	
6	Cầu Đèo Xuyên, xã Đa Tốn	1	Gia Lâm	2016-2017	25,1mx13m	2145/QĐ-SGTVT 31/10/2013	25.221	2.969	400	8.500	2.969	8.500					8.500	8.500					1	1						Sở GTVT	
7	Xây dựng cầu Ngọc Đông, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	1	Gia Lâm	2016-2017	54,2mx8m	1103/QĐ-SGTVT 18/9/2012	51.469	21.000	1.031	14.000	21.000	14.000					14.000	14.000					1	1						Sở GTVT	
*	Đường đô thị, đường tỉnh lộ																														
1	Xây dựng tuyến đường nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến Quốc lộ 21, huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2015-2016	2.300mx12m	2131/QĐ-UBND 16/10/2015	55.257	10.533	456	26.500	20.000	26.500					26.500	26.500					1	1						Sở GTVT	
2	Xây dựng đoạn đường từ Khu tái định cư Nam Trung Yên đến đường Phạm Hùng (sắt tường rào phía Bắc Bô Tư lệnh Thủ đô Hà Nội)	1	Nam Từ Liêm, Cầu Giấy	2016	150mx17,5m	233/QĐ-KH&ĐT 19/7/2013	9.000		452	7.500		7.500					7.500	7.500					1	1						BQL các dự án trọng điểm PTĐT Hà Nội	
3	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trương Chính	1	Đống Đa	2016-2017	B=13,5m; L=364,84m	2248/QĐ-UBND 15/4/2004 5781/QĐ-UBND 13/12/2011	85.628	55.895	505	80.400	55.895	400	40.000	40.000			80.400	80.400					1			1				Sở GTVT	Kiến nghị của Quận ủy Đống Đa tại buổi làm việc với Bí thư Thành ủy: Đầu tư kết nối đường bộ với dự án "Đường Phương Mai - sông Lừ"
4	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419, huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2016	0,6km	549/QĐ-KH&ĐT 07/9/2009	24.180	5.000	785	18.000	5.000	18.000					18.000	18.000					1	1						UBND huyện Phúc Thọ	Hoàn thiện đồng bộ trục tuyến đường tỉnh lộ 419 đang được đầu tư kết nối 08 Huyện
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 (Km0+600 đến Km4+82), huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2016-2017	3,8km	4435/QĐ-UBND 30/9/2011	110.231	30.819	985	100.000	30.819	50.000	50.000				100.000	100.000					1			1				UBND huyện Thạch Thất	Hoàn thiện đồng bộ trục tuyến đường tỉnh lộ 419 đang được đầu tư kết nối 08 Huyện.
6	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 đoạn từ Km62+050 đến Km68+707 (từ Bệnh viện huyện đến xã Đức Tín, Km1+685 đến Km8+342 theo lý trình cũ)	1	Mỹ Đức	2016-2017	6,657mx18,5m	5697/QĐ-UBND 07/12/2012	241.898	5.760	778	205.000	25.000	100.000	60.000	45.000			205.000	205.000								1		1		UBND huyện Mỹ Đức	Hoàn thiện đồng bộ trục tuyến đường tỉnh lộ 419 đang được đầu tư kết nối 08 Huyện. Năm 2018 bố trí vốn thanh, quyết toán thời lượng đã thực hiện
7	Xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long	1	Bắc Từ Liêm	2016-2017	1.004,4mx30m; 30.354,08m2	460/QĐ-UBND 26/01/2011	196.313	81.959	2.345	162.000	81.959	9.000	80.000	73.000			162.000	162.000					1							Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất HN	Kết nối hạ tầng khu vực giao thông, tạo tuyến đường vào Khu Công nghiệp Nam Thăng Long.
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411, km 0+000-km 7+640, đoạn qua địa phận huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2016-2017	B=12m, L=7,6 Km	6432/QĐ-UBND 25/10/2013	214.009	53.358	2.211	180.000	53.358	30.000	70.000	80.000			180.000	180.000					1				1			UBND huyện Ba Vì	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại thuận lợi.

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-ITT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt				Lũy kế số vốn đã bỏ trước giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB	Tổng số vốn		Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTV hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng OTP	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421 đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2016-2017	5,98kmx9m	4950/QĐ-UBND 16/8/2013	178.054	3.274	850	165.000	15.000	65.000	60.000	40.000			165.000	165.000					1			1			UBND huyện Phúc Thọ	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại thuận lợi.
10	Nâng cấp, cải tạo xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 419, đoạn Km 44+00 đến Km 60+00, huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	2016-2018	13,42kmx(12-18)m	4010/QĐ-UBND 11/9/2012	527.263	48.858	2.760	470.000	48.858	50.000	100.000	150.000	170.000		470.000	470.000					1				1		UBND huyện Mỹ Đức	Hiện thực hóa dự án xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 419 đang được đầu tư từ cuối năm 08/10/2012 (ĐP.112,85 tỷ đồng).
11	Xây dựng cầu nối khu đô thị mới Pháp Vân với Khu đô thị mới Từ Hiệp, huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2016-2017	42mx27m	1192/QĐ-SGTVT 26/10/2011	59.576	1.246	1.100	32.000	2.000	32.000					32.000	32.000					1	1					Sở GTVT	Đã bổ sung vốn hoàn thành năm 2016 theo kế hoạch số 1167/TT-SGTVT ngày 27/9/2016 của Sở GTVT.
12	Cải tạo, chỉnh trang đường nội thị Quốc lộ 21B (ngã ba Thạch Bích) đi huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai	1	Thanh Oai	2016-2017	2,6kmx7,5-10m	367/QĐ-KH&ĐT 25/10/2013	44.446	2.000	2.545	35.000	5.000	15.000	20.000				35.000	35.000					1		1				UBND huyện Thanh Oai	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại thuận lợi.
13	Chỉnh trang cải tạo lắp đặt hệ thống chiếu sáng tuyến đường 429 qua khu tưởng niệm Hồ Chủ tịch, xã Nguyễn Xuân; đường tỉnh lộ 427 qua địa phận Văn Phú - Hiền Giang, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2016-2017	- Chiều dài: 429: 2,1km - Đoạn 427: cải tạo 1,4km, chiều dài 2,2km	358/QĐ-KH&ĐT 23/10/2013	27.823		2.245	40.000		25.000	15.000				40.000	40.000					1		1				UBND huyện Thường Tín	UBND đã có chủ trương bổ sung thêm một đoạn tuyến để khớp nối đường bộ HTKT, dự kiến TMDT tăng thêm 17 tỷ đồng.
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A và 421B đoạn qua địa phận huyện Quốc Oai (Đoạn từ cầu vượt Sài Sơn đi chùa Thầy đến đường 421A giáp ranh huyện Phúc Thọ)	1	Quốc Oai	2016-2017	TL421A: B=5,5-10m; TL421B: 6,5-10,5m, cốt TC28-hết: 12m	4970/QĐ-UBND 31/10/2012	226.707	52.844	1.490	190.000	7.000	30.000	40.000	60.000	60.000		190.000	190.000					1				1		UBND huyện Quốc Oai	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại thuận lợi. Dự phóng 2037 tỷ đồng. Số GTVT đang chuẩn bị điều chỉnh tăng TMDT từ 81,7 tỷ lên 226,7 tỷ đồng.
15	Cầu Mỹ Hòa (cầu Bết Xuyên), vượt Sông Đáy - qua địa phận huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa, Mỹ Đức	2016-2019	356x12m	43051/QĐ-UBND 15/7/2013	191.630	8.531	8.531	165.000	8.531	30.000	60.000	75.000			165.000	165.000					1				1		Sở GTVT	Nối 2 huyện Ứng Hòa và Mỹ Đức (tỉnh lộ 429, qua cầu nối vào DA huyện đường ngang để xây dựng tỉnh lộ 419 huyện đang dự kiến đầu tư từ năm 2017).
16	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường giao thông 179 từ dốc đá Văn Giang đến bến phà Văn Đức, huyện Gia Lâm	1	Gia Lâm	2016-2018	Chiều dài tuyến 2,588,92m, mặt đường BTXM B=6m	372/QĐ-UBND 18/11/2014	15.000		200	15.000		6.000	9.000				15.000	15.000					1		1				UBND huyện Gia Lâm	Thông báo số 373-TB/TU ngày 14/9/2016 của Thành ủy Tổng dự toán phê duyệt 13,8 tỷ đồng.
NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỎ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020																														
Trong đó: Công trình trọng điểm																														
I	Vành đai 1: đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục (bao gồm 02 cầu vượt qua đường Láng Hạ và đường Nguyễn Chí Thanh)	1	Đống Đa, Ba Đình	2018-2021	2,270mx50m; 02 cầu vượt					1.000		1.000					1.000	1.000											BQL các dự án trọng điểm PTĐT Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020 DA có TMDT khoảng 7.900 tỷ đồng (ĐP khoảng 2.200 tỷ đồng) Để xuất đầu tư dự án từ nguồn đầu tư và tập trung có quy mô lớn, nguồn tài trợ và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Trường hợp khó khăn không thể cân đối từ các nguồn vốn trên, Thành phố sẽ xem xét huy động trái phiếu xây dựng Thủ đô.
LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC																														
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	2					150.612		800	110.400		30.400		80.000			110.400	110.400					2	2						
DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																														
I	Cải tạo thoát nước phố Vũ Xuân Thiều	1	Long Biên	2016	322m	325/QĐ-KH&ĐT 03/10/2013	48.996		800	24.000		24.000					24.000	24.000					1	1					Sở Xây dựng	Khởi công TKBVTC (QĐ số 94/QĐ-SXD 10/01/16) và giám sát.
2	Cải tạo, công hòa mương Vĩnh Tuy (đoạn phía Bắc đường Minh Khai từ đường Minh Khai đến phố Vĩnh Tuy)	1	Hai Bà Trưng	2016	L=374 m	5787/QĐ-UBND 30/10/2015	12.965			6.000		6.000					6.000	6.000					1	1					Sở Xây dựng	Đảm bảo theo dự toán điều chỉnh (Bảo cáo số 8767/SXD-KH&ĐT ngày 05/10/2016 của SXD).
NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỎ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020																														
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, HTKT																														
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	8					3.407.941	1.842.689	1.852.012	1.236.950	326.121	266.950	415.000	555.000			1.236.950	1.236.950					8	4	1	3				
* Nội dung, các tài																														
1	Khu LHXLT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1	Sóc Sơn	2012-2016	73,73ha	4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016	1.438.430	998.765	621.403	795.000	200.000	70.000	240.000	485.000			795.000	795.000					1				1		Sở Xây dựng	Công trình trọng điểm 2016-2020
2	Đầu tư nâng cao năng lực phòng thí nghiệm, tăng cường trang thiết bị máy móc quan trắc và phân tích TNMT Hà Nội	1	Hà Nội	2014-2016	1	4947/QĐ-UBND 30/10/2012; 5313/QĐ-UBND 29/8/2013	111.400		90.519	6.000		6.000					6.000	6.000					1	1					Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	Dự án đầu tư trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại Khu LHXLT chủ đầu tư Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	1	Sóc Sơn	2014-2016	02 trạm quan trắc tự động	1220/QĐ-UBND 20/3/2015	26.100		5.997	15.000		15.000					15.000	15.000					1	1					Sở Tài nguyên và Môi trường	

STT	Nguồn vốn đầu tư/số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bỏ trước giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTP	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
4	Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đông, huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức	2014-2017	8000m3/ngđ	5118/QĐ-UBND 26/8/2013	231.500	45.200	50.000	172.950		52.950	80.000	40.000			172.950	172.950					1			1			Sở Tài nguyên và Môi trường	
	<i>Chiều dài, HTKT khác</i>																													
1	Xây dựng HTKT xung quanh hồ Kim Liên	1	Đống Đa	2005-2016	3,5ha	2482/QĐ-UBND 23/4/2004	38.393	19.899	12.166	15.000	11.121	15.000					15.000	15.000					1	1					Sở Xây dựng	
2	Dự án xây dựng hệ thống cấp nước cho khu LHXLC Nam Sơn và vùng ảnh hưởng 3 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1	Sóc Sơn	2008 - 2016	HTKT	10675/QĐ-SXD 28/10/2015	51.800	10.000	37.749	8.000		8.000					8.000	8.000					1	1					Sở Xây dựng	Dự án hoàn thành phục vụ Lưu LHXLCT Sóc Sơn
3	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh Hồ Tây	1	Tây Hồ	2002-2017	18km	1209/QĐ-TTg 04/12/2000 5062/QĐ-UBND 16/8/2004 5471/QĐ-UBND 23/10/2014	1.253.183	571.567	999.937	35.000	15.000	20.000	15.000				35.000	35.000					1		1				Ban QLDA XD HTKT xung quanh Hồ Tây	Năm 2017 bố trí vốn để giải quyết hoàn thành các hạng mục đã thi công. UBND TP chỉ đạo dừng triển khai để nghiên cứu tổng thể khu vực hồ Tây và Thống báo số 250/TB-UBND ngày 22/7/2016. Phòng đã đưa ra kết quả đánh giá kế hoạch 2017-2020. Sở Xây dựng đang nghiên cứu tổng thể theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND TP
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật hồ Linh Quang	1	Đống Đa	2009-2017	4,95ha	4563/QĐ-UBND 20/7/2004	257.135	197.258	34.241	190.000	100.000	80.000	80.000	30.000			190.000	190.000					1			1			Sở Xây dựng	
11	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	6					241.071	5.444	38.673	164.000	5.440	54.000		40.000	70.000		164.000	164.000					6	5			1			
	<i>Chiều dài, HTKT khác</i>																													
1	Xây dựng hạ tầng xã hội khu dân cư hai khối Văn Quán - Mỗ Lao, quận Hà Đông	1	Hà Đông	2016	HTKT, CJ	5923/QĐ-UBND 21/12/2011; 6556/QĐ-UBND 30/10/2013	52.000		36.539	8.000		8.000					8.000	8.000					1	1					UBND quận Hà Đông	KH2016 để thực hiện hạng mục cải tạo Khu chùa Văn Quán, Hồ Lao theo gói thầu được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 5484/QĐ-UBND 23/10/2014
2	Hệ thống chiếu sáng tuyến đường 35 trên địa bàn huyện Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2016	17km	7702/QĐ-SXD 11/1/2013	25.000		889	10.000		10.000					10.000	10.000					1	1					Sở Xây dựng	Đảm bảo độ sáng, tiết kiệm và ATGT
3	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng tuyến đường 6Km đoạn từ quốc lộ 3 đến đường Võ Văn Kiệt, huyện Đông Anh	1	Đông Anh	2016	L=6,5Km	4775/QĐ-UBND 22/9/2015; 5783/QĐ-UBND 30/10/2015	9.267			7.500		7.500					7.500	7.500					1	1					Sở Xây dựng	Đảm bảo độ sáng, tiết kiệm và ATGT
4	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng ánh sáng 428A đoạn qua địa bàn xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2016	L=2,4Km	4774/QĐ-UBND 22/9/2015; 5786/QĐ-UBND 30/10/2015	3.848			3.000		3.000					3.000	3.000					1	1					Sở Xây dựng	Đảm bảo độ sáng, tiết kiệm và ATGT
5	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 21B đoạn từ UBND xã Hòa Phú đến chợ Dâu, xã Dội Đình, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2016	L=8,4Km	4770/QĐ-UBND 22/9/2015; 5784/QĐ-UBND 30/10/2015	11.056			10.500		10.500					10.500	10.500					1	1					Sở Xây dựng	Đảm bảo độ sáng, tiết kiệm và ATGT
6	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải xã Văn Canh, Hoài Đức	1	Hoài Đức	2014-2020	4000m3/nd	6437/QĐ-UBND 25/10/2013	139.900	5.444	1.245	125.000	5.440	15.000		40.000	70.000		125.000	125.000					1				1		Sở Tài nguyên và Môi trường	Đến 6/2016, dự án chưa được phê duyệt kế hoạch LCNT Sở KHĐT đề xuất và triển khai tại dự án và chuyển đổi đầu tư theo hình thức BLT, BOT do việc quản lý vốn hành sự đầu tư gặp khó khăn
111	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						1.666.400	1.055.000		2.278.600	1.083.000	400		268.200	890.000	1.120.000	2.278.600	2.278.600												
	<i>Trong đó: Công trình trọng điểm</i>																													
1	Mở rộng khu XLCT Sóc Sơn theo quy hoạch 609/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ	1	Sóc Sơn	2019-2020	100 - 130ha		1.000.000	700.000		950.000	700.000			400.000	550.000	950.000	950.000	950.000					1					1	BQL dự án chuyên ngành của Thành phố	Công trình trọng điểm 2016-2020. Thống báo số 206-TB/TU ngày 10/6/2016. Ngân sách đầu tư hạ tầng; đang chờ thẩm tra trong công tác GPMB (phải di chuyển đơn vị quản lý hiện đang đóng quân)
2	Nhóm các dự án cấp nước sạch cho các vùng nông thôn khó khăn	1								230.000			60.000	70.000	100.000	230.000	230.000					1					1	BQL dự án chuyên ngành của Thành phố		
3	Nhóm các dự án xử lý ô nhiễm nguồn nước tại các ao hồ trên địa bàn thành phố Hà Nội	1								240.000			60.000	80.000	100.000	240.000	240.000					1					1	BQL dự án chuyên ngành của Thành phố		
4	Nhóm các dự án quan trắc không khí và xử lý ô nhiễm môi trường	1								230.000			60.000	70.000	100.000	230.000	230.000					1					1	BQL dự án chuyên ngành của Thành phố		
	KHỐI ODA	17					24.649.988	10.200.801	18.688.346	13.576.900	2.682.210	2.493.020	3.666.272	3.302.547	1.893.000	2.212.000	13.576.900	7.404.090	6.172.819				14	7	2	2	2			1. Vốn ODA theo dự toán và vốn bản số 8336/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ KHĐT. 2. Nhu cầu vốn ODA giai đoạn 2016 - 2020 là 63.962 tỉ đồng mới đảm bảo hoàn thành được các dự án theo Hiệp định
	<i>Vốn ODA</i>						73.133.266		9.171.655	6.172.819		1.604.350	2.564.072	1.504.397	400.000	100.000	6.172.819													
	<i>Vốn trong nước</i>						21.516.723	10.200.801	9.516.691	7.404.090	2.682.210	886.710	1.102.200	1.798.150	1.493.000	2.122.000	7.404.090	7.404.090												
1	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	13					89.215.593	10.195.278	18.666.809	13.496.159	2.676.687	2.465.990	3.662.772	3.252.397	1.893.000	2.212.000	13.496.159	7.354.340		6.141.819			11	6	3		2			

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt				Lấy kế số vốn đã bổ trợ/đã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trung độ: GPMB	Tổng số vốn		Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTV hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPP	Tổng số	Trong đó:								
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	4					5.350.393	5.523	17.000	33.750	5.523	27.100	3.500	3.150			33.750	2.750		31.000			3	1		2						
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MÚT GIAI ĐOẠN 2017-2020						84.002		4.537	47.000				47.000			47.000	47.000														
A	LĨNH VỰC HẠ TẦNG CTDĐT	7					60.980.389	6.181.448	8.732.920	8.947.450	1.820.000	1.431.300	2.451.000	3.500.150	1.223.000	1.342.000	8.947.450	4.677.450		4.270.000			6	2		2		2				
	Vốn ODA						47.344.384		4.196.152	4.270.000		916.000	1.652.000	1.152.000	300.000	50.000	4.270.000		4.270.000													
	Vốn trong nước						13.636.003	6.181.448	4.536.768	4.677.450	1.820.000	515.300	599.000	1.348.150	923.000	1.292.000	4.677.450	4.677.450														
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	5					60.691.214	6.181.448	8.728.383	8.892.700	1.820.000	1.430.200	2.447.500	2.450.000	1.223.000	1.342.000	8.892.700	4.627.700		4.265.000			4	2				2				
	Vốn ODA						47.125.864		4.196.152	4.265.000		915.000	1.650.000	1.150.000	300.000	50.000	4.265.000		4.265.000													
	Vốn trong nước						13.565.350	6.181.448	4.532.231	4.627.700	1.820.000	515.200	597.500	1.300.000	923.000	1.292.000	4.627.700	4.627.700														
1	Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thị điểm TP Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội	1	Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2008-2020	12,5km (trên cao 8,5km, đi ngầm 4km)	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013	32.910.000	974.000	2.509.021	5.234.000	900.000	734.000	2.016.000	1.361.000	712.000	411.000	5.234.000	2.234.000		3.000.000			1						1	Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trong điểm 2016-2020; Theo tiến độ HD dự án hoàn thành 2018; Giải trí phân bổ đã tính trên cơ sở 1 sẽ giải đầu đã là HD và dự toán.	
	Vốn ODA					Tr.đó vay lại 746 tr.USD-958 tr.USD	26.804.500		1.924.945	3.000.000		500.000	1.600.000	700.000	200.000		3.000.000		3.000.000												Như cấu vốn ODA năm 2016 là 1.500 tỉ đồng; năm 2017 là 2.150 tỉ đồng	
	Vốn trong nước						6.105.500	974.000	584.076	2.234.000	900.000	234.000	416.000	661.000	512.000	411.000	2.234.000	2.234.000														
2	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bên vông cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	1	Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2014-2020	Cải tạo và XD hệ thống tiếp cận của 12 ga tuyến 3; XD 02 điểm trung chuyển; thi công xây dựng bus thân thiện MT	3921/QĐ-UBND 23/7/2014	1.296.900		7.000	420.500		8.000	69.500	343.000			420.500	115.500		305.000			1					1	Sở GTVT.	Dạng điều chỉnh tiến độ dự án và NKLCT cho phù hợp với tiến độ của dự án Tuyến DSDT Hà Nội đoạn Nhổn - Ga Hà Nội		
	Vốn ODA					Tr.đó vay lại 16,153 tr.USD 53,15 tr.USD	1.169.300			305.000		5.000	50.000	250.000			305.000			305.000												
	Vốn trong nước						127.600		7.000	115.500		3.000	19.500	93.000			115.500	115.500														
3	Dự án Phát triển GTĐT Hà Nội (VNB)	1	Ba Đình, Tây Hồ, Cầu Giấy, Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông	2007-2016	6,4km đường VDI; 1 tuyến BRT	1837/QĐ-UBND 10/5/2007; 1821/QĐ-UBND 22/2/2013; 3264/QĐ-UBND 18/2/2016 (không bao gồm hạng mục XD khu TDC CT1); 580.265 tr VND)	6.858.376	3.895.448	5.452.934	656.000	20.000	656.000						656.000	256.000		400.000			1	1						Sở GTVT	Công trình trong điểm 2011-2015
	Vốn ODA						2.613.729		1.729.604	400.000		400.000					400.000			400.000												Như cấu vốn ODA năm 2016 là 1.566 tỉ đồng để hoàn thành dự án theo đúng tiến độ của Hiệp định
	Vốn trong nước						4.244.647	3.895.448	3.723.330	256.000	20.000	256.000					256.000	256.000														
4	HTKT Tăng cường năng lực Cơ quan quản lý DSDT Hà Nội và Thành lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến DSDT trên địa bàn TP HN	1	Hà Nội	2013-2016		1971/QĐ-UBND 4/3/2013; 6642/QĐ-UBND 12/12/2014	70.938		6.432	1.500		1.500					1.500	1.500					1	1						Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội		
	Vốn ODA						62.335																									Vốn ODA GN trực tiếp cho TV/Nhật
	Vốn trong nước						8.603		6.432	1.500		1.500					1.500	1.500														
5	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1	Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2009-2022 (dự kiến)	11,5km (8,5km ngầm và 3km trên cao)	2054/QĐ-UBND 13/11/2008	19.555.000	1.312.000	752.996	2.580.700	900.000	30.700	362.000	746.000	511.000	931.000	2.580.700	2.020.700		560.000										Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trong điểm 2016-2020 Dự án chuyển tiếp dự toán hoàn thành sau năm 2020	
	Vốn ODA					Tr.đó vay lại 250 triệu/1,3 tỷ USD (theo TMDT có và cơ chế có CP đã phê duyệt)	16.476.000		541.603	560.000		10.000	200.000	200.000	100.000	50.000	560.000		560.000													Như cấu vốn ODA năm 2016 là 26,3 tỉ đồng; năm 2017 là 2.100 tỉ đồng; - Chính phủ đang xem xét để xuất của Thành phố Hà Nội và phê duyệt dự án điều chỉnh và tiếp tục thực hiện dự án
	Vốn trong nước					GPMB có 1.312 tỷ đồng; DP: 529 tỷ	3.079.000	1.312.000	211.393	2.020.700	900.000	20.700	162.000	546.000	411.000	881.000	2.020.700	2.020.700														

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt				Lấy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020					Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB	Tổng số vốn		Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:							
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
11	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	2					205.173			7.750		1.100	3.500	3.150			7.750	2.750		5.000			2			2					
	Vốn ODA						186.900			5.000		1.000	2.000	2.000			5.000			5.000											
	Vốn trong nước						18.273			2.750		100	1.500	1.150			2.750	2.750													
1	Hỗ trợ phát triển hệ thống thẻ vé liên thông cho VTCC Hà Nội	1	Hà Nội	2016-2018		2347/QĐ-UBND 16/5/2016	68.233			2.750		100	1.500	1.150			2.750	2.750					1			1				Sở GTVT	
	Vốn ODA						350 triệu Yên Nhật																							Vốn ODA giải ngân trực tiếp cho TV Nhật	
	Vốn trong nước						3.153			2.750		100	1.500	1.150			2.750	2.750													
2	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thị điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhân - Ga Hà Nội	1	Hà Nội	2015-2018		5141/QĐ-UBND 09/10/2015	136.920			5.000		1.000	2.000	2.000			5.000			5.000			1			1				Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Chủ tịch nước đã phê duyệt HD, chuẩn bị kỹ trong tháng 12/2016
	Vốn ODA						1USD~21.000			5.000		1.000	2.000	2.000			5.000			5.000										Nhu cầu vốn ODA giai đoạn 2016 - 2020 là 34 tỉ đồng	
	Vốn trong nước						15.120																							Vốn đối ứng từ nguồn tư nghiệp	
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						84.002		4.537	47.000				47.000			47.000	47.000													
	Vốn ODA						31.620																								
	Vốn trong nước						52.382		4.537	47.000				47.000			47.000	47.000													
III.1.	Dự án đã đủ thủ tục về chủ trương đầu tư						84.002		4.537	47.000				47.000			47.000	47.000													
I	XD tuyến đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến 3, đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai	1	Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai	2014-2017	8km	QĐ phê duyệt CBĐT số 348/QĐ-TTg-QHQT ngày 09/2009; 657-TB/TU ngày 14/8/2013 và QĐ số 6749/QĐ-UBND ngày 7/11/2013	71.672		242	39.000				39.000			39.000	39.000												Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trong điểm 2016-2020 Giai đoạn thực hiện đầu tư chưa ký kết hợp đồng vay vốn ODA nên chưa ghi vốn; giai đoạn THĐA dự kiến ADB sẽ tài trợ khoảng 450tr. USD, còn lại đang xác định vốn ODA của các nhà tài trợ khác
	Vốn ODA						31.620																								Vốn ODA được GN trực tiếp cho TV và do ADB quản lý
	Vốn trong nước						40.052		242	39.000				39.000			39.000	39.000													
2	Tuyến đường sắt đô thị TPHN tuyến 2, đoạn Trần Hưng Đạo - Thương Đình	1	Hai Bà Trưng, Đống Đa, Thanh Xuân	2008 - 2016	6km	QĐ phê duyệt CBĐT số 2166/QĐ-UBND ngày 3/6/08; 2322/QĐ-UBND ngày 25/5/2010; 1567/QĐ-UBND ngày 25/3/2014; 657-TB/TU ngày 14/8/2013	12.330		4.295	8.000				8.000			8.000	8.000												Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trong điểm 2016-2020 Giai đoạn thực hiện đầu tư chưa được cam kết vốn ODA (dự kiến IICA tài trợ)
	Vốn ODA																														
	Vốn trong nước						12.330		4.295	8.000				8.000			8.000	8.000													
III.2.	Dự án chưa đủ thủ tục về chủ trương đầu tư																														
3	Tuyến đường sắt đô thị TPHN đoạn Nam Thăng Long - Nội Bài	1	Sóc Sơn, Đông Anh, Tây Hồ	2017-2023																										Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 25.000-30.000 tỷ đồng. Đề xuất đầu tư dự án từ nguồn đầu tư xã hội tập trung có quy mô lớn, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi thường xuyên. Trường hợp khó khăn không thể cân đối từ các nguồn vốn trên, Thành phố sẽ xem xét huy động trái phiếu xây dựng Thu đó
	Vốn ODA																														
	Vốn trong nước																														
B	LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC - MÔI TRƯỜNG	7					33.151.097	4.001.226	9.688.573	4.519.003	862.210	1.009.334	1.157.272	802.397	670.000	880.000	4.519.003	2.667.184		1.851.819			5	3	2						
	Vốn ODA						25.578.320		4.938.503	1.851.819		667.350	682.072	352.397	100.000	50.000	1.851.819			1.851.819											
	Vốn trong nước						7.572.777	4.001.226	4.750.070	2.667.184	862.210	341.984	475.200	450.000	570.000	830.000	2.667.184	2.667.184													
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	5					28.005.877	3.995.703	9.671.573	4.493.003	856.687	983.334	1.157.272	802.397	670.000	880.000	4.493.003	2.667.184		1.825.819			4	2	2						
	Vốn ODA						21.083.262		4.921.503	1.825.819		641.350	682.072	352.397	100.000	50.000	1.825.819			1.825.819											
	Vốn trong nước						6.922.615	3.995.703	4.750.070	2.667.184	856.687	341.984	475.200	450.000	570.000	830.000	2.667.184	2.667.184													
I	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - dự án II	1	Hà Nội	2006-2016	77,5km; 310mm/2 ngày	2304/QĐ-UBND 12/6/2008; 2940/QĐ-UBND 28/6/2012	9.693.856	3.178.803		8.072.774	600.000	80.000	600.000				600.000	100.000		500.000			1	1						Sở Xây dựng	Công trình trong điểm 2011-2015
	Vốn ODA						5.931.023		3.751.726	500.000		500.000					500.000			500.000											Nhu cầu vốn ODA năm 2016 là 1.215 tỷ đồng mới được ban hành thành các dự án tiếp đã hiện định

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ trước giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú			
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTV hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:								
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
	Vốn trong nước						3.762.833	3.174.803	4.321.048	100.000	80.000	100.000					100.000	100.000												Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị HN	GPMB trong TMDT từ dự án. UBND TP đã có văn bản cho tiếp tục CH theo thực tế yêu cầu pháp lý.	
2	Dự án Xây dựng hệ thống xử lý chất thải công nghiệp để phát điện	1	Sóc Sơn	2013-2017	75 tấn/ngày	1837/QĐ-UBND 25/02/2013; 6659/QĐ-UBND 31/12/2015	645.202		577.665	67.300		67.300					67.300	67.300					1	1								
	Vốn ODA						472.186		472.000																						Vốn ODA giải ngân trực tiếp cho nhà thầu Nhật Bản	
	Vốn trong nước						173.014		105.665	67.300		67.300					67.300	67.300														
3	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn đưa vốn kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng, vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) của TP Hà Nội	1	Bà Vì, Phúc Thọ, Mỹ Đức, Thanh Oai, Thường Tín, Chương Mỹ, Mê Linh	2013-2017	23.950m3/ng đêm (7 công trình cấp nước tập trung)	Cụ thể theo các QĐ của dự án đã phê duyệt 06/07 dự án và 01 dự án theo quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư	754.592	17.298	216.131	211.345	6.687	88.850	122.495						211.345	6.700		204.645		1		1				Số NN&PTNT, Sở Y tế, Sở GD&ĐT	TMDT bao gồm vốn XDGB và SNKT	
	Vốn ODA					QĐ số 1283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012 của Bộ NN&PTNT; tr.đó vay lại 8.919 tr.USD và 5.177 tr.USD vốn ODA	670.175		205.520	204.645		86.350	116.295					204.645			204.645										KH 2016 TP giao 86,32 tỉ đồng. Chưa bao gồm nguồn vốn TP vay lại WB năm 2016 theo cơ chế 40,137 tỉ đồng. Dự kiến sẽ giao KH 2017 là 116,295 tỉ đồng (theo công văn số 8836 NHCHĐT-TH ngày 24/10/2016)	
	Vốn trong nước					Bao gồm 10% tổng vốn ODA và 67.119 tr. đồng	84.417	17.298	10.611	6.700	6.687	2.500	4.200				6.700	6.700													Chưa tính phần đóng do dân đóng góp 10% trong KH 5 năm	
4	Dự án xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Cầu Nhỏ, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	1	Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm	2012-2017	12m3/giây, 8m3/giây và 9m3/giây	4956/QĐ-UBND 26/10/2011	618.783	39.602	432.442	95.184	10.000	74.184	21.000				95.184	90.184			5.000		1		1					Công ty TNHH MTV Thoát nước HN		
	Vốn ODA					9,94 tr. Euro	300.834		252.194	5.000		5.000					5.000			5.000											Như cứu vốn ODA năm 2016 là 13,893 tỉ đồng	
	Vốn trong nước						317.949	39.602	180.248	90.184	10.000	69.184	21.000				90.184	90.184														
5	Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1	Thanh Trì	2013-2021	270.000m3/ngày đêm	7051/QĐ-UBND 20/11/2013	16.293.444	760.000	372.561	3.519.174	760.000	153.000	1.013.777	802.397	670.000	880.000	3.519.174	2.403.000			1.116.174									Sở Xây dựng	Công trình trong diện 2016-2020 Năm 2016 tập trung cho công tác GPMB Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2020 theo Hiến định	
	Vốn ODA						13.709.042		240.063	1.116.174		50.000	563.777	352.397	100.000	50.000	1.116.174			1.116.174											Như cứu vốn ODA năm 2016 là 234,45 tỉ đồng, năm 2017 là 1.570 tỉ đồng	
	Vốn trong nước						2.584.402	760.000	132.498	2.403.000	760.000	103.000	450.000	450.000	370.000	830.000	2.403.000	2.403.000														
11	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	1					5.145.320	5.523	17.000	26.000	5.523	26.000					26.000			26.000			1	1								
	Vốn ODA						4.493.058		17.000	26.000		26.000					26.000			26.000												
	Vốn trong nước						650.162	5.523			5.523																					
1	Lắp bảo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực tả sông Nhụệ	1	Hà Nội	2013-2016	53,4km; 70m3/ng đêm	5676/UBND-KHDT ngày 23/7/2012; 4631/UBND-KHDT ngày 25/6/2014; 694/VPCP-QHQT ngày 18/01/2015; 6711/UBND-XDQT ngày 22/9/2015	52.000		17.000	1.000		1.000					1.000			1.000			1	1							Sở Xây dựng	- Đây là một hạng mục của tổng vốn dự từ dự án Thoát nước - dự án 2 và chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư. KH năm 2016 giao trong phần vốn ODA của dự án Thoát nước HN - dự án 2
	Vốn ODA						52.000		17.000	1.000		1.000					1.000			1.000												
	Vốn trong nước																															
2	Dự án Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước trực đường Lũng - Hoà Lạc (phạm vi Thành phố Hà Nội) sử dụng nước sạch sông Đà	1	36 xã, 01 thị trấn thuộc 03 huyện: Hoà Bình, Thạch Thất và Quốc Oai	2015-2021	- XD 12 tuyến ống truyền dẫn 75,39km đường kính DN300-DN 1200; XD 403,369km tuyến ống phân phối DN 90-DN 300; 963,697km đường ống dịch vụ DN250-63; Lắp đặt 95.831 đồng hồ; XD trạm bơm tăng áp có 30.000m3/ng đêm	5093/QĐ-UBND 09/10/2015	5.093.220	5.523		25.000	5.523	25.000					25.000			25.000											Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	UBND Thành phố đã có văn bản số 5401/UBND-KHDT ngày 19/9/2016 gửi Văn phòng CP và các cơ quan bộ, ngành và 5400/UBND-KHDT ngày 19/9/2016 gửi nhà tài trợ (ADB) về việc dừng dự án
	Vốn ODA						4.443.058			25.000		25.000					25.000			25.000												KH năm 2016 được giao 23 tỉ đồng tài trợ KH vốn NN giải ngân hết trong năm KH vốn ODA của toàn TP cho các dự án có nhu cầu
	Vốn trong nước						650.162	5.523		5.523																						KH năm 2016 được điều chỉnh năm bù 10 tỉ đồng tăng dự án Trường cao đẳng nghề 180 Năm - Học Quốc tại quyết định số 2316 QĐ-UBND ngày 8/8/2016 của UBND Thành phố
C	LĨNH VỰC Y TẾ, GP-DT, CNTT, KHÁC	3					518.502	18.127	266.853	110.456		52.456	58.000				110.456	59.456			51.000		3	2	1							

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ trước giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020							Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020							Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TAMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trung đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTP	Tổng số	Trong đó:							
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
8	Xây dựng cải tạo Trường THPT Kim Liên	1	Đông Đa	2015-2017	30 phòng học và hạng mục phụ trợ	5781/QĐ-UBND 25/9/2013	56.149		15.300	32.000		32.000						32.000	32.000				1	1					Sở Giáo dục và Đào tạo	Cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn Xây mới nhà học bộ môn, phòng chức năng và hiệu bộ cao 7 tầng; cải tạo chống xuống cấp các nhà học A, B, C và nhà thực hành E	
9	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Phú Xuyên B	1	Phú Xuyên	2015-2017	30 phòng học và hạng mục phụ trợ	4866/QĐ-UBND 25/10/2012, 4122/QĐ-UBND 03/7/2013	48.750		11.300	34.000		34.000						34.000	34.000				1	1					UBND huyện Phú Xuyên	Đầu tư đạt chuẩn Cải tạo nhà học 30 phòng, nhà thực hành - nhà trường, hạ tầng kỹ thuật; cải tạo nhà bếp, nhà ăn, xây mới nhà học bộ môn 4 tầng, nhà hiệu bộ 2 tầng (bổ sung hạng mục sân thi đấu)	
10	Xây dựng Nhà giảng đường, Kỳ túc xá, Trung tâm khám chữa bệnh, Xưởng được và các hạng mục phụ trợ của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	1	Hà Đông	2015-2016	Xây dựng Xưởng được và các hạng mục phụ trợ	317/QĐ-KH&ĐT, 31/10/2012	28.000		11.000	13.000		13.000						13.000	13.000				1	1					Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông		
11	Xây dựng mở rộng Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây giai đoạn I	1	Thường Tín	2011 - 2017	44 phòng học, 19 phòng thí nghiệm	2188/QĐ-UBND 13/5/2011; 6517/QĐ-UBND 30/10/2013; 561/QĐ-UBND 01/02/2016	457.144	72.778	332.130	107.000		77.000	30.000					107.000	107.000				1		1				Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	Xây mới (tăng thêm) 44 phòng học, 19 phòng thí nghiệm - xưởng thực hành, 02 đơn nguyên KTX, nội trường 500 chỗ, nhà thể chất, thư viện, HTKT đồng bộ	
12	Xây dựng, cải tạo Trường cấp bộ Đội Lê Duẩn giai đoạn 2	1	Ba Đình	2010-2017	03 tầng, 9.533 m ²	6635/QĐ-UBND 21/12/09; 5692/QĐ-UBND 15/11/10; 7307/QĐ-UBND 30/12/2015;	113.454	43.440	55.554	52.000	43.000	45.000	7.000					52.000	52.000				1		1				Trường Đội Lê Duẩn	GPMB 12 hồ dân, PA đã duyệt 32 trường số GPMB-43 từ UBND Thành phố và văn bản chỉ đạo số 6120VP-KT ngày 29/7/2016	
13	Đầu tư xây dựng trường đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội, cơ sở Hà Đông	1	Hà Đông	2017-2023	42.189m ²	2071/QĐ-UBND 08/11/2007; 3969/QĐ-UBND 05/8/2009	745.000		46.328	5.000		5.000						5.000	5.000										Trường đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	Năm 2016 thực hiện công tác tư vấn điều chỉnh dự án. Dự kiến chuyển đổi hình thức đầu tư dự án: Công trình PPP, loại hợp đồng BOT. VB số 217/TB-UBND ngày 28/6/2016; 4192/QĐ-KH&ĐT ngày 22/8/2016	
11	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	8					646.344	84.166	47.903	516.000	84.166	192.000	294.000	30.000			516.000	516.000				8	1	6	1						
1	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Phú Xuyên A, Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2016-2017	30 phòng học và hạng mục phụ trợ	4863/QĐ-UBND 25/10/2012, 4866/QĐ-UBND 15/8/2013	36.557		2.203	30.000		24.000	6.000					30.000	30.000				1	1					UBND huyện Phú Xuyên	Đầu tư đạt chuẩn Năm 2016 đã bỏ 24 tỷ đồng; dự kiến bổ sung kế hoạch vốn 06 tỷ đồng để hoàn thành công trình năm 2016 Phá dỡ 2 khối nhà học đã xuống cấp (xây dựng năm 1979); cải tạo các nhà học hiện có 30 phòng học; Xây mới nhà học thực hành thí nghiệm 03 tầng	
2	Xây dựng Trường THPT Phan Huy Chú huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2016-2018	22 phòng học và hạng mục phụ trợ	5680/QĐ-UBND 31/10/2014	125.000	27.525	1.000	120.000	27.525	40.000	50.000	30.000			120.000	120.000				1		1				UBND huyện Quốc Oai	TKBVTCĐT được duyệt 96 tỷ đồng + GPMB 27 tỷ đồng. Đầu tư đạt chuẩn Xây dựng trường mới 22 phòng; nhà bộ môn, nhà hiệu bộ, HTKT, phụ trợ		
3	Xây dựng trường Tiểu học trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	1	Gia Lâm	2016-2017	15 phòng học và hạng mục phụ trợ	3345/QĐ-UBND 30/10/2014	68.949		500	60.000		30.000	30.000					60.000	60.000				1		1				UBND huyện Gia Lâm	Dự phòng 6,2 tỷ Xây dựng mới 15 phòng học và hạng mục phụ trợ	
4	Xây dựng trường THCS Đặng Xá trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	1	Gia Lâm	2016-2017	14 phòng học và hạng mục phụ trợ	3346/QĐ-UBND 30/10/2014	62.923		500	55.000		30.000	25.000					55.000	55.000				1		1				UBND huyện Gia Lâm	Dự phòng 3,7 tỷ Xây dựng mới 14 phòng học và hạng mục phụ trợ	
5	Xây dựng Trường THPT Đặng Mễ, huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì	2016-2017	18 phòng học và hạng mục phụ trợ	4991/QĐ-UBND 31/10/2013	97.721	28.344	2.700	88.000	28.344	38.000	50.000					88.000	88.000				1		1				UBND huyện Thanh Trì	Đầu tư đạt chuẩn Xây dựng trường mới 18 phòng; nhà bộ môn, nhà hiệu bộ ...	
6	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Liên Hà	1	Đông Anh	2016-2017	25 phòng học và hạng mục phụ trợ	2848/QĐ-UBND 02/5/2013	65.822		300	55.000		10.000	45.000					55.000	55.000				1		1				Sở Giáo dục và Đào tạo	Đầu tư đạt chuẩn Xây mới nhà học 4 tầng, nhà thể chất; cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà học 3 tầng; cải tạo nhà thể chất cũ thành thư viện, cải tạo tổng thể hệ thống hạng mục phụ trợ	
7	Xây dựng mở rộng Trường THPT Nguyễn Du	1	Thanh Oai	2016-2017	24 phòng học và hạng mục phụ trợ	6443/QĐ-UBND 25/10/2013	76.372	13.797	700	58.000	13.797	20.000	38.000					58.000	58.000				1		1				UBND huyện Thanh Oai	Cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn 24 phòng học lý thuyết, cải tạo 12 phòng còn lại thành phòng bộ môn, xây mới nhà giao dịch thể chất, hạng mục phụ trợ	
8	Xây dựng Trường THPT Xuân Phương	1	Nam Từ Liêm	2016-2017	24 phòng học và hạng mục phụ trợ	5794/QĐ-UBND 30/10/2015	113.000	14.500	40.000	50.000	14.500		50.000					50.000	50.000				1		1				UBND quận Nam Từ Liêm	Dự phòng 15,3 tỷ đồng. Sở GD&ĐT có VB số 10284/SGD&ĐT-KH&ĐT ngày 13/10/2014 chấp thuận giao UBND quận Nam Từ Liêm làm CĐT 2 dự án THPT Mỹ Đình và Xuân Phương. Đầu tư đạt chuẩn Ngân sách Quận đầu tư một phần (bỏ 4 tỷ 40 tỷ đồng năm 2016) Dự phòng 15,3 tỷ đồng Xây dựng trường mới 20 phòng; nhà bộ môn, nhà hiệu bộ ...	
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỎ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỘT GIAI ĐOẠN 2017-2020						1.022.961	67.444	5.434	821.100	52.844	1.100		254.000	266.000	300.000	821.100	821.100													
B	LĨNH VỰC Y TẾ	27					6.780.136	36.500	2.224.304	3.465.500	14.500	752.500	811.000	622.000	730.000	550.000	3.465.500	3.465.500				27	15	9	1	2					

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chương trình đầu tư được duyệt				Lấy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TÀI DŢ	Trong đó: GPMB	Tổng số vốn		Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTV hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
1	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	13					4.309.619		2.205.378	1.467.500		638.500	674.000	155.000			1.467.500	1.467.500					13	6	6	1				
1	Đầu tư nâng cấp bệnh viện Đa khoa Đức Giang (giai đoạn 1)	1	Long Biên	2014-2016	500 giường	5745/QĐ-UBND 09/12/2011	861.977		595.804	89.000		89.000					89.000	89.000					1	1					Sở Y tế	Công trình trong điểm giai đoạn 2011-2015. Tính cả vốn bố trí năm 2016 thì DA đã bố trí đủ vốn sau khi trừ chi phí dự phòng.
2	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	1	Phù Xuyên	2014-2016	200 giường	1571/QĐ-UBND 28/10/2005; 2348/QĐ-UBND 02/12/2008; 7103/QĐ-UBND 21/11/2013	189.000		153.613	30.000		30.000					30.000	30.000					1	1					Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	
3	Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2013-2016	200 giường	5371/QĐ-UBND 29/10/2010; 4792/QĐ-UBND 23/10/2012	250.000		209.000	25.000		25.000					25.000	25.000					1	1					Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai	
4	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	2015-2016	200 giường	5102/QĐ-UBND 31/10/2011	39.552		12.000	25.000		25.000					25.000	25.000					1	1					Sở Y tế	
5	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Đông Anh	1	Đông Anh	2014-2016	Xây mới TTYT kết hợp PKDK 20 giường	4966/QĐ-UBND 31/10/2012	85.367		45.739	25.000		25.000					25.000	25.000					1	1					UBND huyện Đông Anh	
6	Xây dựng Phòng khám đa khoa khu vực Hồng Kỳ	1	Sóc Sơn	2015-2016	20 giường	6441/QĐ-UBND 25/10/2013	51.670		12.700	32.500		32.500					32.500	32.500					1	1					UBND huyện Sóc Sơn	
7	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2010-2016	320 giường	3945/QĐ-UBND 04/8/2009	345.870		263.214	50.000		30.000	20.000				50.000	50.000					1		1				Sở Y tế	
8	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Đông Anh	1	Đông Anh	2012-2016	330 giường	4359/QĐ-UBND 24/8/2009	414.972		275.180	104.000		30.000	74.000				104.000	104.000					1		1				Sở Y tế	
9	Cải tạo bệnh viện đa khoa Xanh Pôn và xây dựng nhà điều trị Nội khoa	1	Ba Đình	2012-2017	580 giường	908/QĐ-UBND 07/3/2008; 7156/QĐ-UBND 29/12/2014	332.023		208.602	102.000		57.000	45.000				102.000	102.000					1		1				Sở Y tế	
10	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh	1	Mê Linh	2013-2017	200 giường	4147/QĐ-UBND 20/9/2012	457.457		228.383	135.000		45.000	90.000				135.000	135.000					1		1				UBND huyện Mê Linh	Kiểm nghị của Huyện ủy Mê Linh tại buổi làm việc với Bí thư Thành ủy
11	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Thanh Nhân - Giai đoạn 2	1	Hai Bà Trưng	2012-2018	550 giường	5086/QĐ-UBND 31/10/2011	458.938		64.367	338.000		138.000	170.000	30.000			338.000	338.000					1		1				Sở Y tế	Công trình trong điểm 2016-2020. Công trình hoàn thành năm 2017. Năm 2018 bố trí vốn thành, quyết toán.
12	Đầu tư nâng cấp bệnh viện phụ sản Hà Nội	1	Ba Đình	2012-2018	310 giường	5085/QĐ-UBND 31/10/2011	324.729		56.544	245.000		85.000	135.000	25.000			245.000	245.000					1		1				Sở Y tế	Công trình trong điểm 2016-2020. Công trình hoàn thành năm 2017. Năm 2018 bố trí vốn thành, quyết toán.
13	Mở rộng và Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II	1	Ba Vì	2012-2018	260 giường	5034/QĐ-UBND 31/10/2011	498.064		80.232	267.000		27.000	140.000	100.000			267.000	267.000					1			1			Sở Y tế	
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	14					1.106.517	36.500	16.673	1.041.000	11.500	114.000	137.000	400.000	390.000		1.041.000	1.041.000					14	9	3		2			
1	Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội	1	Hà Đông	2016-2020	200 giường	4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784.000	25.000	11.998	751.000		1.000	100.000	350.000	300.000		751.000	751.000					1				1		Sở Y tế	Công trình trong điểm 2016-2020. UBND TP yêu cầu hoàn thành sớm. Dự án đang rà soát, điều chỉnh quy mô cho phù hợp.
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2016-2018	250 giường	5060/QĐ-UBND 28/10/2011	149.000		3.575	140.000				50.000	90.000		140.000	140.000					1				1		Sở Y tế	Thông báo số 385-TB/TU ngày 23/9/2016 của Thành ủy. Dự án đang được rà soát, điều chỉnh quy mô cho phù hợp. Quy hoạch thị trấn trung tâm huyện Thường Tín được duyệt năm 2015.
3	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2016-2017	Xây mới TTYT	6442/QĐ-UBND 25/10/2013	51.517	11.500	1.100	45.000	11.500	25.000	20.000				45.000	45.000					1		1				UBND huyện Sóc Sơn	
4	Xây dựng PKDK xã Tân Lĩnh	1	Ba Vì	2016	20 giường	1710/QĐ-UBND 30/10/2015	24.000			21.000		9.000	12.000				21.000	21.000					1		1				UBND huyện Ba Vì	
5	Nhóm (10) các dự án trạm y tế đã bố trí năm 2016 (cuối năm đã hoàn thành 9 dự án). Kế hoạch năm 2017 để nghị bố trí cho 1 dự án Trạm y tế xã Xuân Canh, huyện Đông Anh 5 tỷ đồng để hoàn thành	10	Hà Nội	2016	Cải tạo, nâng cấp		98.000			84.000		79.000	5.000				84.000	84.000					10	9	1				UBND các quận, huyện, thị xã	
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						1.364.000		2.253	957.000	3.000			67.000	340.000	550.000	957.000	957.000												
	Trong đó: Công trình trọng điểm																													
1	Xây dựng Trung tâm phục hồi chức năng Bệnh viện Tim Hà Nội - Cơ sở tại Tây Hồ	1	Tây Hồ	2017	400 giường		390.000			2.000				2.000			2.000	2.000					1				1		BQL dự án chuyên ngành của Thành phố	Công trình trong điểm 2016-2020; đồng chí CT UBND TP chỉ đạo chuyển đổi hình thức đầu tư PPP. Dự kiến NSTP đảm bảo kinh phí từ vốn 1,3 tỷ đồng.
C	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI						284.606		600	244.200		700		145.700	63.000		34.800	244.200	244.200											
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015																													
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																													

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Điểm tiếp nhận	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ trước giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020					Chủ đầu tư	Ghi chú				
						Số, ngày QĐ	TAMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPPT	Tổng số	Trong đó:								
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỐ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						284.606		600	244.100		700		145.700	63.000	34.800	244.100	244.100														
D	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	26					14.424.517	190.203	539.798	1.697.250	165.164	189.450	211.000	391.800	505.000	390.000	1.697.250	1.697.250						15	21	2	1	1				
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỬ GIẢI ĐOẠN 2011-2015	22					1.617.616	132.039	529.211	630.000	107.000	120.000	210.000	115.000	185.000		630.000	630.000						22	19	1	1	1				
1	Dự án tu bổ tôn tạo di tích đền Ngọc Sơn	1	Hoàn Kiếm	2017	Tu bổ	4985/QĐ-UBND 31/10/2012	52.210		500	25.000			10.000	15.000			25.000	25.000						1			1				Sở Văn hóa và Thể thao	Phần kinh phí còn lại là vốn huy động ngoài ngân sách. Số Văn hóa TT (2015) bổ trí 13 tỷ nguồn thu từ di tích.
2	Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)	1	Nam Từ Liêm	2016-2019	54.150 m2	1424/QĐ-UBND 31/10/2008; 5099/QĐ-UBND 07/11/2012	789.004		345.000	390.000		5.000	100.000	100.000	185.000		390.000	390.000						1				1			Sở Văn hóa và Thể thao	Công trình trưng diễn 2016-2020. Vốn XD/CB là 647 tỷ đồng. Phần kinh phí còn lại là vốn sự nghiệp
3	Dự án chỉnh trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình làm thành cách mạng bản giao (khu Hoàng Thành)	1	Ba Đình	2015-2019	3,78ha	5079/QĐ - UBND 02/10/2014	370.198	132.039	75.997	103.000	107.000	3.000	100.000				103.000	103.000						1		1					Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Công trình trưng diễn 2016-2020. Dự phóng: 48.237 triệu đồng. Tài trợ báo số 411/TB-UBND ngày 18/10/2016. Chủ tịch UBND TP chỉ đạo tạm dừng dự án, chỉ tập trung công tác GPMB, nghiên cứu lập BCNCKT tổng thể toàn bộ khu Hoàng Thành Thăng Long.
4	Bảo tồn Tượng hành cung phía Tây khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - HN	1	Ba Đình	2015-2016	360m	5658/QĐ-UBND 31/10/2014	14.467		12.499	500		500					500	500						1	1						Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Kế hoạch năm 2016 giao từ tháng 12/2015, quyết định kéo dài Kh vốn năm 2015 vào tháng 4/2016 nên để nghỉ nà lại vốn năm 2015 kéo dài.
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Bà Kiêu, quận Hoàn Kiếm	1	Hoàn Kiếm	2015-2016	Tu bổ	5687/QĐ-UBND 31/10/2014	23.121		6.600	14.000		14.000					14.000	14.000						1	1						Sở Văn hóa và Thể thao	Hoàn thành 2016-Dự phóng 2,1 tỷ
6	Chùa Tăng (Kim Hoa Tự), xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2015-2016	Tu bổ	3171/QĐ-UBND 15/10/2010; 4552/QĐ-UBND 23/10/2014	13.052		5.000	1.700		1.700					1.700	1.700						1	1						UBND huyện Phúc Thọ	Phần hỗ trợ của TP: 6,7 tỷ đồng
7	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Văn Khê	1	Sơn Tây	2015-2016	Tu bổ	1715/QĐ-UBND 25/10/2011	14.998		4.000	4.000		4.000					4.000	4.000						1	1						UBND thị xã Sơn Tây	Phần hỗ trợ của TP: 8 tỷ đồng
8	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Thanh Lũng, xã Tiên Phong, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2015-2016	Tu bổ	6016/QĐ-UBND 16/10/2014	29.983		5.000	7.000		7.000					7.000	7.000						1	1						UBND huyện Ba Vì	Phần hỗ trợ của TP: 12 tỷ đồng
9	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Đa Chải, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2015-2016	Tu bổ	6665/QĐ-UBND 04/11/2013; 5085/QĐ-UBND 23/10/2014	29.095		4.000	5.000		5.000					5.000	5.000						1	1						UBND huyện Phú Xuyên	Phần hỗ trợ của TP: 9,162 tỷ đồng
10	Tu bổ tôn tạo cụm di tích đình Cá - chùa Diên Phúc, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	1	Mê Linh	2015-2016	Tu bổ	4395/QĐ-UBND 25/8/2014; 6716/QĐ-UBND 20/10/2014	26.340		5.000	6.000		6.000					6.000	6.000						1	1						UBND huyện Mê Linh	Phần hỗ trợ của TP: 11,567 tỷ đồng
11	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Di Nâu	1	Thạch Thất	2015-2016	Tu bổ	6513/QĐ-UBND 23/10/2013	26.172		3.000	7.000		7.000					7.000	7.000						1	1						UBND huyện Thạch Thất	Phần hỗ trợ của TP: 10,7 tỷ đồng
12	Tu bổ tôn tạo di tích đình Giã Hạ, xã Ngọc Tảo, Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2015-2016	Tu bổ	3170/QĐ-UBND 15/10/2010; 275/QĐ-UBND 06/2/2015	10.574		4.000	1.000		1.000					1.000	1.000						1	1						UBND huyện Phúc Thọ	Phần hỗ trợ của TP: 5 tỷ đồng
13	Tu bổ tôn tạo di tích đình Từ Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2015-2016	Tu bổ	603/QĐ-UBND 28/10/2013	14.997		3.000	3.000		3.000					3.000	3.000						1	1						UBND huyện Ứng Hòa	Phần hỗ trợ của TP: 6,12 tỷ đồng
14	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Ngọc Kiên (Trung Kiên Tự)	1	Sơn Tây	2015-2016	Tu bổ	1698/QĐ-UBND 20/10/2011	26.943		5.000	3.500		3.500					3.500	3.500						1	1						UBND thị xã Sơn Tây	Phần hỗ trợ của TP: 8,5 tỷ đồng
15	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Kim, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai	1	Thanh Oai	2015-2016	Tu bổ	1561/QĐ-UBND 24/10/2013; 1616/QĐ-UBND 31/10/2013	19.339		3.000	4.000		4.000					4.000	4.000						1	1						UBND huyện Thanh Oai	Phần hỗ trợ của TP: 7,7 tỷ đồng
16	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phú Tăng, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2015-2016	Tu bổ	6189/QĐ-UBND 25/10/2013	22.259		3.000	3.000		3.000					3.000	3.000						1	1						UBND huyện Sóc Sơn	Phần hỗ trợ của TP: 6,5 tỷ đồng
17	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Thăng Trĩ, xã Minh Trĩ, huyện Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2015-2016	Tu bổ	6190/QĐ-UBND 25/10/2013; 1275/QĐ-UBND 10/4/2015	15.131		3.000	1.800		1.800					1.800	1.800						1	1						UBND huyện Sóc Sơn	Phần hỗ trợ của TP: 4,8 tỷ đồng
18	Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ và Lăng Ngô Quyền (làng cổ Đường Lâm)	1	Sơn Tây	2015-2016	Tu bổ	435/QĐ-UBND 12/4/2013; 885/QĐ-UBND 08/2/2014	29.958		10.600	6.000		6.000					6.000	6.000						1	1						UBND thị xã Sơn Tây	Phần hỗ trợ của TP: 19,9 tỷ đồng, xã hội hóa: 10 tỷ đồng
19	Tu bổ di tích Đình Cam Thịnh	1	Sơn Tây	2015-2016	Tu bổ	1345/QĐ-UBND 08/10/2013; 884/QĐ-UBND 05/3/2014	13.222		10.000	2.000		2.000					2.000	2.000						1	1						UBND thị xã Sơn Tây	
20	Đền làng Chu Quyên, xã Chu Minh, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2015-2016	Tu bổ	1677/QĐ-UBND 18/11/2013	14.889		4.465	3.500		3.500					3.500	3.500						1	1						UBND huyện Ba Vì	Cổng trình do Bộ Văn hóa TTDL đang cấp vốn từ nguồn TW; Vốn địa phương Huyện là 1,5 tỷ

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lý do số vốn đã bỏ trước giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020							Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020							Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTVT	Tổng số	Trong đó:								
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
21	Tu bổ, tôn tạo chùa Nà xã Chu Minh huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2015-2016	Tu bổ	666/QĐ-UBND 04/11/2013; 1078/QĐ-UBND 01/10/2014; 271/QĐ-UBND 07/3/2016	11.671		450	7.000		7.000						7.000	7.000					1	1					UBND huyện Ba Vì	TP hỗ trợ hàng mức gốc 7 tỷ đồng	
22	Cải tạo, nâng cấp Cung Thiếu nhi Hà Nội giai đoạn I	1	Hoàn Kiếm	2015-2017	Cải tạo 7.960 m2	6637/QĐ-UBND 31/10/2013	49.991		16.100	32.000		32.000						32.000	32.000					1	1					Thành đoàn Hà Nội		
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	4					1.469.032	38.164	7.050	78.900	38.164	67.900	11.000					78.900	78.900					3	2	1						
1	Tu bổ, tôn tạo 17 miếu, diềm và giếng cổ (thuộc Lăng Đường Lâm- xã Đường Lâm)	1	Sơn Tây	2016	Tu bổ	1270/QĐ-UBND 30/10/2015	14.000			8.500		8.500						8.500	8.500					1	1					UBND thị xã Sơn Tây	Ngân sách hỗ trợ 60% theo cơ chế đã phê duyệt tại Đề án Lăng cổ Đường Lâm	
2	Dinh Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2016	Tu bổ	869/QĐ - UBND 12/9/2011	19.588		450	9.000		9.000						9.000	9.000					1	1					UBND huyện Ba Vì	Di tích cách mạng; Chi đạo của UBND TP tại VB 5095/VP-VX ngày 29/7/2015. Phần còn lại Ngân sách Huyện và huyện đồng XHH.	
3	Nâng cấp mở rộng di tích nhà Hồ Chủ tịch ở và làm việc tháng 12/1946	1	Hà Đông	2016-2017	1.741 m2.	5550/QĐ-UBND 28/10/2014	58.979	38.164	800	50.000	38.164	39.000	11.000					50.000	50.000					1		1				Sở Văn hóa và Thể thao	DP 7,2 tỷ	
4	Cung Thiếu nhi Hà Nội	1	Cầu Giấy	2016-2022	3,24ha	4493/QĐ-UBND 29/8/2016	1.376.465		5.800	11.400		11.400						11.400	11.400											Sở Xây dựng	Nghiên cứu thay đổi hình thức đầu tư	
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỐ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						11.337.869	20.000	3.537	988.350	20.000	1.550		276.800	320.000	390.000	988.350	988.350														
	Trong đó: Công trình trọng điểm																															
1	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu vực Thành Cổ Loa thuộc quy hoạch tổng thể bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu Di tích thành Cổ Loa	1	Đông Anh	2018-2020			7.400.000	20.000		131.000	20.000	1.000		40.000	50.000	40.000	131.000	131.000					1							Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020. Giai đoạn 2017-2020 tập trung hoàn thành công tác CBDT và thực hiện một số hạng mục phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, phần còn lại thực hiện XHH.	
2	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa lịch sử Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long	1					3.000.000																								Tại Thành báo số 411/TB-UBND ngày 18/10/2016, Chủ tịch UBND TP chỉ đạo nghiên cứu lập BCNCKT tổng thể toàn bộ khu Hoàng Thành Thăng Long. Dự kiến TMDT khoảng 3.000 tỷ đồng. Giai đoạn 2017-2020 NSTP tập trung GPMB, thiết kế nghiên cứu các phương án phục dựng bảo tồn, phần còn lại sẽ huy động XHH và các nguồn khác.	
-	Dự án bảo tồn khu vực khảo cổ học 18 Hoàng Diệu		Ba Đình	2018-2022		6243/QĐ-UBND 15/10/2013	380.000		3.287	370.000				100.000	120.000	150.000	370.000	370.000												Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội		
-	Các hạng mục, công trình khác theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt		Ba Đình	2018-2020			98.000			90.000				20.000	20.000	50.000	90.000	90.000												Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Dự án đang rà soát sử dụng vốn XHH, chỉ đứng một phần vốn ngân sách.	
E	LĨNH VỰC DẠY NGHỀ	3					1.027.250	7.805	144.708	379.300	2.297	14.400	38.000	54.200	150.000	122.700	379.300	379.300					3	2	1							
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	3					257.932	7.805	144.508	51.800	2.297	13.800	38.000				51.800	51.800					3	2	1							
1	Dự án đầu tư nghệ trọng điểm: Cơ điện tử cấp độ quốc tế của Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	1	Nam Từ Liêm	2015-2016	Đầu tư nghệ trọng điểm Quốc tế 130 ha/năm	4920/QĐ-UBND 01/10/2015	73.868		40.000	14.000			14.000					14.000	14.000					1	1						Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	NSTW đã bỏ 40.000 triệu đồng. Phần còn lại sử dụng ngân sách của Trường và Bộ LĐTBXH. Chỉ sử dụng NSTP 14 tỷ đồng.
2	Dự án Trung tâm Hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên thành phố Hà Nội	1	Đông Anh	2011-2016	Xây mới 12 phòng học	479-QĐ/TWĐTN 30/12/2013	150.000		99.000	10.000		10.000						10.000	10.000					1	1						Thành đoàn Hà Nội	Tổng vốn đầu tư là 150 tỷ đồng trong đó có: Vốn Trung ương: 40 tỷ đồng; Vốn Thành phố Hà Nội: 110 tỷ đồng.
3	Xây dựng Trung tâm kỹ thuật tổng hợp- hướng nghiệp, dạy nghề huyện Quốc Oai (định hướng thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp huyện)	1	Quốc Oai	2016-2017	3.210 m2 sàn; 14 phòng học; 01 phòng cho hs thuyết giảng; 08 phòng thực hành	5171/QĐ-UBND 12/10/2015	34.064	7.805	5.508	27.800	2.297	3.800	24.000					27.800	27.800					1		1					UBND huyện Quốc Oai	DTXD Trung tâm tại vị trí khác do vị trí cũ phải GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục chính Bắc Nam do chỉ Quốc Oai. Tiến độ bỏ công trình cũ là 5.508 triệu đồng để thực hiện GPMB.
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																															
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỐ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						769.318		200	327.500		600		54.200	150.000	122.700	327.500	327.500														
	KHOẢNG CÁCH - THƯỜNG MẠI - DỊCH VỤ	8					2.259.491	717.291	387.860	1.521.500	425.011	253.700	183.300	429.000	321.500	284.000	1.521.500	1.521.500					8	4	3	1						

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn để bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số, ngày QĐ	TMĐT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trung đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	5					922.615	354.412	353.460	355.000	74.610	139.700	175.300	40.000			355.000	355.000						5	2	2	1			
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	3					178.497	36.878	34.400	121.000	24.400	113.000	8.000				121.000	121.000						3	2	1				
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						1.158.379	326.001		1.045.500	326.001	1.000		389.000	371.500	284.000	1.045.500	1.045.500												
A	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP	7					1.781.150	649.258	387.360	1.066.000	356.978	246.700	175.300	150.000	210.000	284.000	1.066.000	1.066.000						7	4	2	1			
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	5					922.615	354.412	353.460	355.000	74.610	139.700	175.300	40.000			355.000	355.000						5	2	2	1			
1	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Cụm công nghiệp tập trung Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2010-2018	Tuyến 1: L= 2.871m; Tuyến 2: L= 595m	1065/QĐ-UBND 24/02/2014	360.000	189.939	216.389	120.000			80.000	40.000			120.000	120.000					1			1			UBND huyện Sóc Sơn	Ngân sách huyện Sóc Sơn 4.600 tỷ, d (theo QĐ phê duyệt DA, vốn NSTP 214,73 tỷ đồng còn lại vốn NS huyện. Ngày 18/4/2016, tại cuộc họp về CCN tập trung Sóc Sơn CN3, Chủ tịch UBND Thành phố đồng ý cho phép CĐT báo cáo UBND TP xem xét bố trí vốn NSTP hỗ trợ phần dự án chưa thực hiện) DP: 28.362 tỷ đồng
2	Xây dựng tuyến đường gom Bắc Thăng Long-Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I	1	Mê Linh	2015-2017	L= 1154,7m; B=24m	7458/QĐ-UBND 09/12/2013	160.154	66.110	6.329	123.000	64.110	70.000	53.000				123.000	123.000					1			1			Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất HN	Giải quyết bức xúc về tai nạn giao thông cho công nhân KCN Quang Minh. DP: 29.816 tỷ đồng
3	Xây dựng tuyến đường gom từ Khu công nghiệp Phú Nghĩa A ra Quốc lộ 6	1	Chương Mỹ	2013-2016	L=1153m; B=13,5m	4429/QĐ-UBND 04/10/2012	70.546	30.726	33.437	2.000	500	2.000					2.000	2.000					1	1					UBND huyện Chương Mỹ	Hoàn thiện HTKT ngoài hàng rào phía Bắc KCN Phú Nghĩa. DA không sử dụng hết TMĐT do giảm tính phí GPMB từ 30.726m xuống 8.394 m.d
4	Xây dựng Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lượng Hà Nội	1	Thạch Thất	2013-2017	17000m2	1871/QĐ-UBND 27/02/2013	198.321		40.434	88.000			55.000	33.000			88.000	88.000					1			1			Sở Công thương	Vốn Bộ Công thương cấp 42.400tr.d DP: 28.663 tỷ đồng. Xây dựng trường đào tạo cán bộ quản lý năng lượng với số lượng 250 học viên/năm
5	Xây dựng đường gom nội đường Dầu Từ-Sài Đồng A ra quốc lộ 5	1	Long Biên, Gia Lâm	2010-2016	L=1150m; B=16,25m	128/QĐ-UBND 12/01/2010	133.594	67.637	56.871	22.000	10.000	12.700	9.300				22.000	22.000					1	1					Ban quản lý các dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	DA không sử dụng hết TMĐT do GPMB giảm từ 67.637m xuống 31.000 m.d Công trình hoàn thành năm 2016. Năm 2017 bố trí vốn thanh, quyết toán.
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	2					163.747	36.878	33.900	107.000	24.400	107.000					107.000	107.000					2	2						
1	Xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nội Quốc lộ 1A với đường cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ, đoạn qua Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội	1	Phủ Xuyên	2.016	L=750m; B=44 đến 45,5m	3054/QĐ-UBND 02/7/2015	89.172	25.910	23.900	60.000	14.400	60.000					60.000	60.000					1	1					Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất HN	Hoàn thiện HTKT ngoài hàng rào KCN hỗ trợ Nam Hà Nội
2	Xây dựng hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (giai đoạn I)	1	Phủ Xuyên	2.016	18000m3/h	5032/QĐ-UBND 06/10/2015	74.575	10.968	10.000	47.000	10.000	47.000					47.000	47.000					1	1					UBND huyện Phú Xuyên	Đảm bảo tiêu chuẩn nước cho KCN hỗ trợ Nam Hà Nội
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						694.788	257.968		604.000	257.968			110.000	210.000	284.000	604.000	604.000												
B	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI	1					287.841	68.033	500	267.500	68.033	7.000	8.000	146.000	106.500		267.500	267.500					1		1					
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015																													
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	1					14.750		500	14.000			6.000	8.000			14.000	14.000					1		1					
1	Xây dựng Nhà kho tạm giữ hàng hóa, phương tiện vi phạm thuộc Chi cục quản lý thị trường Hà Nội	1	Hà Đông	2016	3874m2	6957/QĐ-UBND 17/12/2015	14.750		500	14.000			6.000	8.000			14.000	14.000					1		1				Sở Công thương	Năm 2016 đã bố trí 6 tỷ đồng, dự kiến bổ sung kế hoạch vốn 8 tỷ đồng để hoàn thành công trình trong năm 2018
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						273.091	68.033		253.500	68.033	1.000		146.000	106.500		253.500	253.500												
C	LĨNH VỰC DU LỊCH						190.500			188.000				133.000	55.000		188.000	188.000												
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015																													
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																													
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						190.500			188.000				133.000	55.000		188.000	188.000												
	KHÖI NÖNG NGHIỆP VÀ PTNT	65					18.522.175	1.772.199	4.385.988	11.642.432	1.561.441	2.272.567	1.640.700	1.761.655	2.954.303	3.013.207	11.642.432	10.031.214	470.034		466.184	675.000	65	34	24	4		3		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	39					13.769.777	1.466.989	4.344.218	7.775.077	1.256.131	1.905.167	1.173.000	943.000	1.850.000	1.903.910	7.775.077	6.263.859	470.034		466.184	575.000	39	25	10	1		3		

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/dã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Chí chủ	
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPP	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	26					1.267.147	201.482	26.991	999.800	201.482	352.200	467.700	179.900			999.800	899.800					100.000	26	9	14	3			
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỘT GIAI ĐOẠN 2017-2020						3.485.251	103.728	14.779	2.867.555	103.728	15.200		638.755	1.104.303	1.109.297	2.867.555	2.867.555												
A	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN	7					598.368	52.730	293.150	125.000		75.000	50.000				125.000	125.000						7	5	3				
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	5					505.365	52.730	292.550	77.000		53.000	24.000				77.000	77.000						5	4	1				
1	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tại Tây Đằng, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2012-2016	51ha	605/QĐ-KH&ĐT 29/10/2010	20.450		15.500	10.000		10.000					10.000	10.000					1	1					UBND huyện Ba Vì	NSTP: 27,57 tỷ
2	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung tại Tân Phú, huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2013-2016	65ha	2669/QĐ-UBND 24/10/2012	58.609		6.000	10.000		10.000					10.000	10.000					1	1					UBND huyện Quốc Oai	NSTP: 16,3 tỷ Rà soát, điều chỉnh dự án
3	Xây dựng HTKT phục vụ phát triển khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Trung Tú, Đông Tân, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2013-2016	232,2ha	5352/QĐ-UBND 29/10/2010	140.559		66.500	15.000		15.000					15.000	15.000					1	1					UBND huyện Ứng Hòa	NSTP: 73,7 tỷ
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ sở giải mã gia súc, gia cầm tập trung tại xã Bình Minh huyện Thanh Oai	1	Thanh Oai	2013-2016	4,3ha	4972/QĐ/UBND 31/10/2012	111.872	41.996	65.480	18.000		18.000					18.000	18.000					1	1					UBND huyện Thanh Oai	
5	Xây dựng công trình quản lý và phòng cháy chữa cháy rừng huyện Sóc Sơn (giai đoạn I)	1	Sóc Sơn	2008-2010		4680/QĐ-UBND 02/11/2007; 3121/QĐ-UBND 31/7/2008	164.875	10.734	139.070	24.000						24.000		24.000					1		1				UBND huyện Sóc Sơn	Đã hoàn thành gói I A, B, 3 trong tổng số 6 gói thầu xây lắp, 02/5 gói cơ bản hoàn thành Số KHDĐT đã có văn bản đề nghị huyện Sóc Sơn báo cáo chỉ tiết (31/10/2016), đến nay chưa nhận được báo cáo
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	2					93.003		600	48.000		22.000	26.000				48.000	48.000					2	1	1					
1	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung tại xã Hà Hồi, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2014-2016	51,2ha	359/QĐ-KHĐT 23/10/2013	30.000		300	12.000		12.000					12.000	12.000					1	1					UBND huyện Thường Tín	NSTP: 12,8 tỷ
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nuôi trồng thủy sản tập trung xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2014-2017	93,2ha	5057/QĐ-UBND 22/8/2013	63.003		300	36.000		10.000	26.000				36.000	36.000					1		1				UBND huyện Thường Tín	NSTP: 37,984 tỷ
B	LĨNH VỰC DỆ DÌU	17					2.665.907	126.037	515.166	1.798.638	54.486	444.383	231.000	446.755	330.500	346.000	1.798.638	1.650.455	148.183				17	10	6	1				
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	10					1.288.496	118.251	506.688	609.183	46.800	371.183	195.000	43.000			609.183	461.000	148.183				10	6	3	1				
1	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực Đan Thê - Tổng Bạt	1	Ba Vì	2012-2016	1.080m	2051/QĐ-SNN 29/8/2012	42.598	4.800	25.200	15.000	4.800	15.000					15.000	15.000					1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	
2	Cải tạo, nâng cấp đê Minh Khánh	1	Ba Vì	2011-2016	10.778m	5268/QĐ-UBND 25/10/2010	156.639	16.032	119.200	25.000		25.000					25.000	25.000					1	1					UBND huyện Ba Vì	Rà soát, điều chỉnh dự án
3	Củng cố bờ đê bao xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	1	Đan Phượng	2013-2017	3.670m cơ đê	1184/QĐ-UBND 08/2/2011; 7063/QĐ-UBND 22/12/2015	89.304	10.883	63.400	25.000		10.000	15.000				25.000	25.000					1	1					UBND huyện Đan Phượng	Dự án hoàn thành năm 2016, năm 2017 bố trí vốn thanh toán khối lượng đã thực hiện (dự án được phê duyệt điều chỉnh ngày 22/12/2015)
4	Đã kê chống sạt lở và củng cố mặt bờ kênh Văn Đình thị trấn Văn Đình huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2013-2016	2.500m	5091/QĐ-UBND 30/10/2011	62.900		32.200	25.000		25.000					25.000	25.000					1	1					UBND huyện Ứng Hòa	
5	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà, hữu Hồng huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2012-2018	44.912m	5076/QĐ-UBND 31/10/2011	256.766	42.671	40.408	150.000	32.000	47.000	60.000	43.000			150.000	150.000					1			1			Sở Nông nghiệp và PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/2/2016 Rà soát, chỉ giám quy mô đầu tư (chỉ thực hiện những đoạn qua khu dân cư)
6	Cải tạo, nâng cấp mặt đê tả Hồng đoạn từ K53+600 đến K60+850, huyện Đông Anh	1	Đông Anh	2013-2017	7.250m	4872/QĐ-UBND 25/10/2012	86.692	5.389	26.274	55.000		35.000	20.000				55.000	55.000					1			1			Sở Nông nghiệp và PTNT	
7	Tu bổ, nâng cấp đê bao hữu Bùi, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2013-2018	19.400m	4999/QĐ-UBND 28/10/2011	182.630	38.576	41.300	125.000	10.000	40.000	85.000				125.000	125.000					1			1			Sở Nông nghiệp và PTNT	
8	Kê chống sạt lở kết hợp làm đường giao thông bờ hữu sông Đáy từ hạ lưu cầu Tề Tiểu đến bệnh viện huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	2012-2016	1.242 m	35/QĐ-KHĐT 21/01/2010; 318/QĐ-KHĐT 27/9/2013	44.497		12.500	13.000		13.000					13.000	13.000					1	1					UBND huyện Mỹ Đức	Rà soát, chỉ giám quy mô phân đã được xử lý cấp bách
9	Xử lý tổng thể khu vực sạt lở khu vực kè Thanh An và hai đầu cầu Đường (GD1)	1	Long Biên, Gia Lâm	2015-2017	5720 m	437/QĐ-UBND 28/01/2015	238.212		105.769	90.534		90.534					90.534	13.000	77.534				1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án sử dụng nguồn ngân sách TW hỗ trợ
10	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội (đoạn từ K2+030 đến K8+300 đi Văn Cốc, huyện Phúc Thọ, huyện Đan Phượng)	1	Phúc Thọ, Đan Phượng	2015-2017	6.542m	494/QĐ-UBND 30/01/2015	128.258		40.437	85.649		70.649	15.000				85.649	15.000	70.649				1			1			Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án sử dụng nguồn ngân sách TW hỗ trợ
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	7					121.399	7.295	6.020	105.000	7.295	69.000	36.000				105.000	105.000					7	4	3					
1	Đà Tu sửa kéo dài kè Xuyên Dương để tả Đáy xã Xuân Dương huyện Thanh Oai	1	Thanh Oai	2016-2017	973,5m	348/QĐ-KH&ĐT 31/10/2011	25.183	6.011	1.150	22.000	6.011	8.000	14.000				22.000	22.000					1			1			UBND huyện Thanh Oai	
2	Đã kê chống sạt lở bờ tả sông Đáy xã Sơn Công huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2016-2017	1.557m	292/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	18.456	500	1.200	15.000	500		15.000				15.000	15.000					1			1			UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ trước giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số, ngày QĐ	TAIDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
3	ĐA Kê chống sạt lở bờ và sông Đáy xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2016-2017	959m	293/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	18.372		870	16.000		16.000					16.000	16.000					1	1					UBND huyện Ứng Hòa	
4	Cải tạo, nâng cấp mố đá Vĩn Cốc huyện Đan Phượng (K10+250 - K11+800 và K13+100 - K13+375)	1	Đan Phượng	2016	1.300m	401/QĐ-KH&ĐT 23/12/2014	8.531			8.000		8.000					8.000	8.000					1	1					UBND huyện Đan Phượng	
5	Kê chống sạt lở bờ hữu sông Đáy khu vực sạt đường 419, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	2016	600m	146/QĐ-KHDT 18/6/2013	14.995	784	800	12.000	784	12.000					12.000	12.000					1	1					UBND huyện Mỹ Đức	
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bồi ngăn lũ kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn xã Văn Phúc – Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2016-2017	4.536m	331/QĐ-KH&ĐT 21/10/2011	23.602			22.000		15.000	7.000				22.000	22.000					1		1				UBND huyện Phúc Thọ	
7	Xử lý sạt lở bờ kênh xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2016	925m	603/QĐ-KHDT 28/10/2010	12.260		2.000	10.000		10.000					10.000	10.000					1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỘT GIAI ĐOẠN 2017-2020						1.256.012	391	2.458	1.084.455	391	4.200		403.755	330.500	346.000	1.084.455	1.084.455												
C	LĨNH VỰC THỦY LỢI	39					13.801.614	1.593.432	3.397.172	8.596.794	1.506.955	1.591.184	1.159.700	1.114.900	2.323.803	2.407.207	8.596.794	7.133.759	321.851		466.184	675.000	39	18	16	3		2		
1	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	22					10.519.630	1.295.908	3.364.480	5.966.894	1.209.431	1.318.984	754.000	700.000	1.550.000	1.643.910	5.966.894	4.603.859	321.851		466.184	575.000	22	14	6			2		
1	Tập nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2011-2020	Tuổi 1600ha, khôi phục 27km lòng sông Tích	4927/QĐ-UBND 06/10/2010, 1054/QĐ-UBND 04/2/2016	4.253.765		1.911.854	2.000.000		241.090	300.000	300.000	600.000	558.910	2.000.000	1.577.059	321.851		101.090		1					1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 Công trình trong diện 2016-2020
2	Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm (tàu Yên Nghĩa)	1	Hà Đông	2015-2020	Tiểu 6300ha	1834/QĐ-UBND 23/02/2013	3.916.491	1.173.486	321.568	3.050.000	1.173.486	315.000	300.000	400.000	950.000	1.085.000	3.050.000	2.475.000				575.000	1					1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Công trình trong diện 2016-2020
3	Nâng cấp trục chính hệ thống thủy lợi sông Nhuệ (đoạn từ vành đai 4 đến hết hệ thống), TP Hà Nội	1	Hà Nội	2009-2016	Tuổi 53.769 ha, Tiểu 107.530 ha	2518/QĐ-UBND 24/12/2007, 2093/QĐ-UBND 18/4/2014	599.056	35.945	194.923	365.094	35.945	365.094					365.094				365.094		1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	Thông báo số 315-TB/TU ngày 23/9/2016 của Thành ủy
4	Di chuyển nâng cấp Trạm bơm Đan Hồi	1	Đan Phượng	2012-2016	Tuổi 500 ha, tiểu 920ha	6525/QĐ-UBND 31/12/2010	121.288	563	100.590	17.000		17.000					17.000	17.000					1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Xém, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2011-2016	Tiểu 1010 ha	2013/QĐ-SNN 30/9/09, 1473/QĐ-SNN 4/10/2010	92.306		57.240	28.000		28.000					28.000	28.000					1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	
6	Trạm bơm Thạch Nhâm	1	Thanh Oai	2011-2016	Tuổi 500ha, tiểu 920ha	2059/QĐ-UBND 10/5/2011	89.929	3.775	56.999	25.000		25.000					25.000	25.000					1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	
7	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Sơn (phần đầu mố)	1	Thạch Thất	2012-2016	Tiểu 1.885 ha	2508/QĐ-UBND 02/6/2011	114.021	21.936	43.800	44.000		44.000					44.000	44.000					1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	
8	Nạo vét sông Giảng huyện Gia Lâm	1	Gia Lâm	2012-2016	9.750m	2012/QĐ-SNN 28/10/2011	48.925	9.400	26.112	15.000		15.000					15.000	15.000					1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	Thông báo số 373-TB/TU ngày 14/9/2016 của Thành ủy
9	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T5, huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức	2012-2016	4.700m	1536/QĐ-SNN 16/6/2011, 2488/QĐ-SNN 08/10/2012	46.671		28.200	10.000		10.000					10.000	10.000					1	1					Sở Nông nghiệp và PTNT	
10	Xây dựng trạm bơm Xóm Cát, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2012-2016	Tuổi 2422 ha	5369/QĐ-UBND 29/10/2010	88.992	11.000	74.515	10.000		10.000					10.000	10.000					1	1					Công ty TNHH MTV DTPT thủy lợi sông Nhuệ	
11	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cấn Hạ, huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2012-2016	Tuổi tiêu 1350 ha	637/QĐ-SNN 26/5/2010, 97/QĐ-KH&ĐT 31/5/2012	96.632	2.377	72.250	15.000		15.000					15.000	15.000					1	1					Công ty TNHH MTV thủy lợi sông Tích	
12	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm đá chiến Xuân Phú, huyện Phúc Thọ	1	Phúc Thọ	2015-2016	Tuổi 900ha	281/QĐ-KH&ĐT 22/10/2012	49.638	200	14.470	30.000		30.000					30.000	30.000					1	1					Công ty TNHH MTV thủy lợi sông Tích	
13	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tuổi, tiểu Hoà Lạc	1	Mỹ Đức	2012-2016	Tiểu 1.820ha	5057/QĐ-UBND 28/10/2011	89.495	7.668	78.168	9.800		9.800					9.800	9.800					1	1					Công ty TNHH MTV DTPT thủy lợi Sông Đáy	Kế hoạch năm 2016 giao từ tháng 12/2015, quyết định kéo dài kế hoạch năm 2015 vào tháng 4/2016 nên để nghỉ mà lại vốn năm 2015 kéo dài. Dự án hoàn thành năm 2016, điều chỉnh kiểm tra điều chỉnh đơn giá dự toán
14	Xây dựng trạm bơm Cửa Đình xã Văn Đức huyện Gia Lâm	1	Gia Lâm	2013-2016	280ha	4459/QĐ-UBND 5/10/2012, 6248/QĐ-UBND 26/11/2014	52.128	227	25.000	18.000		18.000					18.000	18.000					1	1					UBND huyện Gia Lâm	Điều chỉnh giảm KH2016 do chia tách dự án
15	Trạm bơm tiêu Đông Yên	1	Quốc Oai	2011-2016	Tiểu 683ha	395/QĐ-KH&ĐT 29/7/2010, 79/QĐ-KH&ĐT 04/5/2012	56.620	2.459	36.408	15.000		15.000					15.000	15.000					1	1					UBND huyện Quốc Oai	
16	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới hồ Tân Xã huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2013-2016	3749m	349/QĐ-UBND 31/10/2011	44.082	6.571	22.550	13.000		13.000					13.000	13.000					1	1					UBND huyện Thạch Thất	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HIT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ trước/giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTW hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
17	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối và kiến cơ sở hạ tầng kênh trạm bơm Hồng Vân	1	Thường Tín, Thanh Trì, Phú Xuyên	2013-2017	Tuần 9131 ha	5329/QĐ-UBND 28/10/2010	250.542	1.120	102.210	78.000		65.000	13.000				78.000	78.000					1		1				Công ty TNHH MTV DTPT thủy lợi sông Nhuệ	Rà soát, điều chỉnh DA, GDI: 180,0 tỷ (Đầu mối và kênh cấp 1)
18	Kiến cơ sở hạ tầng kết hợp giao thông kênh chính trạm bơm La Khê tại quận Hà Đông, huyện Thanh Oai	1	Hà Đông, Thanh Oai	2011-2017	Tuần 4018 ha	5357/QĐ-UBND 29/10/2010	127.912	2.000	57.250	60.000		25.000	35.000				60.000	60.000					1		1				Công ty TNHH MTV DTPT thủy lợi Sông Đáy	Rà soát, điều chỉnh DA
19	Cải tạo thoát nước sông Pheo, huyện Từ Liêm	1	Bắc Từ Liêm	2012-2017	6.450m	5666/QĐ-UBND 20/12/2006, 2913/QĐ-UBND 27/6/2012	69.990	500	23.250	37.000		10.000	27.000				37.000	37.000					1		1				Công ty TNHH MTV DTPT thủy lợi Hà Nội	
20	Nạo vét kênh dẫn và xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	1	Mê Linh	2013-2017	6940m	5088/QĐ-UBND 28/10/2011	86.737	2.000	28.100	52.000		23.000	29.000				52.000	52.000					1		1				UBND huyện Mê Linh	
21	Nạo vét, củng cố bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2012-2017	2.500m	5370/QĐ-UBND 29/10/2010	166.126		63.500	50.000		25.000	25.000				50.000	50.000					1		1				UBND huyện Ứng Hòa	GDI: 120,0 tỷ Rà soát, cắt giảm quy mô
22	Hồ chứa nước Đồng Bò xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2011-2017	Tuần	5367/QĐ-UBND 29/10/2010, 5366/QĐ-UBND 20/11/2012	52.284	14.681	25.523	25.000			25.000				25.000	25.000					1		1				UBND huyện Quốc Oai	Rà soát, cắt giảm quy mô
11	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	17					1.052.745	194.187	20.371	846.800	194.187	261.200	405.700	179.900			846.800	746.800				100.000	17	4	10	3				
1	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Thượng Lễ	1	Mê Linh	2015-2016	Tiểu 4.500ha	371/QĐ-KH&ĐT 29/10/2013	14.169		900	13.000		13.000					13.000	13.000					1	1					Công ty TNHH MTV DTPT thủy lợi Mê Linh	Phục vụ vùng RAT tập trung xã Văn Yên, Tráng Việt, Tiên Phong
2	Củng cố mặt bờ kênh làm đường giao thông nội đồng kênh tiêu trạm bơm Bái Xuyên huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2015-2016	1.941m	144/QĐ-KH&ĐT 31/5/2011	5.611		100	5.000		5.000					5.000	5.000					1	1					UBND huyện Phú Xuyên	Phục vụ vùng RAT xã Minh Tân
3	Củng cố mặt bờ kênh làm đường giao thông nội đồng kênh tiêu trạm bơm Bái Đô huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2015-2016	2.070m	145/QĐ-KH&ĐT 31/5/2011	6.720		100	6.000		6.000					6.000	6.000					1	1					UBND huyện Phú Xuyên	Phục vụ vùng RAT xã Quang Lăng
4	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hoá hệ thống tưới Hà Đức, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2015-2017	Tuần 1.050ha	4849/QĐ-UBND 25/10/2012	150.125	21.101	3.900	100.000	21.101	100	50.000	49.900			100.000	100.000					1			1			Sở Nông nghiệp và PTNT	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Thượng Vực, Đồng Phú, Văn Võ, Hòa Chính, Phú Nam An, Rà soát, cắt giảm quy mô
5	Xây dựng trạm bơm tưới Thụy Phú II, huyện Phú Xuyên	1	Phú Xuyên	2015-2018	Tuần 4.668ha	4837/QĐ-UBND 24/10/2012	144.834	8.400	1.700	128.400	8.400	33.400	40.000	55.000			128.400	128.400					1			1			Công ty TNHH MTV DTPT thủy lợi sông Nhuệ	Phục vụ vùng thủy sản công nghệ cao xã Trĩ Trung
6	Xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm tiêu Vĩnh Phúc, xã Lập Tuyết, huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2015-2017	Tuần 600ha, tiêu 450ha	289/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	49.987	4.290	1.300	46.000	4.290	16.000	30.000				46.000	46.000					1		1				Công ty TNHH MTV thủy lợi sông Tích	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Lập Tuyết, Tuyết Nghĩa
7	Nâng cấp kênh N2 hồ Đại Lải (đoạn tuyến trên địa bàn huyện Sóc Sơn);	1	Sóc Sơn	2015-2017	6.012m	290/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	45.341	350	3.168	40.000	350	20.000	20.000				40.000	40.000					1		1				Công ty TNHH MTV DTPT thủy lợi Hà Nội	
8	Xây dựng trạm bơm Cầu Đố- Chấn Chím	1	Mỹ Đức	2015-2018	Tiểu 500ha	4850/QĐ-UBND 25/10/2012	71.202	2.000	1.300	51.000	2.000	25.000	26.000				51.000	51.000					1		1				UBND huyện Mỹ Đức	DP: 18,7 tỷ đồng
9	KCH kênh N1 (kênh A trạm bơm Văn Đình) và củng cố kênh kết hợp phát triển giao thông nội đồng huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2015-2017	6.422m	336/QĐ-KH&ĐT 26/10/2011	48.794		1.300	43.000		30.000	13.000				43.000	43.000					1		1				UBND huyện Ứng Hòa	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Trầm Lông, Đại Hùng, Đại Bình
10	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Sơn - Phần kênh và CTTK, huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2015-2018	Tiểu 1.885 ha	2508/QĐ-UBND 02/6/2011; 7938/QĐ-UBND 27/12/2013	285.589	120.000	5.000	205.000	120.000	30.000	100.000	75.000			205.000	105.000				100.000	1			1			UBND huyện Thạch Thất	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Canh Nậu, Hương Ngải; RAT xã Hương Ngải
11	Cải tạo, nâng cấp bờ hữu sông Nhuệ kết hợp giao thông huyện Thanh Oai	1	Thanh Oai	2015-2017	6.094m	2060/QĐ-UBND 10/5/2011	58.985	27.046	303	54.000	27.046	23.000	29.000				54.000	54.000					1		1				UBND huyện Thanh Oai	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Mỹ Hưng, Thanh Thủy, Liên Châu
12	Củng cố mặt kênh kết hợp làm đường giao thông đoạn kênh Từ Văn đến Kiêu Thụy, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2015-2017	3.216m	315/QĐ-KH&ĐT 31/10/2012	47.007	500	1.000	42.000	500	15.000	27.000				42.000	42.000					1		1				UBND huyện Thường Tín	
13	Cải tạo, nâng cấp và củng cố bờ kênh kết hợp giao thông kênh tưới Đồi Trám, kênh tiêu N4b, huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	2015-2017	Tuần 605ha, tiêu 347ha	140/QĐ-KH&ĐT 27/5/2011	36.444	500	100	33.000	500	12.000	21.000				33.000	33.000					1		1				UBND huyện Mỹ Đức	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Tuy Lai, An Mỹ
14	Xây dựng công trình kênh tiêu T0, huyện Đan Phượng	1	Đan Phượng	2015-2017	595m	291/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	29.163	9.000	200	26.400	9.000	14.400	12.000				26.400	26.400					1		1				UBND huyện Đan Phượng	
15	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ Cầu Bái, huyện Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2015-2017	Tuần	557/QĐ-UBND 7/7/2011; 6208/QĐ-UBND 28/10/2013	24.078	1.000		22.000	1.000	7.000	15.000				22.000	22.000					1		1				UBND huyện Sóc Sơn	Phục vụ vùng chè chất lượng cao xã Bắc Sơn

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trung đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTV hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTP	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm:2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
16	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu Ngạc Mỹ - Ngạc Lập - Nghĩa Hương - Lập Tuyết, huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2015-2017	5.100m	369/QĐ-KH&ĐT 12/11/2014; 5837/QĐ-UBND 30/10/2015 4943/QĐ-UBND 09/9/2016	26.446			24.000		1.300	22.700				24.000	24.000					1		1				UBND huyện Quốc Oai	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao Ngạc Mỹ, Ngạc Hương, Lập Tuyết KH2016 điều chỉnh giảm do góp dự án, chưa phê duyệt KHL/CNT
17	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới tiêu Tân Phú - Đại Thành, huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2016	5.300m	350/QĐ-KH&ĐT 31/10/2014	8.250			8.000		8.000					8.000	8.000					1	1					UBND huyện Quốc Oai	
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỐ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						2.239.239	103.337	12.321	1.783.100	103.337	11.000		235.000	773.803	763.297	1.783.100	1.783.100												
D	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	2					1.456.286		180.500	1.122.000		162.000	200.000	200.000	300.000	260.000	1.122.000	1.122.000					2	1				1		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	2					1.456.286		180.500	1.122.000		162.000	200.000	200.000	300.000	260.000	1.122.000	1.122.000					2	1				1		
1	Đo đạc hiện trạng và cắm mốc ranh giới sử dụng đất cho các nông lâm trường, trạm trại và đất rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội	1	Hà Nội	2015-2017	19.427 ha	4719/QĐ-UBND 11/9/2014	53.852		15.000	10.000		10.000					10.000	10.000					1	1					Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1	Hà Nội	2015-2020	101.356ha; 81.442 thửa	6264/QĐ-UBND 27/11/2014	1.402.434		165.500	1.112.000		152.000	200.000	200.000	300.000	260.000	1.112.000	1.112.000					1					1		Sở Tài nguyên và Môi trường
	KHOI BẢO ĐÀO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG	2					2.461.201		881.517	215.500		312.500	439.462	118.538	45.000		215.500	215.500					6	2	2	1				
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	6					1.861.986		881.517	824.000		311.000	439.462	73.538			824.000	824.000					6	2	2	1				
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	1					499.215			1.500		1.500					1.500	1.500												
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỐ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						100.000			90.000				45.000	45.000		90.000	90.000												
A	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	4					1.909.262		757.517	545.500		179.500	292.462	73.538			545.500	545.500					3	1	1	1				
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	3					1.410.047		757.517	544.000		178.000	292.462	73.538			544.000	544.000					3	1	1	1				
1	Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thương mại Hà Nội	1	Tây Hồ	2013-2017	43.698 m2 sàn phục vụ công tác trưng bày, giao dịch công nghệ, thiết bị trong và ngoài nước	4941/QĐ-UBND 30/10/2012; 5218/QĐ-UBND 22/9/2016	795.000		220.000	495.000		130.000	291.462	73.538			495.000	495.000					1			1			Sở KHCHN	Công trình trong năm 2016-2020. Vốn dự phòng theo QĐ phê duyệt TKKT-TĐT là 108.296 triệu đồng. Dự kiến hoàn thành năm 2017, năm 2018 bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ	1	Hồ Lạc	2012-2016	13.600m2 sàn và trang thiết bị phục vụ giám định chuyển giao công nghệ	5092/QĐ-UBND 31/10/2011; 5472/QĐ-UBND 30/9/2016	589.951		525.517	48.000		48.000					48.000	48.000					1	1					Sở KHCHN	Công trình trong năm 2011-2015. Năm 2016 bố trí vốn thanh toán khối lượng công trình hoàn thành (dự phòng theo QĐ phê duyệt TKKT-TĐT là 4.370 triệu đồng)
3	Tăng cường năng lực của Viện KHCHN và Kinh tế xây dựng Hà Nội nhằm nâng cao năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng cho Hà Nội và Vùng Thủ đô	1	Đống Đa	2013-2015	Cải tạo nhà 3 tầng thành 5 tầng, DT thiết bị thí nghiệm, kiểm định tại 03 lĩnh vực: địa kỹ thuật, VLXD, kết cấu công trình	3349/QĐ-SXD 01/6/2012	25.096		12.000	1.000		1.000					1.000	1.000					1		1				Viện KHCHN và Kinh tế xây dựng Hà Nội (Sở Xây dựng)	NSTW bố trí 12 tỷ cho phần thiết bị, NSTP và Kinh tế xây dựng Hà Nội Điều chỉnh KH2016 giảm 1.000 tỷ do TW chưa bố trí vốn.
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	1					499.215			1.500		1.500					1.500	1.500												
I	Trung tâm Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm Hà Nội	1	Đống Đa	2015-2018	4.637m2 sàn và trang thiết bị của phòng công nghệ chế biến và phòng thí nghiệm công nghệ vi sinh	6525/QĐ-UBND 30/10/2013	499.215			1.500		1.500					1.500	1.500											Sở KHCHN	Tạm dừng để nghiên cứu hướng đầu tư mới
B	LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG	3					551.939		124.000	370.000		133.000	147.000	45.000	45.000		370.000	370.000					3	2	1					
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	3					451.939		124.000	280.000		133.000	147.000				280.000	280.000					3	2	1					

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-JIT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020							Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020							Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Chú chú
						Số, ngày QĐ	TAIOT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTV hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:							
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
I	Hệ thống họp trực tuyến phục vụ công tác quản lý, điều hành của Thành phố Hà Nội - giai đoạn 3	1	VPTU, UBND, 585 xã, phường	2013-2015	Mua sắm, bổ sung thiết bị	4519/QĐ-UBND 29/7/2013	99.608		29.000	61.000		61.000					61.000	61.000					1	1						Văn phòng UBND TP	Trên khai theo phương án thuê dịch vụ CNTT theo Thông báo số 372/TB-UBND ngày 26/9/2016 của UBND Thành phố. Bổ sung TB cho Trung tâm điều hành hệ thống họp trực tuyến của TP, 1 số điểm của các xã, ban, ngành, UBND Q,H,TX, mua sắm trung TB ngoại vi phục vụ họp trực tuyến cho 584 xã, phường.
2	Đầu tư mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình Công an TP Hà Nội	1	Hà Nội	2015-2016	DT hệ thống HN truyền hình CA tại 16 điểm	5830/QĐ-BCA-H41 22/10/2013	34.333		15.000	2.000		2.000					2.000	2.000					1	1						Công an thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ
3	Chuyển đổi công nghệ số hóa sản xuất - phát sóng truyền hình Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội: giai đoạn 2013-2015	1	Nam Từ Liêm	2014-2017	Hoàn thiện chuyển đổi dây chuyền SX theo công nghệ số HDTV tại kênh 1 và TB công nghệ số tại các khu vực đầu tư, hầu hết phải sóng tại kênh 2	6485/QĐ-UBND 28/10/2013	317.998		80.000	217.000		70.000	147.000				217.000	217.000					1		1					Đài PT-TH Hà Nội	Để án số hóa truyền hình mặt đất; NSTP đầu tư 299.019 triệu đồng theo Quyết định số 6034/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND TP phê duyệt điều chỉnh TKKT-TĐT của dự án
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																														
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020																														
	KHỐI AN NINH - PCCC - QUỐC PHÒNG - TƯ PHÁP - NỘI CHÍNH																														
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	16					8.888.368	192.500	263.567	6.472.160		277.900	284.500	1.435.760	1.953.000	1.821.000	6.472.160	6.472.160					23	13	8	2					
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	7					550.170		2.250	459.500		387.500	51.000	21.000			459.500	459.500					16	8	7	1					
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						5.987.544	192.500		5.042.260		3.500		1.264.760	1.953.000	1.821.000	5.042.260	5.042.260					7	5	1	1					
A	LĨNH VỰC NỘI CHÍNH																														
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	2					1.801.832		257.921	1.152.900		118.900	24.000	390.000	390.000	230.000	1.152.900	1.152.900					2		2						
1	Xây dựng, cải tạo khu điều dưỡng cán bộ Hà Nội tại Đồ Sơn, Hải Phòng	1	Hải Phòng	2013-2017	2837,8m2	1194/QĐ-UBND 09/3/2011; 3313/QĐ-UBND 16/7/2015	308.202		200.000	102.000		90.000	12.000				102.000	102.000					1		1					Văn phòng Thành ủy Hà Nội	Thông báo số 976/TB-TU ngày 27/5/2015
2	Dự án Nhà khách Ủy ban Thành phố 13-15 Lương Ngọc Quyến	1	Hoàn Kiếm	2013-2017	50 phòng	5137/QĐ-UBND 20/10/2010; 3030/QĐ-UBND 10/5/2013	101.466		57.921	37.400		25.400	12.000				37.400	37.400					1		1					Văn phòng UBND TP	
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																														
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020																														
B	LĨNH VỰC TÒA ÁN																														
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015						1.011.764	157.500		950.000				200.000	370.000	380.000	950.000	950.000													
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																														
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020						1.011.764	157.500		950.000				200.000	370.000	380.000	950.000	950.000													
C	LĨNH VỰC VIỆN KIỂM SÁT																														
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1					491.522	35.000	7.600	429.500		1.500		154.000	154.000	120.000	429.500	429.500					1	1							
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh	1	Đông Anh	2015-2016	Nhà cấp III, 3 tầng	1290/QĐ-VKSTC-VII 25/10/2010; 449/QĐ-VKSTC-VII 28/10/2014	21.522		7.600	1.500		1.500					1.500	1.500					1	1						Viện Kiểm sát nhân dân TP Hà Nội	NSTP hỗ trợ theo QĐ 36/2012/QĐ-UBND

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn để bù trừ/đãi giảm ngân sách đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020							Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTV hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																													
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						470.000	35.000		428.000				154.000	154.000	120.000	428.000	428.000												
D	LĨNH VỰC PCCC	3					1.978.946		362.000	1.427.760		116.000	100.000	174.760	457.000	580.000	1.427.760	1.427.760					3	2		1				
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	3					825.426		362.000	366.000		116.000	100.000	150.000			366.000	366.000					3	2		1				
1	Dự án Đầu tư trang thiết bị PCCC, CNCH và cơ sở vật chất cho các phòng CS PCCC khu vực Đống Đa, Gia Lâm, Thường Tín, Ứng Hòa, Đan Phượng và Thạch Thất.	1	Hà Nội	2015-2018		6516/QĐ-UBND 30/10/2013	707.307		320.000	350.000		100.000	100.000	150.000			350.000	350.000					1			1			Cảnh sát PCCC thành phố Hà Nội	Công trình trong điểm 2011-2015
2	Dự án: Đầu tư xây dựng công trình trụ sở phòng CS PC&CC Long Biên	1	Long Biên	2015-2016		293/QĐ-H41-H45 24/10/2014	42.331		15.000	6.000		6.000					6.000	6.000					1	1					Cảnh sát PCCC thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ 50%
3	Dự án: Đầu tư xây dựng công trình trụ sở phòng CS PC&CC Cầu Giấy	1	Cầu Giấy	2015-2016		291/QĐ-H41-H45 24/10/2014	75.788		27.000	10.000		10.000					10.000	10.000					1	1					Cảnh sát PCCC thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ 50%
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016																													
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						1.153.520			1.061.760				24.760	457.000	580.000	1.061.760	1.061.760												
E	LĨNH VỰC AN NINH	6					1.466.301		154.733	984.500		165.500	30.000	166.000	332.000	291.000	984.500	984.500					6	3	3					
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	4					398.538		152.483	149.500		120.500	29.000				149.500	149.500					4	2	2					
1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải gây ô nhiễm môi trường tại Trại tam giác số 1	1	Nam Từ Liêm	2016-2017	500 m3	141/QĐ-H41-H45 21/7/2015	31.424		13.109	17.000		17.000					17.000	17.000					1	1					Công an thành phố Hà Nội	Văn chấp hành B6 509/HĐND-KYNS ngày 03/03/2015 của TT HĐNDTP và văn bản số 1563/UBND-KCH&ĐT ngày 09/3/2015 của UBND TP
2	Xây dựng nhà Công vụ thuộc CATP Hà Nội	1	Tây Hồ	2016		27/QĐ-BCA-H11 01/4/2010	105.567		71.968	24.000		24.000					24.000	24.000					1	1					Công an thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ không quá 50%TMDT
3	Xây dựng cơ sở làm việc CATX Sơn Tây	1	Sơn Tây	2016-2017	350 CBCS	6128/QĐ-H41-H45 23/10/2012; 101/QĐ-UBND ngày 06/5/2016	169.364		33.246	66.500		43.500	23.000				66.500	66.500					1		1				Công an thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ 50%TMDT. Vốn BCA đã cấp 48.246 tỷ đồng.
4	Xây dựng cơ sở làm việc CAH Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	2016-2017	315 CBCS	4516/QĐ-BCA-H41 27/10/2011; 88/QĐ-H41-H45 ngày 22/4/2016	92.183		34.160	42.000		36.000	6.000				42.000	42.000					1		1				Công an thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ 50%TMDT. Vốn BCA đã cấp 34,16 tỷ đồng.
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	2					97.667		2.250	46.000		45.000	1.000				46.000	46.000					2	1	1					
1	Xây dựng cơ sở làm việc CAH Mê Linh	1	Mê Linh	2017	320 CBCS	6257/QĐ-H41-H45 24/10/2012; 213/QĐ-H41-H45 ngày 31/8/2016	49.037		500	22.000		21.000	1.000				22.000	22.000					1		1				Công an thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ 50%TMDT. Vốn BCA đã cấp 7,5 tỷ đồng.
2	Xây dựng cơ sở làm việc CAH Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2016	320 CBCS	4663/QĐ-H41-H45 31/10/2011	48.610		1.750	24.000		24.000					24.000	24.000					1	1					Công an thành phố Hà Nội	NSTP hỗ trợ 50%TMDT. Nguồn vốn còn lại Bộ CA cấp, trong đó năm 2016 đã cấp 8,7 tỷ đồng.
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						970.096			789.000				166.000	332.000	291.000	789.000	789.000												
F	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG	11					2.138.003		181.313	1.527.500		576.000	130.500	351.000	250.000	220.000	1.527.500	1.527.500					11	7	3	1				
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	6					695.500		181.313	314.000		233.500	80.500				314.000	314.000					6	3	3					
1	STN.02.3	1	Hà Nội	2013-2016		235/QĐ-UBND 28/12/2012; 339/QĐ-UBND 02/12/2014	103.850		68.313	21.500		21.500					21.500	21.500					1	1					Bộ TLTD	TP đầu tư
2	STN.01.1	1	Hà Nội	2014-2017		230/QĐ-UBND 30/10/2013	95.676		15.000	56.000		20.000	36.000				56.000	56.000					1		1				Bộ TLTD	TP đầu tư
3	Xây dựng doanh trại sư đoàn BB301/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1	Hà Đông	2015-2017		333/QĐ-BQP 18/6/2015	285.000		30.000	147.000		109.000	38.000				147.000	147.000					1		1				Bộ TLTD	TP hỗ trợ 50% - khoảng 142.300 triệu đồng
4	Xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	2013-2016		3152/QĐ-BQP 10/8/2015	65.000		23.000	30.000		30.000					30.000	30.000					1	1					Bộ TLTD	TP hỗ trợ
5	Xây dựng trường bắn khu vực Hòa Thạch/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1	Quốc Oai	2012-2017		3372/QĐ-TM 31/10/2011	72.458		9.500	26.500		20.000	6.500				26.500	26.500					1		1				Bộ TLTD	TP hỗ trợ

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IIT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Khả năng cân đối Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020						Công trình hoàn thành 2016-2020					Chủ đầu tư	Chí chủ		
						Số, ngày QĐ	TMDT	Trong đó: GPMB		Tổng số vốn	Trong đó: GPMB	Trong đó:					Tổng số vốn	NSTP	Vốn NSTV hỗ trợ	ODA	TPCP	Vốn tín dụng DTPT	Tổng số	Trong đó:						
												Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
6	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - an ninh thành phố Hà Nội (g.đ.1)	1	Hà Nội	2011-2016		4193/QĐ-HQP 29/10/2010	73.016		35.500	33.000		33.000					33.000	33.000					1	1					Bà TLTD	TP hỗ trợ
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016	5					452.503			413.500		342.500	50.000	21.000			413.500	413.500					5	4		1				
1	Mở rộng Trung tâm giáo dục QP-AN TP Hà Nội	1	Sơn Tây	2016-2018		902/QĐ-BQP 14/3/2016	205.000			166.000		95.000	50.000	21.000			166.000	166.000					1			1			Bà TLTD	TP đầu tư
2	Xây dựng doanh trại tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 6 và kho vũ khí thuộc 692/BB301	1	Sơn Tây	2016		484/QĐ-BQP 02/02/2016	147.000			147.000		147.000					147.000	147.000					1	1					Bà TLTD	TP hỗ trợ
3	Khu huấn luyện bơi Trung đoàn 692/BB301/ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1	Sơn Tây	2016 - 2017		2495/QĐ-BTL 26/9/2016	28.000			28.000		28.000					28.000	28.000					1	1					Bà TLTD	TP đầu tư
4	Cải tạo, nâng cấp đường hạ tầng, trạm biến áp cơ quan BTL	1	Hà Nội	2016 - 2017		1661/QĐ-BTL 12/7/2016	13.003			13.000		13.000					13.000	13.000					1	1					Bà TLTD	TP hỗ trợ
5	Cải tạo, nâng cấp Nhà trung tâm Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1	Cầu Giấy	2016 - 2017		1712/QĐ-BTL 08/7/2016	59.500			59.500		59.500					59.500	59.500					1	1					Bà TLTD	TP hỗ trợ
III	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020						990.000			800.000				330.000	250.000	220.000	800.000	800.000												

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÂN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt		Lũy kế số vốn đã giải ngân từ KC đến 31/01/2016	Mức vốn KH năm 2015 sang năm 2016	Dự kiến phân bổ Kế hoạch vốn ngân sách trung ương hỗ trợ 5 năm 2016-2020					Công trình hoàn thành năm	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số, ngày QĐ	TMĐT			Tổng số vốn	Trong đó:							
										Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ					4.620.235	1.970.787	87.273	1.209.800	148.183	84.050	324.000	325.000	328.567			
I	Dự phòng								120.980			40.000	40.000	40.980			
II	Bổ trí thu hồi các khoản ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2015 chưa bố trí nguồn để thu hồi								427.986		25.000	132.000	133.000	137.986			
II.1	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng								25.000		25.000						
1	Trường bản Đồng Dơi								25.000		25.000						
II.2	Các dự án, chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội								136.811			45.000	45.000	46.811			
II.3	Các dự án thủy lợi cấp bách								70.000			22.000	23.000	25.000			
1	Dự án Xử lý sạt lở, ổn định bờ hệ thống sông Đà, sông Hồng vùng hạ lưu sau đập thủy điện Hòa Bình								70.000			22.000	23.000	25.000			
II.4	Các dự án giao thông cấp bách								196.175			65.000	65.000	66.175			
1	Mở rộng đường Láng Hòa Lạc								196.175			65.000	65.000	66.175			
III	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ								190.800		20.000	57.000	57.000	56.800			Triển khai thực hiện không theo quy định của Luật Đầu tư công
IV	Phân bổ cho các dự án					4.620.235	1.970.787	87.273	470.034	148.183	39.050	95.000	95.000	92.801			
1	Xử lý tổng thể khu vực sạt lở khu vực kè Thanh Am và hai đầu cầu Đường (GD1)	Long Biên, Gia Lâm	2015-2017	5720 m	437/QĐ-UBND ngày 28/01/2015	238.212	57.900	47.869	77.534	77.534					2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	KH năm 2016 NSTP đã bố trí thêm 13 tỷ đồng để dự án hoàn thành năm 2016
2	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội (đoạn từ K2+030 đến K8+800 đê Văn Cốc, huyện Phúc Thọ, huyện Đan Phượng)	Phúc Thọ, Đan Phượng	2015-2017	6.542m	494/QĐ-UBND ngày 30/01/2015	128.258	37.851	2.586	70.649	70.649					2017	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch năm 2017 dự kiến bố trí thêm 15 tỷ đồng vốn NSTP để hoàn thành
3	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì	Ba Vì	2011-2020	Tuổi 16000ha, khôi phục 27km lòng sông Tích	4927/QĐ-UBND ngày 06/10/2010	4.253.765	1.875.036	36.818	321.851		39.050	95.000	95.000	92.801	2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch năm 2016 đã bố trí vốn trái phiếu Chính phủ 101,09 tỷ đồng và trong giai đoạn 2016-2020 dự kiến bố trí 1.577,06 tỷ đồng vốn NSTP để hoàn thành công trình trong năm 2020

CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA THÀNH PHỐ MÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 ĐÃ TẬP TRUNG THỰC HIỆN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011-2015				DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 CỦA CẤP THÀNH PHỐ				Ghi chú
		Số dự án triển khai	Số dự án hoàn thành	Kinh phí	Tỷ lệ %	Số dự án triển khai	Số dự án dự kiến hoàn thành	Kinh phí	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG (A+B)	956	778	82.818.750		280	274	90.909.557		
A	VỐN CHO CÁC QUỸ, CHI TRẢ NỢ, THANH QUYẾT TOÁN VÀ DỰ PHÒNG			2.886.891				10.518.986		
	Vốn cho các quỹ, chi trả nợ, thanh quyết toán			2.886.891				1.427.986		
	Vốn dự phòng							9.091.000		
B	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ 16, CÁC CHƯƠNG TRÌNH THÀNH ỦY, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020	956	778	79.931.859	100,00%	280	274	80.390.571	100,00%	
	Trong đó: Công trình trọng điểm					24	17	24.645.874		Trong đó dự kiến có 8 công trình mới
I	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ VÀ CHƯƠNG TRÌNH SỐ 06-CTR/TU VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG	287	230	49.396.375	61,80%	97	94	45.033.409	56,02%	
	Trong đó: Công trình trọng điểm					13	7	16.680.874		Trong đó dự kiến có 5 công trình mới
1	Thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực hạ tầng giao thông, chống ùn tắc giao thông	171	154	32.693.206	40,90%	28	27	19.732.101	24,55%	
2	Thực hiện chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông			1.130.594	1,41%			1.000.000	1,24%	
3	Thực hiện mục tiêu chống úng ngập, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường	60	47	4.605.103	5,76%	18	16	8.269.953	10,29%	
4	Xây dựng hạ tầng tại các xã bị thu hồi đất xây dựng công trình trọng điểm của trung ương và Thành phố trên địa bàn và xây dựng bãi rác thải tập trung của Thành phố			1.164.207	1,46%			606.000	0,75%	
5	Thực hiện mục tiêu xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng, tạo không gian phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao giá trị đất đai và thu hút vốn đầu tư xã hội	56	29	4.478.765	5,60%	51	51	8.025.355	9,98%	
6	Hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã để đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng có ý nghĩa lớn của địa phương theo Nghị quyết của HĐND Thành phố			5.324.500	6,66%			7.400.000	9,21%	
II	THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỐ 02-CTR/TU VỀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			3.905.449	4,89%			5.430.000	6,75%	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới lồng ghép thực hiện Xây dựng hạ tầng tại các xã, thôn, vùng đồng bào dân tộc miền núi theo Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 thực hiện chính sách dân tộc miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ			3.905.449	4,89%			5.430.000	6,75%	
III	THỰC HIỆN CÁC NHÓM CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ, CHƯƠNG TRÌNH SỐ 03-CTR/TU VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020	211	177	8.487.504	10,62%	56	56	11.365.294	14,14%	
	Trong đó: Công trình trọng điểm					2	2	5.050.000		

STT	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011-2015				DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 CỦA CẤP THÀNH PHỐ				Ghi chú
		Số dự án triển khai	Số dự án hoàn thành	Kinh phí	Tỷ lệ %	Số dự án triển khai	Số dự án dự kiến hoàn thành	Kinh phí	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất và giá trị xuất khẩu của ngành công nghiệp	11	6	443.635	0,56%	7	7	1.066.000	1,33%	
2	Góp phần nâng cao giá trị ngành thương mại dịch vụ	3	3	127.000	0,16%	1	1	455.500	0,57%	
3	Góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp	197	168	7.916.869	9,90%	48	48	9.843.794	12,24%	
IV	THỰC HIỆN CÁC NHÓM CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA XÃ HỘI THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ, CHƯƠNG TRÌNH SỐ 04-CTR/TU VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020	284	224	12.371.772	15,48%	87	84	10.291.070	12,80%	
	<i>Trong đó: Công trình trọng điểm</i>					9	8	2.915.000		<i>Trong đó dự kiến có 3 công trình mới</i>
1	Đầu tư xây dựng trường công lập đạt chuẩn theo chỉ tiêu 5 năm	64	53	3.160.671	3,95%	19	18	3.330.564	4,14%	
2	Đầu tư xây dựng bệnh viện công lập để đến năm 2020 cùng với công tác xã hội hóa, đạt chỉ tiêu về số giường bệnh	76	62	4.369.311	5,47%	28	28	3.480.000	4,33%	
3	Đầu tư để thực hiện chỉ tiêu về lao động qua đào tạo	20	14	737.878	0,92%	6	6	617.000	0,77%	
4	Đầu tư đảm bảo an sinh xã hội, phát triển văn hóa, thể thao	99	76	1.691.402	2,12%	27	26	1.942.006	2,42%	
5	Đầu tư phát triển khoa học công nghệ, công nghệ thông tin truyền thông	25	19	2.412.510	3,02%	7	6	921.500	1,15%	
V	THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỐ 05-CTR/TU VỀ AN NINH QUỐC PHÒNG VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 49 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ	68	52	2.861.896	3,58%	23	23	6.472.160	8,05%	
1	Xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc ngành Tòa án nhân dân Thành phố							950.000	1,18%	
2	Xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	1		7.600	0,01%	1	1	429.500	0,53%	
3	Đầu tư trang thiết bị PCCC, cứu hộ, cứu nạn, Xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở điều hành, ứng trực chiến đấu cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy Thành phố	5	2	1.050.000	1,31%	3	3	1.427.760	1,78%	
4	Xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo trụ sở trụ sở điều hành, ứng trực chiến đấu và thiết bị xử lý môi trường tại trại tạm giam, tạm giữ thuộc lực lượng Công an Thành phố	36	32	746.000	0,93%	6	6	984.500	1,22%	
5	Đầu tư xây dựng công trình phòng thủ, doanh trại ứng trực chiến đấu thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô	24	18	689.000	0,86%	11	11	1.527.500	1,90%	
6	Đầu tư nâng cấp một số công trình trụ sở cơ quan quan trọng cấp bách phải đầu tư	2		369.296	0,46%	2	2	1.152.900	1,43%	
VI	ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH ĐẢM BẢO AN TOÀN ĐỀ ĐIỀU VÀ HỒ ĐẬP	106	95	2.908.863	3,64%	17	17	1.798.638	2,24%	

Ghi chú: Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 xác định kế hoạch vốn tổng cộng cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 và dự án khởi công mới năm 2016 chuyển tiếp sang thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 và các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2017-2020.

-Số dự án trong biểu mới chỉ tính số dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 và dự án khởi công mới năm 2016 chuyển tiếp sang thực hiện trong giai đoạn 2017-2020.

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN ODA THEO HIỆP ĐỊNH ĐÃ KÝ KẾT DỰ KIẾN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMBT	Trong đó: GPMB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	KHÔI ODA	20					94.649.988	10.200.801	18.688.346	72.108.734		1. Vốn ODA theo dự kiến tại văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ KHĐT. 2. Nhu cầu vốn ODA giai đoạn 2016 - 2020 là 63.962 tỉ đồng mới đảm bảo hoàn thành được các dự án theo Hiệp định
	Vốn ODA						73.133.266		9.171.655	63.789.021		
	Vốn trong nước						21.516.723	10.200.801	9.516.691	8.319.713		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	13					88.915.593	10.195.278	18.666.809	67.189.318		Nhu cầu vốn ODA dự kiến: 59.265 tỷ đồng
II	DỰ ÁN KHÔI CÔNG NĂM 2016	4					5.650.393	5.523	17.000	4.848.539		Nhu cầu vốn ODA dự kiến: 4.697 tỷ đồng
III	DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỖI GIAI ĐOẠN 2017-2020	3					84.002		4.537	70.877		
A	LĨNH VỰC HẠ TẦNG GTĐT	10					60.980.389	6.181.448	8.732.920	52.254.445		
	Vốn ODA						47.344.384		4.196.152	46.636.640		
	Vốn trong nước						13.636.005	6.181.448	4.536.768	5.617.805		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	5					60.691.214	6.181.448	8.728.383	52.146.415		
	Vốn ODA						47.125.864		4.196.152	46.571.020		
	Vốn trong nước						13.565.350	6.181.448	4.532.231	5.575.395		
1	Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội	1	Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2008-2020	12,5km (trên cao 8,5km, đi ngầm 4km)	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013	32.910.000	974.000	2.509.021	19.007.860	Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020; Theo tiến độ HĐ dự án hoàn thành 2018; Giá trị phân bổ đã tính trên cơ sở 1 số gói thầu đã kí HĐ và dự toán.
	Vốn ODA					Tr.đó vay lại 746 tr.USD/958 tr.USD	26.804.500		1.924.945	16.054.860		
	Vốn trong nước						6.105.500	974.000	584.076	2.953.000		
2	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	1	Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2014-2020	Cải tạo và XD hệ thống tiếp cận của 12 ga tuyến 3; XD 02 điểm trung chuyển; thí điểm sd bus thân thiện MT	3921/QĐ-UBND 23/7/2014	1.296.900		7.000	915.860	Sở GTVT	Đang điều chỉnh tiến độ dự án và KHLCNT cho phù hợp với tiến độ của dự án Tuyến ĐSĐT Hà Nội đoạn Nhón - Ga Hà Nội

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ/tri/đã giải ngân đến hết năm 2015	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMĐT	Trong đó: GPMB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Vốn ODA				1USD=22.000VNĐ	Tr.đó vay lại 16,153 tr.USD/53,15 tr.USD	1.169.300			798.360		
	Vốn trong nước						127.600		7.000	117.500		
3	Dự án Phát triển GTĐT Hà Nội (WB)	1	Ba Đình, Tây Hồ, Cầu Giấy, Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông	2007-2016	6,4km đường VĐT; 1 tuyến BRT	1837/QĐ-UBND 10/5/2007; 1821/QĐ-UBND 22/2/2013; 826/QĐ-UBND 18/2/2016 (không bao gồm hạng mục XD khu TĐC CT1: 580.265 tr VNĐ)	6.858.376	3.895.448	5.452.934	1.388.800	Sở GTVT	Công trình trọng điểm 2011-2015
	Vốn ODA						2.613.729		1.729.604	1.132.800		
	Vốn trong nước						4.244.647	3.895.448	3.723.330	256.000		
4	HTKT Tăng cường năng lực Cơ quan quản lý ĐSĐT Hà Nội và Thành lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến ĐSĐT trên địa bàn TP HN	1	Hà Nội	2013-2016		1971/QĐ-UBND 4/3/2013; 6642/QĐ-UBND 12/12/2014	70.938		6.432	1.500	Công ty TNHH ITV Đường sắt Hà Nội	
	Vốn ODA						62.335					Vốn ODA GN trực tiếp cho TV Nhật
	Vốn trong nước						8.603		6.432	1.500		
5	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1	Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2009-2022 (dự kiến)	11,5km (8,5km ngầm và 3km trên cao)	2054/QĐ-UBND 13/11/2008	19.555.000	1.312.000	752.996	30.832.395	Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020 Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2020
	Vốn ODA				1VND=0,00385 Yên tại thời điểm trình thẩm định (tỉ giá đồng Yên biến động theo từng đợt giải ngân)	Tr. Đó vay lại 250 triệu/1,3 tỷ USD (Theo TMĐT cũ và cơ chế cũ CP đã phê duyệt)	16.476.000		541.603	28.585.000		Chính phủ đang xem xét đề xuất của Thành phố Hà Nội v/v phê duyệt dự án điều chỉnh và tiếp tục thực hiện dự án
	Vốn trong nước					GPMB cũ 1.312 tỷ đồng; DP: 529 tỷ	3.079.000	1.312.000	211.393	2.247.395		
II	DỰ ÁN KHÔI CÔNG NĂM 2016	2					205.173			37.153		
	Vốn ODA						186.900			34.000		
	Vốn trong nước						18.273			3.153		
1	Hỗ trợ phát triển hệ thống thẻ vé liên thông cho VTCC Hà Nội	1	Hà Nội	2016-2018		2347/QĐ-UBND 16/5/2016	68.253			3.153	Sở GTVT	

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMĐT	Trong đó: GPMB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Vốn ODA					350 triệu Yên Nhật	65.100					Vốn ODA giải ngân trực tiếp cho TV Nhật
	Vốn trong nước						3.153			3.153		
2	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội	1	Hà Nội	2015-2018		5141/QĐ-UBND 09/10/2015	136.920			34.000	Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Chủ tịch nước đã phê duyệt HĐ, chuẩn bị ký trong tháng 12/2016
	Vốn ODA					1USD=21.000	121.800			34.000		
	Vốn trong nước						15.120					Vốn đối ứng là nguồn sự nghiệp
III	DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020	3					84.002		4.537	70.877		
	Vốn ODA						31.620			31.620		
	Vốn trong nước						52.382		4.537	39.257		
1	XD tuyến đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến 3, đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai	1	Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai	2014-2017	8km	QĐ phê duyệt CBĐT số 348/QĐ-TTg-QHQT ngày 6/3/2009; 657-TB/TU ngày 14/8/2013 và QĐ số 6749/QĐ-UBND ngày 7/11/2013	71.672		242	62.842	Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020 Giai đoạn thực hiện đầu tư chưa ký kết hiệp định vay vốn ODA nên chưa ghi vốn; giai đoạn THDA dự kiến ADB sẽ tài trợ khoảng 450tr. USD, còn lại đang xúc tiến vốn ODA của các nhà tài trợ khác
	Vốn ODA						31.620			31.620		Vốn ODA được GN trực tiếp cho TV và do ADB quản lý
	Vốn trong nước						40.052		242	31.222		
2	Tuyến đường sắt đô thị TPHN tuyến 2, đoạn Trần Hưng Đạo - Thượng Đình	1	Hai Bà Trưng, Đống Đa, Thanh Xuân	2008 - 2016	6km	QĐ phê duyệt CBĐT số 2166/QĐ-UBND ngày 3/6/08; 2322/QĐ-UBND ngày 25/5/2010; 1567/QĐ-UBND ngày 25/3/2014; 657-TB/TU ngày 14/8/2013	12.330		4.295	8.035	Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020 Giai đoạn thực hiện đầu tư chưa được cam kết vốn ODA (dự kiến JICA tài trợ)
	Vốn ODA											
	Vốn trong nước						12.330		4.295	8.035		
3	Tuyến đường sắt đô thị TPHN đoạn Nam Thăng Long - Nội Bài	1	Sóc Sơn, Đông Anh, Tây Hồ	2017-2023							Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 25.000-30.000 tỷ đồng. Đề xuất đầu tư dự án từ nguồn đất giá đất tập trung có quy mô lớn, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi thường xuyên. Trường hợp khó khăn không thể cân đối từ các nguồn vốn trên, Thành phố sẽ xem xét huy động Trái phiếu xây dựng Thủ đô
	Vốn ODA											
	Vốn trong nước											

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMĐT	Trong đó: GPMB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
B	LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC - MÔI TRƯỜNG	7					33.151.097	4.001.226	9.688.573	19.649.933		
	Vốn ODA						25.578.320		4.938.503	17.013.381		
	Vốn trong nước						7.572.777	4.001.226	4.750.070	2.636.552		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	5					27.705.877	3.995.703	9.671.573	14.838.547		
	Vốn ODA						20.783.262		4.921.503	12.382.363		
	Vốn trong nước						6.922.615	3.995.703	4.750.070	2.456.184		
1	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - dự án II	1	Hà Nội	2006-2016	77,5km; 310mm/2 ngày	2304/QĐ-UBND 12/6/2008; 2940/QĐ-UBND 28/6/2012	9.393.856	3.178.803	8.072.774	600.000	Sở Xây dựng	Công trình trọng điểm 2011-2015
	Vốn ODA						5.631.023		3.751.726	500.000		
	Vốn trong nước						3.762.833	3.178.803	4.321.048	100.000		GPMB trong TMĐT là dự kiến. UBND TP đã có văn bản cho tiếp tục GN theo thực tế các PA đã phê duyệt.
2	Dự án Xây dựng hệ thống xử lý chất thải công nghiệp để phát điện	1	Sóc Sơn	2013-2017	75 tấn/ngày	1837/QĐ-UBND 25/02/2013; 6659/QĐ-UBND 3/12/2015	645.202		577.665	104.300	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị HN	
	Vốn ODA						472.188		472.000			Vốn ODA giải ngân trực tiếp cho nhà thầu Nhật Bản
	Vốn trong nước						173.014		105.665	104.300		
3	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng, vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) của TP Hà Nội	1	Ba Vì, Phúc Thọ, Mỹ Đức, Thanh Oai, Thường Tín, Chương Mỹ, Mê Linh	2013-2017	23,950m3/ ng đêm (7 công trình cấp nước tập trung)	Cụ thể theo các QĐ của dự án đã phê duyệt 06/07 dự án và 01 dựa sn theo quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư	754.592	17.298	216.131	312.323	Sở NN&PTNT, Sở Y tế, Sở GD&ĐT	TMĐT bao gồm vốn XDDB và SNKT
	Vốn ODA					QĐ số 2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012 của Bộ NNPTNT; tr.đó vay lại 8,919 tr.USD/30,577 tr.USD vốn ODA	670.175		205.520	305.623		
	Vốn trong nước					Bao gồm 10% /tổng vốn ODA và 67.119 tr. đồng)	84.417	17.298	10.611	6.700		- Chưa tính phần đối ứng do dân đóng góp 10% trong KH 5 năm
4	Dự án xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	1	Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm	2012-2017	12m3/giây; 8m3/giây và 9m3/giây	4956/QĐ-UBND 26/10/2011	618.783	39.602	432.442	138.824	Công ty TNHH MTV Thoát nước HN	
	Vốn ODA					9,94 tr. Euro	300.834		252.194	48.640		
	Vốn trong nước						317.949	39.602	180.248	90.184		

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ tri/đã giải ngân đến hết năm 2015	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMĐT	Trong đó: GPMB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1	Thanh Trì	2013-2021	270.000m3/ ngày đêm	7051/QĐ-UBND 20/11/2013	16.293.444	760.000	372.561	13.683.100	Sở Xây dựng	Công trình trọng điểm 2016-2020 Năm 2016 tập trung cho công tác GPMB Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2020 theo Hiệp định
	Vốn ODA						13.709.042		240.063	11.528.100		
	Vốn trong nước						2.584.402	760.000	132.498	2.155.000		
II	DỰ ÁN KHÔI CÔNG NĂM 2016	2					5.445.220	5.523	17.000	4.811.386		
	Vốn ODA						4.795.058		17.000	4.631.018		
	Vốn trong nước						650.162	5.523		180.368		
1	Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực tả sông Nhuệ	1	Hà Nội	2013-2016	53,4km; 70m3/ ng đêm	5676/UBND-KHĐT ngày 23/7/2012; 4631/UBND-KHĐT ngày 25/6/2014; 694/VPCP-QHQT ngày 18/01/2015; 6711/UBND-XDGT ngày 22/9/2015	52.000		17.000	1.000	Sở Xây dựng	KH năm 2016 giao trong phần vốn ODA của dự án Thoát nước HN - dự án 2
	Vốn ODA						52.000		17.000	1.000		
	Vốn trong nước											
2	Dự án Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước trực đường Láng – Hoà Lạc (phạm vi Thành phố Hà Nội) sử dụng nước sạch sông Đà	1	36 xã, 01 thị trấn thuộc 03 huyện: Hoài Đức, Thạch Thất và Quốc Oai	2015-2021	- XD 12 tuyến ống truyền dẫn 75,79km đường kính DN300-DN 1200; XD 463,369km tuyến ống phân phối DN 90-DN 300; 965,697km đường ống dịch vụ DN50-63; Lắp đặt 95.831 đồng hồ; XD trạm bơm tăng áp cs 30.000m3/ng đêm	5093/QĐ-UBND 08/10/2015	5.393.220	5.523		4.810.386	Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	UBND Thành phố đã có văn bản số 5401/UBND-KHĐT ngày 19/9/2016 gửi Văn phòng CP và các cơ quan bộ, ngành và 5400/UBND-KHĐT ngày 19/9/2016 gửi nhà tài trợ (ADB) về việc dừng dự án
	Vốn ODA						4.743.058			4.630.018		
	Vốn trong nước						650.162	5.523		180.368		
C	LĨNH VỰC Y TẾ, GD-ĐT, CNTT, KHÁC	3					518.502	18.127	266.853	204.356		
	Vốn ODA						210.562		37.000	139.000		
	Vốn trong nước						307.940	18.127	229.853	65.356		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	3					518.502	18.127	266.853	204.356		

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/đã giải ngân đến hết năm 2015	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMĐT	Trong đó: GPMB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Vốn ODA						210.562		37.000	139.000		
	Vốn trong nước						307.940	18.127	229.853	65.356		
1	Hợp phần Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây thuộc dự án Phát triển Bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II	1	Sơn Tây	2013-2016		4472/QĐ-UBND 26/7/2013	89.186		2.500	87.400	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	
	Vốn ODA						77.186			77.000		
	Vốn trong nước						12.000		2.500	10.400		
2	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc TP Hà Nội	1	Đông Anh	2008-2017	7,4ha	718/QĐ-UBND 12/9/2008; 2093/QĐ-UBND 28/4/2016	426.724	18.127	264.353	116.400	Sở LĐTBXH	Dự án hoàn thành QII/2017
	Vốn ODA					6 triệu USD	131.340		37.000	62.000		
	Vốn trong nước					DP:3262,4 tr VND	295.384	18.127	227.353	54.400		
3	Cải tạo, nâng cấp các nhà nuôi dưỡng của Lăng trẻ em Birla Hà Nội	1	Cầu Giấy	2015-2016	XD phần mái 4 khu nhà nuôi trẻ; lắp đặt hệ thống bể nước và ống thoát nước	1090/QĐ-UBND 10/3/2015	2.592			556	Sở LĐTBXH	
	Vốn ODA						2.036					
	Vốn trong nước						556			556		